

Canon

EOS 760 

EOS 760D (W)



Hướng dẫn
sử dụng

Giới thiệu

EOS 760D là loại máy ảnh kỹ thuật số phần xạ ống kính đơn được trang bị cảm biến CMOS chuẩn xác với độ phân giải hình ảnh khoảng 24,2 megapixel, DIGIC 6, hệ thống lấy nét tự động chính xác tốc độ cao 19 điểm (Điểm AF chữ thập: tối đa 19 điểm), chụp liên tục khoảng 5,0 fps, chụp Live View, quay phim độ phân giải cao (Full HD) và chức năng Wi-Fi/NFC.

Trước khi bắt đầu chụp, đảm bảo đọc kỹ những điều sau

Để tránh làm hỏng ảnh và xảy ra tai nạn, trước tiên tham khảo phần “Cảnh báo an toàn” (tr.20-22) và “Những điều cần chú ý khi thao tác” (tr.23-25). Ngoài ra, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này để đảm bảo sử dụng máy ảnh đúng cách.

Tham khảo Hướng dẫn sử dụng khi sử dụng máy ảnh để làm quen với máy

Khi đọc hướng dẫn sử dụng, chụp thử vài kiểu ảnh và xem kết quả. Điều này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về máy ảnh. Cũng đảm bảo cất giữ hướng dẫn sử dụng cẩn thận để tham khảo lại khi cần.

Kiểm tra máy ảnh trước khi sử dụng và tìm hiểu trách nhiệm pháp lý

Sau khi chụp, bạn nên xem lại và kiểm tra xem ảnh đã được ghi chính xác chưa. Nếu máy ảnh hay thẻ nhớ bị lỗi dẫn đến không thể ghi hoặc tải ảnh xuống máy tính, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc những bất tiện xảy ra.

Bản quyền

Luật bản quyền tại quốc gia sở tại có thể cấm sử dụng ảnh hoặc nhạc có bản quyền cũng như ảnh kèm theo nhạc lưu trong thẻ nhớ cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích giải trí cá nhân. Ngoài ra, lưu ý rằng một số hoạt động công cộng như biểu diễn, triển lãm, v.v... có thể cấm chụp ảnh ngay cả khi dùng vào mục đích giải trí cá nhân.

Danh sách vật dụng

Trước khi bắt đầu, kiểm tra để đảm bảo tất cả các vật dụng sau được đi kèm máy ảnh. Nếu thiếu bất kỳ vật dụng nào, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng.



Máy ảnh

(Kèm vành đỡ mắt và nắp thân máy)

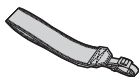


**Pin
LP-E17**

(Kèm nắp bảo vệ)



**Sạc pin
LC-E17E***



Dây đeo to bản



Cáp nối



**Đĩa EOS DIGITAL
Solution Disk**
(Phần mềm và
Hướng dẫn
sử dụng phần mềm)

* Sạc pin LC-E17E đi kèm với máy ảnh. (Có kèm theo dây nguồn.)

- Hướng dẫn sử dụng kèm theo được liệt kê ở trang sau.
- Nếu bạn mua bộ kèm ống kính, kiểm tra để đảm bảo có ống kính đi kèm.
- Tùy thuộc vào loại bộ ống kính, hướng dẫn sử dụng ống kính có thể được đi kèm.
- Chú ý tránh làm mất các vật dụng nêu trên.



Hướng dẫn sử dụng ống kính (PDF) chỉ dành cho các ống kính bán riêng. Lưu ý rằng khi mua bộ kèm ống kính, một số phụ kiện đi kèm với ống kính có thể không khớp với danh sách được liệt kê trong Hướng dẫn sử dụng ống kính.

Hướng dẫn sử dụng



Hướng dẫn sử dụng cơ bản về máy ảnh và chức năng Wi-Fi/NFC

Sổ tay là Hướng dẫn sử dụng cơ bản.

Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) chi tiết hơn từ trang web của Canon.

Tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF)

1 Tải xuống Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF).


- Kết nối internet và truy cập trang web dưới đây của Canon.
www.canon.com.vn/localizedmanual
- Chọn quốc gia hoặc khu vực cư trú của bạn và tải xuống Hướng dẫn sử dụng.

Các Hướng dẫn sử dụng có thể tải xuống

- Hướng dẫn sử dụng máy ảnh
- Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC

2 Xem Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF).

- Nhấp đúp vào Hướng dẫn sử dụng đã tải xuống (tập tin PDF) để mở.
- Để xem Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF), cần cài đặt Adobe Acrobat Reader DC hoặc phần mềm xem PDF khác của Adobe (nên sử dụng phiên bản mới nhất)..
- Bạn có thể tải miễn phí Adobe Acrobat Reader DC từ Internet.
- Để tìm hiểu về cách sử dụng phần mềm xem PDF, tham khảo mục Trợ giúp của phần mềm.

 Bạn còn có thể tham khảo Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF) trong đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (tr.3).

Thẻ nhớ tương thích

Máy ảnh có thể sử dụng các loại thẻ nhớ sau với dung lượng bất kỳ:
Nên định dạng thẻ mới hay thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn (tr.65).

- Thẻ nhớ SD
 - Thẻ nhớ SDHC*
 - Thẻ nhớ SDXC*
- * Có hỗ trợ thẻ UHS-I.

Thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, cần sử dụng thẻ SD dung lượng lớn từ thẻ SD Speed Class 6 “CLASS 6” trở lên.

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm khi quay phim, phim có thể không được ghi chính xác. Ngoài ra, nếu xem lại phim trên thẻ có tốc độ đọc chậm, phim có thể không được phát lại chính xác.
- Nếu muốn chụp ảnh trong khi quay phim, bạn cần dùng thẻ nhớ có tốc độ cao hơn.
- Để kiểm tra tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.

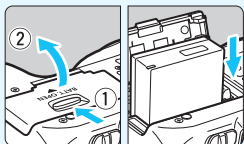


Trong hướng dẫn sử dụng này, từ “thẻ” dùng để chỉ thẻ nhớ SD, thẻ nhớ SDHC và thẻ nhớ SDXC.

* **Máy ảnh không kèm theo thẻ để ghi ảnh/phim.** Vui lòng mua riêng thẻ.

Hướng dẫn bắt đầu nhanh

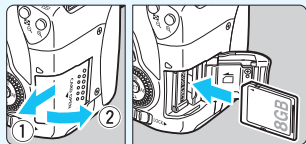
1



Lắp pin (tr.38).

- Để sạc pin, tham khảo trang 36.

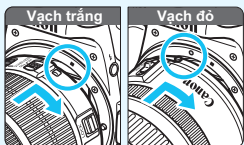
2



Lắp thẻ (tr.39).

- Hướng nhãn trên thẻ quay về mặt sau của máy ảnh, rồi cắm thẻ vào khe.

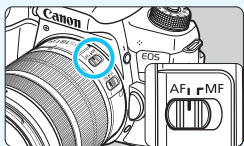
3



Lắp ống kính (tr.47).

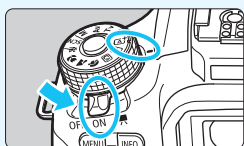
- Điều chỉnh cho vạch trắng hoặc vạch đỏ của ống kính trùng với vạch màu tương ứng trên máy ảnh.

4



Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.47).

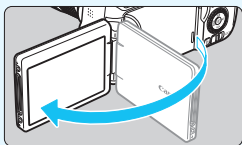
5



Đặt công tắc nguồn thành <ON>, rồi đặt nút xoay chế độ thành <A+> (Tự động nhận cảnh thông minh) (tr.76).

- Xoay nút xoay chế độ trong lúc nhấn giữ nút nhà khóa ở giữa.
- Tất cả cài đặt cần thiết cho máy ảnh sẽ được tự động thiết lập.

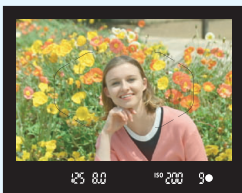
6



Mở màn hình LCD (tr.41).

- Khi màn hình LCD hiển thị màn hình cài đặt ngày/giờ/múi giờ, tham khảo trang 44.

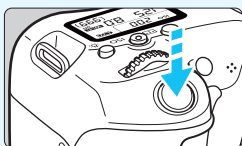
7



Lấy nét chủ thể (tr.52).

- Nhìn vào khung ngắm và hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể.
- Đèn flash tích hợp sẽ nâng lên nếu cần.

8



Chụp ảnh (tr.52).

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

9














Xem ảnh.

- Ảnh chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.
- Để hiển thị lại ảnh, nhấn nút <▶> (tr.107).

- Để chụp trong khi nhìn vào màn hình LCD, tham khảo phần “Chụp Live View” (tr.203).
- Để xem ảnh đã chụp, tham khảo phần “Xem ảnh” (tr.107).
- Để xóa ảnh, tham khảo phần “Xóa ảnh” (tr.322).

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn


- <> : Biểu thị nút xoay chính.
- <> : Biểu thị nút xoay điều khiển nhanh.
- <><><><> : Biểu thị hướng thay đổi hoặc di chuyển khi nhấn nút trên nút xoay điều khiển nhanh.
- <> : Biểu thị nút cài đặt.
- , , ,  : Biểu thị từng chức năng vẫn tiếp tục hoạt động trong 4 giây, 6 giây, 10 giây hoặc 16 giây sau khi nhả nút chức năng.

* Trong hướng dẫn này, các biểu tượng và dấu biểu thị các nút, nút xoay và cài đặt của máy ảnh tương ứng với các biểu tượng và dấu trên máy ảnh và trên màn hình LCD.

MENU : Biểu thị chức năng có thể điều chỉnh bằng cách nhấn nút <MENU> để thay đổi cài đặt.

☆ : Khi hiển thị ở phía trên bên phải trang, biểu tượng này biểu thị chức năng chỉ có thể sử dụng trong chế độ vùng sáng tạo (tr.31).

(tr.**): Số trang tham khảo để tìm hiểu thông tin.

 : Cảnh báo để tránh vấn đề trục trặc khi chụp ảnh.

 : Thông tin bổ sung.

 : Gợi ý hoặc lời khuyên để chụp tốt hơn.

?: Hướng dẫn giải quyết vấn đề trục trặc.

Giả định cơ bản

- Tất cả thao tác được giải thích trong hướng dẫn giả định rằng công tắc nguồn đã đặt thành <ON> và công tắc <LOCK▶> được gạt sang trái (Nhả khóa đa chức năng) (tr.55).
- Giả định tất cả thiết lập menu và chức năng tùy chỉnh, v.v... đã đặt ở chế độ mặc định.
- Hình minh họa trong hướng dẫn này lấy ví dụ máy ảnh lắp ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM.

Chương

| | | |
|-----------|---|-----|
| | Giới thiệu | 2 |
| 1 | Hướng dẫn bắt đầu | 35 |
| 2 | Chụp cơ bản và xem ảnh | 75 |
| 3 | Thiết lập kiểu chụp và AF | 109 |
| 4 | Thiết lập ảnh | 125 |
| 5 | Thao tác nâng cao | 157 |
| 6 | Chụp ảnh với đèn flash | 175 |
| 7 | Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) | 203 |
| 8 | Quay phim | 235 |
| 9 | Tính năng tiện dụng | 273 |
| 10 | Xem ảnh | 295 |
| 11 | Xử lý hậu kỳ ảnh | 329 |
| 12 | In ảnh | 337 |
| 13 | Tùy chỉnh máy ảnh | 353 |
| 14 | Tham khảo | 365 |
| 15 | Tài ảnh xuống máy tính | 429 |



Nội dung sơ lược

Chụp

- **Chụp tự động** → **tr.75-106** (Chế độ vùng cơ bản)
- **Chụp liên tục** → **tr.122** (📷 Chụp liên tục)
- **Chụp ảnh nhóm có cả bạn** → **tr.124** (🕒 Chụp hẹn giờ)
- **Làm dừng chuyển động** → **tr.160** (Tv Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)
- **Làm mờ chuyển động**
- **Làm mờ hậu cảnh** → **tr.82** (CA Tự động sáng tạo)
- **Giữ hậu cảnh rõ nét** → **tr.162** (Av Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ)
- **Điều chỉnh độ sáng ảnh (độ phơi sáng)** → **tr.169** (Bù trừ phơi sáng)
- **Chụp trong điều kiện ánh sáng yếu** → **tr.76, 176** (⚡ Chụp ảnh có flash)
tr.132 (Cài đặt tốc độ ISO)
- **Chụp không sử dụng flash** → **tr.81** (📷 Flash tắt)
tr.99 (🔋 Flash tắt)
- **Chụp pháo hoa vào ban đêm** → **tr.166** (Phơi sáng bulb)
- **Chụp trong khi xem màn hình LCD** → **tr.203** (📺 Chụp Live View)
- **Sử dụng bộ lọc sáng tạo** → **tr.212** (Bộ lọc sáng tạo)
- **Quay phim** → **tr.235** (🎥 Quay phim)

Chất lượng ảnh

- **Chụp với các hiệu ứng hình ảnh phù hợp với chủ thể** → **tr.135** (Kiểu ảnh)
- **Tạo bản in ảnh kích thước lớn** → **tr.126** (📄 L, 📄 L, RAW)





- **Chụp nhiều ảnh** → tr.126 (▲ S1, ■ S1, S2, S3)

AF (Lấy nét)

- **Thay đổi chế độ chọn vùng AF** → tr.114 (☒ Chế độ chọn vùng AF)
- **Chụp chủ thể chuyển động** → tr.89, 91, 112 (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)

Phát lại

- **Xem ảnh trên máy ảnh** → tr.107 (▶ Xem)
- **Tìm kiếm ảnh nhanh** → tr.296 (☒ Hiển thị bảng kê)
tr.297 (🔍 Duyệt ảnh)
- **Xếp hạng ảnh** → tr.302 (Xếp hạng)
- **Ngăn các ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa** → tr.320 (🔒 Bảo vệ ảnh)
- **Xóa ảnh không cần thiết** → tr.322 (🗑️ Xóa)
- **Tự động xem ảnh và phim** → tr.312 (Trình chiếu)
- **Xem ảnh hoặc phim trên TV** → tr.316 (Ngõ ra hình)
- **Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD** → tr.276 (Độ sáng màn hình LCD)
- **Áp dụng hiệu ứng đặc biệt cho ảnh** → tr.330 (Bộ lọc sáng tạo)

In

- **In ảnh dễ dàng** → tr.337 (In trực tiếp)



Danh mục các tính năng

Thiết bị nguồn

- Pin
 - Sạc pin → tr.36
 - Lắp/Tháo → tr.38
 - Kiểm tra pin → tr.43
 - Kiểm tra thông tin pin → tr.368
- Ổ điện gia đình → tr.369
- Tự động tắt nguồn → tr.42

Thẻ

- Lắp/Tháo → tr.39
- Định dạng thẻ → tr.65
- Nhà màn trập khi không lắp thẻ → tr.274

Ống kính

- Lắp/Tháo → tr.47
- Zoom → tr.48
- Hệ thống ổn định hình ảnh → tr.50

Cài đặt cơ bản

- Điều chỉnh độ khúc xạ → tr.51
- Ngôn ngữ → tr.46
- Ngày/Giờ/Múi giờ → tr.44
- Tiếng bíp → tr.274

Màn hình LCD

- Sử dụng màn hình LCD → tr.41
- Tự động bật/tắt LCD → tr.289
- Điều chỉnh độ sáng → tr.276
- Màn hình cảm ứng → tr.62

Ghi ảnh

- Tạo/chọn thư mục → tr.277
- Đánh số thứ tự tập tin → tr.279

AF (Lấy nét tự động)

- Thao tác AF → tr.110
- Chế độ chọn vùng AF → tr.114
- Chọn điểm AF → tr.116
- Lấy nét chính tay → tr.121

Kiểu chụp

- Kiểu chụp → tr.122
- Chụp liên tục → tr.122
- Chụp hẹn giờ → tr.124
- Số ảnh chụp liên tục tối đa → tr.128

Chất lượng ảnh

- Chất lượng ghi ảnh → tr.126
- Kiểu ảnh → tr.135
- Cân bằng trắng → tr.142
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng → tr.146
- Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu → tr.148
- Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao → tr.147
- Hiệu chỉnh quang sai của ống kính → tr.150
- Giảm nhấp nháy → tr.154
- Ưu tiên tông màu sáng → tr.357
- Không gian màu → tr.156

Chụp

- Chế độ chụp → tr.31
- Hướng dẫn tính năng → tr.73
- Tốc độ ISO → tr.132
- Tỷ lệ cỡ ảnh → tr.130
- Phơi sáng bulb → tr.166
- Chế độ đo sáng → tr.167
- Khóa gương lật → tr.173
- Điều khiển từ xa → tr.370

Chỉnh phơi sáng

- Bù trừ phơi sáng → tr.169
- AEB → tr.170
- Khóa phơi sáng → tr.172

Flash

- Flash tích hợp → tr.176
- Đèn flash ngoài → tr.181
- Thiết lập chức năng flash → tr.183
- Chụp không dây → tr.191

Chụp Live View

- Chụp Live View → tr.203
- Thao tác AF → tr.218
- Phương pháp AF → tr.220
- Lấy nét liên tục → tr.216
- Chạm để chụp → tr.228
- Bộ lọc sáng tạo → tr.212

Quay phim

- Quay phim → tr.235
- Phương pháp AF → tr.220
- Kích thước ghi phim → tr.247
- Lấy nét Servo phim → tr.265
- Ghi âm → tr.268
- Phơi sáng chỉnh tay → tr.239
- Chụp ảnh → tr.244
- Zoom số → tr.250
- Phim HDR → tr.251
- Hiệu ứng thu nhỏ → tr.253
- Video quay nhanh → tr.255

Phát lại

- Thời gian xem lại ảnh → tr.275
- Hiện thị từng ảnh → tr.107
- Hiện thị thông tin chụp → tr.324
- Hiện thị bảng kê → tr.296
- Duyệt ảnh
(Hiện thị nhảy ảnh) → tr.297
- Xem phóng to → tr.298
- Xoay ảnh → tr.301
- Xếp hạng → tr.302
- Phát lại phim → tr.308
- Trình chiếu → tr.312
- Xem ảnh trên TV → tr.316
- Bảo vệ ảnh → tr.320
- Xóa → tr.322

Chỉnh sửa ảnh

- Bộ lọc sáng tạo → tr.330
- Thay đổi cỡ ảnh → tr.333
- Cắt ảnh → tr.335

In ảnh

→ tr.340

Tùy chỉnh

- Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) → tr.354
- Danh mục riêng → tr.364

Phần mềm

→ tr.429






Chức năng Wi-Fi/NFC

- Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC

Nội dung

| | |
|---|----------|
| Giới thiệu | 2 |
| Danh sách vật dụng | 3 |
| Hướng dẫn sử dụng | 4 |
| Thẻ nhớ tương thích | 5 |
| Hướng dẫn bắt đầu nhanh | 6 |
| Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn | 8 |
| Chương | 9 |
| Nội dung sơ lược | 10 |
| Danh mục các tính năng | 12 |
| Nội dung | 14 |
| Cảnh báo an toàn | 20 |
| Những điều cần chú ý khi thao tác | 23 |
| Tên bộ phận | 26 |

1 **Hướng dẫn bắt đầu** **35**

| | |
|---|----|
| Sạc pin | 36 |
| Lắp và tháo pin | 38 |
| Lắp và tháo thẻ | 39 |
| Sử dụng màn hình LCD | 41 |
| Bật nguồn | 42 |
| Thiết lập ngày, giờ và múi giờ | 44 |
| Chọn ngôn ngữ giao diện | 46 |
| Lắp và tháo ống kính | 47 |
| Hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính | 50 |
| Thao tác cơ bản | 51 |
|  Điều khiển nhanh chức năng chụp | 57 |
|  Thao tác với menu | 59 |
|  Sử dụng màn hình cảm ứng | 62 |
| Định dạng thẻ | 65 |
| Chuyển hiển thị màn hình LCD | 67 |
|  Hiển thị khung lưới | 69 |
|  Hiển thị cân bằng điện tử | 70 |
| Hiển thị nhận diện nhấp nháy | 72 |
| Hướng dẫn tính năng | 73 |

2 Chụp cơ bản và xem ảnh 75





| | | |
|------------|--|-----|
| | Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)..... | 76 |
| | Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh) | 79 |
| | Tắt flash | 81 |
| | Chụp tự động sáng tạo | 82 |
| | Chụp chân dung..... | 86 |
| | Chụp phong cảnh | 87 |
| | Chụp cận cảnh..... | 88 |
| | Chụp chủ thể chuyển động..... | 89 |
| SCN | Chế độ cảnh đặc biệt | 90 |
| | Chụp trẻ em | 91 |
| | Chụp đồ ăn..... | 92 |
| | Chụp chân dung dưới ánh nền | 93 |
| | Chụp chân dung ban đêm (Với chân máy) | 94 |
| | Chụp cảnh đêm (Cầm tay)..... | 95 |
| | Chụp cảnh ngược sáng..... | 96 |
| | Điều khiển nhanh | 98 |
| | Chụp theo lựa chọn môi trường..... | 100 |
| | Chụp theo kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh..... | 104 |
| | Xem ảnh..... | 107 |

3 Thiết lập kiểu chụp và AF 109



| | | |
|-----------|--|-----|
| AF | Thay đổi thao tác lấy nét tự động (Thao tác AF)..... | 110 |
| | Chọn vùng và điểm AF | 114 |
| | Chế độ chọn vùng AF | 117 |
| | Chủ thể khó lấy nét..... | 120 |
| | MF : Lấy nét tay..... | 121 |
| | Chọn kiểu chụp | 122 |
| | Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ | 124 |

4 Thiết lập ảnh 125



| | | |
|------------|--|-----|
| | Thiết lập chất lượng ghi ảnh | 126 |
| | Thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh | 130 |
| ISO | Thay đổi tốc độ ISO để phù hợp với ánh sáng..... | 132 |

| | |
|---|-----|
|  Chọn kiểu ảnh | 135 |
|  Tùy chỉnh kiểu ảnh | 137 |
|  Đăng ký kiểu ảnh..... | 140 |
| WB : Phù hợp với nguồn sáng (Cân bằng trắng) | 142 |
|  Điều chỉnh tông màu cho nguồn sáng..... | 144 |
| Tự động chỉnh độ sáng và độ tương phản (Tự động tối ưu hóa ánh sáng) .. | 146 |
| Thiết lập giảm nhiễu hạt | 147 |
| Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và quang sai của ống kính.... | 150 |
| Giảm nhấp nháy | 154 |
| Thiết lập phạm vi tái tạo màu (Không gian màu)..... | 156 |


5 Thao tác nâng cao 157



| | |
|--|-----|
| P : Phơi sáng tự động P | 158 |
| Tv : Truyền tải chuyển động của chủ thể (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập) | 160 |
| Av : Thay đổi độ sâu trường ảnh (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) ... | 162 |
| Xem trước độ sâu trường ảnh | 164 |
| M : Phơi sáng chỉnh tay | 165 |
|  Thay đổi chế độ đo sáng (Chế độ đo sáng) | 167 |
| Thiết lập bù trừ phơi sáng (Bù trừ phơi sáng)..... | 169 |
| Phơi sáng hỗn hợp tự động (AEB)..... | 170 |
|  Khóa phơi sáng (Khóa phơi sáng) | 172 |
| Khóa gương lật để giảm rung máy ảnh..... | 173 |

6 Chụp ảnh với đèn flash 175


| | |
|---|-----|
|  Sử dụng đèn flash tích hợp | 176 |
|  Sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài | 181 |
| Cài đặt flash | 183 |
| Sử dụng flash không dây | 191 |
| Chụp flash không dây dễ dàng..... | 194 |
| Chụp flash không dây tùy chỉnh | 197 |

7 Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) 203

| | |
|--|-----|
|  Chụp với màn hình LCD..... | 204 |
| Thiết lập chức năng chụp | 210 |


| | |
|--|-----|
|  Áp dụng bộ lọc sáng tạo..... | 212 |
| Thiết lập chức năng menu | 216 |
| Thay đổi thao tác lấy nét tự động (Thao tác AF) | 218 |
| Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF) | 220 |
|  Chụp với Chạm để chụp | 228 |
| MF: Lấy nét tay | 230 |

8 Quay phim 235












| | |
|---|-----|
|  Quay phim | 236 |
| Quay phim phơi sáng tự động..... | 236 |
| Quay phim phơi sáng chính tay..... | 239 |
| Chụp ảnh trong khi quay phim | 244 |
| Thiết lập chức năng quay phim..... | 246 |
| Thiết lập kích thước ghi phim..... | 247 |
| Sử dụng zoom số khi quay phim | 250 |
| Quay phim HDR..... | 251 |
| Quay phim với hiệu ứng thu nhỏ | 253 |
| Quay video quay nhanh | 255 |
| Thiết lập chức năng menu | 265 |

9 Tính năng tiện dụng 273




| | |
|--|-----|
| Tính năng tiện dụng | 274 |
| Tắt tiếng bíp | 274 |
| Trình nhắc thẻ | 274 |
| Đặt thời gian xem lại ảnh | 275 |
| Đặt thời gian tự động tắt nguồn | 275 |
| Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD | 276 |
| Tạo và chọn thư mục | 277 |
| Phương pháp đánh số thứ tự tập tin..... | 279 |
| Cài đặt thông tin bản quyền | 281 |
| Tự động xoay ảnh dọc | 283 |
| Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh | 284 |
| Ngăn màn hình LCD tự động tắt | 289 |
| Thay đổi màu của màn hình thiết lập chụp | 289 |

| | |
|---|-----|
|  Làm sạch cảm biến tự động | 290 |
| Thêm dữ liệu xóa bụi..... | 291 |
| Làm sạch cảm biến bằng tay..... | 293 |





10 Xem ảnh 295

| | |
|--|-----|
|  Tìm kiếm ảnh nhanh chóng | 296 |
|  /  Xem phóng to | 298 |
|  Xem lại bằng màn hình cảm ứng | 299 |
|  Xoay ảnh | 301 |
| Thiết lập xếp hạng | 302 |
|  Điều khiển nhanh trong khi xem | 304 |
|  Thường thức phim | 306 |
|  Xem lại phim | 308 |
|  Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim | 310 |
| Trình chiếu (Tự động phát)..... | 312 |
| Xem ảnh trên TV | 316 |
|  Bảo vệ ảnh | 320 |
|  Xóa ảnh | 322 |
| INFO.: Hiển thị thông tin chụp..... | 324 |

11 Xử lý hậu kỳ ảnh 329

| | |
|---|-----|
|  Áp dụng bộ lọc sáng tạo | 330 |
|  Thay đổi cỡ ảnh JPEG | 333 |
|  Cắt ảnh JPEG..... | 335 |

12 In ảnh 337

| | |
|---|-----|
| Chuẩn bị in | 338 |
|  In ảnh | 340 |
| Cắt ảnh | 345 |
|  Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)..... | 347 |
|  In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in..... | 350 |
|  Chỉ định ảnh cho sách ảnh | 351 |

| | | |
|-----------|--|------------|
| 13 | Tùy chỉnh máy ảnh | 353 |
| | Thiết lập chức năng tùy chỉnh..... | 354 |
| | Thiết lập chức năng tùy chỉnh..... | 356 |
| | C.Fn I : Phơi sáng..... | 356 |
| | C.Fn II : Ảnh..... | 357 |
| | C.Fn III : Lấy nét tự động/Kiểu chụp..... | 358 |
| | C.Fn IV : Thao tác/Khác..... | 361 |
| | Đăng ký Danh mục riêng..... | 364 |
| 14 | Tham khảo | 365 |
| | Chức năng nút INFO..... | 366 |
| | Kiểm tra thông tin pin..... | 368 |
| | Sử dụng ổ điện gia đình..... | 369 |
| | Chụp điều khiển từ xa..... | 370 |
| | 📶 Sử dụng thẻ Eye-Fi..... | 372 |
| | Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp..... | 375 |
| | Sơ đồ hệ thống..... | 381 |
| | Thiết lập menu..... | 383 |
| | Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực..... | 398 |
| | Mã lỗi..... | 412 |
| | Những điều cần chú ý khi thao tác: Ống kính STM (Ống kính bán kèm) ... | 413 |
| | Thông số kỹ thuật..... | 414 |
| 15 | Tải ảnh xuống máy tính | 429 |
| | Tải ảnh xuống máy tính..... | 430 |
| | Giới thiệu về phần mềm..... | 432 |
| | Cài đặt phần mềm..... | 433 |
| | Hướng dẫn sử dụng phần mềm..... | 434 |
| | Chỉ mục..... | 435 |

Cảnh báo an toàn

Chú ý những điều sau để tránh gây hại, chấn thương cho bạn và người khác. Bảo đảm hiểu kỹ và thực hiện theo hướng dẫn trước khi sử dụng sản phẩm.

Nếu có vấn đề trực tiếp hoặc hư hỏng sản phẩm, liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc đại lý bán hàng nơi bạn mua sản phẩm.



Cảnh báo

Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Để tránh hỏa hoạn, nhiệt độ quá nóng, rò rỉ hóa chất, nổ hoặc điện giật, hãy thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Không sử dụng pin, nguồn điện và phụ kiện không được quy định trong hướng dẫn này. Không sử dụng pin tự chế tạo hoặc được chỉnh sửa.
 - Không làm đoản mạch, tháo rời hoặc chỉnh sửa pin. Không đốt nóng hoặc hàn pin. Không để pin tiếp xúc với lửa hoặc nước. Không để pin chịu va chạm vật lý mạnh.
 - Không lắp các cực pin ngược chiều.
 - Không sạc pin trong môi trường có nhiệt độ ngoài phạm vi nhiệt độ cho phép. Ngoài ra, không sạc pin quá thời gian chỉ định trong hướng dẫn sử dụng.
 - Không cắm bất kỳ vật lạ bằng kim loại nào vào các tiếp xúc điện của máy ảnh, phụ kiện, cáp kết nối, v.v...
- Khi vứt bỏ pin, bọc cách ly các tiếp xúc điện bằng băng dính để ngăn tiếp xúc với các vật kim loại hoặc pin khác. Việc này giúp chống cháy nổ.
- Trong khi sạc pin, khói hoặc mùi lạ sẽ phát ra nếu pin quá nóng. Rút phích cắm của sạc pin ra khỏi ổ điện để ngừng sạc nhằm chống cháy nổ. Nếu không, có thể gây cháy, bỏng hoặc điện giật.
- Nếu pin bị rò rỉ, đổi màu, biến dạng hoặc phát ra khói hoặc mùi lạ, cần tháo pin ngay lập tức. Cần thận trọng để bị bỏng trong quá trình xử lý. Có thể gây cháy, điện giật hoặc bỏng da nếu tiếp tục sử dụng.
- Ngăn các chất rò rỉ của pin khỏi tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Các chất này có thể gây mù hoặc các vấn đề da liễu. Nếu chất rò rỉ của pin tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, dùng nhiều nước để xối rửa khu vực bị ảnh hưởng nhưng không được chà xát. Gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Không để bất kỳ dây điện nào gần nguồn nhiệt. Nhiệt có thể làm biến dạng dây điện hoặc làm chảy lớp cách điện và gây cháy hoặc điện giật.
- Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, gộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.
- Không đánh sáng flash vào người đang lái ô tô hay các phương tiện khác. Việc này có thể gây tai nạn.

- Khi không sử dụng máy ảnh hoặc phụ kiện, bảo đảm đã tháo pin và rút dây nguồn khỏi thiết bị trước khi cất giữ, để tránh điện giật, sinh nhiệt, cháy hoặc ăn mòn.
- Không sử dụng thiết bị ở nơi có khí dễ cháy để tránh cháy nổ.
- Nếu bạn đánh rơi thiết bị và vỏ bị vỡ hờ ra để lộ các bộ phận bên trong, không chạm vào các bộ phận bên trong máy, do có khả năng bị điện giật.
- Không tháo rời hoặc chỉnh sửa thiết bị. Các bộ phận điện áp cao bên trong có thể gây điện giật.
- Không nhìn vào mặt trời hoặc nguồn sáng cực chói qua máy ảnh hoặc ống kính. Làm vậy có thể gây hỏng thị lực của bạn.
- Cất giữ thiết bị ngoài tầm với của trẻ em và trẻ sơ sinh, ngay cả khi đang sử dụng thiết bị. Dây đeo hoặc dây điện có thể vô tình gây nghẹt thở, điện giật hoặc chấn thương. Nghẹt thở hoặc chấn thương cũng có thể phát sinh do trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện của máy ảnh. Nếu trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện, cần tham vấn bác sĩ ngay lập tức.
- Không bảo quản hay sử dụng thiết bị ở những nơi nhiều bụi hoặc ẩm ướt. Ngoài ra, luôn gắn nắp bảo vệ khi bảo quản pin để tránh đoản mạch. Làm vậy sẽ tránh được tia lửa, sinh nhiệt, điện giật hoặc cháy.
- Trước khi sử dụng máy ảnh bên trong máy bay hoặc bệnh viện, kiểm tra xem có được phép sử dụng máy ảnh hay không. Sóng điện từ do máy ảnh phát ra có thể gây nhiễu các dụng cụ của máy bay hoặc thiết bị y tế của bệnh viện.
- Để chống cháy và điện giật, thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Luôn cắm hoàn toàn phích cắm điện vào ổ.
 - Không cầm phích cắm điện bằng tay ướt.
 - Khi rút phích cắm điện, cầm chặt và kéo phích cắm thay vì dây điện.
 - Không làm xước, cắt hoặc uốn cong quá mức dây điện hoặc đặt vật nặng lên dây điện. Ngoài ra không vặn hoặc thắt nút dây điện.
 - Không kết nối quá nhiều phích cắm điện vào cùng một ổ điện.
 - Không sử dụng dây điện bị đứt hoặc hỏng lớp cách điện.
- Rút phích cắm điện định kỳ và dùng khăn khô lau sạch bụi bám quanh ổ điện. Nếu xung quanh nhiều bụi, ẩm ướt hoặc có dầu, bụi trên ổ điện có thể bị ẩm và làm đoản mạch ổ điện gây ra cháy.
- Không kết nối trực tiếp pin với nguồn điện hoặc với lỗ châm thuốc trên ô tô. Pin có thể rò rỉ, sinh nhiệt hoặc nổ, gây tia lửa, cháy hoặc gây chấn thương.
- Khi cho trẻ em sử dụng sản phẩm, cần được người lớn hướng dẫn cẩn thận. Luôn giám sát khi trẻ dùng máy. Sử dụng không đúng cách có thể gây điện giật hoặc chấn thương.
- Không để ống kính hoặc máy ảnh có lắp ống kính dưới nắng mà không đóng nắp ống kính. Nếu không, ống kính có thể hội tụ các tia nắng và gây cháy.
- Không dùng vải che hoặc bọc thiết bị. Nhiệt bị tích bên trong sẽ khiến vỏ bị biến dạng hoặc bắt lửa.
- Cẩn thận không để ướt máy ảnh. Nếu đánh rơi máy ảnh vào nước hoặc nếu nước hoặc mảnh kim loại rơi vào trong máy ảnh, nhanh chóng tháo pin để chống cháy và điện giật.
- Không sử dụng chất pha loãng sơn, benzen hoặc dung môi hữu cơ khác để làm sạch sản phẩm. Các chất này có thể gây cháy hoặc nguy hại đối với sức khỏe.



Thận trọng Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể xảy ra hư hỏng hoặc chấn thương.

- Không sử dụng hoặc bảo quản thiết bị ở trong xe dưới nắng nóng hoặc gần nguồn nhiệt. Sản phẩm có thể trở nên nóng và gây bỏng da. Làm vậy cũng có thể gây rò rỉ hoặc nổ pin, làm cho hiệu suất kém đi hoặc tuổi đời sản phẩm bị rút ngắn.
- Không di chuyển máy ảnh khi máy đang lắp vào chân máy. Làm vậy có thể gây chấn thương. Ngoài ra, đảm bảo chân máy đủ vững chắc để đỡ máy ảnh và ống kính.
- Không để sản phẩm trong môi trường nhiệt độ thấp trong thời gian dài. Sản phẩm sẽ trở nên lạnh và có thể gây chấn thương khi tiếp xúc.
- Không đánh sáng flash gần mắt người do có thể gây hại cho mắt.
- Không sử dụng ổ đĩa không thích hợp để chạy đĩa CD-ROM kèm theo. Nếu bạn sử dụng đĩa với máy nghe nhạc CD, có thể gây hỏng loa cùng phụ kiện. Khi sử dụng tai nghe, cũng có thể gây chấn thương tai bởi âm thanh quá lớn.

Những điều cần chú ý khi thao tác

Bảo quản máy ảnh

- Máy ảnh là thiết bị có độ chính xác cao. Không làm rơi máy ảnh hoặc để máy ảnh chịu tác động mạnh.
- Máy ảnh không có khả năng chống thấm nước, vì vậy không thể sử dụng dưới nước. Nếu vô tình làm rơi máy ảnh xuống nước, cần nhanh chóng liên lạc với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon. Lau sạch nước bằng khăn sạch và khô. Nếu máy ảnh tiếp xúc với không khí nhiễm mặn, cần lau sạch máy ảnh bằng vải ẩm vắt kỹ.
- Tuyệt đối không để máy ảnh gần các vật có từ trường mạnh như nam châm hoặc động cơ điện. Ngoài ra, tránh sử dụng hoặc để máy ảnh gần vật phát sóng vô tuyến mạnh như ăng-ten lớn. Từ trường mạnh có thể khiến máy ảnh trục trặc hoặc làm hỏng dữ liệu ảnh.
- Không để máy ảnh tại những nơi có nhiệt độ cao như trong ô tô có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Nhiệt độ cao có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Máy ảnh có hệ thống mạch điện tử chính xác. Tuyệt đối không tự ý tháo rời máy ảnh.
- Không để ngón tay hoặc các vật khác cản trở đèn flash tích hợp và hoạt động của gương lật. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Sử dụng dụng cụ thổi để thổi sạch bụi trên ống kính, khung ngắm, gương phản chiếu và màn hình lấy nét. Không sử dụng chất tẩy rửa có chứa dung môi hữu cơ để vệ sinh máy ảnh hoặc ống kính. Với vết bẩn khó lau, bạn cần mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Không chạm ngón tay vào điểm tiếp xúc điện của máy ảnh. Điều này bảo vệ điểm tiếp xúc khỏi bị mòn. Điểm tiếp xúc bị mòn có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Nếu đột ngột chuyển máy ảnh từ nơi lạnh vào phòng ấm, hơi nước có thể đọng trên máy ảnh và các bộ phận bên trong. Để tránh đọng hơi nước, trước tiên đặt máy ảnh vào túi nhựa kín và để máy thích nghi với nhiệt độ ấm hơn trước khi lấy ra khỏi túi.
- Không sử dụng nếu hơi nước đọng trên máy ảnh. Điều này giúp tránh làm hỏng máy ảnh. Nếu đọng hơi nước, tháo ống kính, thẻ và pin ra khỏi máy ảnh. Chỉ tiếp tục sử dụng máy khi hơi ẩm bay hơi hết.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên tháo pin và bảo quản máy ảnh ở nơi khô ráo, thoáng mát. Trong thời gian cất giữ máy ảnh, thỉnh thoảng nên nhấn nút chụp vài lần để đảm bảo máy ảnh vẫn hoạt động bình thường.

- Tránh cất giữ máy ảnh ở nơi có hóa chất gây gỉ và ăn mòn như trong phòng thí nghiệm hóa học.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên kiểm tra tất cả chức năng máy ảnh trước khi sử dụng. Nếu không sử dụng máy ảnh trong một khoảng thời gian hoặc cần chụp những sự kiện quan trọng, ví dụ: chuyến đi du lịch nước ngoài sắp tới, bạn nên nhờ Trung tâm bảo hành Canon gần nhất hoặc tự mình kiểm tra lại máy ảnh để đảm bảo rằng máy vẫn hoạt động chính xác.
- Máy ảnh có thể bị nóng nếu sử dụng tính năng chụp liên tục, chụp Live View hoặc quay phim trong khoảng thời gian dài. Đây không phải vấn đề trực tiếp.
- Nếu có nguồn sáng trong hoặc ngoài phạm vi chụp, hiện tượng bóng ma (ảnh bị mờ do lóe sáng) có thể xảy ra.

Bảng điều khiển LCD và màn hình LCD

- Mặc dù màn hình LCD được sản xuất bằng công nghệ có độ chính xác rất cao với hơn 99,99% số điểm ảnh hiệu dụng, nhưng trong ít hơn 0,01% số điểm ảnh còn lại có thể có một vài điểm ảnh chết, chỉ hiển thị màu đen hoặc màu đỏ, v.v... Điểm ảnh chết không phải vấn đề trực tiếp và không ảnh hưởng đến ảnh được ghi.
- Nếu màn hình LCD ở trạng thái bật trong khoảng thời gian dài, có thể xảy ra hiện tượng lưu ảnh, bạn sẽ nhìn thấy dấu vết của ảnh đã hiển thị trước đó trên màn hình. Tuy nhiên, hiện tượng này chỉ là tạm thời và sẽ biến mất khi không sử dụng máy ảnh trong vài ngày.
- Màn hình LCD có thể hiển thị chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

Thẻ

Để bảo vệ thẻ và dữ liệu ghi trong thẻ, lưu ý những điều sau:

- Không làm rơi, bẻ cong hoặc làm ướt thẻ. Không để thẻ chịu lực tác động lớn, va đập hoặc rung lắc.
- Không chạm ngón tay hoặc vật kim loại vào các điểm tiếp xúc điện của thẻ.
- Không dán bất kỳ vật nào lên thẻ, ví dụ: miếng dán, v.v...
- Không bảo quản hoặc sử dụng thẻ gần các vật có từ trường mạnh như TV, loa hoặc nam châm. Ngoài ra, tránh những nơi có tĩnh điện.
- Không để thẻ ở nơi có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt.
- Bảo quản thẻ trong hộp.
- Không bảo quản thẻ ở những nơi có nhiệt độ cao, nhiều bụi bẩn hoặc ẩm ướt.

Đối với vết bẩn bám vào mặt trước của cảm biến

Ngoài việc bụi bên ngoài rơi vào trong máy ảnh, trong một số ít trường hợp, dầu bôi trơn của các bộ phận bên trong máy ảnh có thể bám vào mặt trước cảm biến. Nếu vết bẩn vẫn còn trên ảnh, bạn nên mang máy đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

Ống kính


Sau khi tháo ống kính khỏi máy ảnh, đặt mặt dưới ống kính ngửa lên và đậy nắp sau ống kính để tránh trầy xước bề mặt ống kính và các điểm tiếp xúc điện.


Điểm tiếp xúc




Tên bộ phận


Đèn flash tích hợp/Tia giúp lấy nét
(tr.176/113)

<  > Dấu mặt phẳng
tiêu cự (tr.88)

<  > Nút lựa chọn
vùng AF (tr.115)

<ISO> Nút thiết lập
tốc độ ISO (tr.132)

<  > Nút xoay
chính (tr.53)

<  > Nút phát
sáng bằng điều
khiển LCD (tr.55)

Nút chụp (tr.52)

Đèn giảm mắt
đồ/chụp
hẹn giờ
(tr.177/124)

Cảm biến điều
khiển từ xa
(tr.173, 370)

Bảng máy

Gương lật (tr.173, 293)

Điểm tiếp xúc (tr.25)

Ngàm ống kính

Chốt khóa ống kính

Vạch lắp ống kính EF (tr.47)

Điểm tiếp xúc đồng bộ flash

Ngàm gắn (tr.181)

Vạch lắp ống kính EF-S
(tr.47)

<  > Nút flash (tr.176)

Nút nhả khóa nút xoay
ché độ (tr.53)

Nút xoay chế độ
(tr.31)

Khe gắn dây
đeo (tr.35)

Loa (tr.308)

Micro tích
hợp (tr.236)

Nắp cổng
kết nối

Nút tháo ống kính
(tr.48)


Nút xem trước độ sâu
trường ảnh (tr.164)



Nắp thân máy (tr.47)

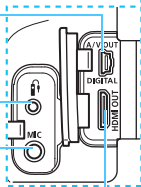
< A/V OUT/DIGITAL >

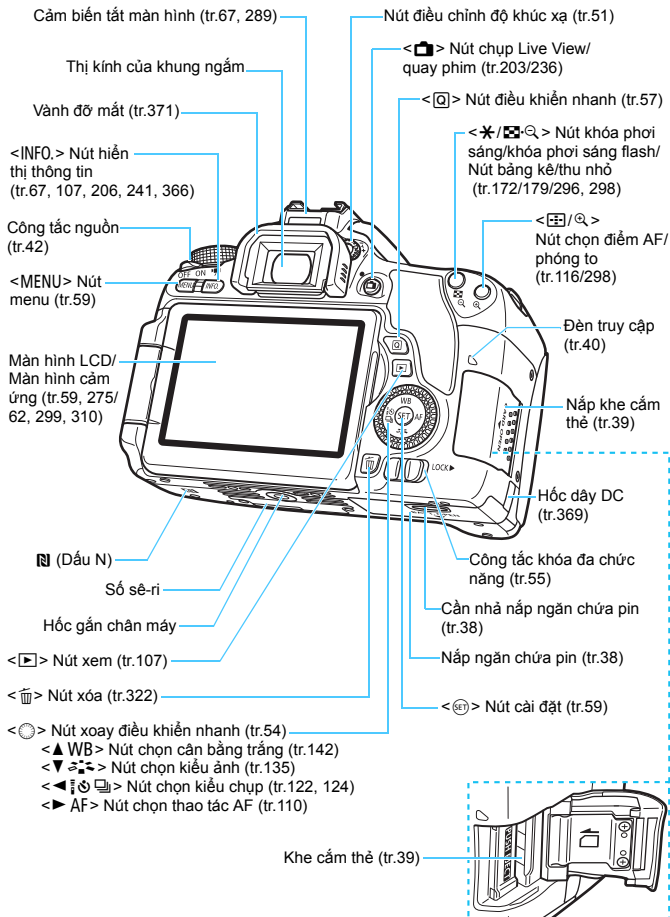
Ngõ ra tiếng/hình/
cổng digital (tr.319, 338, 430)

<  > Cổng kết nối điều
khiển từ xa (tr.371)

< MIC > Ngõ vào micro ngoài
(tr.268)

< HDMI OUT > Ngõ ra HDMI
(tr.316)





Thiết lập chức năng chụp (trong chế độ vùng sáng tạo, tr.31)

Tốc độ màn trập
Khóa đa chức năng (LOCK) (tr.55)

Thang đo sáng
Lượng bù trừ phơi sáng (tr.169)
Phạm vi AEB (tr.170)
Khóa đa chức năng (LOCK) (tr.55)

Chế độ chụp

Kiểu ảnh (tr.135)

Thao tác AF (tr.110)
ONE SHOT
Lấy nét một lần
AI FOCUS
Tự động lấy nét AI
AI SERVO
Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục
MF
Lấy nét tay

Biểu tượng điều khiển nhanh (tr.58)

Mức pin (tr.43)

Chế độ chọn vùng AF (tr.114)

Cân bằng trắng (tr.142)
AWB Tự động
Ban ngày
Bóng râm
Nhiều mây
Đèn dây tóc
Đèn huỳnh quang trắng
Flash
Tùy chỉnh

Trạng thái truyền Eye-Fi (tr.372)

Chế độ đo sáng (tr.167)
Đo sáng toàn khung ảnh
Đo sáng từng phần
Đo sáng điểm
Đo sáng trung bình trung tâm

Khẩu độ
Khóa đa chức năng (LOCK) (tr.55)

Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.146)

Tốc độ ISO (tr.132)

Ưu tiên tông màu sáng (tr.357)

Bù trừ phơi sáng flash (tr.178, 201)

Chất lượng ghi ảnh (tr.126)
Lớn/Đẹp
Lớn/Bình thường
Trung bình/Đẹp
Trung bình/Bình thường
Nhỏ 1/Đẹp
Nhỏ 1/Bình thường
S2 Nhỏ 2 (Đẹp)
S3 Nhỏ 3 (Đẹp)
RAW+Lớn/Đẹp
RAW RAW

Số ảnh có thể chụp

Số ảnh có thể chụp trong cân bằng trắng hỗn hợp

Thời gian đếm ngược của chụp hẹn giờ

Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu (tr.147)

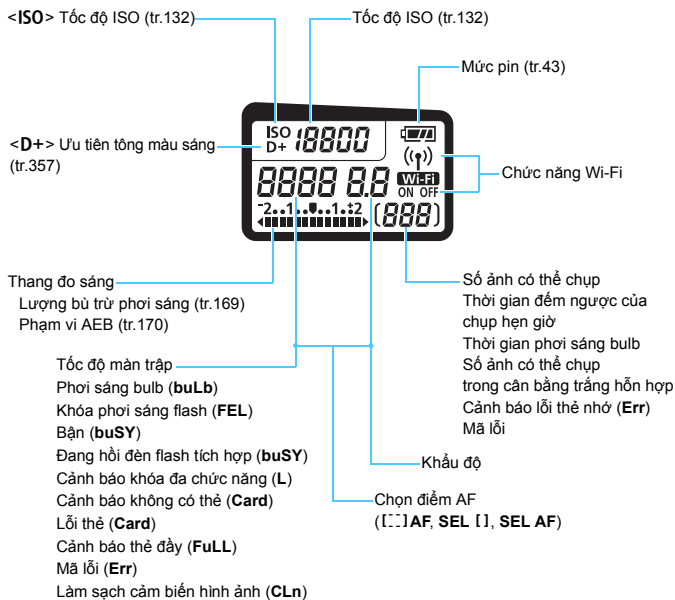
Hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.144)
Cân bằng trắng hỗn hợp (tr.145)

Kiểu chụp (tr.122, 124)
Chụp từng ảnh
Chụp liên tục
Chụp từng ảnh ngắt tiếng
Chụp liên tục ngắt tiếng
Chụp hẹn giờ: 10 giây/ điều khiển từ xa
Chụp hẹn giờ: 2 giây
Chụp hẹn giờ: Liên tục

Chỉ thị kết nối GPS

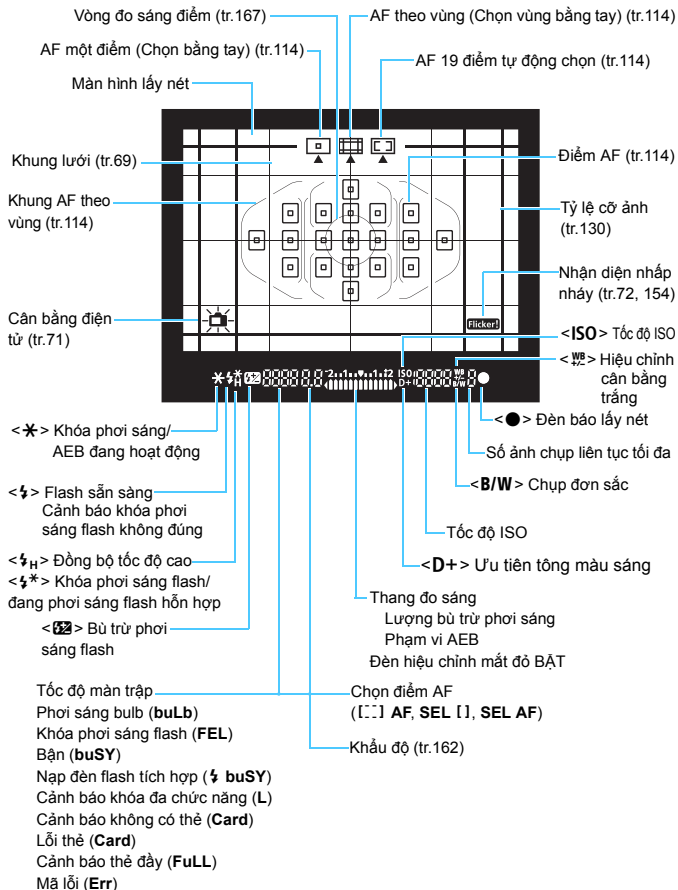
Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.

Bảng điều khiển LCD



Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.

Thông tin khung ngắm



Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.

Nút xoay chế độ

Bạn có thể đặt chế độ chụp. Xoay nút xoay chế độ khi nhấn giữ vị trí giữa nút xoay chế độ (nút nhả khóa nút xoay chế độ).

Vùng sáng tạo

Những chế độ sau giúp điều khiển máy ảnh tốt hơn khi chụp các chủ thể khác nhau theo mong muốn.

P : Phơi sáng tự động P (tr.158)

Tv : Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (tr.160)

Av : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (tr.162)

M : Phơi sáng chỉnh tay (tr.165)

Vùng cơ bản

Bạn chỉ cần nhấn nút chụp.

Máy ảnh sẽ thiết lập cài đặt phù hợp với chủ thể hoặc cảnh cần chụp.

A+ : Tự động nhận cảnh thông minh (tr.76)

Flash : Flash tắt (tr.81)

CA : Tự động sáng tạo (tr.82)

Chân dung : Chân dung (tr.86)

Phong cảnh : Phong cảnh (tr.87)

Cận cảnh : Cận cảnh (tr.88)

Thể thao : Thể thao (tr.89)

SCN : Cảnh đặc biệt (tr.90)

Trẻ em : Trẻ em (tr.91)

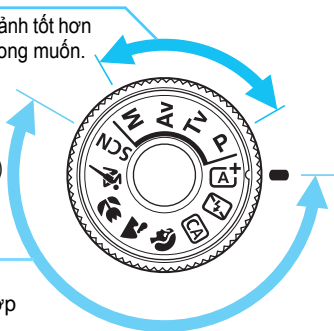
Đồ ăn : Đồ ăn (tr.92)

Ánh nền : Ánh nền (tr.93)

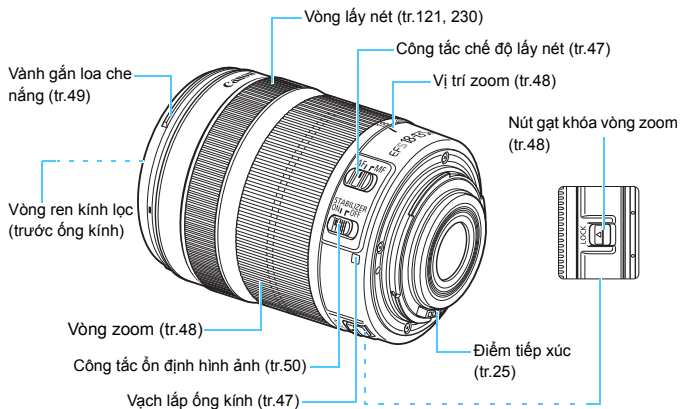
Chân dung ban đêm : Chân dung ban đêm (tr.94)

Chụp đêm cầm tay : Chụp đêm cầm tay (tr.95)

Chỉnh ngược sáng HDR : Chỉnh ngược sáng HDR (tr.96)

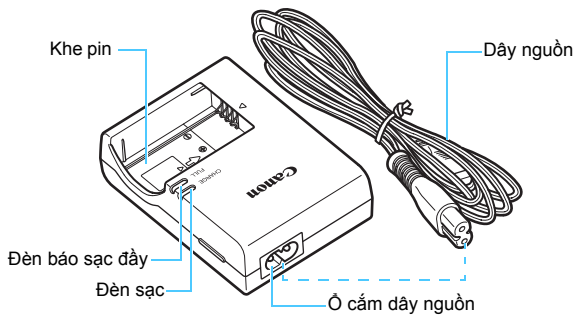


Ống kính không có thước đo khoảng cách



Sạc pin LC-E17E

Sạc cho Pin LP-E17 (tr.36).

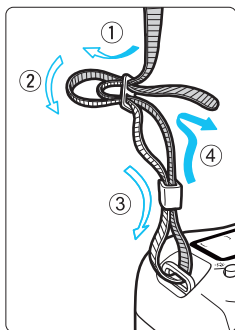




1

Hướng dẫn bắt đầu

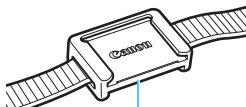
Chương này giải thích các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu chụp và các thao tác cơ bản với máy ảnh.



Gắn dây đeo đi kèm

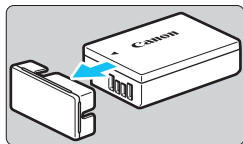
Luồn dây đeo từ dưới lên qua khe gắn dây đeo. Sau đó, kéo dây đeo qua khóa như hình minh họa. Kéo căng dây đeo để đảm bảo nút thắt không bị nới lỏng.

- Nắp thị kính cũng được gắn vào dây đeo (tr.371).



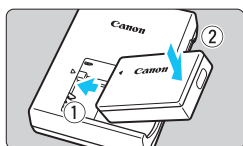
Nắp thị kính

Sạc pin



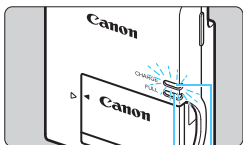
1 Tháo nắp bảo vệ.

- Tháo nắp bảo vệ đi kèm với pin.



2 Lắp pin.

- Lắp pin cố định vào sạc như hình minh họa.
- Để tháo pin, thực hiện theo các bước ngược lại với quy trình trên.

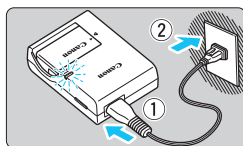


Đèn báo sạc đầy

Đèn sạc

3 Sạc pin.

- Kết nối dây nguồn với sạc và cắm phích vào ổ điện.
- ▶ Quá trình sạc tự động bắt đầu và đèn sạc phát sáng màu cam.
- ▶ Khi pin được sạc đầy, đèn báo sạc đầy sẽ phát sáng màu xanh lá cây.



- Trong nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), thời gian sạc đầy pin đã hết kéo dài khoảng 2 giờ. Thời gian sạc pin sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường và lượng pin còn lại.
- Vì lý do an toàn, ở nhiệt độ thấp (5°C - 10°C / 41°F - 50°F), thời gian sạc sẽ dài hơn (tối đa khoảng 4 giờ).

Gợi ý sử dụng pin và sạc

- **Khi mua máy ảnh, pin chưa được sạc đầy.**
Sạc pin trước khi sử dụng.
- **Sạc lại pin trước một ngày hoặc trong ngày sử dụng máy ảnh.**
Trong thời gian cất giữ, pin đã sạc cũng sẽ dần cạn và mất năng lượng.
- **Sau khi sạc pin, tháo pin và rút sạc khỏi ổ cắm điện.**
- **Tháo pin ra khi không sử dụng máy ảnh.**
Nếu lắp pin trong máy ảnh trong khoảng thời gian dài, pin sẽ giải phóng một lượng nhỏ năng lượng, dẫn đến pin phóng điện quá nhiều và làm giảm tuổi thọ pin. Bảo quản pin với nắp bảo vệ (kèm theo máy). Cất giữ pin khi đã sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- **Sạc pin có thể sử dụng ở nước ngoài.**
Sạc pin tương thích với nguồn điện 50/60 Hz 100 V AC đến 240 V AC. Nếu cần, cắm sạc pin thông qua bộ chuyển đổi phích cắm bán trên thị trường của quốc gia hoặc khu vực sử dụng tương ứng. Không cắm sạc pin vào bộ biến thể di động. Làm vậy có thể gây hỏng sạc pin.
- **Nếu pin nhanh hết ngay cả khi đã sạc đầy, tuổi thọ pin đã hết.**
Kiểm tra hiệu suất sạc của pin (tr.368) và mua pin mới.

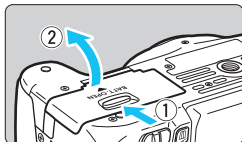


- Sau khi rút phích cắm điện của sạc, không chạm vào chân cắm trong ít nhất 5 giây.
- Không sạc bất kỳ loại pin nào khác ngoại trừ Pin LP-E17.
- Pin LP-E17 chỉ dành riêng cho sản phẩm của Canon. Sử dụng pin với sạc pin hay sản phẩm không tương thích có thể gây trục trặc cho pin hoặc tai nạn, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho các sự cố này.

Lắp và tháo pin

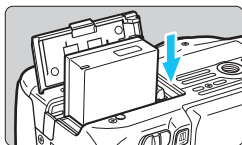
Lắp Pin LP-E17 đã sạc đầy vào máy ảnh. Khung ngắm của máy ảnh sẽ phát sáng khi lắp pin và trở nên tối dần khi tháo pin.

Lắp pin



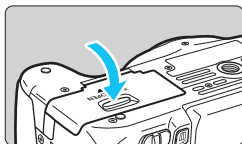
1 Mở nắp.

- Đẩy nút gạt theo hướng mũi tên và mở nắp.



2 Lắp pin.

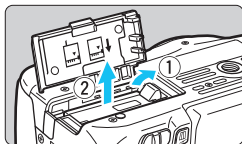
- Lắp đầu có các điểm tiếp xúc của pin vào.
- Lắp pin cho đến khi vào vị trí khóa.



3 Đóng nắp.

- Nhấn nắp cho đến khi phát ra tiếng tách.

Tháo pin



Mở nắp và tháo pin.

- Nhấn nút gạt nhả pin theo hướng mũi tên và tháo pin.
- Để ngăn hiện tượng đoản mạch cho các điểm tiếp xúc của pin, đảm bảo gắn nắp bảo vệ (đi kèm máy ảnh, tr.36) vào pin.

⚠ Sau khi mở nắp ngăn chứa pin, chú ý không cố đẩy nắp ra sau. Nếu không, bản lề có thể bị gãy.

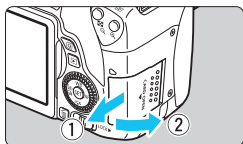
Lắp và tháo thẻ

Thẻ (bán riêng) có thể là thẻ SD, SDHC hoặc SDXC. Thẻ SDHC và SDXC có UHS-I cũng có thể được sử dụng.

Ảnh chụp được ghi vào thẻ.

- 1 **Đảm bảo mấu chống ghi của thẻ được đẩy lên để có thể ghi và xóa.**

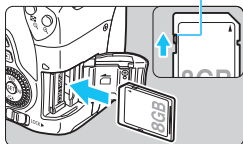
Lắp thẻ



1 Mở nắp.

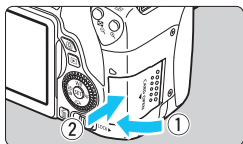
- Đẩy nắp theo hướng mũi tên để mở.

Mấu chống ghi



2 Lắp thẻ.

- Thực hiện như hình minh họa, quay mặt có nhãn thẻ về phía bạn và cắm thẻ vào cho đến khi phát ra tiếng tách.



3 Đóng nắp.

- Đóng nắp và trượt nắp theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.
- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON>, số lượng ảnh có thể chụp sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

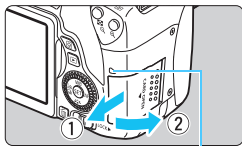


Số ảnh có thể chụp



- Số lượng ảnh có thể chụp phụ thuộc vào dung lượng còn lại của thẻ, chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, v.v...
- Đặt [1: Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)] thành [Disable (Tắt)] sẽ giúp bạn không quên lắp thẻ (tr.274).

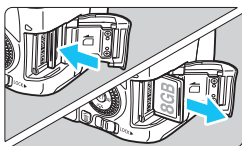
Tháo thẻ



Đèn truy cập

1 Mở nắp.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- **Đảm bảo đèn truy cập đã tắt, rồi mở nắp.**
- Đóng nắp khi thông báo [Recording... (Đang ghi...)] hiển thị.



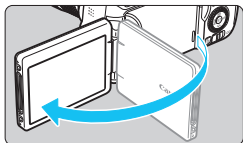
2 Tháo thẻ.

- Đẩy nhẹ thẻ vào trong, rồi để thẻ tự đẩy ra.
- Kéo thẳng thẻ ra, rồi đóng nắp lại.

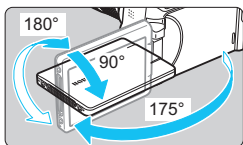
- **Đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy cho biết ảnh đang được ghi vào thẻ hoặc đọc trên thẻ, ảnh đang bị xóa hoặc dữ liệu đang truyền. Trong trường hợp này, không mở nắp khe cắm thẻ. Ngoài ra, khi đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau. Nếu không, dữ liệu ảnh, thẻ hoặc máy ảnh có thể bị hỏng.**
 - Tháo thẻ.
 - Tháo pin.
 - Lắc hoặc đập máy ảnh.
 - Rút phích và kết nối dây nguồn (khi sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình).
- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.279).
- Nếu thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị trên màn hình LCD, cần tháo và lắp lại thẻ. Nếu vẫn còn lỗi, nên sử dụng thẻ khác. Nếu có thể truyền tất cả ảnh trên thẻ vào máy tính, bạn nên truyền tất cả ảnh và sau đó thực hiện định dạng thẻ bằng máy ảnh (tr.65). Thẻ có thể khôi phục trạng thái bình thường.
- Không dùng ngón tay hoặc vật kim loại chạm vào các điểm tiếp xúc của thẻ. Không để bụi hoặc nước dính vào điểm tiếp xúc. Vết bẩn bám vào điểm tiếp xúc có thể khiến tiếp xúc thất bại.
- Không thẻ sử dụng thẻ đa phương tiện (MMC) (thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị).

Sử dụng màn hình LCD

Sau khi mở màn hình LCD, bạn có thể thiết lập chức năng menu, chụp Live View, quay phim và xem lại ảnh/phim. Bạn có thể thay đổi hướng và góc của màn hình LCD.

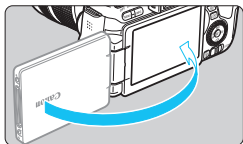


1 Mở màn hình LCD.



2 Xoay màn hình LCD.

- Khi màn hình LCD đang mở ra ngoài, bạn có thể xoay màn hình lên, xuống hoặc xoay 180° để hướng về phía chủ thể.
- Góc chỉ định chỉ là tương đối.



3 Hướng màn hình về phía bạn.

- Thông thường, sử dụng máy ảnh với màn hình LCD hướng về phía bạn.



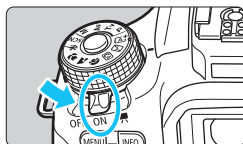
- Cần thận không dùng lực và làm vỡ bản lề khi quay màn hình LCD.
- Khi kết nối Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3 hoặc micro ngoài với máy ảnh, phạm vi góc xoay của LCD đã mở sẽ bị giới hạn.




- Khi không sử dụng máy ảnh, đóng màn hình LCD và hướng vào bên trong để bảo vệ màn hình.
- Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, hướng màn hình LCD về phía chủ thể để hiển thị ảnh trên màn hình.



Bật nguồn

Khi bật công tắc nguồn và màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ xuất hiện, tham khảo trang 44 để thiết lập ngày/giờ/múi giờ.




- <  > : Máy ảnh bật. Bạn có thể quay phim (tr.236).
- < ON > : Máy ảnh bật. Bạn có thể chụp ảnh.
- < OFF > : Máy ảnh tắt và không hoạt động. Đặt công tắc về vị trí này khi không sử dụng máy ảnh.

Làm sạch cảm biến tự động

- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, quá trình làm sạch cảm biến sẽ tự động thực hiện. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Trong khi làm sạch cảm biến, màn hình LCD sẽ hiển thị <  >.
- Bạn vẫn có thể chụp trong khi làm sạch cảm biến bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp (tr.52) để dừng quá trình làm sạch và chụp ảnh.
- Nếu liên tục xoay công tắc nguồn <ON>/<OFF> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng <  > có thể không hiển thị. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực trực.

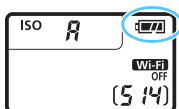
MENU Tự động tắt nguồn





- Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt sau khoảng 30 giây không hoạt động. Nhấn nửa chừng nút chụp để bật lại máy ảnh (tr.52).
- Bạn có thể thay đổi thời gian tự động tắt nguồn với [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] (tr.275).

 Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> khi đang ghi ảnh vào thẻ, thông báo [**Recording... (Đang ghi...)**] sẽ hiển thị và nguồn sẽ tắt sau khi quá trình ghi ảnh kết thúc.

Kiểm tra mức pin

Khi bật nguồn, mức pin sẽ được biểu thị ở một trong bốn mức.



-  : Mức pin đủ.
-  : Mức pin ít, nhưng vẫn có thể sử dụng máy ảnh.
-  : Pin sắp hết. (Nhấp nháy)
-  : Sạc pin.

Số ảnh có thể chụp

(Số ảnh ước chừng)

| Nhiệt độ | Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F) | Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F) |
|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Không sử dụng flash | 550 | 470 |
| Sử dụng flash đối với 50% ảnh | 440 | 400 |

- Các số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E17 được sạc đầy, không chụp Live View và tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Số ảnh có thể chụp với Bảng pin BG-E18 (bán riêng)
 - Với LP-E17 x 2: xấp xỉ gấp đôi số ảnh so với không dùng bảng pin.

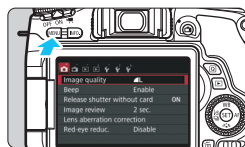


- Thực hiện các thao tác sau sẽ khiến pin hết nhanh hơn:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
- Số ảnh có thể chụp có thể giảm tùy thuộc vào điều kiện chụp thực tế.
- Pin máy ảnh cung cấp năng lượng cho ống kính hoạt động. Pin có thể hết nhanh hơn tùy thuộc vào loại ống kính được sử dụng.
- Để tìm hiểu số ảnh có thể chụp trong chế độ chụp Live View, tham khảo trang 205.
- Tham khảo [**☛3: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra điều kiện pin (tr.368).

MENU Thiết lập ngày, giờ và múi giờ

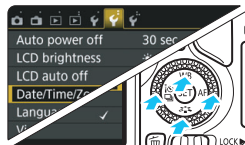
Khi bật nguồn lần đầu tiên hoặc nếu ngày/giờ/múi giờ bị mất, màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ sẽ xuất hiện. Thực hiện theo các bước sau, đảm bảo thiết lập múi giờ trước. Nếu thiết lập đúng múi giờ địa phương hiện tại cho máy ảnh, khi bạn di chuyển, chỉ cần thay đổi thiết lập múi giờ cho điểm đến, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh ngày giờ.

Lưu ý rằng ngày/giờ thêm vào ảnh sẽ căn cứ theo thiết lập ngày/giờ này. Hãy đảm bảo ngày/giờ được thiết lập chính xác



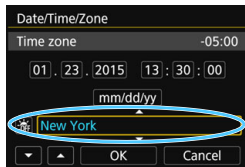
1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [Date/Time/Zone], chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].

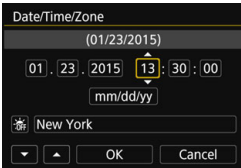
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [Date/Time/Zone].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.



3 Thiết lập múi giờ.

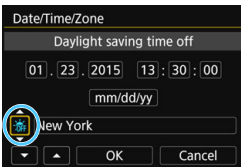
- Múi giờ [London] được cài đặt mặc định.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ô múi giờ.
- Nhấn <SET> để hiển thị <📍>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn múi giờ, rồi nhấn <SET>. (Trở về <□>.)

- Quy trình cài đặt menu được giải thích ở các trang 60-61.
- Ở bước 3, thời gian hiển thị ở phía trên bên phải màn hình là thời gian chênh lệch so với Giờ phối hợp quốc tế (Coordinated Universal Time - UTC). Nếu không thấy múi giờ địa phương, tham khảo chênh lệch giờ UTC để thiết lập múi giờ.



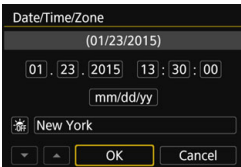
4 Thiết lập ngày và giờ.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn số, rồi nhấn <SET>. (Trở về <□>.)



5 Thiết lập giờ mùa hè.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [☀️].
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [☀️], rồi nhấn <SET>.
- Khi giờ mùa hè được đặt thành [☀️], thời gian thiết lập ở bước 4 sẽ sớm hơn 1 giờ. Nếu đặt thành [☀️], giờ mùa hè sẽ bị hủy và thời gian sẽ lùi lại 1 giờ.



6 Thoát thiết lập.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngày/giờ/múi giờ và giờ mùa hè được thiết lập và menu sẽ xuất hiện lại.



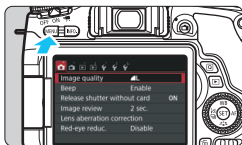
Thiết lập ngày/giờ/múi giờ có thể bị mất trong các trường hợp sau. Trong trường hợp này, cần thiết lập lại ngày/giờ/múi giờ.

- Khi cất giữ máy ảnh không có pin.
- Khi pin máy ảnh đã hết.
- Khi máy ảnh được đặt ở dưới nhiệt độ đóng băng trong một khoảng thời gian dài.



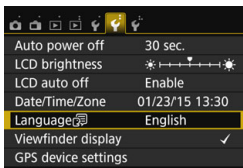
- Ngày/giờ đã thiết lập sẽ bắt đầu hiệu lực khi bạn nhấn [OK] ở bước 6.
- Sau khi thay đổi múi giờ, kiểm tra để đảm bảo ngày và giờ đã được thiết lập chính xác.

MENU Chọn ngôn ngữ giao diện



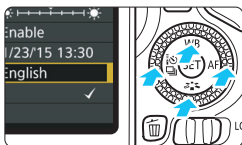
1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Language] (Ngôn ngữ).

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [F2].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Language] (Ngôn ngữ), rồi nhấn <SET>.



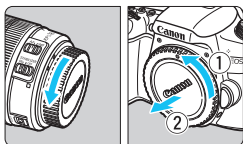
3 Thiết lập ngôn ngữ mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn ngôn ngữ, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngôn ngữ giao diện sẽ thay đổi.

Lắp và tháo ống kính

Máy ảnh tương thích với tất cả ống kính Canon EF và EF-S. **Không thể sử dụng máy ảnh với ống kính EF-M.**

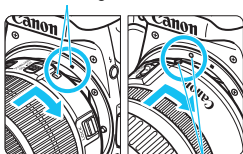
Lắp ống kính



1 Tháo nắp.

- Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy bằng cách xoay nắp theo hướng mũi tên.

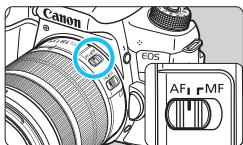
Vạch trắng



2 Lắp ống kính.

- Điều chỉnh vạch đỏ hoặc vạch trắng của ống kính trùng với vạch màu tương ứng của máy ảnh. Xoay ống kính theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.

Vạch đỏ



3 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

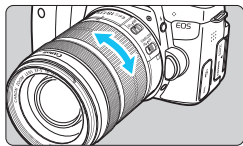
- <AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động).
- <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay).

4 Tháo nắp trước của ống kính.

Giảm thiểu bụi

- Thực hiện thay ống kính nhanh chóng ở nơi ít bụi.
- Khi cất giữ máy ảnh mà không lắp ống kính, đảm bảo đã đóng nắp thân máy vào máy ảnh.
- Loại bỏ bụi trên nắp thân máy trước khi lắp.

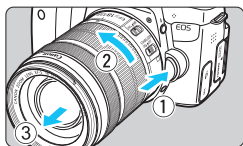
Zoom



Dùng ngón tay xoay vòng zoom trên ống kính.

- Nếu bạn muốn zoom, hãy thực hiện tính năng này trước khi lấy nét. Xoay vòng zoom sau khi lấy được nét có thể làm mất nét.

Tháo ống kính



Khi nhấn nút tháo ống kính, xoay ống kính theo hướng mũi tên.

- Xoay ống kính cho đến khi dừng, rồi tháo ống kính.
- Lắp nắp sau của ống kính vào ống kính đã tháo.

- **Dành cho người sử dụng ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM hoặc EF-S18-200mm f/3.5-5.6 IS:**

Bạn có thể ngăn ống kính tự động xoay ra khi di chuyển ống kính. Đặt vòng zoom đến đầu góc rộng 18mm, rồi trượt nút gạt khóa vòng zoom đến <LOCK>. Vòng zoom chỉ có thể được khóa ở đầu góc rộng.

- Không nhìn trực tiếp vào ánh nắng mặt trời qua ống kính. Làm vậy có thể gây tổn thương thị lực.
- Khi lắp hoặc tháo ống kính, đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.
- Nếu phần phía trước (vòng lấy nét) của ống kính xoay trong khi lấy nét tự động, chú ý không chạm vào phần xoay.
- Nếu bạn mua bộ máy đi kèm ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM, EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM hoặc EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM, tham khảo phần “Những điều cần chú ý khi thao tác” ở trang 413.



Góc ngắm

Do kích thước cảm biến ảnh nhỏ hơn định dạng phim 35mm, góc nhìn của ống kính lắp trên máy sẽ tương đương với khoảng 1,6 lần tiêu cự ống kính chỉ thị.



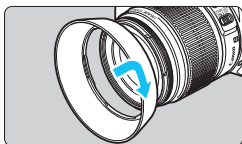
Kích thước cảm biến hình ảnh (Xấp xỉ)
(22,3 x 14,9 mm /
0,88 x 0,59 in.)

Kích thước ảnh 35mm
(36 x 24 mm /
1,42 x 0,94 in.)

Lắp loa che nắng

Loa che có thể chắn nguồn sáng không mong muốn và ngăn bớt mưa, tuyết, bụi, v.v... bám vào phía trước ống kính. Khi cất giữ ống kính, có thể lắp loa che nắng theo chiều ngược lại.

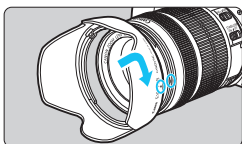
- Nếu không có dấu chỉ trên ống kính và loa:



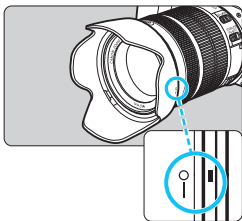
Lắp loa che nắng.

- Xoay loa che nắng theo mũi tên để lắp cố định.

- Nếu có dấu chỉ trên ống kính và loa:



- 1 Điều chỉnh chấm đỏ trên loa che nắng và ống kính khớp với nhau, rồi xoay loa che nắng theo hướng mũi tên.



- 2 Xoay loa che nắng như hình minh họa.

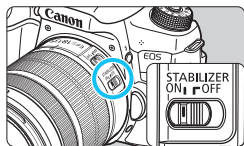
- Xoay loa che nắng theo chiều kim đồng hồ cho đến khi loa che nắng được lắp cố định.

- Nếu loa che nắng không được lắp chính xác, phần rìa ảnh có thể bị che khuất và trông tối.
- Khi tháo hoặc lắp loa che nắng, giữ phần đế loa che nắng để xoay. Giữ phần rìa của loa che nắng khi xoay có thể gây biến dạng và không xoay được loa che nắng.
- Khi sử dụng đèn flash tích hợp của máy ảnh, tháo loa che nắng. Nếu không, loa che nắng sẽ che khuất một phần flash.

Hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính

Khi sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh tích hợp của ống kính IS, hiện tượng rung máy sẽ được điều chỉnh để chụp ảnh rõ nét. Quy trình được trình bày sử dụng ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM làm ví dụ minh họa.

* IS là viết tắt của Image Stabilizer (Hệ thống ổn định hình ảnh).



1 Đặt công tắc IS thành <ON>.

- Đồng thời đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

2 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- ▶ Hệ thống ổn định hình ảnh sẽ hoạt động.

3 Chụp ảnh.

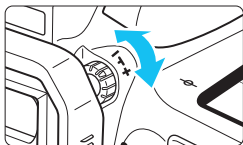
- Khi ảnh hiển thị rõ nét trong khung ngắm, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

- Nếu chủ thể di chuyển trong khi phơi sáng, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ không hoạt động hiệu quả.
- Đối với phơi sáng bulb, đặt công tắc IS thành <OFF>. Nếu đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh có thể hoạt động không chính xác.
- Hệ thống ổn định hình ảnh có thể không hoạt động hiệu quả khi máy ảnh quá rung, ví dụ khi ngồi trên thuyền lắc lư.

- Hệ thống ổn định hình ảnh có thể hoạt động khi công tắc chế độ lấy nét của ống kính được đặt thành <AF> hoặc <MF>.
- Nếu sử dụng chân máy, bạn có thể chụp dễ dàng ngay cả khi công tắc IS đặt thành <ON>. Tuy nhiên, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF> để tiết kiệm pin.
- Hệ thống ổn định hình ảnh vẫn hoạt động hiệu quả khi đặt máy ảnh trên chân máy đơn.
- Với ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM, EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM, EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM hoặc EF-S18-200mm f/3.5-5.6 IS, chế độ ổn định hình ảnh sẽ được tự động chuyển để phù hợp với điều kiện chụp.


Thao tác cơ bản

Điều chỉnh độ nét khung ngắm



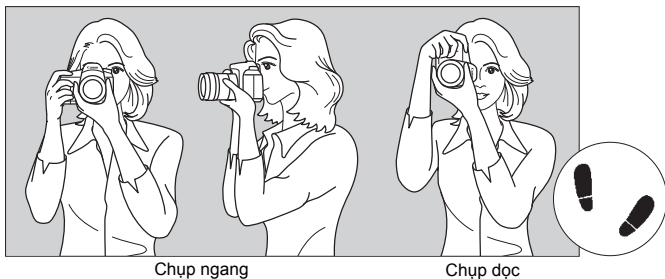
Xoay nút điều chỉnh độ khúc xạ.

- Xoay nút sang trái hoặc sang phải cho đến khi nhìn rõ nét nhất điểm AF trong khung ngắm.


 Nếu điều chỉnh độ khúc xạ của máy ảnh vẫn không làm ảnh trong khung ngắm sắc nét, nên sử dụng thấu kính điều chỉnh độ khúc xạ sê-ri E (bán riêng).

Giữ máy ảnh

Để thu được ảnh sắc nét, giữ chắc máy ảnh để giảm thiểu rung máy.

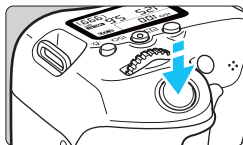


1. Tay phải nắm chắc báng máy.
2. Tay trái giữ phía dưới ống kính.
3. Nhẹ nhàng đặt ngón trỏ tay phải lên nút chụp.
4. Cánh tay và khuỷu tay tỳ nhẹ vào thân người.
5. Để duy trì tư thế ổn định, bàn chân này đặt trước mũi bàn chân kia một khoảng cách.
6. Áp sát khuôn mặt vào máy ảnh và nhìn vào khung ngắm.

 Để chụp trong khi xem màn hình LCD, tham khảo trang 203.

Nút chụp

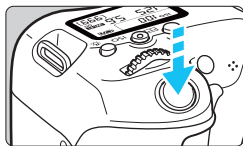
Nút chụp có 2 mức. Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, có thể nhấn hoàn toàn nút chụp.



Nhấn nửa chừng

Thao tác này kích hoạt lấy nét tự động và hệ thống phơi sáng tự động để thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

Các thiết lập phơi sáng (tốc độ màn trập và khẩu độ) được hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD (04).



Nhấn hoàn toàn

Màn trập được nhả và ảnh sẽ được chụp.

Chống rung máy

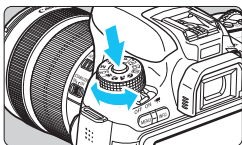
Chuyển động của máy ảnh cầm tay trong khi phơi sáng gọi là rung máy. Rung máy có thể làm mờ ảnh. Để chống rung máy, lưu ý những điều sau:

- Cầm và giữ chắc máy ảnh như hình minh họa ở trang trước.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động, rồi từ từ nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp mà không nhấn nửa chừng trước hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp rồi nhấn hoàn toàn nút chụp ngay, máy ảnh sẽ mất một khoảng thời gian trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả trong khi hiển thị menu, xem lại ảnh hoặc ghi ảnh, bạn cũng có thể chụp ảnh trở lại ngay bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.

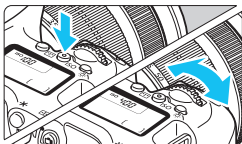
Nút xoay chế độ







Xoay nút xoay khi nhấn giữ nút nhả khóa ở chính giữa nút xoay.
Sử dụng để cài đặt chế độ chụp.



Nút xoay chính



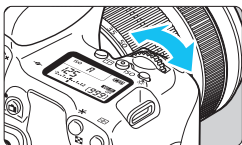
(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay <  >.


Sau khi nhấn một nút chặn hạn như <ISO> <▲ WB> <▼  > <◀   > <▶ AF>, xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.


Đối với nút <ISO>, chức năng vẫn được chọn trong thời gian 6 giây (06) sau khi nhấn nút.

Khi chọn xong chức năng hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay này để chọn hoặc thiết lập tốc độ ISO, cân bằng trắng, kiểu ảnh, kiểu chụp, thao tác AF, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay <  >.

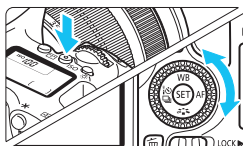
Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

- Xoay nút xoay để thiết lập thông số tốc độ màn trập, khẩu độ, v.v...







Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải (Khoá đa chức năng, tr.55, 363).

Nút xoay điều khiển nhanh



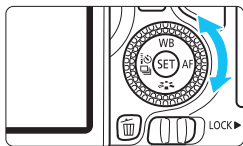
(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay < >.

Sau khi nhấn một nút chẳng hạn như <ISO> <▲ WB> <▼  > <◀  > <▶ AF>, xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.


Đối với nút <ISO>, chức năng vẫn được chọn trong thời gian 6 giây () sau khi nhấn nút.

Khi chọn xong chức năng hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ sẵn sàng chụp.

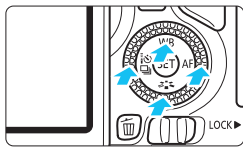
- Xoay nút xoay này để chọn hoặc thiết lập tốc độ ISO, cân bằng trắng, kiểu ảnh, kiểu chụp, thao tác AF, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay < >.


Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

- Xoay nút xoay để đặt lượng bù trừ phơi sáng, thiết lập thông số khẩu độ cho phơi sáng chỉnh tay, v.v...



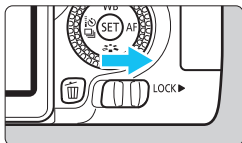
(3) Sau khi nhấn một nút, nhấn nút <▲>, <▼>, <◀> hoặc <▶>.

Sau khi nhấn nút <MENU> hoặc <Q>, nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để thiết lập menu hoặc chức năng điều khiển nhanh.

 Các thao tác ở (1) và (3) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải (Khóa đa chức năng, tr.55, 363).

LOCK▶ Khóa đa chức năng

Thiết lập [13: Multi function lock (Khóa đa chức năng)] trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] (tr.363) và gạt công tắc <LOCK▶> sang phải giúp tránh được việc nút xoay chỉnh và nút xoay điều khiển nhanh di chuyển làm thay đổi thiết lập ngoài ý muốn.



Công tắc <LOCK▶> đặt sang trái:

Nhả khóa

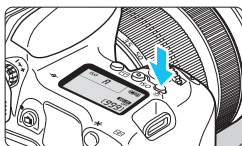
Công tắc <LOCK▶> đặt sang phải:

Khoá



Nếu công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải và bạn cố thực hiện thao tác điều khiển máy ảnh đã khóa, <L> sẽ xuất hiện trên khung ngắm và bảng điều khiển LCD. Trên màn hình thiết lập chức năng chụp (tr.56), [LOCK (KHÓA)] sẽ hiển thị.

☀ Phát sáng bảng điều khiển LCD



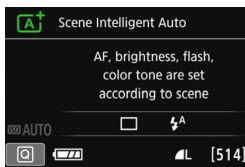
Bật (☀) hoặc tắt tính năng phát sáng bảng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <☀>. Trong phôi sáng bulb, nhấn hoàn toàn nút chụp để tắt tính năng phát sáng bảng điều khiển LCD.

Hiện thị thiết lập chức năng chụp

Sau khi nhấn nút <INFO.> vài lần, thiết lập chức năng chụp sẽ hiển thị. Khi thiết lập chức năng chụp hiển thị, bạn có thể xoay nút xoay chế độ để xem thiết lập cho từng chế độ chụp.

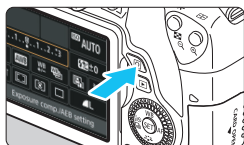
Nhấn nút <Q> sẽ khởi động tính năng điều khiển nhanh của thiết lập chức năng chụp (tr.57).

Nhấn lại nút <INFO.> để tắt hiển thị.



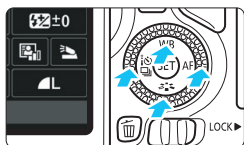
Q Điều khiển nhanh chức năng chụp

Bạn có thể trực tiếp chọn và thiết lập các chức năng chụp hiển thị trên màn hình LCD. Tính năng này được gọi là Điều khiển nhanh.



1 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn chức năng.
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.73) sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <☰> hoặc <☲> để thay đổi thiết lập.

Chế độ vùng cơ bản



Chế độ vùng sáng tạo



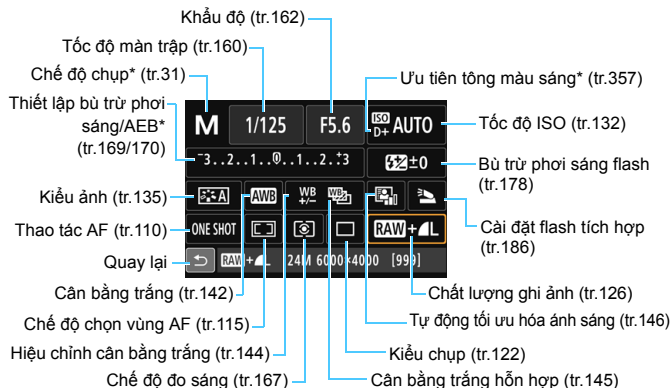
3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.



- Để tìm hiểu về các chức năng có thể thiết lập trong chế độ vùng cơ bản và quy trình cài đặt, tham khảo trang 99.
- Ở bước 1 và 2, bạn cũng có thể sử dụng màn hình cảm ứng của màn hình LCD (tr.62).

Màn hình mẫu điều khiển nhanh

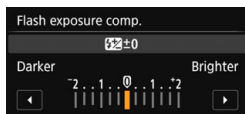


* Không thể thiết lập các chức năng đánh dấu sao với màn hình điều khiển nhanh.

Màn hình thiết lập chức năng



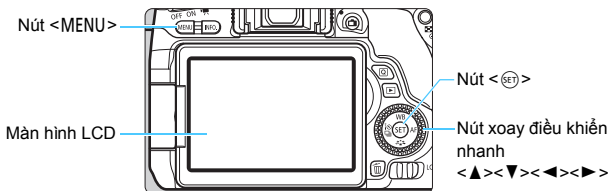
↓ <SET>



- Chọn chức năng mong muốn và nhấn <SET>. Màn hình cài đặt của chức năng đó sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <🌞> hoặc <🌑> hoặc nhấn các phím <◀> <▶> để thay đổi thiết lập. Một số chức năng có thể thiết lập bằng cách nhấn nút <INFO.>, <📷> hoặc <📄>.
- Nhấn <SET> để kết thúc cài đặt và quay lại màn hình điều khiển nhanh.
- Khi chọn <📷> (tr.114) và nhấn nút <MENU>, màn hình trước đó sẽ xuất hiện lại.

MENU Thao tác với menu

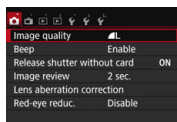
Bạn có thể thiết lập nhiều cài đặt với menu như chất lượng ghi ảnh, ngày và giờ, v.v...



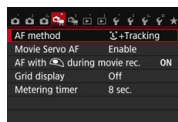
Màn hình menu

Các tab menu và mục hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp.

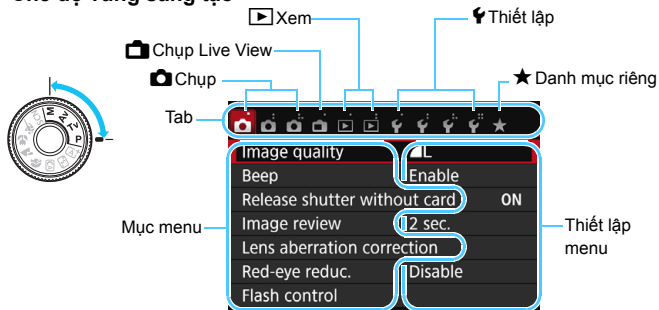
Chế độ vùng cơ bản



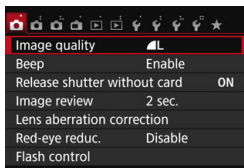
Quay phim



Chế độ vùng sáng tạo



Quy trình thiết lập menu

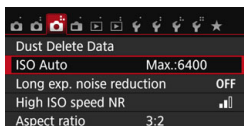


1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.

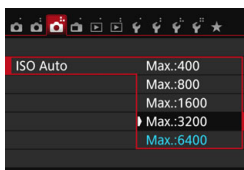
2 Chọn tab.

- Nhấn các phím <◀> <▶> của nút xoay điều khiển nhanh để chọn tab (nhóm các chức năng).
- Ví dụ, trong sách hướng dẫn này, “tab [📷3]” chỉ màn hình sẽ hiển thị khi tab 📷 (Chụp ảnh) thứ ba từ bên trái [📷] được chọn.



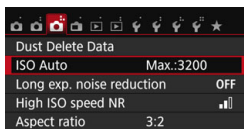
3 Chọn mục mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> của nút xoay điều khiển nhanh, rồi nhấn <SET>.



4 Chọn thiết lập.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> của nút xoay điều khiển nhanh để chọn thiết lập mong muốn. (Một vài thiết lập chỉ cho phép nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn.)
- Thiết lập hiện thời biểu thị bằng màu xanh da trời.



5 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Nhấn <SET> để thiết lập.

6 Thoát thiết lập.

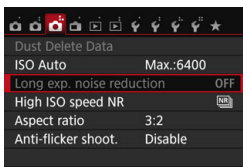
- Nhấn nút <MENU> để quay lại màn hình cài đặt chức năng chụp.



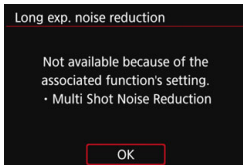
- Ở bước 2, bạn có thể xoay nút xoay < > để chọn tab menu. Ở bước 4, bạn có thể xoay nút xoay < > để chọn thiết lập cụ thể.
- Từ bước 2 đến bước 5, bạn có thể sử dụng màn hình cảm ứng của màn hình LCD (tr.62).
- Phần giải thích các chức năng menu sau đây giả định bạn đã nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.
- Để hủy, nhấn nút <MENU>.
- Để tìm hiểu chi tiết từng mục menu, tham khảo trang 383.

Các mục menu bị mờ

Ví dụ: Khi thiết lập [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**]



Những mục menu bị mờ sẽ không thể thiết lập. Những mục menu không thể lựa chọn sử dụng tại một thiết lập chức năng hiện tại nào đó sẽ bị làm mờ.



Bạn có thể nhìn thấy chức năng hiện đang thiết lập đó bằng cách chọn mục bị mờ và nhấn < >.

Nếu hủy thiết lập chức năng trên, mục menu bị mờ sẽ khả dụng trở lại.



Một vài mục menu mờ không hiển thị chức năng đang thiết lập.



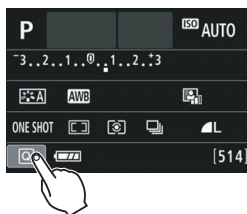
Với [**Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**] trong [**4: Clear settings (Xóa cài đặt)**], bạn có thể thiết lập lại các chức năng menu về cài đặt mặc định (tr.284).

Sử dụng màn hình cảm ứng

Màn hình LCD là bảng điều khiển cảm ứng cho phép thao tác bằng ngón tay.

Chạm

Điều khiển nhanh (Hiện thị mẫu)



- Dùng ngón tay để chạm (chạm nhẹ rồi nhả ra) trên màn hình LCD.
- Thao tác chạm cho phép bạn chọn menu, biểu tượng, v.v... hiển thị trên màn hình LCD.
- Khi chức năng có thể thao tác bằng màn hình cảm ứng, khung bao quanh biểu tượng chức năng sẽ xuất hiện (ngoại trừ trên màn hình menu). Ví dụ: khi chạm vào [Q], màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Chạm vào [↶] để quay lại màn hình trước đó.

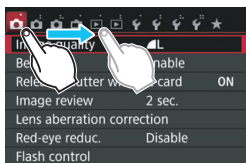


Các thao tác có thể thực hiện bằng cách chạm vào màn hình

- Thiết lập chức năng menu sau khi nhấn nút <MENU>
- Điều khiển nhanh
- Thiết lập chức năng sau khi nhấn nút <☰>, <ISO>, <☲>, <▲ WB>, <▼ ⚙️>, <◀️ 📷> hoặc <▶️ AF>
- Chạm để chụp trong khi chụp Live View
- Thiết lập chức năng trong khi chụp Live View
- Thiết lập chức năng trong khi quay phim
- Thao tác xem

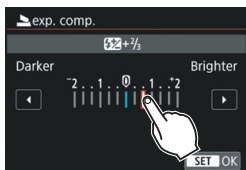
Kéo

Màn hình menu (Hiện thị mẫu)



- Trượt ngón tay khi chạm vào màn hình LCD.

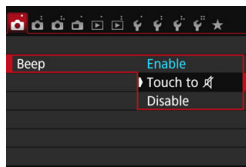
Hiện thị tỷ lệ (Hiện thị mẫu)



Thao tác có thể thực hiện bằng cách kéo ngón tay trên màn hình

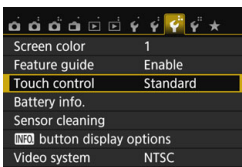
- Chọn tab menu hoặc mục sau khi nhấn nút <MENU>
- Thiết lập điều chỉnh tỷ lệ
- Điều khiển nhanh
- Thiết lập chức năng trong khi chụp Live View
- Thiết lập chức năng trong khi quay phim
- Thao tác xem

MENU Tắt tiếng bíp trong khi thực hiện thao tác chạm



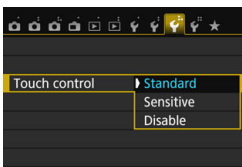
Nếu [**Beep (Bíp)**] được đặt thành [**Touch to [Beep icon]** (Chạm để [Beep icon])], máy ảnh sẽ không phát ra tiếng bíp khi thực hiện thao tác chạm.

MENU Thiết lập điều khiển cảm ứng



1 Chọn [Touch control (Điều khiển cảm ứng)].

- Trong tab [43], chọn [Touch control (Điều khiển cảm ứng)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập điều khiển cảm ứng.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- [Standard (Tiêu chuẩn)] là thiết lập thông thường.
- [Sensitive (Nhạy)] cho phản ứng chạm tốt hơn [Standard (Tiêu chuẩn)]. Thử cả hai thiết lập để chọn được thiết lập phù hợp.
- Để hủy thao tác với màn hình cảm ứng, chọn [Disable (Tắt)].

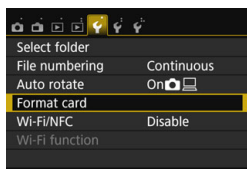
Thận trọng khi thao tác với màn hình cảm ứng

- Do màn hình LCD không nhạy với áp lực nên không được sử dụng bất kỳ vật sắc nhọn như móng tay, bút bi, v.v... để thực hiện thao tác chạm.
- Không dùng ngón tay ướt để thao tác với màn hình cảm ứng.
- Nếu màn hình LCD bị ẩm hoặc nếu ngón tay ướt, màn hình cảm ứng có thể không phản ứng hoặc vận hành không chính xác. Trong trường hợp này, tắt nguồn và lau màn hình LCD bằng vải.
- Không gắn miếng bảo vệ (bán trên thị trường) hoặc miếng dán lên màn hình LCD. Miếng dán có thể khiến thao tác chạm phản ứng chậm.
- Nếu thực hiện thao tác chạm nhanh khi đặt [Sensitive (Nhạy)], cảm ứng sẽ phản ứng chậm hơn.

MENU Định dạng thẻ

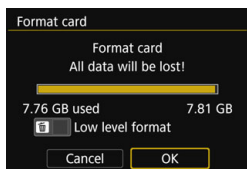
Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn.

- ⚠ **Khi định dạng thẻ, tất cả ảnh và dữ liệu trong thẻ sẽ bị xóa. Ngay cả ảnh được bảo vệ chống xóa cũng sẽ bị xóa, do đó đảm bảo rằng bạn không cần giữ lại thông tin nào trên thẻ. Nếu cần, truyền ảnh và dữ liệu vào máy tính, v.v... trước khi định dạng thẻ.**



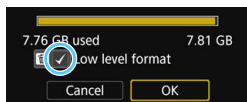
1 Chọn [Format card (Định dạng thẻ)].

- Trong tab [**F1**], chọn [**Format card (Định dạng thẻ)**], rồi nhấn <SET>.



2 Định dạng thẻ nhớ.

- Chọn [**OK**], rồi nhấn <SET>.
 - ▶ Thẻ sẽ được định dạng.
 - ▶ Khi quá trình định dạng hoàn tất, menu sẽ xuất hiện lại.
-
- Với định dạng mức thấp, nhấn nút <☑> để chọn [**Low level format (Định dạng mức thấp)**] bằng dấu chọn <✓>, rồi chọn [**OK**].





Thực hiện [Format card (Định dạng thẻ)] trong các trường hợp sau:

- Thẻ mới.
- Thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác.
- Thẻ chứa đầy ảnh hoặc dữ liệu.
- Hiện thị lỗi liên quan đến thẻ (tr.412).

Định dạng mức thấp

- Thực hiện định dạng ở mức thấp nếu tốc độ đọc hoặc ghi của thẻ chậm hoặc nếu bạn muốn xóa toàn bộ dữ liệu trong thẻ.
- Định dạng mức thấp sẽ định dạng tất cả phân khu có thể ghi trong thẻ, do vậy sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với định dạng thông thường.
- Bạn có thể dừng định dạng mức thấp bằng cách chọn [**Cancel (Hủy)**]. Trong trường hợp này, định dạng thông thường vẫn được hoàn tất và bạn có thể sử dụng thẻ như bình thường.



- Khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu, chỉ có thông tin quản lý tập tin thay đổi. Dữ liệu thực không bị xóa hoàn toàn. Lưu ý điều này khi bán hoặc vứt bỏ thẻ. Khi vứt bỏ thẻ, thực hiện định dạng ở mức thấp hoặc hủy thẻ bằng hình thức vật lý để ngăn chặn rò rỉ dữ liệu cá nhân.
- **Trước khi sử dụng thẻ Eye-Fi mới, cần cài đặt phần mềm trong thẻ trên máy tính. Sau đó, định dạng thẻ bằng máy ảnh.**

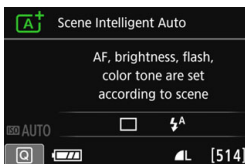


- Dung lượng thẻ hiển thị trên màn hình định dạng có thể nhỏ hơn dung lượng được ghi trên thẻ.
- Thiết bị này kết hợp công nghệ exFAT được cấp phép bởi Microsoft.

Chuyển hiển thị màn hình LCD

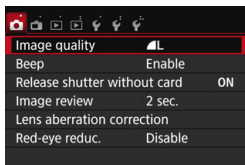
Màn hình LCD có thể hiển thị màn hình thiết lập chụp, màn hình menu, ảnh đã chụp, v.v...

Thiết lập chụp



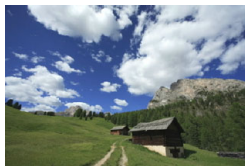
- Khi bật nguồn, thiết lập chụp sẽ hiển thị.
- Khi đặt mắt gần thị kính của khung ngắm, cảm biến tắt màn hình (tr.27, 289) sẽ tắt màn hình LCD để ngăn ánh sáng chói. Khi rời mắt khỏi thị kính của khung ngắm, màn hình LCD sẽ bật lại.
- Nhấn nút <INFO.> có thể thay đổi màn hình LCD như sau: Hiển thị màn hình cài đặt máy ảnh, hiển thị cân bằng điện tử, hiển thị màn hình thiết lập chụp hoặc tắt màn hình LCD (tr.366).

Chức năng menu



- Xuất hiện khi nhấn nút <MENU>. Nhấn lại nút này để quay về màn hình thiết lập chụp.

Ảnh đã chụp



- Xuất hiện khi nhấn nút <▶>. Nhấn lại nút này để quay về màn hình thiết lập chụp.



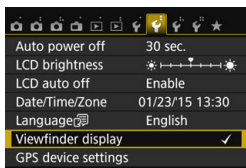
- Trong [**F2: LCD auto off (Tự động tắt LCD)**], có thể ngăn màn hình LCD tự động tắt (tr.289).
- Ngay cả khi màn hình menu hoặc ảnh đã chụp hiển thị, bạn vẫn có thể nhấn nút chụp để chụp lại ngay lập tức.



- Nếu bạn đeo kính râm và nhìn qua thị kính của khung ngắm, màn hình LCD có thể không tự động tắt. Trong trường hợp này, nhấn nút <INFO.> để tắt màn hình LCD.
- Ánh sáng đèn huỳnh quang ở gần có thể làm cho màn hình LCD tắt. Trong trường hợp này, đưa máy ảnh ra khỏi khu vực có ánh đèn huỳnh quang.

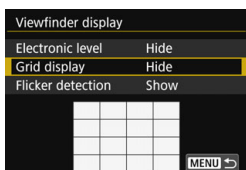
⦶ Hiển thị khung lưới

Hiển thị khung lưới trong khung ngắm sẽ hỗ trợ bạn trong việc căn chỉnh độ nghiêng máy và lấy bố cục ảnh chụp.



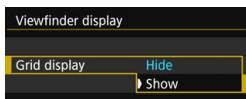
1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)].

- Trong tab [F2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



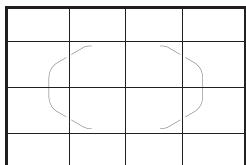
2 Chọn [Grid display (Hiển thị khung lưới)].

- Chọn [Grid display (Hiển thị khung lưới)], rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [Show (Hiện)].

- Chọn [Show (Hiện)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Khi thoát menu, khung lưới sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

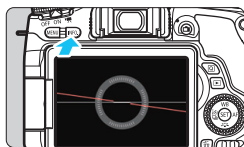


Bạn có thể hiển thị khung lưới trên màn hình LCD trong khi chụp Live View và trước khi bắt đầu quay phim (tr.216, 267).

Hiển thị cân bằng điện tử

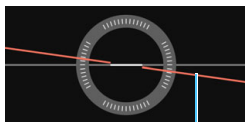
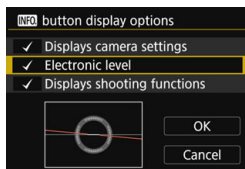
Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD hoặc trong khung ngắm để chỉnh nghiêng máy. Lưu ý bạn chỉ có thể kiểm tra nghiêng máy theo hướng ngang và không thể kiểm tra nghiêng máy về phía trước hoặc phía sau.

Hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD



1 Nhấn nút <INFO.>.

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, màn hình hiển thị sẽ thay đổi.
- Hiển thị cân bằng điện tử.
- Nếu cân bằng điện tử không xuất hiện, thiết lập [**4**3: **INFO** button display options (Tùy chọn hiển thị nút **INFO**.)] để hiển thị cân bằng điện tử (tr.366).




Cân bằng theo hướng ngang



2 Kiểm tra nghiêng máy.

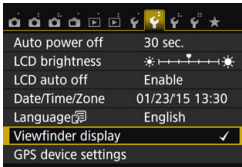
- Nghiêng máy theo hướng ngang hiển thị ở mức tăng 1°. Tỷ lệ nghiêng máy được đánh dấu ở mức tăng 5°.
- Đường lưới đỏ chuyển sang màu xanh lá cây cho biết máy đã ở vị trí cân bằng.

- Ngay cả khi máy đã ở vị trí cân bằng, ảnh vẫn có thể bị nghiêng khoảng $\pm 1^\circ$.
- Nếu độ nghiêng của máy ảnh quá lớn, sai số của cân bằng điện tử sẽ lớn hơn.

 Trong khi chụp Live View và trước khi quay phim (ngoại trừ với **+** Theo dõi), bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử như được trình bày phía trên (tr.207, 242).

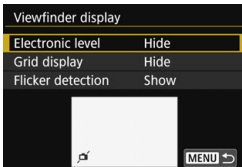
MENU Hiển thị cân bằng điện tử trong khung ngắm

Một biểu tượng máy ảnh đơn giản biểu thị cân bằng điện tử có thể hiển thị trong khung ngắm. Nhờ vậy, bạn có thể chỉnh sửa nghiêng máy khi chụp cầm tay.



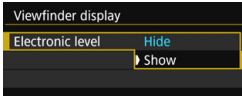
1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)].

- Trong tab [📷2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



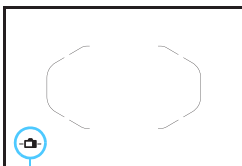
2 Chọn [Electronic level (Cân bằng điện tử)].

- Chọn [Electronic level (Cân bằng điện tử)], rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [Show (Hiện)].

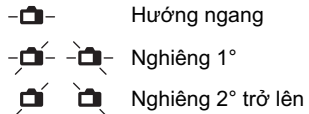
- Chọn [Show (Hiện)], rồi nhấn <SET>.



Cân bằng điện tử

4 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- Cân bằng điện tử sẽ xuất hiện như hình minh họa.

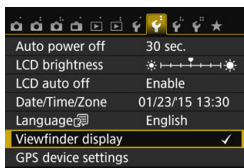


- Cân bằng có hiệu lực cả khi chụp ảnh dọc.

⚠️ Ngay cả khi hiện tượng nghiêng máy được chỉnh sửa, ảnh vẫn có thể bị nghiêng khoảng $\pm 1^\circ$.

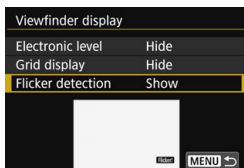
Hiển thị nhận diện nhấp nháy ☆

Nếu đặt chức năng này, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ xuất hiện trong khung ngắm khi máy ảnh phát hiện thấy nhấp nháy do có nguồn sáng nhấp nháy. Nhận diện nhấp nháy được đặt mặc định thành [**Show (Hiện)**].



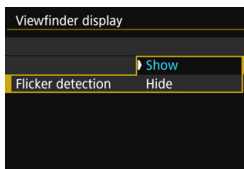
1 Chọn [**Viewfinder display (Hiện thị trong khung ngắm)**].

- Trong tab [**2**], chọn [**Viewfinder display (Hiện thị trong khung ngắm)**], rồi nhấn < **SET** >.




2 Chọn [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**].

- Chọn [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**], rồi nhấn < **SET** >.



3 Chọn [**Show (Hiện)**].

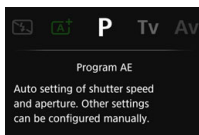
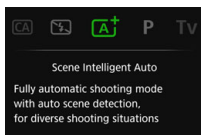
- Chọn [**Show (Hiện)**], rồi nhấn < **SET** >.

 Nếu đặt [**3: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] thành [**Enable (Bật)**], bạn có thể giảm thiểu tình trạng phơi sáng không đều gây ra do hiện tượng nhấp nháy (tr. 154).

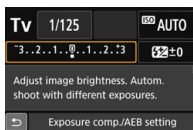
Hướng dẫn tính năng

Hướng dẫn tính năng xuất hiện kèm theo mô tả ngắn gọn về các chế độ, chức năng hoặc tùy chọn khi bạn thay đổi chế độ chụp hoặc thiết lập chức năng chụp, chụp Live View, quay phim hoặc điều khiển nhanh trong khi xem lại. Mô tả cũng xuất hiện khi bạn chọn một chức năng hoặc tùy chọn trong màn hình điều khiển nhanh. Hướng dẫn tính năng sẽ tắt khi bạn chạm vào mô tả hoặc tiếp tục thao tác.

● Chế độ chụp (Mẫu)



● Điều khiển nhanh (Mẫu)



Thiết lập chụp

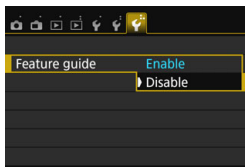


Chụp Live View



Phát lại

MENU Tắt hướng dẫn tính năng



Chọn [Feature guide (Hướng dẫn tính năng)].

- Trong tab [📷3], chọn [Feature guide (Hướng dẫn tính năng)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Disable (Tắt)], rồi nhấn <SET>.

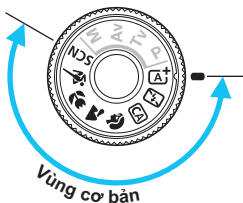



2

Chụp cơ bản và xem ảnh

Chương này giới thiệu cách sử dụng chế độ vùng cơ bản trên nút xoay chế độ cho kết quả tốt nhất và cách xem lại ảnh.

Với chế độ vùng cơ bản, bạn chỉ cần ngắm và chụp, máy ảnh sẽ tự động thiết lập các cài đặt (tr.99, 375). Ngoài ra, để tránh làm hỏng ảnh do thao tác sai, bạn không thể thay đổi các thiết lập chức năng chụp nâng cao.



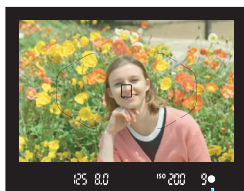
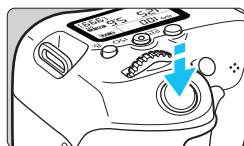
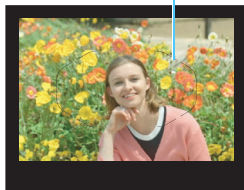
 Nếu đặt nút xoay chế độ thành <SCN> khi màn hình LCD đang tắt, nhấn nút <Q> để kiểm tra chế độ chụp trước khi chụp (tr.90).

[A⁺] Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

<A⁺> là chế độ tự động hoàn toàn. Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các cài đặt tối ưu. Chế độ này cũng điều chỉnh lấy nét tự động bằng cách phát hiện chủ thể tĩnh hay đang chuyển động (tr.79).



Khung AF theo vùng



Đèn báo lấy nét

1 Đặt nút xoay chế độ thành <A⁺>.

- Xoay nút xoay chế độ trong lúc nhấn giữ nút nhả khóa ở giữa.

2 Hướng khung AF theo vùng vào chủ thể.

- Tất cả các điểm AF đều được sử dụng để lấy nét và máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể gần nhất.
- Hướng trung tâm của khung AF theo vùng vào chủ thể sẽ giúp lấy nét dễ dàng hơn.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp. Các tính năng của ống kính sẽ thay đổi để lấy nét.
- ▶ (Các) điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị. Đồng thời, máy phát ra tiếng bíp và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng.
- ▶ Trong điều kiện ánh sáng yếu, (các) điểm AF sẽ chớp sáng đỏ.
- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.
- Sau khi chụp ảnh, dùng ngón tay đẩy đèn flash tích hợp xuống.



Chế độ <**A⁺**> giúp màu sắc trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và hoàng hôn trở nên ấn tượng hơn. Nếu bạn chưa đạt được tông màu mong muốn, chuyển sang chế độ vùng sáng tạo và chọn kiểu ảnh khác với <**A⁺**>, rồi chụp lại (tr.135).



Câu hỏi thường gặp

- **Đèn báo lấy nét <●> nhấp nháy và không lấy được nét.**
Hướng khung AF theo vùng vào khu vực có độ tương phản tốt, rồi nhấn nửa chừng nút chụp (tr.52). Di chuyển ra xa và thử lại nếu bạn ở quá gần chủ thể.
- **Khi lấy được nét, (các) điểm AF không chớp sáng đỏ.**
Điểm AF chỉ chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu.
- **Nhiều điểm AF phát sáng đồng thời.**
Máy ảnh đã lấy được nét tại tất cả các điểm này. Bạn có thể chụp ảnh khi điểm AF bao quanh chủ thể mục tiêu vẫn phát sáng.

- **Tiếng bíp nhỏ phát ra liên tục. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.)**

Biểu thị máy ảnh đang lấy nét liên tục trên chủ thể chuyển động. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.) Bạn có thể chụp ảnh sắc nét với chủ thể chuyển động.

Lưu ý rằng khóa lấy nét (tr.79) không hoạt động trong trường hợp này.

- **Nhấn nửa chừng nút chụp nhưng không lấy được nét.**

Đặt công tắc chế độ lấy nét trên ống kính thành <AF> (lấy nét tự động) nếu đang ở chế độ <MF> (lấy nét tay).

- **Đèn flash nâng lên cho dù vào ban ngày.**

Đối với chủ thể ngược sáng, flash có thể đánh sáng giúp làm sáng các vùng tối của chủ thể. Nếu bạn không muốn đèn flash phát sáng, sử dụng Điều khiển nhanh để thiết lập [Flash firing (Đánh sáng flash)] thành [☺] (tr.98) hoặc thiết lập chế độ <☒> (Flash tắt) và chụp (tr.81).

- **Flash đánh sáng và ảnh chụp quá sáng.**

Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Khi chụp ảnh có flash, nếu chủ thể ở quá gần máy ảnh, ảnh chụp có thể quá sáng (dư sáng).

- **Trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng.**

Nhấn nửa chừng nút chụp để kích hoạt đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng nhằm hỗ trợ lấy nét tự động. Tính năng này được gọi là tia giúp lấy nét. Phạm vi hiệu quả khoảng 4 m/13,1 ft. Đèn flash tích hợp sẽ phát ra âm thanh khi đánh sáng liên tục. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực tiếp.

- **Khi sử dụng flash, phần dưới của ảnh chụp bị tối một cách thiếu tự nhiên.**

Bóng của vành ống kính sẽ xuất hiện trong ảnh khi chủ thể ở quá gần ống kính. Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Tháo loa che nắng trên ống kính trước khi chụp ảnh sử dụng flash.

[A⁺] Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

Bố cục lại ảnh



Tùy thuộc vào bối cảnh chụp, định vị chủ thể sang trái hoặc sang phải để tạo hậu cảnh cân bằng và phối cảnh tốt.

Ở chế độ <[A⁺]>, khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tĩnh, lấy nét sẽ bị khóa. Bố cục lại ảnh trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, rồi nhấn xuống hoàn toàn để chụp ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Khóa lấy nét cũng có thể thực hiện ở các chế độ vùng cơ bản khác (ngoại trừ <[M]> <[S]>).

Chụp chủ thể chuyển động




Ở chế độ <[A⁺]>, nếu chủ thể chuyển động (khoảng cách từ chủ thể tới máy ảnh thay đổi) trong khi hoặc sau khi bạn lấy nét, Lấy nét AI Servo sẽ thực hiện lấy nét liên tục. (Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục.) Khi bạn vẫn hướng khung AF theo vùng vào chủ thể trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, quá trình lấy nét sẽ thực hiện liên tục. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

Chụp Live View

Bạn có thể chụp khi xem ảnh trên màn hình LCD. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 203.



1 **Hiện thị ảnh Live View trên màn hình LCD.**

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.




2 **Lấy nét chủ thể.**

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.



3 **Chụp ảnh.**

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để kết thúc chụp Live View.

Bạn cũng có thể xoay màn hình LCD theo nhiều góc khác nhau (tr.41).



Góc thường




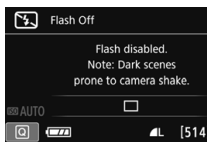
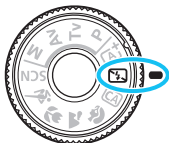
Góc thấp



Góc cao

Tắt flash

Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các cài đặt tối ưu. Ở những nơi cấm chụp ảnh có flash, như trong bảo tàng hoặc công viên thủy sinh, vui lòng sử dụng chế độ <  > (Flash tắt).



Gợi ý chụp ảnh

- **Tránh rung máy nếu tốc độ màn trập trong khung ngắm nhấp nháy.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu khi dễ xảy ra rung máy ảnh, thông số tốc độ màn trập trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy ảnh hoặc sử dụng chân máy. Khi sử dụng ống kính zoom, nên sử dụng tiêu cự góc rộng để giảm mờ do rung máy khi cầm máy bằng tay.

- **Chụp chân dung không sử dụng flash.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu, đảm bảo chủ thể đứng yên cho đến khi ảnh được chụp. Chuyển động của chủ thể trong khi chụp sẽ làm nhòe ảnh.

CA Chụp tự động sáng tạo

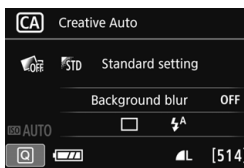
Ở chế độ <CA>, bạn có thể thiết lập các chức năng sau để chụp:

(1) Chụp bổ sung kèm hiệu ứng, (2) Chụp ảnh dựa trên môi trường, (3) Làm mờ hậu cảnh, (4) Kiểu chụp và (5) Đánh sáng flash. Cài đặt mặc định tương tự chế độ <A+>.

* CA là viết tắt của Creative Auto (Tự động sáng tạo).

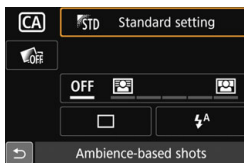


1 Đặt nút xoay chế độ thành <CA>.



2 Nhấn nút <Q> (1/10).

▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

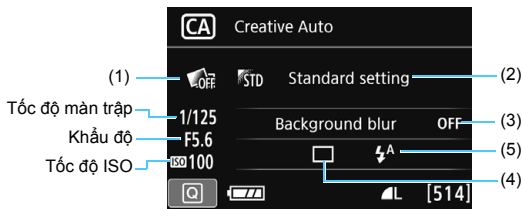


3 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn chức năng.
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.73) sẽ xuất hiện.
- Nhấn <SET> để thiết lập chức năng.
- Để tìm hiểu về quy trình thiết lập và chi tiết mỗi chức năng, tham khảo các trang 83-85.

4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



Nếu thiết lập (1), (2) hoặc (3) khi máy ảnh đang ở chế độ chụp Live View, bạn có thể thấy hiệu ứng trên màn hình trước khi chụp.

(1) Chụp bổ sung kèm hiệu ứng

- Bạn có thể lựa chọn các hiệu ứng sau để chụp: Bộ lọc sáng tạo (tr.212), Kiểu ảnh (tr.135) và Chụp ảnh dựa trên môi trường (tr.100).
- Xoay nút xoay <☉> để chọn [📷] : **Enable (Bật)**. Xoay nút xoay <☀️> để chọn hiệu ứng và chụp.
- Khi chụp, sẽ có hai ảnh được ghi. Một ảnh chụp có áp dụng hiệu ứng, một ảnh không có hiệu ứng. Hai ảnh sẽ hiển thị cùng nhau ngay sau khi bạn chụp ảnh. Ảnh không có hiệu ứng hiển thị bên trái và ảnh có hiệu ứng ở bên phải.


Đăng ký hiệu ứng chụp yêu thích

- Trong khi xem ảnh (ngay sau khi chụp hoặc xem lại), ảnh chụp có áp dụng hiệu ứng sẽ có biểu tượng [SET 📷]. Nhấn nút <SET> và nút <INFO.> có thể kiểm tra hiệu ứng ảnh đã được áp dụng.
- Bạn có thể đăng ký hai hiệu ứng chụp trong [★ :Favorite effect (Hiệu ứng yêu thích)].
- Khi chọn [★ :Favorite effect (Hiệu ứng yêu thích)] đã đăng ký, bạn có thể chụp với hiệu ứng đã chọn được áp dụng. Ngoài ra có thể ghi đè các [★ :Favorite effect (Hiệu ứng yêu thích)].











- Nếu sử dụng thẻ Eye-Fi và đặt chế độ xóa ảnh sau khi truyền, ảnh không áp dụng hiệu ứng sẽ không hiển thị khi xem lại ngay sau khi chụp.
- Ảnh Live View hiển thị với Chụp bổ sung kèm hiệu ứng được chọn sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.

(2) Chụp ảnh dựa trên môi trường


- Bạn có thể chọn và chụp với môi trường muốn truyền tải vào trong ảnh.
- Xoay nút xoay <  > để chọn môi trường. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 100.

(3) Làm mờ hậu cảnh




- Nếu đặt **[OFF (TẮT)]**, mức độ làm mờ hậu cảnh sẽ thay đổi tùy theo độ sáng.
- Nếu đặt thiết lập khác với **[OFF (TẮT)]**, mức độ làm mờ hậu cảnh sẽ được điều chỉnh không phụ thuộc vào độ sáng.
- Xoay nút xoay <  > hoặc <  > để di chuyển con trỏ sang phải, hậu cảnh sẽ rõ nét hơn.
- Xoay nút xoay <  > hoặc <  > để di chuyển con trỏ sang trái sẽ làm mờ hậu cảnh của chủ thể. Lưu ý rằng tùy thuộc vào khẩu độ tối đa của ống kính (chỉ số khẩu độ f nhỏ nhất), có thể không chọn được một số tùy chọn điều chỉnh.
- Sử dụng chụp Live View để xem ảnh được làm mờ trước và sau điểm lấy nét. Khi xoay nút xoay <  > hoặc <  >, **[Simulating blur (Giả lập làm mờ)]** sẽ hiển thị trên màn hình LCD.
- Nếu muốn làm mờ hậu cảnh, tham khảo phần “Chụp chân dung” ở trang 86.
- Tùy thuộc vào ống kính và điều kiện chụp, hậu cảnh có thể trông không quá mờ.
- Tính năng này không thiết lập được khi sử dụng flash. Nếu đặt <  > và thiết lập làm mờ hậu cảnh, <  > sẽ được đặt tự động.



- Nếu **[Simulating blur (Giả lập làm mờ)]** có hiệu lực khi chụp Live View, ảnh hiển thị trong khi biểu tượng <  > (tr.206) nhấp sáng có thể nhiều hoặc tối hơn ảnh thực tế.
- Không thể chọn cùng lúc (1) Chụp bổ sung kèm hiệu ứng và (2) Chụp ảnh dựa trên môi trường.
- Không thể chọn cùng lúc (1) Chụp bổ sung kèm hiệu ứng và (3) Làm mờ hậu cảnh.


(4) **Kiểu chụp:** Sử dụng nút xoay <  > hoặc <  > để chọn.

<  > **Chụp từng ảnh:**

Chụp mỗi lần một ảnh.


<  > **Chụp liên tục:**


Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục. Bạn có thể chụp tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây.

<  S > **Chụp từng ảnh ngắt tiếng*:**

Chụp từng ảnh với ít tiếng động hơn <  >.

<  S > **Chụp liên tục ngắt tiếng*:**

Chụp liên tục (tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây) với ít tiếng động hơn <  >.



<  10 > **Chụp hẹn giờ: 10 giây/điều khiển từ xa:**

Ảnh sẽ được chụp sau 10 giây từ khi nhấn nút chụp. Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa.



<  2 > **Chụp hẹn giờ: 2 giây:**


Ảnh sẽ được chụp sau 2 giây từ khi nhấn nút chụp.

<  C > **Chụp hẹn giờ: Liên tục:**

Nhấn các phím <  > <  > để thiết lập số ảnh chụp liên tục (2 đến 10 ảnh) khi chụp hẹn giờ. Số ảnh chụp liên tục đã thiết lập sẽ được chụp sau khi nhấn nút chụp 10 giây.

* Không thể sử dụng khi chụp Live View.







(5) **Đánh sáng flash:** Xoay nút xoay <  > hoặc <  > để chọn thiết lập mong muốn.

<  > **Flash tự động** : Đèn flash tự động đánh sáng khi cần thiết.

<  > **Flash bật** : Đèn flash luôn đánh sáng.

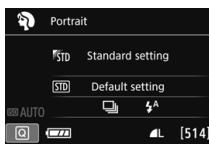
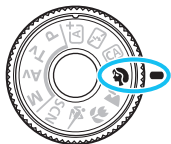
<  > **Flash tắt** : Đèn flash tắt.



- Khi sử dụng chụp hẹn giờ, tham khảo lưu ý  ở trang 124.
- Khi sử dụng <  >, tham khảo phần “Tắt flash” ở trang 81.
- Không thể thiết lập **RAW + **, **RAW** và <  > <  S > <  C > khi thiết lập Chụp bổ sung kèm hiệu ứng.
- Không sử dụng được flash khi thiết lập làm mờ hậu cảnh.

Chụp chân dung

Chế độ (Chân dung) làm mờ hậu cảnh để làm nổi bật chủ thể người. Chế độ này làm tông màu da và tóc dịu hơn.



Gợi ý chụp ảnh

- **Chọn vị trí nơi khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh là xa nhất.**


Khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh càng xa, hậu cảnh sẽ trông càng mờ. Chủ thể sẽ nổi bật hơn khi ở trước hậu cảnh tối và đơn giản.

- **Sử dụng ống kính tele.**


Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa để đưa phần thân trên của chủ thể vào khung hình. Di chuyển lại gần chủ thể hơn nếu cần.

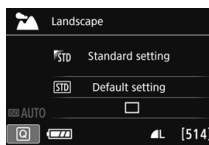
- **Lấy nét khuôn mặt.**

Kiểm tra điểm AF bao quanh khuôn mặt đã phát sáng chưa. Lấy nét đôi mắt khi chụp cận cảnh khuôn mặt.


 Cài đặt mặc định là (Chụp liên tục). Nhấn giữ nút chụp để có thể chụp liên tục các kiểu ảnh với vẻ mặt khác nhau (tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây).

Chụp phong cảnh


Sử dụng chế độ < > (Phong cảnh) để chụp cảnh rộng hoặc lấy nét vật thể từ gần đến xa. Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn.

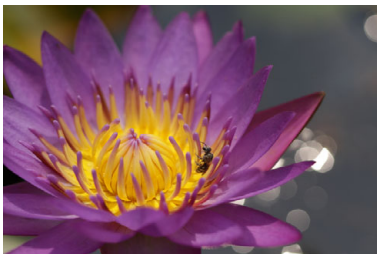
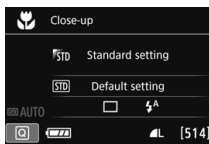


Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom.**
Khi sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom, những chủ thể ở gần và xa sẽ được lấy nét tốt hơn so với khi sử dụng tiêu cự chụp xa. Tiêu cự góc rộng giúp tăng thêm độ rộng cho cảnh.
- **Chụp cảnh đêm.**
Chế độ < > không sử dụng flash tích hợp, do đó thích hợp để chụp cảnh đêm. Khi chụp các cảnh đêm, bạn nên sử dụng chân máy để tránh rung máy.
- Đèn flash tích hợp sẽ không đánh sáng ngay cả trong điều kiện ngược sáng hoặc ánh sáng yếu.
- Nếu bạn đang sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn Speedlite sẽ đánh sáng.

Chụp cận cảnh

Khi chụp cận cảnh hoa hoặc vật thể nhỏ, bạn nên sử dụng chế độ < > (Cận cảnh). Sử dụng ống kính macro (bán riêng) để phóng to nhiều lần vật thể nhỏ.





Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng hậu cảnh đơn giản.**

Hậu cảnh đơn giản làm nổi bật vật thể nhỏ như bông hoa.

- **Di chuyển càng gần chủ thể càng tốt.**


Kiểm tra để biết khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính. Một số ống kính có chỉ số ví dụ như <MACRO 0.25m/0.8ft>. Khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính được đo từ đầu < > (mặt phẳng tiêu cự) ở trên cùng máy ảnh đến chủ thể. Nếu ở quá gần chủ thể, đèn báo lấy nét < > sẽ nhấp nháy.

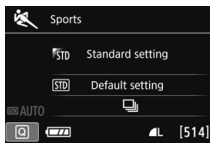
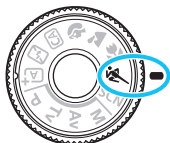
Nếu sử dụng flash và phần dưới của ảnh trông tối, di chuyển ra xa chủ thể.

- **Sử dụng tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.**

Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa sẽ làm chủ thể trông lớn hơn.

Chụp chủ thể chuyển động

Sử dụng < > (Thể thao) để chụp chủ thể chuyển động như người đang chạy hay xe cộ di chuyển.





Gợi ý chụp ảnh

● Sử dụng ống kính tele.

Nên sử dụng ống kính tele khi chụp từ khoảng cách xa.

● Theo dõi chủ thể với khung AF theo vùng.

Hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để bắt đầu lấy nét tự động trong khung AF theo vùng. Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục trong khi lấy nét tự động. Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét < > sẽ nhấp nháy.

Cài đặt mặc định là < > (Chụp liên tục). Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh. Nhấn giữ nút chụp để duy trì lấy nét tự động trong khi chụp liên tục chuyển động của chủ thể (tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây).



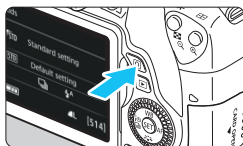
- Trong điều kiện ánh sáng yếu khi dễ xảy ra rung máy, thông số tốc độ màn trập ở phần dưới bên trái của khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy và chụp.
- Nếu bạn đang sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn Speedlite sẽ đánh sáng.

SCN: Chế độ cảnh đặc biệt

Máy ảnh sẽ tự động chọn thiết lập thích hợp khi bạn chọn chế độ chụp cho chủ thể hoặc cảnh.

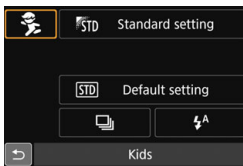


1 Đặt nút xoay chế độ thành <SCN>.



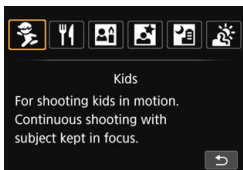
2 Nhấn nút <Q> (10).

▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



3 Chọn chế độ chụp.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn biểu tượng chế độ chụp mong muốn.
- Xoay nút xoay <☀> hoặc <☺> để chọn chế độ chụp.
- Bạn cũng có thể chọn biểu tượng chế độ chụp và nhấn <SET> để hiển thị lựa chọn của các chế độ chụp có thể chọn.




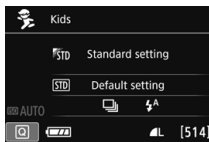
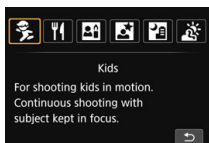
Các chế độ chụp sẵn có trong chế độ <SCN>

| Chế độ chụp | Trang |
|-------------|-------|
| Trẻ em | tr.91 |
| Đồ ăn | tr.92 |
| Ảnh nền | tr.93 |



| Chế độ chụp | Trang |
|----------------------|-------|
| Chân dung ban đêm | tr.94 |
| Chụp đêm cầm tay | tr.95 |
| Chỉnh ngược sáng HDR | tr.96 |


Chụp trẻ em

Sử dụng chế độ < > Trẻ em để lấy nét liên tục và chụp cảnh trẻ em vui chơi. Tông màu da trông khỏe khoắn hơn.



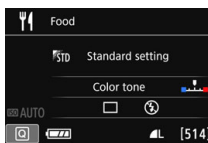
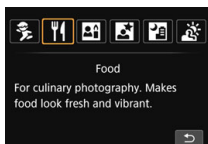
Gợi ý chụp ảnh

- **Theo dõi chủ thể với khung AF theo vùng.**
Hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để bắt đầu lấy nét tự động trong khung AF theo vùng. Tiếng bip nhỏ sẽ phát ra liên tục trong khi lấy nét tự động. Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét < > sẽ nhấp nháy.
- **Chụp liên tục.**
Cài đặt mặc định là < > (Chụp liên tục). Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh. Nhấn giữ nút chụp để duy trì lấy nét tự động trong khi chụp liên tục các thay đổi biểu cảm khuôn mặt và chuyển động của chủ thể (tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây).

 Khi đèn flash đang nạp, thông báo “**buSY**” hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD, đồng thời bạn không thể chụp ảnh. Chụp ảnh sau khi hiển thị này đã tắt. Trong khi chụp Live View, “**BUSY**” hiển thị trên màn hình LCD và bạn không thể ngắm chủ thể.

🍴 Chụp đồ ăn

Sử dụng <🍴> (Đồ ăn) để chụp đồ ăn. Ảnh sẽ trông sáng và rực rỡ.



💡 Gợi ý chụp ảnh

● Thay đổi tông màu.

Bạn có thể thay đổi [**Color tone (Tông màu)**]. Ảnh chụp đồ ăn có tông màu ánh đỏ sẽ làm đồ ăn trông sống động hơn. Để tăng tông màu ánh đỏ của đồ ăn, đặt tông màu thành [**Warm tone (Tông ấm)**]. Đặt tông màu về [**Cool tone (Tông lạnh)**] nếu màu quá đỏ.

● Chụp cận cảnh chủ thể.


Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa để chụp cận cảnh đồ ăn.

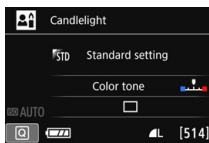
● Tránh sử dụng flash.

Nếu sử dụng flash, ánh đèn sẽ bị đĩa hoặc đồ ăn dội lại, gây ra đổ bóng không tự nhiên. Cài đặt mặc định là <🚫> (Flash tắt). Tránh làm rung máy khi chụp trong điều kiện ánh sáng yếu.


- Tông màu ở chế độ này được thiết lập để chụp đồ ăn trông sống động hơn, nên khi chụp chủ thể người có thể không cho tông màu da phù hợp.
- Nếu sử dụng flash, thiết lập [**Color tone (Tông màu)**] sẽ chuyển sang cài đặt tiêu chuẩn.

Chụp chân dung dưới ánh nến


Sử dụng <> (Ánh nến) để chụp chủ thể người dưới ánh nến. Tông màu của ánh nến sẽ được lưu lại trong ảnh.

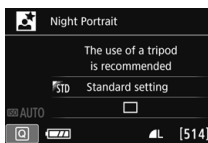
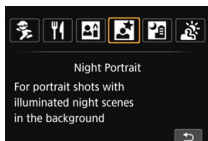


Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng điểm AF trung tâm để lấy nét.**
Hướng điểm AF trung tâm trong khung ngắm vào chủ thể rồi chụp.
 - **Tránh rung máy nếu thông số tốc độ màn trập trong khung ngắm nhấp nháy.**
Trong điều kiện ánh sáng yếu khi dễ xảy ra rung máy ảnh, thông số tốc độ màn trập trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy ảnh hoặc sử dụng chân máy. Khi sử dụng ống kính zoom, nên sử dụng tiêu cự góc rộng để giảm mờ do rung máy khi cầm máy bằng tay.
 - **Thay đổi tông màu.**
Bạn có thể thay đổi [**Color tone (Tông màu)**]. Để tăng tông màu ánh đỏ của ánh nến, đặt tông màu thành [**Warm tone (Tông ấm)**]. Đặt tông màu về [**Cool tone (Tông lạnh)**] nếu màu quá đỏ.
-  ● Không thể chụp Live View.
- Đèn flash tích hợp sẽ không đánh sáng. Trong điều kiện ánh sáng yếu, máy ảnh sẽ phát ra tia giúp lấy nét (tr.113).
 - Nếu bạn đang sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn Speedlite sẽ đánh sáng.

Chụp chân dung ban đêm (Với chân máy)

Sử dụng chế độ <  > (Chân dung ban đêm) để chụp chủ thể người vào buổi tối với hậu cảnh ban đêm trông tự nhiên hơn. Bạn nên sử dụng chân máy.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng ống kính góc rộng và chân máy.**



Sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom để tăng độ rộng của cảnh. Ngoài ra, bạn nên sử dụng chân máy để tránh rung máy.


- **Kiểm tra độ sáng của chủ thể.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp sẽ đánh sáng tự động để chủ thể được phơi sáng tốt.


Nên xem lại ảnh sau khi chụp để kiểm tra độ sáng của ảnh. Di chuyển lại gần chủ thể và chụp lại nếu chủ thể trông tối.

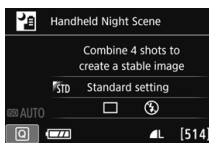
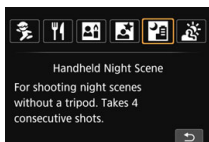
- **Cũng có thể chụp ở các chế độ khác.**

Do dễ xảy ra rung máy khi chụp ảnh đêm, bạn cũng nên chụp bằng chế độ <  > và <  >.

-  Đảm bảo chủ thể đứng yên ngay cả sau khi flash đánh sáng.
- Nếu sử dụng chụp hẹn giờ cùng với flash, đèn chụp hẹn giờ sẽ nháy sáng nhanh sau khi chụp ảnh.
- Tham khảo phần thận trọng ở trang 97.

Chụp cảnh đêm (Cầm tay)

Sử dụng chân máy khi chụp cảnh đêm để có kết quả tốt nhất. Tuy nhiên, với chế độ < > (Chụp đêm cầm tay), bạn có thể chụp cảnh đêm khi cầm máy ảnh. Máy ảnh sẽ chụp liên tục một chuỗi bốn bức ảnh cho mỗi hình, sau đó kết hợp các ảnh này lại thành một ảnh rõ nét nhất.





Gợi ý chụp ảnh


● Giữ chắc máy ảnh.

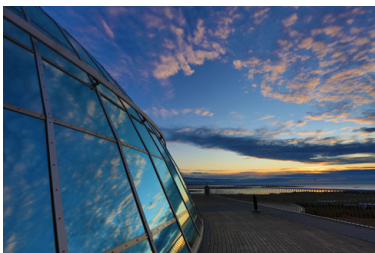
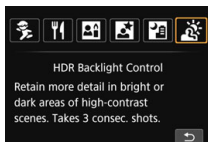
Giữ chắc máy ảnh trong khi chụp. Ở chế độ này, bốn bức ảnh được căn chỉnh và kết hợp thành một ảnh đơn. Tuy nhiên, nếu bất kỳ ảnh nào trong bốn ảnh bị lệch quá nhiều do rung máy, ảnh kết hợp cuối cùng sẽ không được căn chỉnh chính xác.

● **Bật flash để chụp ảnh chủ thể người.**

Khi chụp chủ thể người trong ảnh chụp cảnh đêm, nhấn nút < > để đặt < > (Flash bật). Để chụp ảnh chân dung đẹp, flash sẽ được sử dụng ở ảnh đầu tiên. Đảm bảo người được chụp không di chuyển cho đến khi chụp xong bốn ảnh liên tiếp.

Chụp cảnh ngược sáng


Sử dụng chế độ <  > (Chỉnh ngược sáng HDR) để chụp cảnh có cả vùng sáng và vùng tối. Ở chế độ này, máy ảnh sẽ chụp liên tiếp ba bức ảnh ở các độ phơi sáng khác nhau và kết hợp thành một ảnh. Ảnh thu được có phạm vi tông màu rộng, đồng thời giảm thiểu hiện tượng sấp bóng do ngược sáng.




Gợi ý chụp ảnh

● **Giữ chắc máy ảnh.**

Giữ chắc máy ảnh trong khi chụp. Ở chế độ này, ba bức ảnh được căn chỉnh và kết hợp thành một ảnh. Tuy nhiên, nếu bất kỳ ảnh nào trong ba ảnh bị lệch quá nhiều do rung máy, ảnh kết hợp cuối cùng sẽ không được căn chỉnh chính xác.

-  Đèn flash sẽ không đánh sáng. Trong điều kiện ánh sáng yếu, máy ảnh sẽ phát ra tia giúp lấy nét (tr.113).
- Tham khảo phần thận trọng ở trang 97.

 HDR là viết tắt của High Dynamic Range (Dải tương phản động cao).



Thận trọng dành cho chế độ <MF> (Chân dung ban đêm) và <MF> (Chụp đêm cầm tay)

- Khi chụp Live View, có thể khó lấy nét các chấm sáng, ví dụ như trong cảnh đêm. Trong trường hợp này, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay.
- Ảnh Live View hiển thị sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.

Thận trọng dành cho chế độ <MF> (Chụp đêm cầm tay)

- Khi chụp ảnh có flash, nếu chủ thể ở quá gần máy ảnh, ảnh chụp có thể quá sáng (dư sáng).
- Nếu sử dụng flash để chụp cảnh đêm thiếu sáng, các ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác. Việc này có thể khiến ảnh bị mờ.
- Nếu sử dụng flash và chủ thể người quá gần hậu cảnh được chiếu sáng bằng flash, các ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác. Việc này có thể khiến ảnh bị mờ. Ngoài ra, có thể xuất hiện các vùng tối không tự nhiên và các màu không hợp lý.
- Tầm tác dụng của đèn flash ngoài:
 - Khi sử dụng đèn Speedlite với cài đặt tự động tầm tác dụng của flash, vị trí zoom sẽ cố định ở tiêu cự góc rộng mà không phụ thuộc vào vị trí zoom của ống kính.
 - Nếu thiết lập bằng tay tầm tác dụng của flash, đặt bộ phát ánh sáng (đầu flash) đến đầu góc rộng trước khi chụp.

Thận trọng dành cho <MF> (Chân dung ban đêm)

- Trong khi chụp Live View, bạn có thể khó lấy nét khi mặt của chủ thể bị tối. Trong trường hợp này, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay.

Thận trọng dành cho <MF> (Chụp đêm cầm tay) và <MF> (Chỉnh ngược sáng HDR)

- So với các chế độ chụp khác, khu vực chụp ở hai chế độ này sẽ nhỏ hơn.
- Bạn không thể chọn **RAW** + **L** hoặc **RAW**. Nếu đặt **RAW** + **L** hoặc **RAW**, **L** sẽ được đặt.
- Nếu bạn chụp một chủ thể đang chuyển động, chuyển động của chủ thể có thể để lại bóng mờ trên ảnh hoặc vùng xung quanh chủ thể có thể bị tối.
- Đối với các ảnh có đối tượng dạng lặp đi lặp lại (lưới, vãn, v.v...), ảnh phẳng, ảnh đơn sắc hay ảnh bị lệch quá nhiều do rung máy, tính năng căn chỉnh ảnh có thể hoạt động không chính xác.
- Do ảnh được ghép sau khi chụp nên sẽ mất một khoảng thời gian để ghi ảnh vào thẻ. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Nếu đặt chế độ chụp thành <MF> hoặc <MF>, bạn sẽ không thể thực hiện in trực tiếp (tr.).

⚠️ **Thận trọng dành cho <👁️> (Chỉnh ngược sáng HDR)**

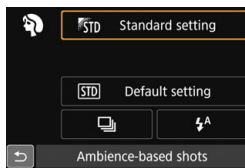
- Lưu ý rằng ảnh có thể không có độ chuyển tiếp màu mượt mà và có thể trông không đều hoặc nhiễu hạt.
- Chỉnh ngược sáng HDR có thể không hoạt động hiệu quả với cảnh ngược sáng quá mức hoặc cảnh có độ tương phản quá cao.
- Khi chụp chủ thể trong điều kiện đủ sáng, ví dụ chụp các cảnh với ánh sáng thông thường, ảnh có thể trông không tự nhiên do áp dụng hiệu ứng HDR.

📄 **Điều khiển nhanh**

Ở chế độ vùng cơ bản, khi màn hình thiết lập chụp hiển thị, bạn có thể nhấn nút <📄> để hiển thị màn hình điều khiển nhanh. Các bảng ở trang tiếp theo biểu thị các chức năng có thể thiết lập với màn hình điều khiển nhanh trong từng chế độ vùng cơ bản.

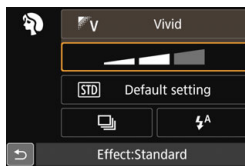
1 **Đặt nút xoay chế độ thành chế độ vùng cơ bản.**

Ví dụ: Chế độ chụp chân dung



2 **Nhấn nút <📄> (👁️10).**

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



3 **Cài đặt chức năng.**

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn chức năng. (Thao tác này không cần thiết ở chế độ 📄.)
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.73) sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <🌅> hoặc <🕒> để thay đổi thiết lập.
- Bạn cũng có thể chọn từ danh sách bằng cách chọn một chức năng và nhấn <🔍>.

Chức năng có thể thiết lập ở chế độ vùng cơ bản

● : Cài đặt mặc định ○ : Người dùng có thể chọn □ : Không thể chọn

| Chức năng | | | | | | | | |
|--|--|---|---|---|---|---|---|---|
| Drive mode (Kiểu chụp) (tr.122) | <input type="checkbox"/> : Chụp từng ảnh | ● | ● | ● | ○ | ● | ● | ○ |
| | : Chụp liên tục | ○ | ○ | ○ | ● | ○ | ○ | ● |
| | : Chụp từng ảnh ngắt tiếng | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | : Chụp liên tục ngắt tiếng | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | (10 giây) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | (2 giây) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | (Liên tục) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Flash firing (Đánh sáng flash) | : Tự động đánh sáng | ● | | ● | ● | | ● | |
| | : Flash bật (Luôn đánh sáng) | ○ | | ○ | ○ | | ○ | |
| | : Flash tắt | ○ | ● | ○ | ○ | ● | ○ | ● |
| Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường) (tr.100) | | | | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh) (tr.104) | | | | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Background blur (Làm mờ hậu cảnh) (tr.84) | | | | ○ | | | | |
| Color tone (Tông màu) (tr.92, 93) | | | | | | | | |
| Extra Effect Shot (Chụp bổ sung kèm hiệu ứng) (tr.83) | | | | ○ | | | | |

| Chức năng | | SCN | | | | | |
|--|--|-----|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | |
| Drive mode (Kiểu chụp) (tr.122) | <input type="checkbox"/> : Chụp từng ảnh | ○ | ● | ● | ● | ● | ● |
| | : Chụp liên tục | ● | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | : Chụp từng ảnh ngắt tiếng | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | : Chụp liên tục ngắt tiếng | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | (10 giây) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | (2 giây) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | (Liên tục) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Flash firing (Đánh sáng flash) | : Tự động đánh sáng | ● | | | ● | | |
| | : Flash bật (Luôn đánh sáng) | ○ | ○ | | | ○ | |
| | : Flash tắt | ○ | ● | ● | | ● | ● |
| Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường) (tr.100) | | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh) (tr.104) | | ○ | | | | | |
| Background blur (Làm mờ hậu cảnh) (tr.84) | | | | | | | |
| Color tone (Tông màu) (tr.92, 93) | | | ○ | ○ | | | |
| Extra Effect Shot (Chụp bổ sung kèm hiệu ứng) (tr.83) | | | | | | | |

* Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, tất cả chức năng sẽ trở về cài đặt mặc định (ngoại trừ chụp hẹn giờ).

Chụp theo lựa chọn môi trường

Bạn có thể chọn môi trường chụp, ngoại trừ <CA>, <SCN> và <SCN> trong chế độ vùng cơ bản.

| Môi trường | CA / SCN / SCN | SCN | | Hiệu ứng môi trường |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|
| | | SCN / SCN / SCN | SCN / SCN / SCN | |
| STD Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Không cài đặt |
| V Vivid (Rực rỡ) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh |
| S Soft (Dịu) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh |
| W Warm (Ấm) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh |
| I Intense (Mạnh) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh |
| C Cool (Lạnh) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh |
| B Brighter (Sáng hơn) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Thấp / Trung bình / Cao |
| D Darker (Tối hơn) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Thấp / Trung bình / Cao |
| M Monochrome (Đơn sắc) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | Xanh da trời / Đen trắng / Nâu đỏ |

1 Đặt nút xoay chế độ thành một trong các chế độ sau: <CA>, <SCN>, <SCN>, <SCN>, <SCN> hoặc <SCN>.

- Nếu chế độ chụp là <SCN>, lựa chọn một trong các chế độ sau: <SCN>, <SCN>, <SCN> hoặc <SCN>.



2 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <SCN> để hiện thị ảnh Live View (ngoại trừ <SCN>).



3 Trên màn hình điều khiển nhanh, chọn môi trường mong muốn.

- Nhấn nút <Q> (<10>).
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [STD Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)]. [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] sẽ xuất hiện trên màn hình.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn môi trường mong muốn.
- ▶ Màn hình LCD sẽ hiển thị ảnh với môi trường đã chọn.



4 Thiết lập hiệu ứng môi trường.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn hiệu ứng sao cho [Effect (Hiệu ứng)] xuất hiện ở dưới cùng.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn hiệu ứng mong muốn.

5 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Để chụp qua khung ngắm, trước tiên nhấn nút <📷> để thoát chế độ chụp Live View. Sau đó, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, thiết lập sẽ trở về [STD Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)].





- Ảnh Live View hiển thị với cài đặt môi trường được chọn sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.
- Sử dụng flash có thể làm giảm hiệu ứng môi trường.
- Ở ngoài trời sáng, ảnh Live View thấy trên màn hình LCD có thể không có độ sáng hoặc môi trường giống hoàn toàn như ảnh thực tế. Đặt [🔆2: LCD brightness (Độ sáng LCD)] thành 4 và xem ảnh Live View để màn hình LCD không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng bên ngoài.



Nếu không muốn ảnh Live View hiển thị khi thiết lập chức năng, nhấn nút <Q> sau bước 1 đồng thời thiết lập [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] và [Effect (Hiệu ứng)].

Cài đặt môi trường

STD Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)

Đặc tính ảnh tiêu chuẩn cho chế độ chụp tương ứng. Lưu ý rằng chế độ <  > có đặc tính ảnh phù hợp với ảnh chân dung và chế độ <  > phù hợp với ảnh phong cảnh. Mỗi môi trường là một biến thể các đặc tính ảnh của chế độ chụp tương ứng.

V Vivid (Rực rỡ)

Chủ thể trông sắc nét và rực rỡ. Thiết lập này khiến ảnh trông ấn tượng hơn so với [**STD Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)**].

S Soft (Dịu)

Chủ thể trông dịu hơn và dễ thương hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi, hoa, v.v...

W Warm (Ấm)

Chủ thể trông dịu hơn với màu ấm hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi và các chủ thể bạn muốn đem lại cảm giác ấm áp.

I Intense (Mạnh)

Khi độ sáng tổng thể thấp đi, chủ thể được làm nổi bật để trông sống động hơn. Giúp người hoặc chủ thể sống thêm nổi bật.

C Cool (Lạnh)

Độ sáng tổng thể thấp với sắc thái màu lạnh hơn. Chủ thể trong bóng râm trông dịu và ấn tượng hơn.

B Brighter (Sáng hơn)

Ảnh trông sáng hơn.

D Darker (Tối hơn)

Ảnh trông tối hơn.

M Monochrome (Đơn sắc)

Ảnh chụp là ảnh đơn sắc. Bạn có thể chọn màu đơn sắc là xanh da trời, đen trắng hoặc nâu đỏ. Khi chọn [**Monochrome (Đơn sắc)**], biểu tượng <**B/W**> sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

Chụp theo kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh

Trong chế độ vùng cơ bản <☺>, <☷>, <☺>, <☷> và <☺>, bạn có thể chụp với các thiết lập phù hợp với kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh. Thông thường, chỉ cần sử dụng [STD] **Default setting (Cài đặt mặc định)**, nhưng nếu cài đặt phù hợp với điều kiện ánh sáng hoặc cảnh, ảnh sẽ trông gần giống với thực tế hơn.

Để chụp Live View, nếu thiết lập cả [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] và [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] (tr.100), nên thiết lập [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] trước, để xem các hiệu ứng trên màn hình LCD dễ dàng hơn.

| Kiểu ánh sáng hoặc cảnh | | | | | SCN |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | | |
| [STD] Default setting (Cài đặt mặc định) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| [☺] Daylight (Ánh sáng ban ngày) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| [☷] Shade (Bóng râm) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| [☷] Cloudy (Nhiều mây) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| [☺] Tungsten light (Ánh đèn dây tóc) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| [☷] Fluorescent light (Ánh đèn huỳnh quang) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| [☺] Sunset (Hoàng hôn) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

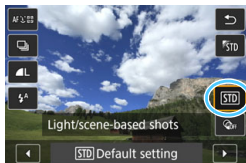
1 Đặt nút xoay chế độ thành một trong các chế độ sau: <☺>, <☷>, <☺>, <☷> hoặc <SCN>.

- Trong chế độ <SCN>, đặt thành <☺>.

2 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <☺> để hiện thị ảnh Live View.





3 Chọn kiểu ánh sáng hoặc cảnh trên màn hình điều khiển nhanh.

- Nhấn nút <Q> (Ⓢ10).
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [STD Default setting (Cài đặt mặc định)]. [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh.
- ▶ Ảnh kết quả sẽ hiển thị với kiểu ánh sáng hoặc cảnh đã chọn.

4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Để chụp qua khung ngắm, trước tiên nhấn nút <📷> để thoát chế độ chụp Live View. Sau đó, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, cài đặt sẽ trở về [STD Default setting (Cài đặt mặc định)].



- Nếu sử dụng flash, cài đặt sẽ chuyển thành [STD Default setting (Cài đặt mặc định)]. (Tuy nhiên, thông tin chụp sẽ hiển thị kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh đã thiết lập.)
- Nếu muốn thiết lập cài đặt này cùng với [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)], bạn nên thiết lập kiểu ánh sáng hoặc cảnh phù hợp nhất với môi trường đã thiết lập. Ví dụ trong trường hợp [Sunset (Hoàng hôn)], màu ám sẽ trở nên nổi bật, vì vậy môi trường đã thiết lập có thể không đạt hiệu quả tốt.



Nếu không muốn ảnh Live View hiển thị khi thiết lập chức năng, nhấn nút <Q> sau bước 1 và thiết lập [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)].

Thiết lập kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh

Default setting (Cài đặt mặc định)

Cài đặt mặc định phù hợp với hầu hết các chủ thể.

Daylight (Ánh sáng ban ngày)

Để chụp chủ thể dưới ánh sáng mặt trời. Giúp bầu trời xanh và cây cỏ trông tự nhiên hơn và mô phỏng hoa sáng màu trông đẹp hơn.

Shade (Bóng râm)

Để chụp chủ thể trong bóng râm. Phù hợp khi chụp ảnh có tông màu da bị ngả xanh và các loại hoa sáng màu.

Cloudy (Nhiều mây)

Để chụp chủ thể dưới bầu trời âm u. Làm tông màu da và phong cảnh xám màu vào ngày trời nhiều mây trông ấm hơn. Cũng có hiệu quả đối với hoa sáng màu.

Tungsten light (Ánh đèn dây tóc)

Để chụp chủ thể được chiếu sáng dưới đèn dây tóc. Giảm sắc thái màu cam đỏ do đèn dây tóc gây ra.

Fluorescent light (Ánh đèn huỳnh quang)

Để chụp chủ thể dưới đèn huỳnh quang. Phù hợp với tất cả loại đèn huỳnh quang.

Sunset (Hoàng hôn)

Phù hợp khi chụp với màu sắc ấn tượng của cảnh mặt trời lặn.

▶ Xem ảnh

Hướng dẫn bên dưới giúp bạn xem lại ảnh một cách dễ dàng nhất. Để biết chi tiết về quy trình xem ảnh, tham khảo trang 295.



1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶>.
- ▶ Ảnh chụp sau cùng hoặc ảnh xem sau cùng sẽ xuất hiện.



2 Chọn ảnh.

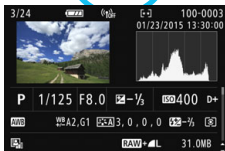
- Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp cuối cùng, xoay nút xoay <◀> ngược chiều kim đồng hồ. Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp đầu tiên, xoay nút xoay <▶> theo chiều kim đồng hồ.
- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



Không có thông tin



Hiển thị thông tin cơ bản



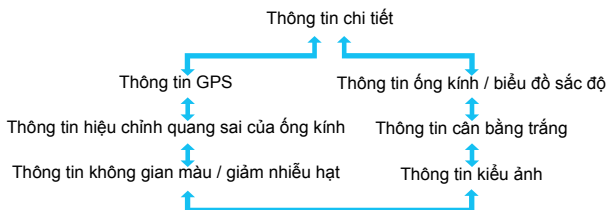
Hiển thị thông tin chụp

3 Thoát xem ảnh.

- Nhấn nút <▶> để thoát xem ảnh và quay lại trạng thái sẵn sàng chụp.

Hiển thị thông tin chụp

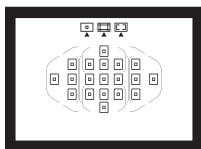
Khi hiển thị màn hình thông tin chụp (tr.107), bạn có thể nhấn các phím <▲> <▼> để thay đổi thông tin chụp hiển thị ở dưới cùng màn hình như sau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 325-326.



- Thông tin hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp và cài đặt.
- Màn hình thông tin GPS sẽ không hiển thị nếu thông tin GPS không được ghi cho ảnh.

3

Thiết lập kiểu chụp và AF



19 điểm AF trong khung ngắm giúp chụp AF phù hợp với nhiều cảnh và chủ thể.

Bạn cũng có thể chọn thao tác AF và kiểu chụp phù hợp nhất với điều kiện chụp và chủ thể.

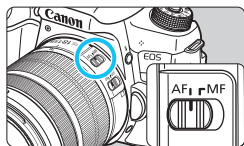
- Biểu tượng ☆ ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (tr.31).
- Trong chế độ vùng cơ bản, thao tác AF và điểm AF (Chế độ chọn vùng AF) được thiết lập tự động.



<AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động). <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay).

AF: Thay đổi thao tác lấy nét tự động ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF (lấy nét tự động) phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Ở chế độ vùng cơ bản, thao tác AF tối ưu được tự động thiết lập cho chế độ chụp tương ứng.

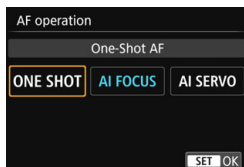


1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.



2 Nhấn nút <▶ AF>.

▶ [AF operation (Thao tác AF)] sẽ xuất hiện.



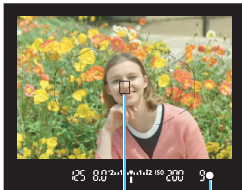
3 Chọn thao tác AF.

• Nhấn phím <◀> <▶> để chọn thao tác AF mong muốn, rồi nhấn <SET>.

4 Lấy nét chủ thể.

• Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, máy ảnh sẽ tự động lấy nét bằng thao tác AF đã chọn.

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh



Điểm AF

Đèn báo lấy nét

Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm cũng phát sáng.
 - Đối với đo sáng toàn khung ảnh, cài đặt phơi sáng sẽ được thiết lập cùng lúc lấy được nét.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.




- Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh hoặc tham khảo phần “Chủ thể khó lấy nét” (tr.120) và thử lấy nét lại.
- Nếu đặt [**1: Beep (Bíp)**] thành [**Disable (Tắt)**], tiếng bíp sẽ không phát ra khi lấy được nét.
- Sau khi lấy được nét với Lấy nét một lần, bạn có thể khóa lấy nét trên chủ thể và bố cục lại ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Thao tác này thuận tiện khi bạn muốn lấy nét chủ thể không nằm trong khung AF theo vùng.
- Khi sử dụng ống kính có chức năng lấy nét tay điện tử, sau khi lấy được nét, bạn có thể xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét tay trong khi nhấn nửa chừng nút chụp.

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục cho chủ thể chuyển động

Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động khi khoảng cách lấy nét luôn thay đổi. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, chủ thể sẽ liên tục được lấy nét.


- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi chế độ chọn vùng AF được thiết lập thành AF 19 điểm tự động chọn (tr.114), trước tiên, máy ảnh sẽ sử dụng điểm AF được chọn bằng tay để lấy nét. Trong khi tự động lấy nét, nếu chủ thể di chuyển ra xa điểm AF được chọn bằng tay, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong khung AF theo vùng.

 Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét. Ngoài ra, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng.

Lấy nét tự động AI để tự động chuyển đổi thao tác AF

Chế độ lấy nét tự động AI sẽ tự động chuyển thao tác AF từ lấy nét một lần sang lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chủ thể tĩnh bắt đầu di chuyển.

- Sau khi chủ thể được lấy nét bằng thao tác lấy nét một lần, nếu chủ thể bắt đầu di chuyển, máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động, tự động chuyển thao tác AF sang lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và bắt đầu theo dõi chủ thể.

 Khi lấy được nét bằng Lấy nét tự động AI với thao tác Servo được kích hoạt, tiếng bíp nhỏ sẽ liên tục phát ra. Tuy nhiên, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng. Lưu ý rằng lấy nét sẽ không khóa trong trường hợp này.

Điểm AF chớp sáng đỏ

Theo mặc định, điểm AF chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu. Trong chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể thiết lập để điểm AF chớp sáng hoặc không chớp sáng đỏ khi lấy được nét (tr.360).

Tia giúp lấy nét với đèn flash tích hợp

Trong điều kiện ánh sáng yếu, khi nhấn nửa chừng nút chụp, flash tích hợp sẽ đánh một loạt flash ngắn, giúp chiếu sáng chủ thể để lấy nét tự động dễ dàng hơn.



- Đèn flash tích hợp sẽ không phát tia giúp lấy nét trong các chế độ chụp sau: , , và .
- Tia giúp lấy nét không thể phát ra với thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.
- Đèn flash tích hợp sẽ phát ra âm thanh khi đánh sáng liên tục. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trục trặc.



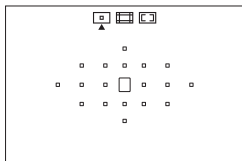
- Phạm vi hiệu quả của tia giúp lấy nét được phát ra bởi flash tích hợp là khoảng 4 m/13,1 ft.
- Ở chế độ vùng sáng tạo, khi nâng flash tích hợp bằng nút (tr.176), tia giúp lấy nét sẽ phát ra khi cần. Lưu ý rằng tùy thuộc vào thiết lập cho [4: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)] trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], tia giúp lấy nét có thể không phát ra (tr.358).

Chọn vùng và điểm AF ☆

19 điểm AF được cung cấp để lấy nét tự động. Bạn có thể chọn chế độ lựa chọn vùng AF và (các) điểm AF phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.

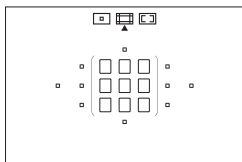
Chế độ chọn vùng AF

Bạn có thể chọn một trong ba chế độ chọn vùng AF. Tham khảo trang tiếp theo để biết quy trình chọn.



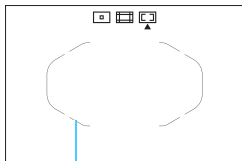
: AF một điểm (Chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF để lấy nét.




: AF theo vùng (chọn vùng bằng tay)

19 điểm AF được chia thành năm vùng để lấy nét.

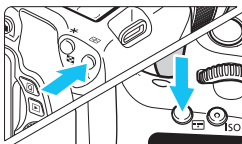


: AF 19 điểm tự động chọn

Tất cả các điểm AF được sử dụng để lấy nét. Chế độ này được thiết lập tự động trong các chế độ vùng cơ bản (trừ < >).

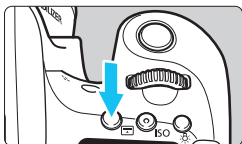
Khung AF theo vùng

Chọn chế độ lựa chọn vùng AF



1 Nhấn nút <AF-ON> hoặc <AF-ON/LOCK> (♻️).

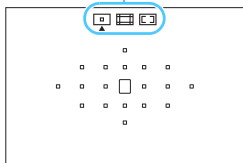
- Ngắm qua khung ngắm và nhấn nút <AF-ON> hoặc <AF-ON/LOCK>.



2 Nhấn nút <AF-ON/LOCK>.

- Mỗi lần nhấn nút <AF-ON/LOCK>, chế độ chọn vùng AF sẽ thay đổi.
- Cài đặt hiện tại của chế độ chọn vùng AF hiển thị ở phía trên cùng của khung ngắm.

Chế độ chọn vùng AF



☐: AF một điểm

(Chọn bằng tay)

▣: AF theo vùng

(Chọn vùng bằng tay)

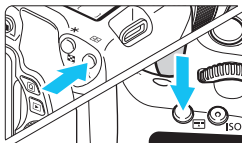
⊞: AF 19 điểm tự động chọn



Trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [5: AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)] thành [1: AF-ON → Main Dial (Nút xoay chính)], bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF bằng cách nhấn nút <AF-ON> hoặc <AF-ON/LOCK>, rồi xoay nút xoay <Main Dial> (tr.358).

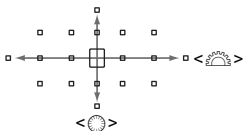
Chọn điểm AF bằng tay

Bạn có thể chọn điểm hoặc vùng AF bằng tay. Nếu chế độ chọn AF 19 điểm tự động chọn + Lấy nét AI Servo đã được thiết lập, bạn có thể chọn mọi vị trí mà lấy nét AI Servo hướng tới để bắt đầu.



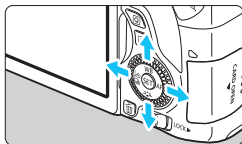
1 Nhấn nút <AF-ON> hoặc <AF-ON/ISO> (ⓘ6).

- ▶ Các điểm AF sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Trong chế độ AF theo vùng, vùng đã chọn sẽ được hiển thị.



2 Chọn điểm AF.

- Bạn có thể chọn điểm AF bằng cách sử dụng nút xoay <AF-ON/ISO> để chuyển theo chiều ngang hoặc nút xoay <AF-ON/ISO> để chuyển theo chiều dọc. Nếu nhấn <SET>, điểm AF trung tâm (hoặc vùng trung tâm) sẽ được chọn.
- Trong chế độ AF theo vùng, xoay nút xoay <AF-ON/ISO> hoặc <AF-ON/ISO> sẽ thay đổi vùng theo thứ tự vòng.
- Bạn cũng có thể chọn điểm AF hoặc vùng bằng cách sử dụng các phím <Left> <Right> để chuyển theo chiều ngang hoặc các phím <Up> <Down> để chuyển theo chiều dọc.



- Khi nhấn giữ nút <Q> và xoay nút xoay <AF-ON/ISO>, bạn có thể chọn điểm AF bằng cách chuyển theo chiều dọc.
- Khi nhấn nút <AF-ON/ISO> hoặc <AF-ON/ISO>, bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị các mục sau:
 - AF 19 điểm tự động chọn và AF theo vùng (chọn vùng bằng tay): []
 - AF**
 - AF 1 điểm (Chọn bằng tay): **SEL []** (Trung tâm)/**SEL AF** (Ngoài trung tâm)

Chế độ chọn vùng AF ☆

☐ AF một điểm (Chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF <☐> sẽ sử dụng để lấy nét.

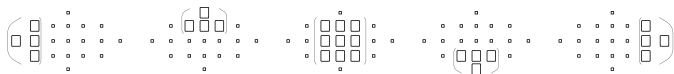


☐ AF theo vùng (chọn vùng bằng tay)

19 điểm AF được chia thành năm vùng để lấy nét. Tất cả điểm AF trong vùng đã chọn sẽ được sử dụng để chọn điểm lấy nét tự động. Chức năng này có hiệu quả với các chủ thể chuyển động.

Tuy nhiên, do chế độ này có xu hướng lấy nét trên chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét một mục tiêu cụ thể sẽ khó khăn hơn so với AF một điểm.

(Các) điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị là <☐>.

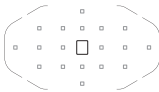


AF 19 điểm tự động chọn

Tất cả các điểm AF được sử dụng để lấy nét. Chế độ này được thiết lập tự động trong các chế độ vùng cơ bản (trừ).



Với Lấy nét một lần, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ hiển thị (các) điểm AF đã lấy được nét. Nếu nhiều điểm AF cùng hiển thị, điều đó có nghĩa là tất cả các điểm đó đều đã lấy được nét.



Với Lấy nét AI Servo, điểm AF đã chọn bằng tay (tr.116) được sử dụng trước tiên để lấy nét. (Các) điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị là .

Lấy nét tự động bằng cách phát hiện tông màu

Định cấu hình như sau giúp lấy nét vào chủ thể người ở trạng thái tĩnh dễ dàng hơn.

- Đặt thao tác lấy nét tự động thành lấy nét một lần.
- Đặt chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 19 điểm tự động chọn.
- Trong [**F4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**6: Auto AF point selection: Color Tracking (Chọn điểm AF tự động: Theo dõi màu)**] thành [**0: One-Shot AF only (Chỉ lấy nét một lần)**] (nếu đặt thành [**1: Disable (Tắt)**], về cơ bản chủ thể gần nhất sẽ được lấy nét) (tr.359).

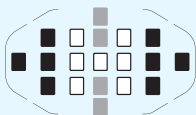
- Khi chế độ Lấy nét AI Servo được đặt thành AF 19 điểm tự động chọn hoặc lấy nét tự động theo vùng, điểm AF kích hoạt sẽ liên tục di chuyển để theo dõi chủ thể. Tuy nhiên, trong một số điều kiện chụp (ví dụ: khi chủ thể quá nhỏ), có thể không theo dõi được chủ thể. Tương tự, trong điều kiện nhiệt độ thấp, phản ứng theo dõi cũng chậm hơn.
- Nếu máy ảnh không thể lấy nét với tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS, hãy đặt chế độ chọn vùng AF thành AF một điểm (chọn bằng tay) và chọn điểm AF trung tâm để lấy nét tự động.
- Khi (các) điểm AF sáng lên, một phần hoặc toàn bộ khung ngắm có thể nháy đỏ. Đây là một đặc tính của màn hình hiển thị điểm AF sử dụng tinh thể lỏng.
- Ở điều kiện nhiệt độ thấp, đôi khi bạn có thể gặp khó khăn trong việc xem màn hình hiển thị điểm AF do đặc tính sử dụng tinh thể lỏng của thiết bị.




Thao tác AF và khẩu độ ống kính tối đa

Khẩu độ ống kính tối đa: f/3.2 - f/5.6

Với tất cả điểm AF, AF chữ thập có thể nhạy với các đường dọc và ngang. Tuy nhiên, với ống kính dưới đây, các điểm AF vùng ngoại vi sẽ chỉ phát hiện các đường dọc hoặc ngang (không lấy nét chữ thập).

Các ống kính không hỗ trợ lấy nét chữ thập với các điểm AF vùng ngoại vi



-  Lấy nét chữ thập
-  Lấy nét nhạy với đường dọc
-  Lấy nét nhạy với đường ngang

Không thể thực hiện lấy nét chữ thập tại các điểm AF và với các ống kính sau:

EF35-80mm f/4-5.6, EF35-80mm f/4-5.6 II, EF35-80mm f/4-5.6 III,
EF35-80mm f/4-5.6 USM, EF35-105mm f/4.5-5.6, EF35-105mm f/4.5-5.6
USM, EF80-200mm f/4.5-5.6 II, EF80-200mm f/4.5-5.6 USM

Khẩu độ ống kính tối đa: f/1.0 - f/2.8

Ngoài lấy nét chữ thập (đồng thời phát hiện các đường dọc và ngang), điểm AF trung tâm cũng có thể thực hiện lấy nét tự động độ chính xác cao nhạy với đường dọc.*

18 điểm AF còn lại thực hiện lấy nét chữ thập, khi khẩu độ tối đa là f/3.2 - f/5.6.

* Ngoại trừ ống kính EF28-80mm f/2.8-4L USM và EF50mm f/2.5 Compact Macro.

Chủ thể khó lấy nét

Lấy nét tự động có thể không lấy được nét (đèn báo lấy nét của khung ngắm <●> sẽ nhấp nháy) đối với các chủ thể sau đây:

- Chủ thể có độ tương phản rất thấp
(Ví dụ: Bầu trời xanh, bức tường đồng màu, v.v...)
- Chủ thể trong điều kiện ánh sáng rất yếu
- Chủ thể ngược sáng hoặc phản chiếu mạnh
(Ví dụ: Thân xe ô tô có độ phản chiếu cao, v.v...)
- Chủ thể gần và xa được đóng khung gần điểm AF
(Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...)
- Chủ thể như các điểm sáng được đóng khung gần điểm AF
(Ví dụ: Cảnh đêm, v.v...)
- Các dạng lặp đi lặp lại
(Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà chọc trời, bàn phím máy tính, v.v...)

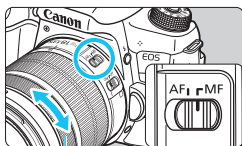
Trong những trường hợp này, cần thực hiện một trong hai thao tác sau:

- (1) Đối với lấy nét một lần, nên lấy nét vật thể ở cùng khoảng cách với chủ thể và khóa lấy nét trước khi bố cục lại (tr.79).
- (2) Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay.



- Tùy thuộc vào chủ thể, có thể lấy được nét bằng cách bố cục lại ảnh một chút và thực hiện lại thao tác AF.
- Các điều kiện khiến khó lấy nét với AF trong chụp Live View hoặc quay phim được liệt kê ở trang 226.

MF: Lấy nét tay



Vòng lấy nét

- 1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.
- 2 Lấy nét chủ thể.
 - Lấy nét bằng cách xoay vòng lấy nét của ống kính cho đến khi chủ thể trong khung ngắm trở nên sắc nét.



Nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp trong khi lấy nét tay, điểm AF đã lấy được nét và đèn báo lấy nét <●> sẽ phát sáng trong khung ngắm.

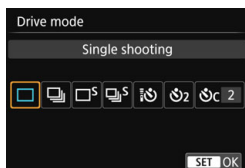
Chọn kiểu chụp

Máy ảnh cung cấp chế độ chụp từng ảnh và chụp liên tục.



1 Nhấn nút <◀▶i📷▶>.

▶ [Drive mode (Kiểu chụp)] sẽ xuất hiện.



2 Chọn kiểu chụp.

● Nhấn các phím <◀> <▶> để lựa chọn kiểu chụp mong muốn, rồi nhấn <📷(SET)>.

: Chụp từng ảnh

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy ảnh chỉ chụp một ảnh đơn.

: Chụp liên tục (Tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây)

Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục.

S : Chụp từng ảnh ngắt tiếng

Chụp từng ảnh với ít tiếng động hơn <📷>.

S : Chụp liên tục ngắt tiếng (Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây)

Chụp liên tục với ít tiếng động hơn <📷>.

i📷 : Chụp hẹn giờ: 10 giây/điều khiển từ xa

📷2 : Chụp hẹn giờ: 2 giây

📷c : Chụp hẹn giờ: Liên tục

Để tìm hiểu về chụp hẹn giờ, tham khảo trang 124. Để tìm hiểu về chụp điều khiển từ xa, tham khảo trang 370.



- Nếu đặt $\langle \square S \rangle$ hoặc $\langle \square S \rangle$, thời gian trễ từ lúc nhấn hoàn toàn nút chụp đến khi ảnh được chụp sẽ dài hơn khi chụp từng ảnh hoặc chụp liên tục ở chế độ bình thường.
 - Khi chụp Live View, không thể chọn $\langle \square S \rangle$ và $\langle \square S \rangle$.
 - Khi mức pin thấp, tốc độ chụp liên tục cũng sẽ chậm hơn.
 - Trong thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào chủ thể và ống kính được sử dụng.
 - \square : Tốc độ chụp liên tục tối đa đạt được là khoảng 5,0 ảnh/giây trong điều kiện sau*: Với tốc độ màn trập là 1/500 giây hoặc nhanh hơn, ở khẩu độ tối đa (thay đổi tùy thuộc vào ống kính), Hiệu chỉnh méo hình: Tắt và Chụp chống nhấp nháy: Tắt. Tốc độ chụp liên tục có thể giảm tùy thuộc vào tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, ống kính, sử dụng flash, nhiệt độ, lượng pin còn lại, v.v...
- * Đặt chế độ lấy nét tự động thành Lấy nét một lần và hệ thống ổn định hình ảnh (IS) chuyển thành TẮT khi sử dụng các ống kính sau: EF300mm f/4L IS USM, EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM, EF75-300mm f/4-5.6 IS USM và EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM.

🕒 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ



1 Nhấn nút <🕒📷📷>.

▶ [Drive mode (Kiểu chụp)] sẽ xuất hiện.

2 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

● Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn chế độ hẹn giờ, rồi nhấn <SET>.

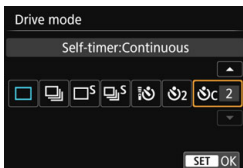
🕒📷: Hẹn giờ 10 giây

Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa (tr.370).

🕒2: Hẹn giờ 2 giây (tr.85)

🕒c: Hẹn giờ 10 giây và chụp liên tục

Nhấn các phím <▲> <▼> để thiết lập số ảnh chụp liên tục (2 đến 10 ảnh) khi chụp hẹn giờ.



3 Chụp ảnh.

- Nhìn qua khung ngắm, lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra thao tác hẹn giờ bằng đèn chụp hẹn giờ, tiếng bíp và hiển thị đếm ngược (bằng giây) trên bảng điều khiển LCD.

▶ Hai giây trước khi chụp ảnh, đèn chụp hẹn giờ sẽ sáng lên và tiếng bíp phát ra nhanh hơn.

- Với <🕒c>, khoảng thời gian giữa nhiều lần chụp có thể kéo dài hơn tùy thuộc vào cài đặt chức năng chụp ví dụ như chất lượng ghi ảnh hoặc flash.
- Nếu không nhìn qua khung ngắm khi nhấn nút chụp, nên đậy nắp thị kính lại (tr.371). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.

- Sau khi chụp ảnh hẹn giờ, nên xem lại ảnh (tr.107) để kiểm tra lấy nét và phơi sáng.
- Khi sử dụng chụp hẹn giờ để tự chụp, bạn nên sử dụng khóa lấy nét (tr.79) cho vật thể ở cùng khoảng cách với vị trí bạn sẽ đứng.
- Để hủy chế độ chụp hẹn giờ sau khi đã khởi động, chạm vào màn hình LCD hoặc nhấn nút <🕒📷📷>.

4

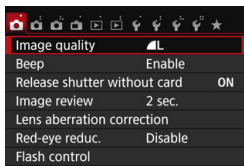
Thiết lập ảnh

Chương này giải thích các thiết lập chức năng liên quan đến ảnh: chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, cân bằng trắng, tự động tối ưu hóa ánh sáng, giảm nhiễu hạt, hiệu chỉnh quang sai của ống kính, chụp chống nhấp nháy và các chức năng khác.

- Ở chế độ vùng cơ bản, chỉ có thể thiết lập các chức năng sau theo giới thiệu trong chương: chất lượng ghi ảnh và hiệu chỉnh quang sai của ống kính.
- Biểu tượng ☆ ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (tr.31).

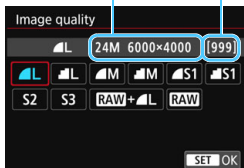
MENU Thiết lập chất lượng ghi ảnh

Bạn có thể chọn độ phân giải và chất lượng ảnh. Máy ảnh cung cấp mười chất lượng ghi ảnh: **L**, **L**, **M**, **M**, **S1**, **S1**, **S2**, **S3**, **RAW** + **L**, **RAW**.



Độ phân giải được ghi
(độ phân giải)

Số ảnh có thể
chụp



1 Chọn chất lượng ghi ảnh.

- Trong tab [**1**], chọn [**Image quality (Chất lượng ảnh)**], rồi nhấn < **SET** >.
- ▶ [**Image quality (Chất lượng ảnh)**] sẽ xuất hiện.

2 Đặt chất lượng ghi ảnh.

- Độ phân giải của chất lượng ảnh tương ứng và số ảnh có thể chụp sẽ hiển thị để giúp bạn chọn chất lượng ảnh mong muốn. Sau đó, nhấn < **SET** >.

Hướng dẫn về thiết lập chất lượng ghi ảnh

(Ước chừng)

| Chất lượng ảnh | | Độ phân giải (megapixel) | Kích thước tập tin (MB) | Số ảnh có thể chụp | Số ảnh chụp liên tục tối đa | |
|----------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------|
| L | Chất lượng cao | 24 (24M) | 7,6 | 940 | 180 (940) | |
| L | | | 3,9 | 1810 | 1810 (1810) | |
| M | Chất lượng trung bình | 10,6 (11M) | 4,0 | 1770 | 1770 (1770) | |
| M | | | 2,0 | 3500 | 3500 (3500) | |
| S1 | Chất lượng thấp | 5,9 (5,9M) | 2,5 | 2830 | 2830 (2830) | |
| S1 | | | 1,3 | 5320 | 5320 (5320) | |
| S2 | | | 2,5 (2,5M) | 1,3 | 5320 | 5320 (5320) |
| S3 | | | 0,35 (0,3M) | 0,3 | 20180 | 20180 (20180) |
| + L | Chất lượng cao | 24 (24M) | 28,1+7,6 | 190 | 6 (6) | |
| | | | 28,1 | 240 | 7 (8) | |

* Kích thước tập tin, số ảnh có thể chụp và số ảnh chụp liên tục tối đa trong khi chụp liên tục dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (tỷ lệ cỡ ảnh 3:2, ISO 100 và kiểu ảnh tiêu chuẩn) khi sử dụng thẻ 8 GB. **Số liệu sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể, thương hiệu thẻ, tỷ lệ cỡ ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, chức năng tùy chỉnh và các cài đặt khác.**

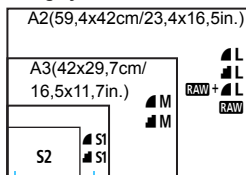
* Số liệu trong dấu ngoặc đơn áp dụng cho thẻ 8 GB tương thích với UHS-I dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon.

Đền báo số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ không thay đổi ngay cả khi bạn sử dụng thẻ UHS-I. Tuy nhiên, số ảnh chụp liên tục tối đa trong ngoặc đơn ở bảng trên sẽ được áp dụng trong khi chụp liên tục.

? Câu hỏi thường gặp

- **Tôi muốn chọn chất lượng ghi ảnh phù hợp với khổ giấy in.**

Khổ giấy



A4(29,7x21cm/11,7x8,3in.)

12,7x8,9cm/5,0x3,5in.

Tham khảo biểu đồ ở bên trái khi chọn chất lượng ghi ảnh. Chọn chất lượng ảnh cao hơn (nhiều điểm ảnh hơn) nếu muốn cất ảnh, ví dụ **L**, **M**, **RAW + L** hoặc **RAW**.

S2 thích hợp để xem ảnh trên khung ảnh kỹ thuật số. **S3** thích hợp để gửi ảnh qua email hoặc sử dụng ảnh trên trang web.

- **Sự khác nhau giữa **L** và **M** là gì?**

Những thiết lập này biểu thị mức độ khác nhau của chất lượng ảnh do tỷ lệ nén khác nhau. **L** cho chất lượng ảnh cao hơn với cùng số lượng điểm ảnh. Mặc dù **M** cho chất lượng ảnh thấp hơn, nhưng có thể lưu nhiều ảnh hơn vào thẻ. Cả **S2** và **S3** đều có chất lượng **L** (Đẹp).

- **Tôi có thể chụp nhiều ảnh hơn số ảnh có thể chụp được chỉ định.**

Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bạn có thể chụp được nhiều hơn hoặc ít hơn số ảnh chỉ định. Số ảnh có thể chụp được hiển thị chỉ mang tính tương đối.

- **Máy ảnh có hiển thị số ảnh chụp liên tục tối đa không?**

Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị ở bên phải khung ngắm. Do thang đo chỉ có **0 - 9**, nên những số lớn hơn 8 sẽ hiển thị là "**9**". Lưu ý rằng số ảnh chụp liên tục tối đa cũng hiển thị ngay cả khi không lắp thẻ vào máy ảnh. Đảm bảo lắp thẻ vào máy ảnh trước khi chụp.

- **Khi nào thì tôi nên sử dụng **RAW** ?**

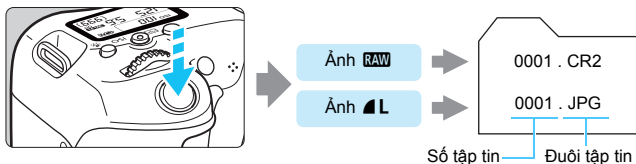
Ảnh **RAW** cần được xử lý trên máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo "**RAW**" và "**RAW + L**" ở trang tiếp theo.

RAW

RAW là dữ liệu ảnh thô trước khi được tạo thành **L** hoặc các ảnh khác. Không thể xem ảnh **RAW** trên máy tính nếu không sử dụng phần mềm EOS, như Digital Photo Professional (tr.432). Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện nhiều điều chỉnh khác nhau trên ảnh, điều không khả thi đối với các định dạng ảnh khác như **L**. Ảnh **RAW** có hiệu quả khi bạn muốn tự điều chỉnh chính xác ảnh hoặc chụp chủ thể quan trọng.

RAW + L

RAW + L cho phép ghi ảnh **RAW** và ảnh **L** trong một lần chụp. Hai ảnh được lưu vào thẻ cùng lúc và lưu trong một thư mục với số thứ tự tập tin giống nhau (đuôi tập tin .JPG cho JPEG và .CR2 cho RAW). Có thể xem hoặc in ảnh **L** ngay cả khi máy tính không cài đặt phần mềm EOS.

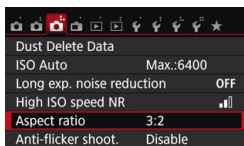


Phần mềm xử lý ảnh RAW

- Nên sử dụng “Digital Photo Professional” (phần mềm EOS, tr.432) khi xem ảnh RAW trên máy tính.
- Phiên bản cũ của Digital Photo Professional có thể không xử lý được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Nếu đã cài đặt phiên bản cũ của Digital Photo Professional trên máy tính, hãy cập nhật (ghi đề) phần mềm như sau.
 - Khi đĩa CD-ROM (EOS DIGITAL Solution Disk) của phần mềm đi kèm với máy ảnh:
 - Cài đặt Digital Photo Professional từ đĩa CD-ROM.
 - Khi đĩa CD-ROM (EOS DIGITAL Solution Disk) của phần mềm không đi kèm với máy ảnh:
 - Tải phiên bản phần mềm Digital Photo Professional tương thích với máy ảnh này từ trang web của Canon.
 - Phần mềm được bán trên thị trường có thể không hiển thị được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

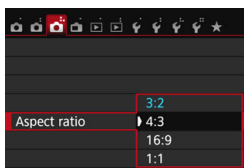
MENU Thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh ☆

Bạn có thể thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh. [3:2] được cài đặt mặc định. Khi đặt [4:3], [16:9] hoặc [1:1], các đường kẻ sẽ xuất hiện để hiển thị khu vực chụp. Trong khi chụp Live View, khu vực xung quanh ảnh sẽ được che bằng màu đen.



1 Chọn tỷ lệ cỡ ảnh.

- Trong tab [CAMERA], chọn [Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ [Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)] sẽ xuất hiện.



2 Đặt tỷ lệ cỡ ảnh.

- Chọn tỷ lệ cỡ ảnh, rồi nhấn <SET>.

• Ảnh JPEG

Ảnh sẽ được lưu lại với tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt.

• Ảnh RAW

Ảnh sẽ luôn được lưu lại với tỷ lệ cỡ ảnh [3:2]. Thông tin tỷ lệ cỡ ảnh đã chọn sẽ được thêm vào tập tin ảnh RAW. Khi xử lý ảnh RAW bằng phần mềm EOS, ảnh được tạo sẽ có tỷ lệ cỡ ảnh giống với khi chụp. Trong trường hợp tỷ lệ cỡ ảnh là [4:3], [16:9] và [1:1], các đường kẻ biểu thị tỷ lệ cỡ ảnh sẽ xuất hiện khi xem ảnh, nhưng không hiển thị trên ảnh.

Bảng dưới đây thể hiện tỷ lệ cỡ ảnh và số lượng điểm ảnh được ghi cho từng chất lượng ghi ảnh.

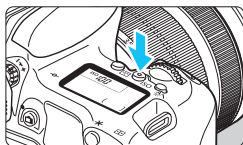
| Chất lượng ảnh | Tỷ lệ cỡ ảnh và độ phân giải (ước chừng) | | | |
|----------------|--|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| | 3:2 | 4:3 | 16:9 | 1:1 |
| L | 6000x4000 (24,0 megapixel) | 5328x4000* (21,3 megapixel) | 6000x3368* (20,2 megapixel) | 4000x4000 (16,0 megapixel) |
| RAW | | | | |
| M | 3984x2656 (10,6 megapixel) | 3552x2664 (9,5 megapixel) | 3984x2240* (8,9 megapixel) | 2656x2656 (7,1 megapixel) |
| S1 | 2976x1984 (5,9 megapixel) | 2656x1992 (5,3 megapixel) | 2976x1680* (5,0 megapixel) | 1984x1984 (3,9 megapixel) |
| S2 | 1920x1280 (2,5 megapixel) | 1696x1280* (2,2 megapixel) | 1920x1080 (2,1 megapixel) | 1280x1280 (1,6 megapixel) |
| S3 | 720x480 (0,35 megapixel) | 640x480 (0,31 megapixel) | 720x408* (0,29 megapixel) | 480x480 (0,23 megapixel) |



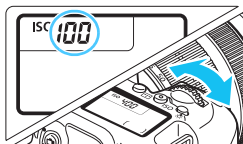
- Cài đặt chất lượng ảnh đánh dấu sao không khớp chính xác với tỷ lệ cỡ ảnh tương ứng.
- Đối với tỷ lệ cỡ ảnh đánh dấu sao, khu vực chụp hiển thị sẽ lớn hơn khu vực ảnh được ghi. Kiểm tra ảnh trên màn hình LCD khi chụp.
- Ở tỷ lệ cỡ ảnh 1:1, nếu sử dụng máy ảnh khác để in trực tiếp ảnh được chụp bằng máy ảnh này, ảnh có thể không được in chính xác.

ISO: Thay đổi tốc độ ISO để phù hợp với ánh sáng ☆



Thiết lập tốc độ ISO (độ nhạy sáng của cảm biến ảnh) phù hợp với mức ánh sáng xung quanh. Ở chế độ vùng cơ bản, tốc độ ISO được thiết lập tự động (tr.134).



1 Nhấn nút <ISO> (06).




2 Thiết lập tốc độ ISO.

- Trong khi nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  > hoặc <  >.
- ▶ “A” chỉ thị ISO tự động. Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập (tr.134).

Hướng dẫn về tốc độ ISO

| Tốc độ ISO | Tình huống chụp (Không sử dụng flash) | Phạm vi flash |
|-------------------------|--|---|
| ISO 100 - ISO 400 | Ngoài trời nắng | Tốc độ ISO càng cao, phạm vi flash càng mở rộng hơn (tr.176). |
| ISO 400 - ISO 1600 | Bầu trời u ám hoặc buổi tối | |
| ISO 1600 - ISO 12800, H | Trong nhà tối hoặc ban đêm | |

* Tốc độ ISO cao sẽ làm ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn.

 Trong [**4**: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu [**2**: ISO expansion (Mở rộng ISO)] được đặt thành [**1**: On (Bật)], cũng có thể chọn “H” (tương đương với ISO 25600) (tr.356).

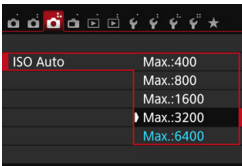
- Trong [**4**: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu [**3**: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] được đặt thành [**1**: Enable (Bật)], không thể thiết lập ISO 100 và “H” (tương đương với ISO 25600) (tr.357).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể khiến ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn. Phơi sáng lâu cũng có thể khiến màu trong ảnh không đồng đều.



- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dải).
- Sử dụng tốc độ ISO cao và flash để chụp chủ thể gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.
- Khi chụp ảnh trong điều kiện có thể gây ra nhiều nhiễu hạt, chẳng hạn như chụp ở cả tốc độ ISO cao, nhiệt độ cao và phơi sáng lâu, ảnh có thể không được ghi chính xác.
- Do “H” (tương đương với ISO 25600) là cài đặt tốc độ ISO mở rộng, nhiễu hạt (ví dụ như điểm sáng và dải) và các màu không đồng đều sẽ nhìn thấy rõ hơn và độ phân giải sẽ thấp hơn bình thường.
- Do tốc độ ISO tối đa có thể thiết lập khác nhau giữa chế độ chụp ảnh và quay phim (phơi sáng chỉnh tay), tốc độ ISO được thiết lập có thể thay đổi khi chuyển từ chụp ảnh sang quay phim. Ngay cả khi chuyển về chụp ảnh, tốc độ ISO cũng không trở về cài đặt ban đầu. Trong [**4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], tốc độ ISO tối đa có thể thiết lập sẽ thay đổi tùy thuộc vào thiết lập cho [**2: ISO expansion (Mở rộng ISO)**].
 - Khi đặt thành [**0: Off (Tắt)**]: Nếu đặt ISO 12800 trong chế độ chụp ảnh và sau đó chuyển sang quay phim, tốc độ ISO sẽ chuyển thành ISO 6400.
 - Khi đặt thành [**1: On (Bật)**]: Nếu đặt ISO 12800 hoặc “H” (tương đương với ISO 25600) trong chế độ chụp ảnh và sau đó chuyển sang quay phim, tốc độ ISO sẽ chuyển thành “H” (tương đương ISO 12800).

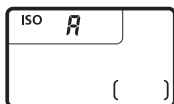
MENU Thiết lập tốc độ ISO tối đa cho [**AUTO (TỰ ĐỘNG)**] [☆]

Đối với ISO tự động, bạn có thể thiết lập giới hạn tốc độ ISO tối đa trong khoảng ISO 400 - ISO 6400.



Trong tab [**3**], chọn [**ISO Auto (ISO tự động)**], rồi nhấn < **SET** >. Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn < **SET** >.

ISO [AUTO (TỰ ĐỘNG)]



Nếu đặt tốc độ ISO thành “A” (Tự động), tốc độ ISO thực tế được thiết lập sẽ hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp. Như hướng dẫn dưới đây, tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập phù hợp với chế độ chụp.

| Chế độ chụp | Thiết lập tốc độ ISO | | |
|------------------------|----------------------|---|---------------------|
| | Không sử dụng flash | Sử dụng flash | |
| / / / / / | ISO 100 - ISO 6400 | ISO 400*2 (Ngoại trừ ở các chế độ , , và .) | |
| | ISO 100 - ISO 1600 | | |
| SCN | / / / / | | ISO 100 - ISO 6400 |
| | | | ISO 100 - ISO 12800 |
| P / Tv / Av / M | ISO 100 - ISO 6400*1 | | |
| Sử dụng phơi sáng bulb | ISO 400 | | |

*1: Tùy thuộc vào giới hạn tốc độ ISO tối đa được thiết lập (tr.133).


*2: (1) Nếu đèn flash bổ sung khiến ảnh quá sáng, tốc độ ISO 100 hoặc cao hơn sẽ được thiết lập.

(2) Ở các chế độ , , , , , và <P>, nếu sử dụng flash phản xạ với đèn Speedlite gắn ngoài, tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 400 - ISO 1600 (hoặc lên tới giới hạn tối đa).

Khi đặt [AUTO (TỰ ĐỘNG)], tốc độ ISO được biểu thị ở mức tăng chẵn. Tuy nhiên, tốc độ ISO thực sự được thiết lập sẽ ở mức tăng thấp hơn. Do đó, thông tin chụp ảnh (tr.324) sẽ hiển thị tốc độ ISO ví dụ như ISO 125 hoặc ISO 640.

Chọn kiểu ảnh ☆

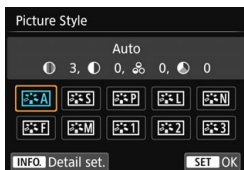
Chọn kiểu ảnh để đạt được đặc tính ảnh phù hợp với chủ thể hoặc sắc thái ảnh khi chụp.

Trong chế độ vùng cơ bản, [A] (Tự động) được tự động thiết lập.





1 Nhấn nút <▼ >.

- ▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



2 Chọn kiểu ảnh.


- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Kiểu ảnh sẽ được thiết lập.

 Bạn cũng có thể thiết lập kiểu ảnh với [ 2: Picture Style (Kiểu ảnh)].

Đặc tính của kiểu ảnh

Auto (Tự động)

Tông màu được tự động điều chỉnh phù hợp với cảnh. Màu sắc trông rực rỡ, đặc biệt đối với bầu trời xanh, cây cỏ, cảnh mặt trời lặn, những cảnh trong tự nhiên, ngoài trời và lúc hoàng hôn.

 Thay đổi kiểu ảnh nếu không đạt được tông màu mong muốn với [**Auto (Tự động)**].

Standard (Tiêu chuẩn)

Hình ảnh trông rực rỡ, sắc nét và sinh động. Đây là kiểu ảnh đa năng phù hợp với hầu hết các cảnh.

Portrait (Chân dung)

Làm tông màu da đẹp. Ảnh trông mịn hơn. Phù hợp để chụp chân dung cận cảnh.

Thay đổi [**Color tone (Tông màu)**] (tr.138) để điều chỉnh tông màu da.

Landscape (Phong cảnh)

Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn. Có hiệu quả cho phong cảnh ấn tượng.

Neutral (Trung tính)

Phù hợp với người sử dụng thích xử lý ảnh trên máy tính. Cho màu tự nhiên, ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Faithful (Chân thực)

Phù hợp với người sử dụng thích xử lý ảnh trên máy tính. Màu sắc của chủ thể được chụp trong ánh nắng mặt trời ở nhiệt độ màu 5200K sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thang màu của chủ thể. Cho ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Monochrome (Đơn sắc)

Tạo ảnh đen trắng.



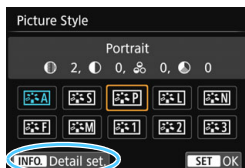
Không thể khôi phục màu cho ảnh đen trắng chụp ở định dạng JPEG. Nếu muốn chụp ảnh màu sau đó, hãy đảm bảo hủy thiết lập [**Monochrome (Đơn sắc)**]. Khi chọn [**Monochrome (Đơn sắc)**], biểu tượng <B/W> sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

Người dùng xác định 1-3

Bạn có thể đăng ký kiểu ảnh cơ bản như [**Portrait (Chân dung)**], [**Landscape (Phong cảnh)**], tập tin kiểu ảnh, v.v... và tùy ý điều chỉnh (tr.140). Kiểu ảnh người dùng xác định chưa thiết lập sẽ có cài đặt mặc định giống với kiểu ảnh [**Auto (Tự động)**].

Tùy chỉnh kiểu ảnh ☆

Bạn có thể tùy chỉnh kiểu ảnh bằng cách điều chỉnh các thông số riêng như [Sharpness (Độ sắc nét)] và [Contrast (Độ tương phản)]. Chụp thử vài ảnh để xem kết quả hiệu ứng. Để tùy chỉnh [Monochrome (Đơn sắc)], tham khảo trang 139.

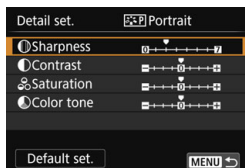


1 Nhấn nút <▼ >.

- ▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.

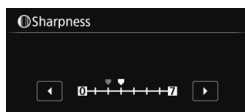
2 Chọn kiểu ảnh.

- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn nút <INFO.>.



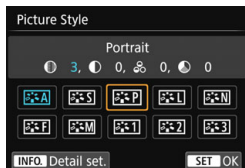
3 Chọn thông số.

- Chọn thông số như [Sharpness (Độ sắc nét)], rồi nhấn <SET>.



4 Thiết lập thông số.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để lưu các thông số đã điều chỉnh. Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Các thiết lập thông số không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.



- Bằng cách chọn [Default set. (Cài đặt mặc định)] ở bước 3, bạn có thể chuyển các thiết lập thông số của kiểu ảnh tương ứng trở về cài đặt mặc định.
- Để chụp với kiểu ảnh đã sửa đổi, thực hiện theo bước 2 ở trang 135 để chọn kiểu ảnh đã sửa đổi rồi chụp.

Thiết lập thông số và hiệu ứng

Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh độ sắc nét của ảnh.

Để làm cho ảnh mờ nét hơn, thiết lập độ sắc nét về phía đầu **0**.

Càng gần **0**, ảnh càng dịu màu hơn.

Để làm cho ảnh nét hơn, thiết lập độ sắc nét về phía đầu **7**. Càng

gần **7**, ảnh càng sắc nét hơn.

Contrast (Độ tương phản)

Điều chỉnh độ tương phản và sống động của màu sắc.

Để giảm độ tương phản, thiết lập độ tương phản về phía đầu trừ.

Càng gần **-**, ảnh trông càng kém sinh động.

Để tăng độ tương phản, thiết lập độ tương phản về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, ảnh trông càng sống động hơn.

Saturation (Bão hòa màu)

Điều chỉnh bão hòa màu của ảnh.

Để giảm bão hòa màu, thiết lập bão hòa màu về phía đầu trừ. Càng

gần **-**, màu sắc trông càng nhạt.

Để tăng bão hòa màu, thiết lập bão hòa màu về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, màu sắc trông càng đậm.

Color tone (Tông màu)

Điều chỉnh tông màu da.

Để làm cho tông màu da đỏ hơn, thiết lập tông màu da về phía đầu

trừ. Càng gần **-**, tông màu da trông càng đỏ hơn.

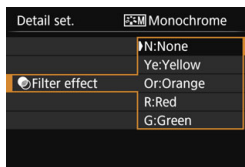
Để làm cho màu da bớt đỏ, thiết lập tông màu da về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, tông màu da trông càng vàng hơn.

Điều chỉnh đơn sắc


Đối với ảnh đơn sắc, ngoài [**Sharpness (Độ sắc nét)**] và [**Contrast (Độ tương phản)**] được giải thích ở trang trước, bạn còn có thể thiết lập [**Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)**] và [**Toning effect (Hiệu ứng tông màu)**].

Hiệu ứng bộ lọc

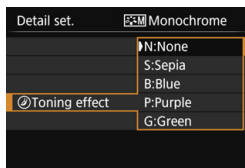


Với hiệu ứng bộ lọc áp dụng cho ảnh đơn sắc, đám mây trắng hoặc cây xanh trông sẽ nổi bật hơn.

| Bộ lọc | Hiệu ứng mẫu |
|------------------------|--|
| N: None (Không) | Ảnh đen trắng thông thường không có hiệu ứng bộ lọc. |
| Ye: Yellow (Vàng) | Bầu trời xanh trông sẽ tự nhiên hơn và đám mây trắng trông sẽ sống động hơn. |
| Or: Orange (Cam) | Bầu trời xanh trông sẽ tối hơn một chút. Hoàng hôn trông sẽ sáng hơn. |
| R: Red (Đỏ) | Bầu trời xanh trông sẽ khá tối. Lá rơi trông sẽ sống động và sáng hơn. |
| G: Green (Xanh lá cây) | Tông màu da và môi trông sẽ kém sinh động. Lá cây xanh trông sẽ sống động và sáng hơn. |

 Tăng [**Contrast (Độ tương phản)**] sẽ làm cho hiệu ứng bộ lọc rõ ràng hơn.

Hiệu ứng tông màu



Áp dụng hiệu ứng tông màu có thể tạo ảnh đơn sắc với màu được chọn. Hiệu ứng này có thể làm ảnh trông ấn tượng hơn. Có thể chọn những cài đặt sau: [**N:None (Không)**], [**S:Sepia (Nâu đỏ)**], [**B:Blue (Xanh da trời)**], [**P:Purple (Tím)**] hoặc [**G:Green (Xanh lá cây)**].

📷 Đăng ký kiểu ảnh ☆

Bạn có thể chọn kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]** hoặc **[Landscape (Phong cảnh)]**, điều chỉnh thông số như mong muốn và đăng ký với **[User Def. 1 (Người dùng xác định 1)]**, **[User Def. 2 (Người dùng xác định 2)]** hoặc **[User Def. 3 (Người dùng xác định 3)]**.
Bạn có thể tạo nhiều kiểu ảnh bằng các thiết lập khác nhau cho các thông số độ sắc nét, độ tương phản.
Bạn cũng có thể điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.432).

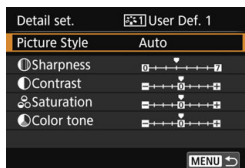
1 Nhấn nút <▼ 📷>.

- ▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



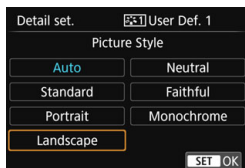
2 Chọn [User Def. *(Người dùng xác định *)].

- Chọn **[User Def. *(Người dùng xác định *)]**, rồi nhấn nút <INFO.>.
- ▶ Màn hình cài đặt chi tiết sẽ xuất hiện.



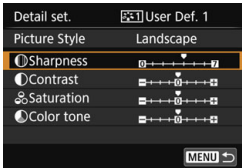
3 Nhấn <SET>.

- Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn <SET>.



4 Chọn kiểu ảnh cơ bản.

- Chọn kiểu ảnh cơ bản, rồi nhấn <SET>.
- Để điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS), chọn kiểu ảnh ở đây.



5 Chọn thông số.

- Chọn thông số như [Sharpness (Độ sắc nét)], rồi nhấn <SET>.

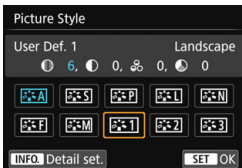


6 Thiết lập thông số.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn <SET>.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tùy chỉnh kiểu ảnh” ở các trang 137-139.

- Nhấn nút <MENU> để đăng ký kiểu ảnh đã sửa đổi. Sau đó, màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Kiểu ảnh cơ bản sẽ hiển thị bên phải của [User Def. * (Người dùng xác định*)].



- Nếu đã đăng ký kiểu ảnh trong [User Def. * (Người dùng xác định*)], thay đổi kiểu ảnh ở bước 4 sẽ làm vô hiệu các thiết lập thông số của kiểu ảnh được đăng ký.
- Nếu bạn thực hiện [Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)] (tr.284), kiểu ảnh và thông số của kiểu ảnh thiết lập trong [User Def. * (Người dùng xác định*)] sẽ trở về cài đặt mặc định. Đối với kiểu ảnh được đăng ký qua EOS Utility (phần mềm EOS), chỉ có thể đưa các thông số đã sửa đổi trở về cài đặt mặc định.



- Để chụp với kiểu ảnh đã đăng ký, thực hiện theo bước 2 ở trang 135 để chọn [User Def. * (Người dùng xác định*)], rồi chụp.
- Để tìm hiểu quy trình đăng ký tập tin kiểu ảnh vào máy ảnh, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.434).

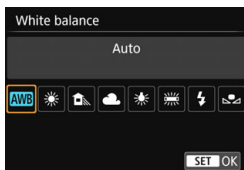
WB: Phù hợp với nguồn sáng ☆

Chức năng điều chỉnh tông màu để các vật màu trắng trông sẽ có màu trắng trong ảnh, được gọi là cân bằng trắng (WB). Thông thường, thiết lập [AWB] (Tự động) sẽ cho cân bằng trắng chính xác. Nếu không thu được màu tự nhiên với [AWB], bạn có thể chọn cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng hoặc thiết lập bằng tay bằng cách chụp các vật màu trắng.



1 Nhấn nút <▲ WB>.

- ▶ [White balance (Cân bằng trắng)] sẽ xuất hiện.



2 Chọn thiết lập cân bằng trắng.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- “Approx. ****K (Khoảng ****K)” (K: Kelvin) hiển thị cho thiết lập cân bằng trắng <☀>, <🏠>, <☁>, <☀> hoặc <⚡> là nhiệt độ màu tương ứng.

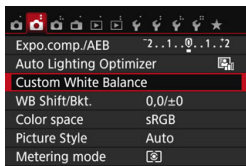
📧 Cân bằng trắng tùy chỉnh

Cân bằng trắng tùy chỉnh cho phép bạn thiết lập cân bằng trắng bằng tay cho nguồn sáng cụ thể để đạt độ chính xác cao hơn. Thực hiện quy trình này trong nguồn sáng sử dụng thực tế.



1 Chụp vật màu trắng.

- Ngắm qua khung ngắm và hướng toàn bộ ô đường chấm (hiển thị trong hình minh họa) vào vật trắng đơn giản.
- Lấy nét tay và chụp với mức phơi sáng chuẩn thiết lập cho chủ thể màu trắng.
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cân bằng trắng nào.



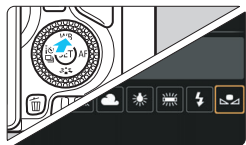
2 Chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)].

- Trong tab [2], chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình chọn cân bằng trắng tùy chỉnh sẽ xuất hiện.



3 Nhập dữ liệu cân bằng trắng.

- Chọn ảnh đã chụp ở bước 1, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Trên màn hình hộp thoại xuất hiện, chọn [OK] và dữ liệu sẽ được nhập.
- Khi menu xuất hiện lại, nhấn nút <MENU> để thoát menu.



4 Chọn [WB (Custom (Tùy chỉnh))].

- Nhấn nút <▲ WB>.
- Chọn [WB (Custom (Tùy chỉnh))], rồi nhấn <SET>.



- Nếu độ phơi sáng thu được ở bước 1 khác nhiều so với phơi sáng chuẩn, có thể không đạt được cân bằng trắng chính xác.
- Ở bước 3, không thể chọn các ảnh sau: ảnh được chụp khi đặt kiểu ảnh thành [Monochrome (Đơn sắc)] (tr.136), ảnh được xử lý bằng bộ lọc sáng tạo, ảnh được cắt và ảnh chụp bằng máy ảnh khác.

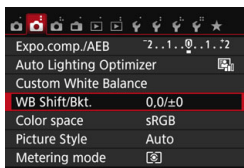


- Thay vì vật màu trắng, biểu đồ màu xám hoặc thẻ phản chiếu màu xám 18% (bán sẵn trên thị trường) có thể tạo cân bằng trắng chính xác hơn.
- Cân bằng trắng riêng đã đăng ký với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.432) sẽ được đăng ký trong [WB]. Nếu bạn thực hiện bước 3, dữ liệu cân bằng trắng cá nhân đã đăng ký sẽ bị xóa.

WB \pm Điều chỉnh tông màu cho nguồn sáng ★

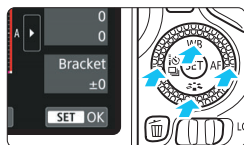
Bạn có thể sửa mức cân bằng trắng đã được thiết lập. Điều chỉnh này sẽ có cùng hiệu ứng như sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bộ lọc bù màu có bán sẵn. Mỗi màu có thể được chỉnh thành một trong 9 mức. Chức năng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp đã quen sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bù màu.

Hiệu chỉnh cân bằng trắng



1 Chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].

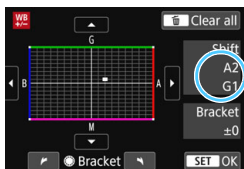
- Trong tab [2], chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình hiệu chỉnh cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp sẽ xuất hiện.



2 Thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để di chuyển dấu "■" đến vị trí thích hợp.
- B là màu xanh da trời, A là màu hổ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu sẽ được điều chỉnh theo hướng màu di chuyển.
- Ở phía trên bên phải, "Shift (Thay đổi)" biểu thị hướng và lượng chỉnh tương ứng.
- Nhấn nút <⏏> sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát cài đặt và quay lại menu.

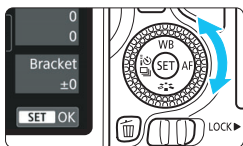
Cài đặt mẫu: A2, G1



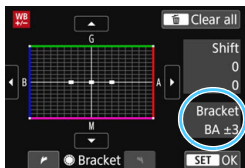
- Khi cân bằng trắng được chỉnh, <WB> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên màn hình LCD.
- Một mức chỉnh màu xanh da trời/màu hổ phách tương ứng với khoảng 5 mired trong bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu. (Mired: Đơn vị đo lường biểu thị mật độ của bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu.)

Tự động cân bằng trắng hỗn hợp

Chỉ với một lần chụp, có thể ghi đồng thời 3 ảnh có tông màu khác nhau. Dựa trên nhiệt độ màu của thiết lập cân bằng trắng hiện tại, ảnh sẽ bù độ chênh lệch xanh da trời/hồ phách hoặc độ chênh lệch đỏ tía/xanh lá cây. Tính năng này được gọi là cân bằng trắng hỗn hợp (WB Bkt.). Có thể thực hiện cân bằng trắng hỗn hợp lên tới ± 3 mức trong từng giảm mức đơn.



± 3 mức độ chênh lệch B/A



Thiết lập lượng cân bằng trắng hỗn hợp.

- Ở bước 2 của “Hiệu chỉnh cân bằng trắng”, khi xoay nút xoay $\odot \ominus$, dấu “■” trên màn hình sẽ chuyển thành “■■■” (3 điểm). Xoay nút xoay sang phải để thiết lập B/A hỗn hợp (Xanh da trời/Hồ phách) và xoay sang trái để thiết lập M/G hỗn hợp (Đỏ tía/Xanh lá cây).
- ▶ Ở bên phải, “**Bracket (Hỗn hợp)**” biểu thị hướng chỉnh hỗn hợp và lượng hiệu chỉnh.
- Nhấn nút $\langle \text{Menu} \rangle$ sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để thoát cài đặt và quay lại menu.

Thứ tự phơi sáng hỗn hợp

Ảnh sẽ được phơi sáng hỗn hợp theo thứ tự sau: 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch xanh da trời (B) và 3. Độ chênh lệch hồ phách (A) hoặc 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch đỏ tía (M) và 3. Độ chênh lệch xanh lá cây (G).

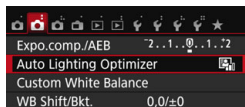
Trong cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ thấp hơn và số ảnh có thể chụp cũng sẽ giảm xuống khoảng 1/3 số lượng thông thường.

- Bạn cũng có thể thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng và AEB đồng thời với cân bằng trắng hỗn hợp. Nếu thiết lập AEB kết hợp với cân bằng trắng hỗn hợp, mỗi lần chụp sẽ ghi tổng số chín ảnh.
- Vì có ba ảnh được ghi trong một lần chụp nên việc ghi ảnh vào thẻ sẽ mất thời gian hơn.
- Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, biểu tượng cân bằng trắng sẽ nhấp nháy.
- “**Bkt**” là viết tắt của bracketing (thực hiện hỗn hợp với các giá trị bao quanh).

MENU Tự động chỉnh độ sáng và độ tương phản ☆

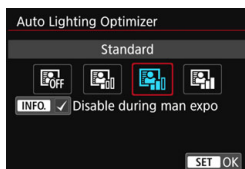
Nếu ảnh tối hoặc có độ tương phản thấp, độ sáng và độ tương phản sẽ được tự động điều chỉnh. Chức năng này được gọi là Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Thiết lập mặc định là [Standard (Tiêu chuẩn)]. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh.

Ở chế độ vùng cơ bản, [Standard (Tiêu chuẩn)] được tự động thiết lập.



1 Chọn [Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)].

- Trong tab [2], chọn [Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thiết lập.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Nếu cần, ảnh sẽ được ghi với độ sáng và độ tương phản đã chỉnh.

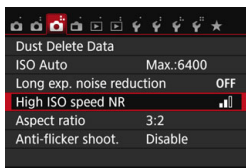
- Trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [1: Enable (Bật)], [Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] sẽ được tự động đặt thành [Disable (Tắt)].
- Nếu cài đặt thiết lập khác với [Disable (Tắt)] và sử dụng bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash để làm tối phơi sáng, ảnh vẫn có thể bị sáng. Nếu muốn giảm phơi sáng, đặt chức năng này thành [Disable (Tắt)].
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ảnh có thể nhiều hạt hơn.

Ở bước 2, nếu nhấn nút <INFO.> và bỏ chọn [✓] ở thiết lập [Disable during man expo (Tắt khi phơi sáng chỉnh tay)], Tự động tối ưu hóa ánh sáng có thể được thiết lập trong chế độ <M>.

MENU Thiết lập giảm nhiễu hạt ☆

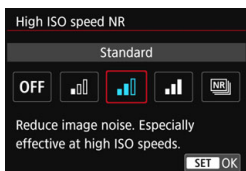
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao

Chức năng này làm giảm nhiễu hạt trên ảnh. Mặc dù giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả tốc độ ISO nhưng hiệu quả nhất là ở tốc độ ISO cao. Ở tốc độ ISO thấp, nhiễu hạt ở những phần tối hơn trên ảnh (vùng tối) sẽ giảm nhiều hơn. Thay đổi cài đặt để phù hợp với mức độ nhiễu hạt.



1 Chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)].

- Trong tab [3], chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập mức độ.

- Chọn mức độ giảm nhiễu hạt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

• [NR]: Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)

Cài đặt này có được chất lượng ảnh cao hơn so với khi đặt giảm nhiễu hạt thành [High (Cao)]. Đối với từng ảnh đơn, bốn ảnh sẽ được chụp liên tiếp và tự động ghép lại thành một ảnh JPEG.




3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



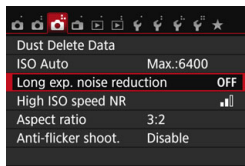
Nếu xem lại hoặc in trực tiếp ảnh RAW + L hoặc RAW bằng máy ảnh, hiệu quả giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao có thể bị giảm thiểu. Kiểm tra hiệu quả giảm nhiễu hạt hoặc in ảnh giảm nhiễu hạt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.432).

Khi đặt [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)]



- Nếu ảnh bị lệch đáng kể do rung máy, hiệu ứng giảm nhiễu hạt có thể bị giảm thiểu.
- Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nếu chụp một chủ thể đang di chuyển, chủ thể chuyển động đó có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Đối với các ảnh có dạng lặp đi lặp lại (lưới, vằn, v.v...), ảnh phẳng hay ảnh đơn sắc, tính năng chỉnh lệch ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi khi chụp bốn ảnh liên tiếp, có thể gây ra hiện tượng phơi sáng không đều trên ảnh.
- Do áp dụng giảm nhiễu hạt và ảnh được ghép sau khi chụp nên sẽ mất một khoảng thời gian để ghi ảnh vào thẻ. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “buSY” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Bạn không thể chọn [RAW +  L] hoặc [RAW]. Không thể sử dụng AEB và cân bằng trắng hỗn hợp. Không thể thiết lập [ 3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)]. Nếu đã chọn hoặc đặt các tính năng này thì không thể thiết lập [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)].
- Thiết lập [Distortion (Méo hình)] sẽ tự động chuyển thành [Disable (Tắt)].
- Không thể chụp với đèn flash. Đèn hỗ trợ lấy nét sẽ phát sáng theo thiết lập của [4: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)] trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].
- Không thể đặt [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)] cho phơi sáng bulb.
- Nếu tắt nguồn, thay đổi chế độ chụp thành chế độ vùng cơ bản, chụp phơi sáng bulb hoặc quay phim, cài đặt sẽ tự động thay đổi thành [Standard (Tiêu chuẩn)].
- Không thể thiết lập [ 3: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

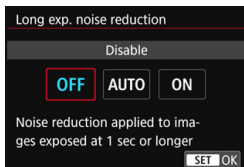
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu

Có thể sử dụng để giảm nhiễu hạt cho ảnh được phơi sáng từ 1 giây trở lên.



1 Chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)].

- Trong tab [ 3], chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)], rồi nhấn < >.



2 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn < **SET** >.

• [Auto (Tự động)]

Với phơi sáng 1 giây hoặc lâu hơn, nếu máy ảnh phát hiện nhiễu hạt đặc trưng của phơi sáng lâu, giảm nhiễu hạt sẽ tự động thực hiện. Thiết lập [Auto (Tự động)] có hiệu quả trong hầu hết các trường hợp.

• [Enable (Bật)]

Giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả phơi sáng 1 giây hoặc phơi sáng lâu hơn. Thiết lập [Enable (Bật)] có thể giảm nhiễu hạt mà không thể phát hiện với thiết lập [Auto (Tự động)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



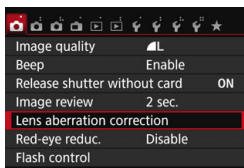
- Khi đặt [Auto (Tự động)] và [Enable (Bật)], quá trình giảm nhiễu hạt sau khi chụp ảnh có thể mất thời gian tương tự như quá trình phơi sáng. Bạn không thể chụp ảnh khác cho đến khi hoàn tất quá trình giảm nhiễu hạt.
- Thiết lập [Enable (Bật)] có thể làm ảnh chụp ở ISO 1600 trở lên bị nhiễu hạt nhiều hơn so với thiết lập [Disable (Tắt)] hoặc [Auto (Tự động)].
- Khi đặt [Auto (Tự động)] và [Enable (Bật)], nếu chụp phơi sáng lâu với ảnh Live View hiển thị, “BUSY” sẽ hiển thị trong quá trình giảm nhiễu hạt. Hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi quá trình giảm nhiễu hạt hoàn tất. (Không thể chụp ảnh khác.)

MENU Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và quang sai của ống kính

Do đặc tính của ống kính, hiện tượng ánh sáng vùng ngoại vi giảm xuống làm cho các góc ảnh trông tối hơn. Màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể được gọi là sắc sai. Và hiện tượng méo hình do đặc tính của ống kính được gọi là méo hình. Có thể hiệu chỉnh hiện tượng thiếu sáng và quang sai của ống kính. Mặc định, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và sắc sai được đặt thành [Enable (Bật)], và hiệu chỉnh méo hình được đặt thành [Disable (Tắt)].

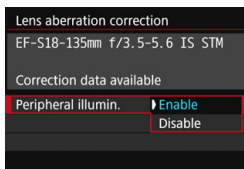
Nếu thông báo [Correction data not available (Không có dữ liệu chỉnh)] hiển thị, tham khảo phần “Dữ liệu chỉnh ống kính” ở trang 152.

Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi



1 Chọn [Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)].

- Trong tab [1], chọn [Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thiết lập.

- Kiểm tra [Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [Peripheral illumin. (Ánh sáng vùng ngoại vi)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

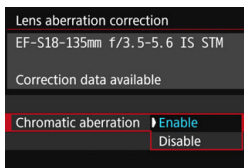
3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với ánh sáng vùng ngoại vi đã hiệu chỉnh.

Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể xuất hiện trên vùng ngoại vi ảnh.

- Lượng hiệu chỉnh được áp dụng sẽ thấp hơn lượng hiệu chỉnh tối đa có thể đặt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.432).
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.

Hiệu chỉnh sắc sai



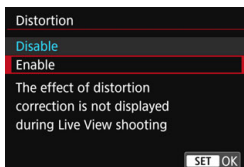
1 Chọn thiết lập.

- Kiểm tra [**Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)**] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [**Chromatic aberration (Sắc sai)**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn <SET>.

2 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với sắc sai đã hiệu chỉnh.

Hiệu chỉnh méo hình



1 Chọn thiết lập.

- Kiểm tra [**Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)**] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [**Distortion (Méo hình)**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn <SET>.

2 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với méo hình đã hiệu chỉnh.

- Khi bật hiệu chỉnh méo hình, máy ảnh sẽ ghi lại phạm vi ảnh hẹp hơn so với được nhìn qua khung ngắm. (Ngoại vi ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải giảm nhẹ.)
- Hiệu chỉnh méo hình sẽ được phản ánh trong ảnh được chụp, nhưng không phản ánh trong khung ngắm hoặc ảnh Live View trong quá trình chụp.
- Nếu đặt [**Distortion (Méo hình)**] thành [**Enable (Bật)**], tốc độ chụp liên tục sẽ giảm.
- Không thể thiết lập hiệu chỉnh méo hình trong chế độ <P> hoặc <S>, khi quay phim hoặc khi sử dụng Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
- Hình ảnh được ghi khi bật hiệu chỉnh méo hình sẽ không được thêm dữ liệu xóa bụi (tr.291).

Dữ liệu chỉnh ống kính

Máy ảnh đã có dữ liệu hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, dữ liệu hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh méo hình của ống kính cho khoảng 30 ống kính. Nếu chọn [**Enable (Bật)**], hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh méo hình sẽ tự động áp dụng cho bất kỳ ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh.

Với EOS Utility (phần mềm EOS), bạn có thể kiểm tra ống kính đã đăng ký dữ liệu hiệu chỉnh trong máy ảnh. Bạn cũng có thể đăng ký dữ liệu chỉnh cho ống kính chưa đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.434).

Với những ống kính tích hợp dữ liệu chỉnh, không cần đăng ký dữ liệu chỉnh vào máy ảnh.



Thận trọng khi chỉnh ống kính

- Không thể áp dụng hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh méo hình với các ảnh JPEG đã chụp.
- Khi sử dụng ống kính không phải của Canon, nên đặt các hiệu chỉnh thành [**Disable (Tắt)**], ngay cả khi hiển thị [**Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)**].
- Nếu bạn sử dụng xem phóng to trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và hiệu chỉnh sắc sai sẽ không phản ánh trong ảnh hiển thị trên màn hình.
- Lượng chỉnh sửa sẽ ít hơn nếu ống kính được sử dụng không có thông tin về khoảng cách.



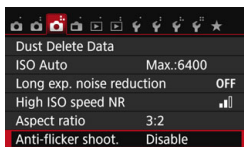
Lưu ý khi chỉnh ống kính

- Nếu không nhìn thấy hiệu ứng chỉnh, phóng to và kiểm tra lại ảnh.
- Có thể áp dụng hiệu chỉnh ngay cả khi lắp ống nối hoặc bộ chuyển đổi kích thước thực.

MENU Giảm nhấp nháy ☆

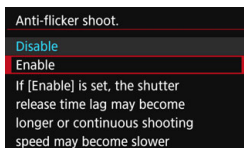
Khi chụp với tốc độ màn trập nhanh dưới nguồn sáng như đèn huỳnh quang, hiện tượng nhấp nháy của nguồn sáng gây ra những đường sọc và có thể xuất hiện trên ảnh chụp. Nếu chụp liên tục dưới điều kiện này, ảnh chụp có thể không chuẩn màu hoặc phơi sáng.

Với chụp chống nhấp nháy, máy ảnh sẽ nhận diện tần số nhấp nháy của nguồn sáng và chụp ảnh khi phơi sáng hoặc màu sắc ít bị ảnh hưởng nhất.



1 Chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)].

- Trong tab [CAMERA 3], chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được chụp với phơi sáng và màu sắc đã giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng nhấp nháy.

- Khi đặt [Enable (Bật)] và chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy, thời gian trễ nửa nút chụp có thể kéo dài hơn một chút. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn một chút và khoảng chụp có thể không đều.
- Chức năng này không hoạt động với chế độ chụp Live View và quay phim.
- Trong chế độ <P> hoặc <Av>, nếu tốc độ màn trập thay đổi khi chụp liên tục hoặc nếu bạn chụp nhiều ảnh của cùng một cảnh ở các tốc độ màn trập khác nhau, tông màu có thể không đồng đều. Để tránh tông màu không đồng đều, hãy sử dụng chế độ <Tv> hoặc <M> ở tốc độ màn trập cố định.
- Tông màu của ảnh được chụp khi đặt [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] thành [Enable (Bật)] có thể trông khác so với khi đặt thành [Disable (Tắt)].
- Máy không thể phát hiện ánh sáng nhấp nháy ở tần số khác với 100 Hz hoặc 120 Hz.



- Trong [**4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu đặt [**9: Mirror lockup (Khóa gương lật)**] thành [**1: Enable (Bật)**], thiết lập [**Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] sẽ tự động chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Nếu chủ thể ở trước hậu cảnh tối hoặc có nguồn sáng mạnh trong ảnh, máy có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy.
- Dưới một số kiểu ánh sáng đặc biệt, máy ảnh có thể không giảm được ảnh hưởng của ánh sáng nhấp nháy ngay cả khi biểu tượng < **Flicker!** > hiển thị.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng, có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy chính xác.
- Nếu bạn bố cục lại ảnh, < **Flicker!** > có thể xuất hiện và biến mất không liên tục.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng và điều kiện chụp ảnh, có thể không đạt được kết quả mong muốn ngay cả khi bạn sử dụng chức năng này.



- Nên chụp thử vài ảnh.
- Nếu < **Flicker!** > không hiển thị trong khung ngắm, trong [**2: Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)**], đặt [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**] thành [**Show (Hiện)**] (tr.72). Khi máy ảnh giảm hiệu ứng của ánh sáng nhấp nháy khi chụp ảnh, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ sáng. Dưới nguồn sáng không nhấp nháy hoặc nếu không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị.
- Nếu [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**] được đặt thành [**Show (Hiện)**] và [**Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] được đặt thành [**Disable (Tắt)**], đo sáng dưới nguồn sáng nhấp nháy sẽ khiến < **Flicker!** > nhấp nháy trong khung ngắm để cảnh báo. Nên thiết lập [**Enable (Bật)**] trước khi chụp.
- Trong chế độ vùng cơ bản, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị nhưng ảnh hưởng của ánh sáng nhấp nháy sẽ giảm khi bạn chụp.
- Cũng có thể chụp chống nhấp nháy với đèn flash. Tuy nhiên, có thể không đạt được kết quả mong đợi khi chụp với đèn flash không day.

MENU Thiết lập phạm vi tái tạo màu ☆

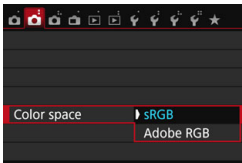
Phạm vi màu có thể tái tạo được gọi là không gian màu. Với máy ảnh này, bạn có thể thiết lập không gian màu cho ảnh chụp thành sRGB hoặc Adobe RGB. Khi chụp thông thường, nên sử dụng sRGB. Trong chế độ vùng cơ bản, sRGB được tự động thiết lập.

1 Chọn [Color space (Không gian màu)].

- Trong tab [CAMERA 2], chọn [Color space (Không gian màu)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập không gian màu mong muốn.

- Chọn [sRGB] hoặc [Adobe RGB], rồi nhấn <SET>.



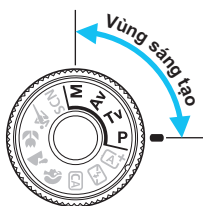
Adobe RGB

Không gian màu này chủ yếu sử dụng trong in thương mại và các mục đích công nghiệp khác. Không nên sử dụng thiết lập này nếu bạn không quen với xử lý ảnh, Adobe RGB và quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Ảnh trông sẽ rất dẹt trong môi trường máy tính sRGB và với máy in không tương thích với quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Do đó, bắt buộc phải xử lý hậu kỳ ảnh bằng phần mềm máy tính.

- Nếu ảnh được chụp ở không gian màu Adobe RGB, ký tự đầu trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.
- Cấu hình ICC không được cung cấp kèm. Tham khảo phần giải thích về cấu hình ICC trong Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.434).

5

Thao tác nâng cao



Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể thay đổi các cài đặt khác nhau của máy ảnh như mong muốn để có được nhiều kết quả chụp bằng cách chọn tốc độ màn trập và/hoặc khẩu độ, điều chỉnh phơi sáng theo ý thích, v.v...

- Biểu tượng ☆ ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo.
- Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp và nhả ra, các giá trị phơi sáng sẽ vẫn hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khoảng 4 giây (♻️) theo hoạt động của chức năng hẹn giờ đo sáng.
- Để tìm hiểu các chức năng có thể thiết lập trong mỗi chế độ chụp, tham khảo trang 377.



Gạt công tắc <LOCK▶> sang trái.

P: Phơi sáng tự động P

Máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ thích hợp với độ sáng chủ thể. Chức năng này gọi là Program AE (Phơi sáng tự động P).

* <P> là viết tắt của Program (Chương trình).

* AE là viết tắt của Auto Exposure (Phơi sáng tự động).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <P>.



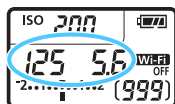
2 Lấy nét chủ thể.

- Nhìn qua khung ngắm và hướng điểm AF vào chủ thể. Sau đó, nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> ở phía dưới cùng bên phải của khung ngắm sẽ phát sáng (trong chế độ lấy nét một lần).
- ▶ Tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ được tự động thiết lập và hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.



3 Kiểm tra hiển thị.

- Khi thông số tốc độ màn trập và khẩu độ không nhấp nháy, máy ảnh đã đạt được độ phơi sáng chuẩn.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.



Gợi ý chụp ảnh

● Thay đổi tốc độ ISO. Sử dụng đèn flash tích hợp.

Để chủ thể và mức ánh sáng xung quanh phù hợp với nhau, bạn có thể thay đổi tốc độ ISO (tr.132) hoặc sử dụng đèn flash tích hợp (tr.176). Ở chế độ <P>, đèn flash tích hợp sẽ không tự động đánh sáng. Do đó, nhấn nút <⚡> (flash) để nâng đèn flash tích hợp lên khi chụp ảnh trong nhà hoặc dưới điều kiện ánh sáng yếu.

● Điều chỉnh chương trình bằng Thay đổi chương trình.

Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp, xoay nút xoay <☀️> để thay đổi tổ hợp (chương trình) thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ. Thay đổi chương trình tự động hủy sau khi chụp ảnh. Không thể thay đổi chương trình khi sử dụng flash.



- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở "30" và chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng. Hãy tăng tốc độ ISO hoặc sử dụng đèn flash.
- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở "4000" và chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Hãy giảm tốc độ ISO.



Sự khác nhau giữa <P> và <A+> (Tự động nhận cảnh thông minh)

Ở chế độ <A+>, nhiều chức năng như lấy nét tự động và chế độ đo sáng được thiết lập tự động để tránh làm hỏng ảnh. Các chức năng có thể thay đổi bị giới hạn. Ở chế độ <P>, chỉ có tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập. Bạn có thể tùy ý thiết lập thao tác AF, chế độ đo sáng và các chức năng khác (tr.375).

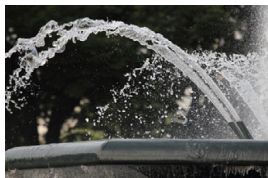
Tv: Truyền tải chuyển động của chủ thể

Bạn có thể đóng băng chuyển động của chủ thể hoặc tạo hiệu ứng chuyển động mờ với chế độ <Tv> (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập) trên nút xoay chế độ.

* <Tv> là viết tắt của Time value (Giá trị thời gian).



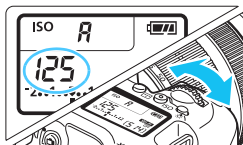
Chuyển động mờ
(Tốc độ màn trập chậm: 1/30 giây)





Làm dừng chuyển động
(Tốc độ màn trập nhanh: 1/2000 giây)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.



2 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  >.
- Tham khảo phần “Gợi ý chụp ảnh” ở trang tiếp theo để xem lời khuyên về cách thiết lập tốc độ màn trập.
- Xoay nút xoay <  > sang phải sẽ thiết lập tốc độ màn trập nhanh hơn và xoay nút xoay sang trái sẽ thiết lập tốc độ chậm hơn.



3 Chụp ảnh.

- Khi bạn lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp ở tốc độ màn trập đã chọn.




Hiển thị tốc độ màn trập


Màn hình LCD hiển thị tốc độ màn trập ở dạng phân số. Tuy nhiên, bảng điều khiển LCD và khung ngắm chỉ hiển thị mẫu số. “0”5” biểu thị 0,5 giây và “15”” là 15 giây.

Gợi ý chụp ảnh

- **Để đóng băng chuyển động của chủ thể di chuyển nhanh**
Sử dụng tốc độ màn trập nhanh như 1/4000 giây đến 1/500 giây.
- **Để làm mờ trẻ em hoặc động vật đang chạy nhằm truyền tải chuyển động một cách ấn tượng**
Sử dụng tốc độ màn trập trung bình chẳng hạn như 1/250 giây đến 1/30 giây. Theo dõi chủ thể chuyển động qua khung ngắm và nhấn nút chụp để chụp ảnh. Nếu sử dụng ống kính tele, giữ vững ống kính để tránh rung máy.
- **Để làm mờ dòng sông hoặc vòi phun nước đang chảy**
Sử dụng tốc độ màn trập chậm với 1/30 giây trở xuống. Sử dụng chân máy để tránh rung máy khi cầm tay.
- **Thiết lập tốc độ màn trập để thông số khẩu độ không nhấp nháy.**

Nếu nhấn nửa chừng nút chụp và thay đổi tốc độ màn trập khi khẩu độ hiển thị, thông số khẩu độ cũng sẽ thay đổi để duy trì cùng một độ phơi sáng (lượng ánh sáng chiếu đến cảm biến hình ảnh). Nếu vượt quá phạm vi khẩu độ có thể điều chỉnh, thông số khẩu độ sẽ nhấp nháy để biểu thị không thể có được phơi sáng chuẩn.

Nếu phơi sáng quá tối, khẩu độ tối đa (chỉ số khẩu độ f nhỏ nhất) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay < > sang trái để thiết lập tốc độ màn trập chậm hơn hoặc tăng tốc độ ISO.

Nếu phơi sáng quá sáng, khẩu độ tối thiểu (chỉ số khẩu độ f lớn nhất) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay < > sang phải để thiết lập tốc độ màn trập nhanh hơn hoặc giảm tốc độ ISO.



Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động (phơi sáng flash tự động) để phù hợp với khẩu độ được thiết lập tự động. Có thể đặt tốc độ màn trập từ 1/200 giây đến 30 giây.

Av: Thay đổi độ sâu trường ảnh

Để làm mờ hậu cảnh hoặc làm cho các vật thể gần và xa trông sắc nét, đặt nút xoay chế độ thành <Av> (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) để điều chỉnh độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).

* <Av> là viết tắt của Aperture value (Giá trị khẩu độ), là kích thước của lỗ chắn sáng bên trong ống kính.



Hậu cảnh mờ

(Với chỉ số khẩu độ f nhỏ: f/5.6)

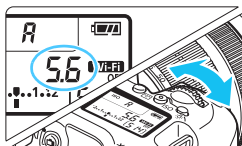


Tiền cảnh và hậu cảnh sắc nét

(Với chỉ số khẩu độ f lớn: f/32)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <🔍>.
- Chỉ số khẩu độ f càng lớn, độ sâu trường ảnh càng rộng, tiền cảnh và hậu cảnh đều sắc nét.
- Xoay nút xoay <🔍> sang phải để thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn hơn (độ mở khẩu độ nhỏ hơn) và xoay nút xoay sang trái sẽ thiết lập chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn (độ mở khẩu độ lớn hơn).



3 Chụp ảnh.

- Lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp. Ảnh sẽ được chụp với khẩu độ đã chọn.



Thông số khẩu độ

Chỉ số khẩu độ f càng lớn, thì độ mở của khẩu độ sẽ càng nhỏ. Chỉ số khẩu độ f khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Nếu không gắn ống kính nào vào máy ảnh, khẩu độ sẽ hiển thị "00".





Gợi ý chụp ảnh

- Khi sử dụng khẩu độ có chỉ số khẩu độ f cao hoặc chụp trong điều kiện ánh sáng yếu, lưu ý rằng có thể xảy ra rung máy.**
Chỉ số khẩu độ f càng lớn sẽ làm cho tốc độ màn trập chậm hơn. Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể dài tới 30 giây. Trong những trường hợp này, vui lòng tăng tốc độ ISO và giữ vững máy ảnh hoặc sử dụng chân máy.
- Độ sâu trường ảnh không chỉ phụ thuộc vào khẩu độ mà còn phụ thuộc vào ống kính và khoảng cách của chủ thể.**
Do các ống kính góc rộng có độ sâu trường ảnh rộng (phạm vi lấy nét hợp lý ở phía trước và phía sau điểm lấy nét), nên không cần thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn để có được hình ảnh sắc nét từ tiền cảnh đến hậu cảnh. Ngược lại, ống kính tele có độ sâu trường ảnh hẹp. Chủ thể càng gần, độ sâu trường ảnh càng hẹp. Chủ thể ở xa hơn sẽ có độ sâu trường ảnh rộng hơn.
- Thiết lập khẩu độ để thông số tốc độ màn trập không nhấp nháy.**

Nếu nhấn nửa chừng nút chụp và thay đổi khẩu độ khi tốc độ màn trập hiển thị, thông số tốc độ màn trập cũng sẽ thay đổi để duy trì cùng độ phơi sáng (lượng ánh sáng chiếu đến cảm biến hình ảnh).

Nếu vượt quá phạm vi tốc độ màn trập có thể điều chỉnh, thông số tốc độ màn trập sẽ nhấp nháy biểu thị không thể có được phơi sáng chuẩn.

Nếu ảnh quá tối, thông số tốc độ màn trập “30” (30 giây) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay <  > sang trái để thiết lập chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn hoặc tăng tốc độ ISO.

Nếu ảnh quá sáng, thông số tốc độ màn trập “4000” (1/4000 giây) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay <  > sang phải để thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn hơn hoặc giảm tốc độ ISO.



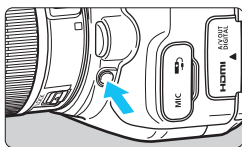
⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động để phù hợp với khẩu độ đã đặt (phơi sáng flash tự động). Tốc độ màn trập sẽ được thiết lập tự động từ 1/200 giây - 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh.


Trong điều kiện ánh sáng yếu, chủ thể chính được phơi sáng với đo sáng flash tự động và hậu cảnh phơi sáng với tốc độ màn trập chậm được thiết lập tự động. Cả chủ thể và hậu cảnh trông như được phơi sáng chuẩn (đồng bộ flash tốc độ chậm tự động). Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [**📷 1: Flash control (Điều khiển flash)**], đặt [**Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**] (tr.184).

Xem trước độ sâu trường ảnh ☆

Độ mở của khẩu độ (lá khẩu) chỉ thay đổi tại thời điểm chụp ảnh. Còn lại, khẩu độ vẫn sẽ mở hoàn toàn. Do đó, khi bạn ngắm cảnh qua khung ngắm hoặc trên màn hình LCD, độ sâu trường ảnh trông sẽ hẹp.



Nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để thu hẹp khẩu độ về thiết lập hiện thời và kiểm tra độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).

 Trong khi xem ảnh Live View (tr.204) và nhấn giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh, bạn có thể thấy phạm vi lấy nét hợp lý sẽ thay đổi như thế nào khi điều chỉnh khẩu độ.

M: Phơi sáng chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ bằng tay theo mong muốn. Khi xem thang đo sáng trong khung ngắm, bạn có thể thiết lập phơi sáng theo mong muốn. Phương pháp này được gọi là phơi sáng chỉnh tay.

* <M> là viết tắt của Manual (Chỉnh tay).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

2 Thiết lập tốc độ ISO (tr.132).

3 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <SHOOTER>.
- Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <DISP>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <SHOOTER> hoặc <DISP>.



Chỉ số phơi sáng chuẩn



Kim đo sáng

4 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ được hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.
- Kim đo sáng <▶> cho biết khoảng cách mức phơi sáng hiện tại so với mức phơi sáng chuẩn.

5 Thiết lập phơi sáng và chụp ảnh.

- Kiểm tra thang đo sáng và thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ mong muốn.
- Nếu mức phơi sáng vượt quá phơi sáng chuẩn ± 2 điểm, đầu của thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD. (Trên màn hình LCD, nếu mức phơi sáng vượt quá ± 3 điểm, <◀> hoặc <▶> sẽ hiển thị.)

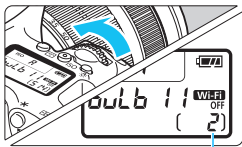
⚠ Nếu đặt ISO tự động, thiết lập tốc độ ISO sẽ thay đổi phù hợp với tốc độ màn trập và khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn. Do đó, có thể không thu được hiệu ứng phơi sáng mong muốn.

- Trong [**☑2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**], nếu bỏ dấu chọn <✓> của [**Disable during man expo (Tắt khi phơi sáng chỉnh tay)**], có thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng ngay cả trong chế độ <M> (tr.146).
- Khi thiết lập ISO tự động, bạn có thể nhấn nút <✳> để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút <✳> và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo sáng so với khi nhấn nút <✳>.

⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có được phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động (phơi sáng flash tự động) để phù hợp với khẩu độ được thiết lập bằng tay. Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập từ 1/200 giây đến 30 giây hoặc phơi sáng bulb.

BULB: Phơi sáng bulb



Thời gian đã phơi sáng

Phơi sáng bulb giữ cho màn trập mở khi vẫn nhấn giữ nút chụp. Bạn có thể sử dụng chức năng phơi sáng lâu để chụp pháo hoa và các chủ thể khác cần phơi sáng lâu. Ở bước 3 trong trang trước, xoay nút xoay <☀> sang trái để thiết lập <BULB>. Thời gian đã phơi sáng sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

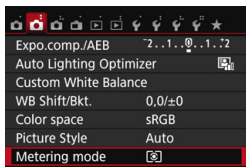
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Vì phơi sáng bulb gây nhiễu hơn bình thường nên ảnh có thể hơi nhiễu hạt.
- Bạn có thể giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu bằng cách đặt [**☑3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**] thành [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Enable (Bật)**] (tr.148).

- Khi dùng phơi sáng bulb, nên sử dụng chân máy và công tắc điều khiển từ xa (bán riêng, tr.371).
- Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa (bán riêng, tr.370) cho chụp phơi sáng bulb. Khi nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa, phơi sáng bulb sẽ bắt đầu ngay lập tức hoặc 2 giây sau đó. Nhấn lại nút này để dừng phơi sáng bulb.


Thay đổi chế độ đo sáng ☆

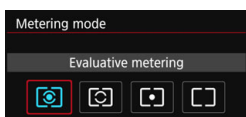
Cung cấp bốn phương pháp (chế độ đo sáng) để đo độ sáng chủ thể. Thông thường, nên sử dụng đo sáng toàn khung ảnh.

Trong chế độ vùng cơ bản, chế độ đo sáng được thiết lập tự động.



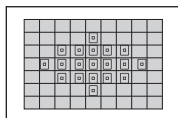
1 Chọn [Metering mode (Chế độ đo sáng)].

- Trong tab [ 2], chọn [Metering mode (Chế độ đo sáng)], rồi nhấn <SET>.



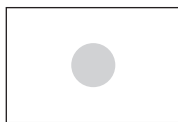
2 Thiết lập chế độ đo sáng.

- Chọn chế độ đo sáng mong muốn, rồi nhấn <SET>.



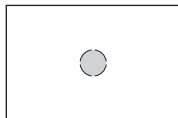
Đo sáng toàn khung ảnh

Chế độ đo sáng đa năng phù hợp với cả các chủ thể ngược sáng. Máy ảnh sẽ tự động thiết lập phơi sáng để phù hợp với cảnh.



Đo sáng từng phần

Có hiệu quả ở nơi ánh sáng xung quanh chủ thể sáng hơn nhiều do ngược sáng, v.v... Vùng xám ở hình bên trái là nơi độ sáng được đo để có phơi sáng chuẩn.








Đo sáng điểm

Hiệu quả khi đo sáng từng phần cụ thể của chủ thể hoặc cảnh. Vùng xám ở hình bên trái là nơi độ sáng được đo để có phơi sáng tiêu chuẩn. Chế độ đo sáng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp.



Đo sáng trung bình trung tâm

Đo độ sáng ở trung tâm ảnh và sau đó lấy trung bình cho toàn cảnh. Chế độ đo sáng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp.

 Trong chế độ  (Đo sáng toàn khung ảnh), thiết lập phơi sáng sẽ khóa khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và lấy được nét. Trong các chế độ  (Đo sáng từng phần),  (Đo sáng điểm) và  (Đo sáng trung bình trung tâm), phơi sáng sẽ được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. (Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ không khóa phơi sáng.)

Thiết lập bù trừ phơi sáng [☆]

Thiết lập bù trừ phơi sáng nếu độ phơi sáng (không sử dụng flash) không đạt hiệu quả như mong muốn. Có thể sử dụng tính năng này ở các chế độ vùng cơ bản (ngoại trừ <M>). Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 điểm dừng.

Tăng phơi sáng
giúp ảnh sáng hơn



Giảm phơi sáng
giúp ảnh tối hơn



1 Kiểm tra thang đo sáng.

- Nhấn nửa chừng nút chụp (ⓘ) và kiểm tra thang đo sáng.

2 Đặt lượng bù trừ phơi sáng.

- Trong khi nhìn vào khung ngắm hoặc xem bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <ⓘ>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <ⓘ>.

3 Chụp ảnh.

- Để hủy bù trừ phơi sáng, thiết lập lượng bù trừ phơi sáng trở lại <0>.

🔊 Nếu đặt [**📷2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.146) thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [**Disable (Tắt)**], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng giảm cho hình ảnh tối hơn.



- Lượng bù trừ phơi sáng sẽ vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Sau khi thiết lập lượng bù trừ phơi sáng, bạn có thể ngăn lượng bù trừ phơi sáng thay đổi bằng cách gạt nút <LOCK▶> về bên phải.
- Lượng bù trừ phơi sáng hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD chỉ tăng lên tối đa ± 2 điểm dừng. Nếu lượng bù trừ phơi sáng vượt quá ± 2 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.
- Nếu muốn thiết lập bù trừ phơi sáng vượt quá ± 2 điểm dừng, chỉnh với [**📷2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)**] (tr.170) hoặc với màn hình điều khiển nhanh (tr.57).

MENU Phơi sáng hỗn hợp tự động ☆

Tính năng này sẽ tăng bù trừ phơi sáng lên một mức bằng cách tự động thay đổi phơi sáng (tối đa ± 2 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng) với ba ảnh như minh họa bên dưới. Sau đó, bạn có thể chọn phơi sáng tốt nhất. Tính năng này được gọi là AEB (Auto Exposure Bracketing - Phơi sáng hỗn hợp tự động).



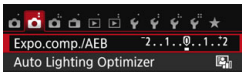
Phơi sáng chuẩn



Phơi sáng tối hơn
(Giảm phơi sáng)

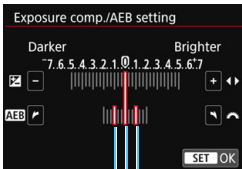


Phơi sáng sáng hơn
(Tăng phơi sáng)



1 Chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)].

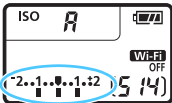
- Trong tab [2], chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)], rồi nhấn <SET>.



Phạm vi AEB

2 Thiết lập phạm vi AEB.

- Xoay nút xoay <[gear icon]> để thiết lập phạm vi AEB.
- Nhấn các phím <[left arrow]> <[right arrow]> để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng. Nếu AEB kết hợp với bù trừ phơi sáng, AEB sẽ được chỉnh về chính giữa mức bù trừ phơi sáng.
- Nhấn <[SET]> để thiết lập.
- Khi nhấn nút <[MENU]> để thoát menu, phạm vi AEB sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



3 Chụp ảnh.

- Lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp. Ba ảnh bù sáng sẽ chụp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.

Hủy AEB

- Thực hiện theo các bước 1 và 2 để tắt hiển thị phạm vi AEB (đặt về 0).
- Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> hoặc quá trình nạp đèn flash đã hoàn tất, v.v..., cài đặt AEB cũng sẽ tự động hủy.

Gợi ý chụp ảnh

• Sử dụng AEB khi chụp liên tục

Nếu đặt kiểu chụp thành <□> hoặc <□S> (tr.122) và nhấn hoàn toàn nút chụp, ba ảnh bù trừ sáng sẽ được chụp liên tiếp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng. Sau đó, quá trình chụp sẽ dừng tự động.

• Sử dụng AEB khi chụp từng ảnh (□/□S)

Nhấn nút chụp ba lần để chụp ba ảnh bù trừ sáng. Ba ảnh bù trừ sáng sẽ được chụp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.

• Sử dụng AEB khi chụp hẹn giờ hoặc với bộ điều khiển từ xa (bán riêng)

Khi chụp hẹn giờ hoặc chụp điều khiển từ xa (<ⓘ☺> hoặc <☺>), bạn có thể chụp ba ảnh liên tục sau 10 giây hoặc 2 giây. Sau khi thiết lập <☺> (tr.124), số ảnh chụp liên tục sẽ gấp ba lần số lượng đã thiết lập.



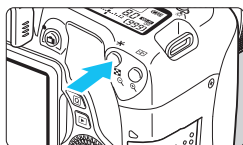
- Trong khi phơi sáng hỗn hợp tự động, <✱> trong khung ngắm và phạm vi AEB sẽ nhấp nháy.
- Không thể sử dụng AEB với flash, [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)], bộ lọc sáng tạo hoặc phơi sáng bulb.
- Nếu đặt [☑2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.146) thành thiết lập khác với [Disable (Tắt)] có thể làm giảm thiểu hiệu ứng của AEB.

* Khóa phơi sáng ☆

Bạn có thể khóa phơi sáng khi khu vực lấy nét khác với khu vực đo độ phơi sáng hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh ở cùng cài đặt phơi sáng. Nhấn nút < * > để khóa phơi sáng, sau đó bố cục lại ảnh và chụp. Chức năng này được gọi là Khóa phơi sáng. Chức năng này có hiệu quả với các chủ thể mờ nhạt v.v...

1 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị.



2 Nhấn nút < * >. (ⓘ4)

- ▶ Biểu tượng < * > phát sáng trong khung ngắm biểu thị đã khóa thiết lập phơi sáng (Khóa phơi sáng).
- Mỗi lần bạn nhấn nút < * >, cài đặt phơi sáng tự động hiện hành sẽ khóa.



3 Bố cục lại ảnh và chụp.

- Nếu bạn muốn duy trì khóa phơi sáng trong khi chụp nhiều ảnh, vui lòng nhấn giữ nút < * > và nhấn nút chụp để chụp ảnh khác.

Hiệu ứng khóa phơi sáng

| Chế độ đo sáng (tr.167) | Phương pháp chọn điểm AF (tr.116) | |
|----------------------------|--|---|
| | Chọn tự động | Chọn bằng tay |
| * | Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF lấy được nét. | Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF đã chọn. |
| | Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm. | |

* Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.

Không thể khóa phơi sáng với phơi sáng bulb.

Khóa gương lật để giảm rung máy ảnh ☆

Hiện tượng rung máy ảnh gây ra do hoạt động của gương lật gọi là “rung gương”. Khóa gương lật có thể giúp giảm thiểu tình trạng ảnh bị mờ do rung máy.

Tính năng này đặc biệt hữu ích khi bạn sử dụng ống kính chụp siêu xa hoặc khi chụp cận cảnh (chụp macro).

Bật khóa gương lật bằng cách đặt [9: Mirror lockup (Khóa gương lật)] thành [1: Enable (Bật)] trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] (tr.360).

1 Láy nét vào chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.

- ▶ Gương sẽ nâng lên.


2 Nhấn lại hoàn toàn nút chụp.



- ▶ Ảnh được chụp và gương hạ xuống.
- Sau khi chụp ảnh, đặt [9: Mirror lockup (Khóa gương lật)] thành [0: Disable (Tắt)].



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng chụp hẹn giờ <⏱>, <⏲> với khóa gương lật**
Khi nhấn hoàn toàn nút chụp, gương lật được khóa lại. Ảnh sẽ được chụp sau 10 giây hoặc 2 giây.
- **Chụp điều khiển từ xa**
Do không phải chạm vào máy ảnh khi chụp, nên chụp điều khiển từ xa kết hợp với khóa gương lật có thể giúp giảm thiểu rung máy tốt hơn (tr.370). Đặt Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng) thành hẹn giờ 2 giây, rồi nhấn nút truyền để khóa gương, máy ảnh sẽ chụp ảnh 2 giây sau khi gương được khóa.

-  Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Trong môi trường rất sáng như ở bãi biển hoặc dốc trượt tuyết vào ngày nắng, chụp ngay sau khi gương được khóa ổn định.
- Nếu sử dụng chụp hẹn giờ và phơi sáng bulb kết hợp với khóa gương lật, nhấn giữ hoàn toàn nút chụp (thời gian trì hoãn của chụp hẹn giờ + thời gian phơi sáng bulb). Nếu nhả nút chụp trong thời gian đếm ngược của chụp hẹn giờ, máy ảnh sẽ phát ra âm thanh nhả màn trập nhưng không có ảnh nào được chụp.
- Trong quá trình khóa gương lật, thiết lập chức năng chụp và các thao tác menu, v.v... bị tắt.
- Nếu sử dụng flash, đèn giảm mắt đỏ sẽ không đánh sáng (tr.177).

-  Ngay cả khi đặt kiểu chụp thành , S> hoặc c>, máy ảnh sẽ vẫn chụp ở chế độ chụp từng ảnh.
- Khi đặt [ 3: High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)] thành [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)], mỗi ảnh sẽ có bốn ảnh chụp liên tục không phụ thuộc vào cài đặt [9: Mirror lockup (Khóa gương lật)].
- Sau khi được khóa 30 giây, gương lật sẽ tự động hạ xuống. Nếu tiếp tục nhấn hoàn toàn nút chụp, gương sẽ được khóa trở lại.

6

Chụp ảnh với đèn flash

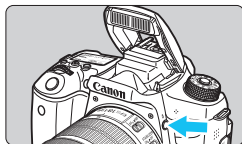
Chương này giải thích cách chụp ảnh với đèn flash tích hợp và đèn Speedlite gắn ngoài (sê-ri EX, bán riêng), cách cài đặt đèn flash bằng màn hình menu của máy ảnh và cách sử dụng đèn flash tích hợp khi chụp flash không dây.



- Không thể dùng flash khi quay phim. Đèn sẽ không đánh sáng.
- Không thể sử dụng phơi sáng hỗn hợp tự động với đèn flash.

⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Trong điều kiện trong nhà, ánh sáng yếu hoặc ngược sáng vào ban ngày, bạn chỉ cần nâng đèn flash tích hợp lên và nhấn nút chụp để chụp ảnh có flash. Ở chế độ <P>, tốc độ màn trập (1/60 giây - 1/200 giây) sẽ được tự động thiết lập để tránh rung máy.



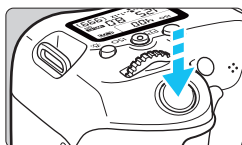
1 Nhấn nút <⚡>.

- Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể nhấn nút <⚡> để chụp ảnh có flash.
- Khi đèn flash đang nạp, "buSY" hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.



2 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- Đảm bảo rằng biểu tượng <⚡> ở phần dưới bên trái khung ngắm phát sáng.



3 Chụp ảnh.

- Khi lấy được nét và bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, đèn flash sẽ đánh sáng cho ảnh.

Phạm vi hiệu quả của đèn flash tích hợp (Giá trị gần đúng bằng m/ft.)

| Tốc độ ISO (tr.132) | EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM, EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM, EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM, EF-S18-200mm f/3.5-5.6 IS | | |
|------------------------|--|-----------------------|-------------------------|
| | Góc rộng | | Chụp xa |
| | f/3.5 | f/4 | f/5.6 |
| ISO 100 | 1 - 3,4 / 3,3 - 11,2 | 1 - 3 / 3,3 - 9,8 | 1 - 2,1 / 3,3 - 6,9 |
| ISO 400 | 1 - 6,9 / 3,3 - 22,6 | 1 - 6 / 3,3 - 19,7 | 1 - 4,3 / 3,3 - 14,1 |
| ISO 1600 | 1,7 - 13,7 / 5,6 - 44,9 | 1,5 - 12 / 4,9 - 39,4 | 1,1 - 8,6 / 3,6 - 28,2 |
| ISO 6400 | 3,4 - 27,4 / 11,2 - 89,9 | 3 - 24 / 9,8 - 78,7 | 2,1 - 17,1 / 6,9 - 56,1 |

* Khi đặt tốc độ ISO cao cùng khoảng cách lấy nét xa, tùy vào điều kiện chủ thể, v.v... mà phơi sáng có thể không thu được chính xác.

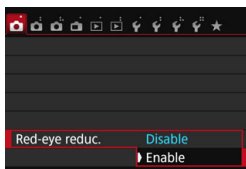
💡 Gợi ý chụp ảnh

- Trong ánh sáng chói, cần giảm tốc độ ISO.
Giảm tốc độ ISO nếu thiết lập phơi sáng trong khung ngắm nhấp nháy.
- Tháo loa che nắng. Không đứng ở quá gần chủ thể.
Nếu ống kính có lắp loa che nắng hoặc bạn ở quá gần chủ thể, phần dưới cùng của ảnh có thể bị tối do flash bị che khuất. Với những ảnh quan trọng, kiểm tra ảnh trên màn hình LCD để đảm bảo phơi sáng flash trông tự nhiên (không bị tối ở phần dưới cùng).

MENU Giảm mắt đỏ

Sử dụng đèn giảm mắt đỏ trước khi chụp ảnh có flash có thể làm giảm mắt đỏ.

Giảm mắt đỏ sẽ hoạt động ở mọi chế độ chụp ngoại trừ <📷>, <📷>, <📷>, <📷> hoặc <📷>.



- Trong tab [📷1], chọn [Red-eye reduc. (Giảm mắt đỏ)], rồi nhấn <ⓈET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <ⓈET>.
- Để chụp ảnh có flash, khi nhấn nửa chừng nút chụp, đèn giảm mắt đỏ sẽ phát sáng. Sau đó, khi nhấn hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp.

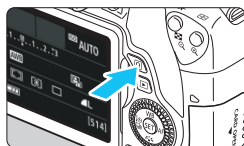


- Tính năng giảm mắt đỏ sẽ hiệu quả hơn khi chủ thể nhìn vào đèn giảm mắt đỏ, khi căn phòng được chiếu sáng tốt hoặc khi bạn ở gần chủ thể.
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, hiển thị tỷ lệ ở dưới cùng khung ngắm sẽ thu lại và tắt đi. Chụp ảnh sau khi tắt hiển thị tỷ lệ để có kết quả tốt nhất.
- Hiệu quả của giảm mắt đỏ sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng chủ thể.



🔧 Bù trừ phơi sáng flash ☆

Thiết lập bù trừ phơi sáng flash nếu phơi sáng flash của chủ thể không đạt hiệu quả như mong muốn. Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 2 điểm dừng ở mức tăng 1/3 điểm dừng.



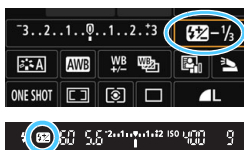
1 Nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ (☺10).

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện (tr.57).



2 Chọn $\langle \text{Q} \rangle$.

- Nhấn các phím $\langle \blacktriangle \rangle$ $\langle \blacktriangledown \rangle$ hoặc $\langle \blacktriangleleft \rangle$ $\langle \blacktriangleright \rangle$ để chọn $\langle \text{Q} \rangle$.*
- ▶ [Flash exposure comp. (Bù trừ phơi sáng flash)] sẽ xuất hiện ở dưới cùng.



3 Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

- Nếu phơi sáng quá tối, xoay nút xoay $\langle \text{☺} \rangle$ sang phải (để tăng phơi sáng). Nếu phơi sáng quá sáng, xoay nút xoay $\langle \text{☺} \rangle$ sang trái (để giảm phơi sáng).

- ▶ Khi nhấn nửa chừng nút chụp, biểu tượng $\langle \text{Q} \rangle$ sẽ xuất hiện trong khung ngắm.
- Sau khi chụp, hủy bù trừ phơi sáng flash bằng cách đặt về 0.

- ❗ Nếu đặt $\langle \text{☺2} \rangle$: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.146) về bất cứ thiết lập nào ngoài [Disable (Tắt)], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập giảm bù trừ phơi sáng flash.
- Nếu đặt bù phơi sáng với đèn Speedlite gắn ngoài (bán riêng, tr.181), không cần cài đặt bù phơi sáng flash với máy ảnh (Điều khiển nhanh hoặc cài đặt chức năng flash ngoài). Nếu bù trừ phơi sáng được thiết lập cho cả máy ảnh và đèn Speedlite, thiết lập của đèn Speedlite sẽ vô hiệu hóa thiết lập của máy ảnh.

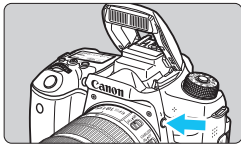


- Lượng bù trừ phơi sáng sẽ vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Bạn cũng có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash bằng [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)] trong [❶ 1: Flash control (Điều khiển flash)] (tr.186).

✳ Khóa phơi sáng flash (FEL) ☆

Nếu chủ thể nằm ở cạnh khung và bạn sử dụng flash, chủ thể có thể trở nên quá sáng hoặc quá tối tùy thuộc vào hậu cảnh, v.v... Trong trường hợp này, hãy sử dụng khóa phơi sáng flash. Sau khi thiết lập phơi sáng flash phù hợp cho chủ thể, bạn có thể bố cục lại ảnh (đưa chủ thể sang cạnh bên) và chụp. Tính năng này cũng có thể sử dụng với đèn Speedlite sê-ri EX của Canon.

* FE là viết tắt của Flash Exposure (Phơi sáng flash).

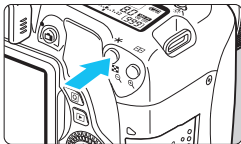


1 Nhấn nút <⚡>.

- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ nâng lên.
- Nhấn nửa chừng nút chụp và ngắm trong khung ngắm để kiểm tra biểu tượng <⚡> đã phát sáng chưa.



2 Lấy nét chủ thể.



3 Nhấn nút <✳>. (❶16)

- Hướng trung tâm khung ngắm vào chủ thể bạn muốn khóa phơi sáng flash, rồi nhấn nút <✳>.
- ▶ Đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash cần thiết được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.
- ▶ Trong khung ngắm, thông báo "FEL" hiển thị trong giây lát và biểu tượng <⚡*> sẽ phát sáng.



- Mỗi lần bạn nhấn nút <✳>, đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash cần thiết được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Đèn flash đánh sáng và ảnh sẽ được chụp.

- Nếu chủ thể quá xa và nằm ngoài phạm vi hiệu quả của flash, biểu tượng <⚡> sẽ nhấp nháy. Tiến gần chủ thể hơn và lặp lại các bước từ 2 đến 4.
- Không thể sử dụng khóa phơi sáng flash trong khi chụp Live View.

⚡ Sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài

Đèn Speedlite sê-ri EX dành riêng cho máy EOS

Thao tác dễ dàng như thao tác cơ bản với đèn flash tích hợp.

Khi lắp đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) vào máy ảnh, hầu hết tất cả các điều khiển flash tự động đều do máy ảnh thực hiện. Nói cách khác, máy ảnh giống như được lắp đèn flash ngoài công suất cao thay vì đèn flash tích hợp.



Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX. Máy ảnh này là máy ảnh Kiểu A, có thể sử dụng tất cả các tính năng của đèn Speedlite sê-ri EX.



Đèn Speedlite có đế gắn

Đèn Macro



- Với đèn Speedlite sê-ri EX không tương thích với thiết lập chức năng flash (tr.183), chỉ có thể đặt **[Flash exp. comp (Bù trừ phơi sáng flash)]** và **[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]** cho **[External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]**. (Chức năng **[Shutter sync. (Đồng bộ màn trập)]** cũng có thể được thiết lập cho một số đèn Speedlite sê-ri EX.)
- Nếu đặt bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite gắn ngoài, biểu tượng bù trừ phơi sáng flash hiển thị trên màn hình LCD sẽ thay đổi từ  thành .

Đèn Speedlite Canon không phải sê-ri EX

- Với đèn Speedlite sê-ri EZ/E/EG/ML/TL được đặt trong chế độ flash tự động TTL hoặc A-TTL, flash chỉ có thể đánh sáng ở công suất tối đa.

Đặt chế độ chụp của máy ảnh thành <M> (phơi sáng chỉnh tay) hoặc <Av> (tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) và điều chỉnh thiết lập khẩu độ trước khi chụp.

- Nếu đèn Speedlite có trang bị chế độ flash chỉnh tay, nên chụp ở chế độ flash chỉnh tay.

Sử dụng thiết bị flash không phải của Canon

Tốc độ đồng bộ

Máy ảnh có thể đồng bộ với thiết bị flash nhỏ gọn không phải của Canon ở tốc độ màn trập từ 1/200 giây trở xuống. Hãy sử dụng tốc độ đồng bộ chậm hơn 1/200 giây.

Đảm bảo thử nghiệm thiết bị flash trước khi sử dụng để chắc chắn thiết bị đồng bộ với máy ảnh một cách chính xác.

Thận trọng trong khi chụp Live View

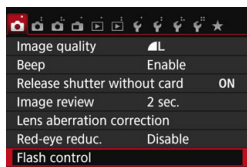
Đèn flash không phải của Canon sẽ không đánh sáng khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng máy ảnh với thiết bị flash hoặc phụ kiện flash dành riêng cho thương hiệu máy ảnh khác, máy ảnh này có thể không hoạt động chính xác và gặp trục trặc.
- Không lắp thiết bị flash điện áp cao vào ngàm gắn của máy ảnh. Flash có thể không đánh sáng.

MENU Cài đặt flash ☆

Với flash tích hợp hoặc đèn Speedlite gắn ngoài sê-ri EX tương thích với các thiết lập chức năng flash, bạn có thể sử dụng menu của máy ảnh để thiết lập chức năng flash và chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite gắn ngoài.

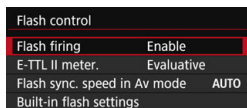
Nếu bạn sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, gắn đèn Speedlite vào máy ảnh và bật đèn Speedlite trước khi thiết lập chức năng flash. Để biết chi tiết về chức năng flash của đèn Speedlite gắn ngoài, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.



Chọn [Flash control (Điều khiển flash)].

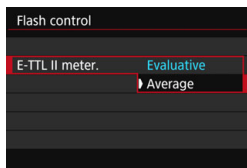
- Trong tab [CAMERA 1], chọn [Flash control (Điều khiển flash)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình điều khiển flash sẽ xuất hiện.

[Flash firing (Đánh sáng flash)]



- Thông thường, đặt cài đặt này thành [Enable].
- Nếu đặt [Disable (Tắt)], cả đèn flash tích hợp và đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không đánh sáng. Cài đặt này hữu dụng khi bạn chỉ muốn sử dụng tia giúp lấy nét của flash.

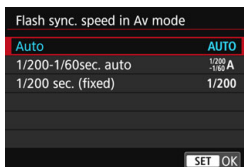
[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]



- Đối với phơi sáng flash thông thường, đặt cài đặt này thành [Evaluative (Toàn khung ảnh)].
- [Average (Trung bình)] dành cho người dùng chuyên nghiệp. Đối với đèn Speedlite gắn ngoài, vùng đo sáng được lấy ở mức trung bình. Bù trừ phơi sáng flash có thể cần được thiết lập.

Ngay cả khi [Flash firing (Đánh sáng flash)] được đặt thành [Disable (Tắt)], nếu khó lấy được nét trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp có thể vẫn phát ra một loạt tia sáng (tia giúp lấy nét, tr.113).

[Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)]



Bạn có thể đặt tốc độ đồng bộ flash để chụp ảnh có đèn flash ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**).

- **AUTO: Auto (Tự động)**

Tốc độ đồng bộ flash được đặt tự động trong phạm vi từ 1/200 giây đến 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Đồng bộ flash tốc độ cao cũng có thể thực hiện.

- **^{1/200}/_{-1/60}A: 1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**

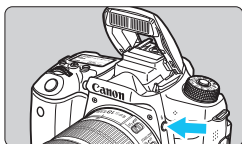
Không cho phép thiết lập tốc độ màn trập chậm trong điều kiện ánh sáng yếu. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy. Tuy nhiên, khi chủ thể được phơi sáng chuẩn bằng flash, hậu cảnh có thể tối hơn.

- **1/200: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**

Tốc độ đồng bộ flash cố định ở 1/200 giây. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy hiệu quả hơn so với [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**]. Tuy nhiên, trong điều kiện ánh sáng yếu, hậu cảnh của chủ thể sẽ tối hơn so với [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**].

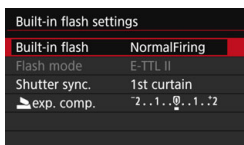
ⓘ Nếu đặt thành [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**], đồng bộ tốc độ cao sẽ không thể thực hiện trong chế độ <Av> với đèn Speedlite gắn ngoài.

Hiện thị trực tiếp màn hình thiết lập chức năng flash



Khi sử dụng đèn flash tích hợp hoặc đèn flash Speedlite gắn ngoài sê-ri EX tương thích với thiết lập chức năng flash, bạn có thể nhấn nút **<⚡>** để hiện thị trực tiếp màn hình **[Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)]** hoặc màn hình **[External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]** mà không cần hiển thị màn hình menu trước tiên.

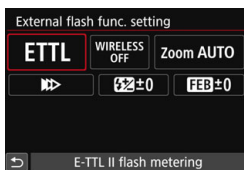
● Với đèn flash tích hợp



Nhấn nút **<⚡>** hai lần.

- Đèn flash tích hợp sẽ nâng lên.
- Nhấn nút lần nữa để hiển thị màn hình **[Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)]**.

● Với đèn Speedlite gắn ngoài



Nhấn nút **<⚡>**.

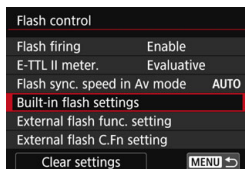
- Khi đèn Speedlite gắn ngoài được bật, nhấn nút **<⚡>** để hiển thị màn hình **[External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]**.



- Khi nhấn nút **<⚡>** để hiển thị màn hình thiết lập chức năng flash, không thể thiết lập **[Flash firing (Đánh sáng flash)]**, **[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]**, **[Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)]** hoặc **[External flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)]**. Thay vào đó, hãy thiết lập những chức năng này với **[📷 1: Flash control (Điều khiển flash)]**
- Nếu đặt **[Flash firing (Đánh sáng flash)]** thành **[Disable (Tắt)]** và nhấn nút **<⚡>**, màn hình **[📷 1: Flash control (Điều khiển flash)]** sẽ xuất hiện.

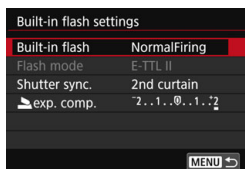
[Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)] và [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]

Bạn có thể thiết lập các chức năng trong bảng bên dưới. Các chức năng hiển thị trong [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)] sẽ khác nhau tùy thuộc vào model đèn Speedlite.

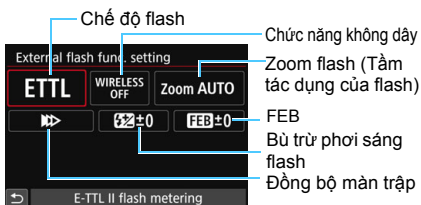


- Chọn [**Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)**] hoặc [**External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)**].
- ▶ Màn hình thiết lập chức năng flash sẽ hiển thị. Với [**Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)**], chỉ có thể chọn và thiết lập các chức năng được tô sáng.

Màn hình mẫu



[Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)]



[External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]

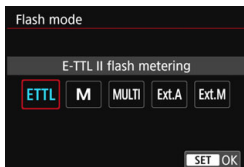
Chức năng chính cho [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)]
và [External flash func. settings (Thiết lập chức năng flash ngoài)]

| Chức năng | [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)] | | | [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)] | Trang |
|------------------------|--|----------------------------|------------------------------|--|-------|
| | Đánh sáng thông thường | Không dây dễ dàng (tr.194) | Không dây tùy chỉnh (tr.197) | | |
| Chế độ flash | | | ○ | ○ | 188 |
| Đồng bộ màn trập | ○ | | | ○ | 188 |
| FEB* | | | | ○ | |
| Chức năng không dây | | | ○ | ○ | 188 |
| Bù trừ phơi sáng flash | ○ | ○ | ○ | ○ | 178 |
| Điều khiển tỷ lệ flash | | | ○ | | |
| Đánh sáng flash chính | | | | ○ | |
| Zoom flash* | | | | ○ | |

* Để tìm hiểu về [FEB] (Phơi sáng hỗn hợp flash) và [Flash zoom], tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với các chức năng.

● Flash mode (Chế độ flash)

Khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, bạn có thể chọn chế độ flash phù hợp với kiểu chụp flash mong muốn.



- **[E-TTL II]** là chế độ tiêu chuẩn của đèn Speedlite sê-ri EX dành cho chụp với flash tự động.
- **[Manual flash (Flash chỉnh tay)]** dành cho người dùng chuyên nghiệp muốn tự đặt **[Flash output (Công suất flash)]** (1/1 đến 1/128).
- Về các chế độ flash khác, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chức năng đó.

● Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)

Thông thường, đặt chế độ này thành **[1st curtain (Màn trập 1)]** để flash đánh sáng ngay lập tức sau khi phơi sáng bắt đầu.

Nếu đặt **[2nd curtain (Màn trập 2)]**, flash sẽ đánh sáng ngay trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo ra vệt sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm với cảm giác tự nhiên hơn. Khi sử dụng E-TTL II (phơi sáng flash tự động), flash sẽ đánh sáng hai lần: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phơi sáng kết thúc. Ngoài ra, nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây trở lên, đồng bộ màn trập 1 sẽ được áp dụng tự động.

Nếu lắp đèn Speedlite gắn ngoài, bạn có thể chọn **[High-speed synchronization (Đồng bộ tốc độ cao)]** (H). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

● Wireless functions (Chức năng không dây)

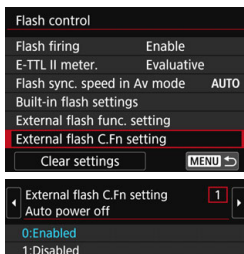
Khi sử dụng chức năng flash chính (master flash) của đèn flash tích hợp để thực hiện chụp ảnh bằng flash không dây qua hệ thống truyền quang, tham khảo phần “Sử dụng đèn flash không dây” ở trang 191. Khi sử dụng chức năng flash chính (master flash) của đèn Speedlite gắn ngoài để thực hiện chụp ảnh bằng flash không dây qua hệ thống truyền vô tuyến hoặc truyền quang, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.

● Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)

Tham khảo phần “Bù trừ phơi sáng flash” ở trang 178.

Thiết lập chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite gắn ngoài

Chức năng tùy chỉnh hiển thị trong [External flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)] sẽ khác nhau tùy thuộc vào model đèn Speedlite.



1 Hiện thị chức năng tùy chỉnh.

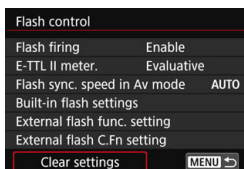
- Khi máy ảnh sẵn sàng chụp với đèn Speedlite gắn ngoài, chọn [External flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)], rồi nhấn <SET>.

2 Đặt chức năng tùy chỉnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số chức năng, rồi cài đặt chức năng đó. Quy trình giống với đặt chức năng tùy chỉnh của máy ảnh (tr.354).

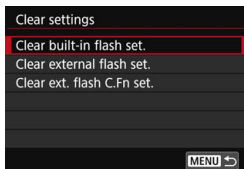
Với đèn Speedlite sê-ri EX, nếu chức năng tùy chỉnh [Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)] được đặt thành [TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)] (flash tự động), đèn Speedlite sẽ luôn đánh sáng ở công suất tối đa.

Xóa cài đặt




1 Chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)].

- Trong tab [📷 1: Flash control (Điều khiển flash)], chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn cài đặt cần xóa.

- Chọn [**Clear built-in flash set. (Xóa cài đặt flash tích hợp)**], [**Clear external flash set. (Xóa cài đặt flash ngoài)**] hoặc [**Clear ext. flash C.Fn set. (Xóa thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)**], rồi nhấn <SET>.
- Khi chọn [**OK**], cài đặt flash tương ứng sẽ bị xóa.

 Không thể xóa hoặc thiết lập chức năng riêng của đèn Speedlite (P.Fn) với màn hình [**Flash control (Điều khiển flash)**] của máy ảnh. Thiết lập chức năng này với đèn Speedlite.

Sử dụng flash không dây ☆

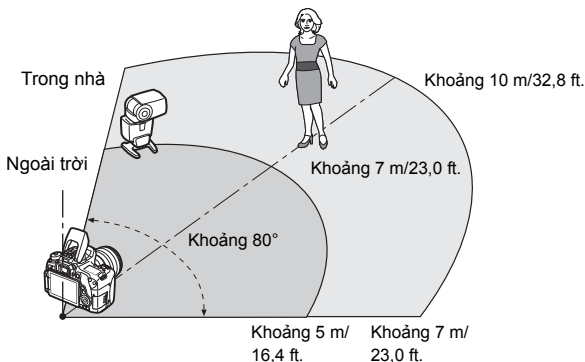
Đối với dòng máy Canon sê-ri EX, đèn flash tích hợp của máy ảnh có thể hoạt động như một thiết bị chính và đèn Speedlite gắn ngoài có tính năng như một thiết bị không dây phụ. Nó có thể kích hoạt đánh sáng (các) đèn Speedlite không dây thông qua hệ thống truyền quang. Đảm bảo đã đọc các hướng dẫn và phần thận trọng về chụp ảnh flash không dây (hệ thống truyền quang) trong hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.

Vị trí và cài đặt thiết bị phụ

Để tìm hiểu thông tin về đèn Speedlite (thiết bị phụ), tham khảo hướng dẫn sử dụng và thiết lập như sau. Các cài đặt khác với cài đặt cho tính năng điều khiển của thiết bị phụ dưới đây đều được thiết lập bằng máy ảnh. Có thể sử dụng và điều khiển cùng lúc các loại thiết bị phụ khác nhau của đèn Speedlite.

- (1) Thiết lập đèn Speedlite gắn ngoài làm thiết bị phụ.
- (2) Đặt kênh truyền của đèn Speedlite với cùng kênh được thiết lập trong máy ảnh.*¹
- (3) Để điều chỉnh tỷ lệ flash (tr.199), thiết lập nhóm đánh sáng của thiết bị phụ.
- (4) Bố trí máy ảnh và (các) thiết bị phụ trong phạm vi hiển thị dưới đây.
- (5) Hướng cảm biến không dây của thiết bị phụ vào máy ảnh.*²


Ví dụ về thiết lập flash không dây



- *1: Nếu đèn Speedlite không có chức năng cài đặt kênh truyền, đèn có thể hoạt động không phụ thuộc vào kênh được thiết lập trong máy ảnh.
- *2: Trong phòng nhỏ, thiết bị phụ có thể vẫn hoạt động ngay cả khi bộ cảm biến không dây không hướng về máy ảnh. Tín hiệu không dây của máy ảnh có thể được tường dội lại và thu nhận bởi các thiết bị phụ. Khi sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX với bộ phát ánh sáng (đầu flash) và cảm biến không dây cố định, chụp thử để đảm bảo đèn có thể đánh sáng.

● **Hủy tắt nguồn tự động của thiết bị phụ**

Để hủy tắt nguồn tự động của thiết bị phụ, nhấn vào nút <✳> của máy ảnh. Nếu bạn đang sử dụng đánh sáng flash chỉnh tay, nhấn nút đánh sáng thử của thiết bị phụ (PILOT) để hủy chế độ tắt nguồn tự động.

 Không thể sử dụng chức năng chính của máy ảnh để chụp ảnh flash không dây qua hệ thống truyền vô tuyến.

Các cấu hình chụp flash không dây

Các bảng dưới đây thể hiện cấu hình có thể dùng cho chụp flash không dây. Chọn cấu hình phù hợp với chủ thể, điều kiện chụp, số lượng đèn Speedlite gắn ngoài được dùng, v.v...

| | Đèn Speedlite gắn ngoài | | Flash tích hợp | Trang | Thiết lập | |
|---|--------------------------|-----------------|----------------|--------|---------------------|----------------|
| | Số lượng | Tỷ lệ flash A:B | | | Chức năng không dây | Nhóm đánh sáng |
| Chụp hoàn toàn tự động (flash tự động E-TTL II) | Đơn | - | - | tr.194 | | Tất cả |
| | Đơn | - | Được sử dụng | tr.197 | : | - |
| | Đa | - | - | tr.196 | | Tất cả |
| | Đa | Thiết lập | - | tr.199 | | (A:B) |
| | Đa | - | Được sử dụng | tr.200 | + | Tất cả và |
| | Đa | Thiết lập | Được sử dụng | | + | (A:B) |
| | • Bù trừ phơi sáng flash | | | | tr.201 | |
| • Khóa phơi sáng flash | | | | | | |

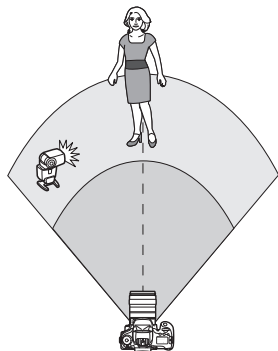
| | Đèn Speedlite gắn ngoài | | Flash tích hợp | Trang | Thiết lập | |
|-----------------|-------------------------|-----------------|----------------|--------|---------------------|----------------|
| | Số lượng | Tỷ lệ flash A:B | | | Chức năng không dây | Nhóm đánh sáng |
| Flash chính tay | Đơn/Đa | - | - | tr.202 | | Tất cả |
| | Đa | Thiết lập | - | | | (A:B) |
| | Đơn/Đa | - | Được sử dụng | | + | Tất cả và |
| | Đa | Thiết lập | Được sử dụng | | + | (A:B) |

Cho dù bạn tắt đánh sáng bằng đèn flash tích hợp, đèn flash vẫn đánh sáng để điều khiển thiết bị phụ thông qua hệ thống truyền quang. Do đó, flash được đánh sáng để điều khiển thiết bị phụ có thể xuất hiện trong ảnh tùy vào điều kiện chụp.

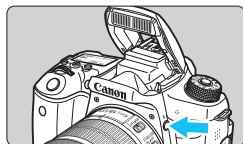
Chụp flash không dây dễ dàng [☆]

Nguyên lý cơ bản cho chức năng chụp flash không dây hoàn toàn tự động và dễ dàng được trình bày trong phần dưới đây.

Chụp hoàn toàn tự động với một đèn Speedlite gắn ngoài

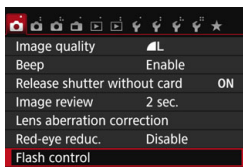


Các bước 1 đến 4 và 6 áp dụng cho tất cả các chế độ chụp flash không dây. Do đó, các bước này bị bỏ qua trong các cài đặt flash không dây khác được giải thích ở các trang sau đây.



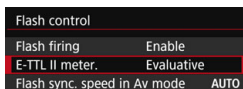
1 Nhấn nút $\langle \text{Flash} \rangle$ để nâng đèn flash tích hợp lên.

- Đảm bảo nâng đèn flash tích hợp lên khi chụp flash không dây.



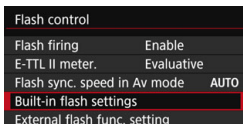
2 Chọn [Flash control (Điều khiển flash)].

- Trong tab [1], chọn [Flash control (Điều khiển flash)], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.



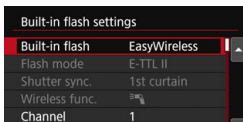
3 Chọn [Evaluative (Toàn khung ảnh)].

- Đối với [E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)], chọn [Evaluative (Toàn khung ảnh)], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.



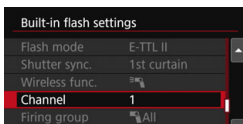
4 Chọn [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)].

- Chọn [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)], rồi nhấn <SET>.



5 Chọn [EasyWireless (Không dây dễ dàng)].

- Đối với [Built-in flash (Flash tích hợp)], chọn [EasyWireless (Không dây dễ dàng)], rồi nhấn <SET>.

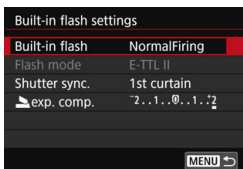


6 Đặt [Channel (Kênh)].

- Đặt kênh truyền (1-4) giống như kênh của thiết bị phụ.

7 Chụp ảnh.

- Thiết lập máy ảnh và chụp như khi chụp thông thường.



8 Thoát chụp flash không dây.

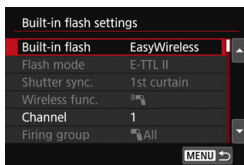
- Đối với [Built-in flash (Flash tích hợp)], chọn [NormalFiring (Đánh sáng thông thường)].



- Nên đặt [E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)] thành [Evaluative (Toàn khung ảnh)].
- Cho dù chức năng đánh sáng của đèn flash tích hợp bị tắt khi [EasyWireless (Không dây dễ dàng)] được đặt, đèn sẽ vẫn phát ra flash nhỏ để điều khiển thiết bị phụ. Tùy thuộc vào điều kiện chụp, flash phát ra để điều khiển thiết bị phụ có thể xuất hiện trong ảnh.
- Không thể đánh sáng flash thử với thiết bị phụ.

Chụp hoàn toàn tự động với nhiều đèn Speedlite gắn ngoài

Các thiết bị phụ có thể đánh sáng như đèn Speedlite đơn. Tính năng này khá thuận tiện khi bạn cần công suất flash lớn.



Cài đặt cơ bản:

Flash mode : E-TTL II

(Chế độ flash)

E-TTL II meter. : Evaluative

(Đo sáng E-TTL II) (Toàn khung ảnh)

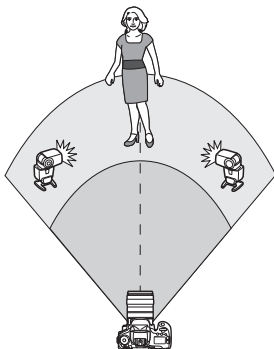
Built-in flash : EasyWireless

(Flash tích hợp) (Không dây dễ dàng)

Channel (Kênh): (Giống như các thiết bị phụ)

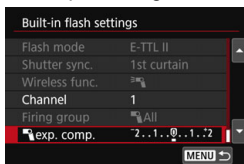
Tất cả các thiết bị phụ sẽ đánh sáng với cùng công suất và được điều khiển để đạt phơi sáng chuẩn.

Dù các thiết bị phụ có thuộc nhóm đánh sáng nào (A, B hay C), tất cả sẽ đánh sáng như một nhóm.



Bù trừ phơi sáng flash

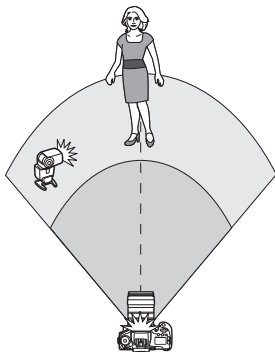
Nếu phơi sáng flash trông quá tối hoặc quá sáng, bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash để điều chỉnh công suất flash của thiết bị phụ.







- Chọn [exp. comp. (bù trừ phơi sáng)], rồi nhấn <SET>.
- Nếu phơi sáng flash quá tối, nhấn nút <▶> để tăng phơi sáng flash và làm sáng lên. Nếu phơi sáng flash quá sáng, nhấn nút <◀> để giảm phơi sáng flash và làm tối đi.

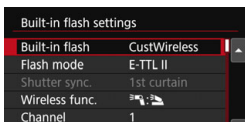
Chụp flash không dây tùy chỉnh ☆

Chụp hoàn toàn tự động với một đèn Speedlite gắn ngoài và flash tích hợp




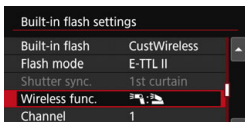
Đây là chức năng chụp flash không dây hoàn toàn tự động với một đèn Speedlite và đèn flash tích hợp.

Bạn có thể thay đổi tỷ lệ flash giữa đèn Speedlite gắn ngoài và đèn flash tích hợp để điều chỉnh vùng tối trên chủ thể. Trên màn hình menu, các biểu tượng <  > và <  > biểu thị đèn Speedlite gắn ngoài, các biểu tượng <  > và <  > biểu thị đèn flash tích hợp.






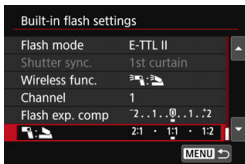
1 Chọn [CustWireless (Không dây tùy chỉnh)].

- Thực hiện theo bước 5 ở trang 195 để chọn [CustWireless (Không dây tùy chỉnh)], rồi nhấn <  >.






2 Chọn [Wireless func. (Chức năng không dây)].

- Trong [Wireless func. (Chức năng không dây)], chọn [ : ], rồi nhấn <  >.



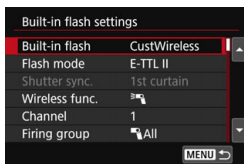
3 Thiết lập tỷ lệ flash mong muốn và chụp ảnh.

- Chọn [ : ] và thiết lập tỷ lệ flash trong khoảng 8:1 đến 1:1. Không thể thiết lập tỷ lệ flash về bên phải 1:1.
- Nếu công suất flash tích hợp không đủ, thiết lập tốc độ ISO cao hơn (tr.132).

 Tỷ lệ flash 8:1 đến 1:1 tương đương từ 3:1 đến 1:1 điểm dừng (mức tăng 1/2 điểm dừng).

Chụp hoàn toàn tự động với nhiều đèn Speedlite gắn ngoài

Các thiết bị phụ của đèn Speedlite có thể đánh sáng như một thiết bị flash hoặc chia tách thành nhiều nhóm phụ để chụp ảnh theo các tỷ lệ flash. Cài đặt cơ bản được trình bày dưới đây. Thay đổi thiết lập [Firing group (Nhóm đánh sáng)] để có thể chụp với nhiều cài đặt flash không dây và đèn Speedlite.



Cài đặt cơ bản:

Flash mode : E-TTL II

(Chế độ flash)

E-TTL II meter. : Evaluative

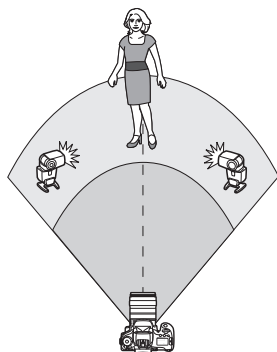
(Đo sáng E-TTL II) (Toàn khung ảnh)

Wireless func. : ☰

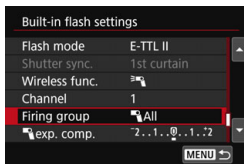
(Chức năng không dây)

Channel (Kênh) : (Giống như các thiết bị phụ)

[☰ All (Tất cả ☰)] Đánh sáng nhiều đèn Speedlite phụ như một thiết bị flash



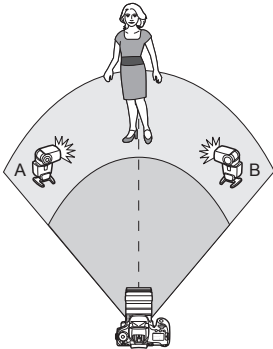
Chức năng này thuận tiện khi bạn cần công suất flash lớn. Tất cả các thiết bị phụ sẽ đánh sáng với cùng công suất và được điều khiển để đạt phơi sáng chuẩn. Dù các thiết bị phụ có thuộc nhóm đánh sáng nào (A, B hay C), tất cả sẽ đánh sáng như một nhóm.



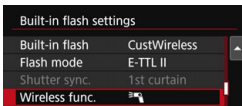
Đặt [Firing group (Nhóm đánh

sáng)] thành [☰ All (Tất cả ☰)], rồi chụp ảnh.

[(A:B)] Đánh sáng nhiều thiết bị phụ trong nhiều nhóm

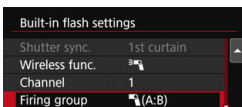


Bạn có thể chia các thiết bị phụ thành các nhóm A và B và thay đổi tỷ lệ flash để đạt hiệu ứng ánh sáng mong muốn. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite và thiết lập một thiết bị phụ vào nhóm đánh sáng A và thiết bị phụ khác vào nhóm đánh sáng B. Bố trí các đèn Speedlite như hình minh họa.

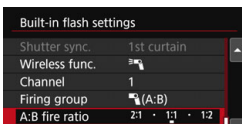


1 Chọn [**Wireless func. (Chức năng không dây)**].

- Thực hiện theo bước 2 ở trang 197 để chọn [], rồi nhấn <SET>.





2 Đặt [**Firing group (Nhóm đánh sáng)**] thành [(A:B)].



3 Đặt tỷ lệ flash A:B và chụp.

- Chọn [**A:B fire ratio (Tỷ lệ đánh sáng A:B)**] và cài đặt tỷ lệ flash.

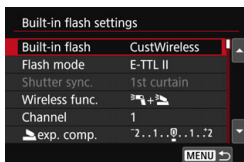
 Nếu đặt [**Firing group (Nhóm đánh sáng)**] thành [(A:B)], nhóm C sẽ không đánh sáng.

 Tỷ lệ flash 8:1 đến 1:1 đến 1:8 tương đương 3:1 đến 1:1 đến 1:3 điểm dừng (mức tăng 1/2 điểm dừng).

Chụp hoàn toàn tự động với flash tích hợp và nhiều đèn Speedlite gắn ngoài

Cũng có thể thêm flash tích hợp vào chế độ chụp flash không dây được giải thích trong các trang 198-199.

Cài đặt cơ bản được trình bày dưới đây. Thay đổi thiết lập [Firing group (Nhóm đánh sáng)] để có thể chụp với các thiết lập flash không dây của nhiều đèn Speedlite có bổ sung flash tích hợp.



1 Cài đặt cơ bản:

Flash mode : E-TTL II

(Chế độ flash)

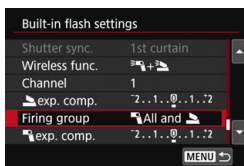
E-TTL II meter. : Evaluative

(Đo sáng E-TTL II) (Toàn khung ảnh)

Wireless func. : [Symbol]

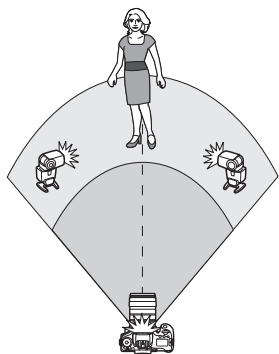
(Chức năng không dây)

Channel (Kênh) : (Giống như các thiết bị phụ)

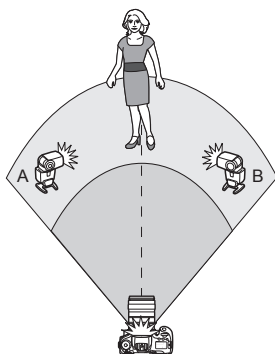


2 Chọn [Firing group (Nhóm đánh sáng)].

- Chọn nhóm đánh sáng, rồi thiết lập tỷ lệ flash, bù trừ phơi sáng flash và các thiết lập cần thiết khác trước khi chụp.



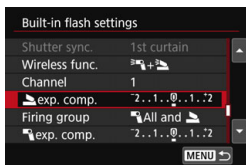
[Symbol All and [Symbol] (Tất cả [Symbol] và [Symbol])]



[Symbol (A:B) [Symbol]

Bù trừ phơi sáng flash

Khi đặt **[Flash mode (Chế độ flash)]** thành **[E-TTL II]**, bù trừ phơi sáng flash có thể được thiết lập. Thiết lập bù trừ phơi sáng flash có thể được thiết lập (xem dưới đây) khác nhau tùy thuộc vào thiết lập **[Wireless func. (Chức năng không dây)]** và **[Firing group (Nhóm đánh sáng)]**.



[Flash exp. comp. (Bù trừ phơi sáng flash)]

- Lượng bù trừ phơi sáng flash đã thiết lập sẽ được áp dụng cho đèn flash tích hợp và tất cả các đèn Speedlite gắn ngoài.

[exp. comp. (bù trừ phơi sáng)]

- Bù trừ phơi sáng flash chỉ được áp dụng cho đèn flash tích hợp.

[exp. comp. (bù trừ phơi sáng)]

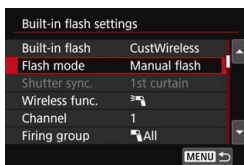
- Lượng bù trừ phơi sáng flash đã thiết lập sẽ được áp dụng cho tất cả các đèn Speedlite gắn ngoài.

Khóa phơi sáng flash

Nếu đặt **[Flash mode (Chế độ flash)]** thành **[E-TTL II]**, bạn có thể nhấn nút **< * >** để thực hiện khóa phơi sáng flash.

Cài đặt công suất flash chỉnh tay cho chụp flash không dây

Khi đặt **[Flash mode (Chế độ flash)]** thành **[Manual flash (Flash chỉnh tay)]**, phơi sáng flash có thể được thiết lập bằng tay. Thiết lập công suất flash có thể được thiết lập (**[Flash output (công suất flash)]**, **[Group A output (Công suất nhóm A)]**, v.v...) sẽ khác nhau tùy thuộc vào thiết lập **[Wireless func. (Chức năng không dây)]** (xem bên dưới).



[Wireless func. (Chức năng không dây)]

- **[Firing group: All (Nhóm đánh sáng: Tất cả)]:**

Thiết lập công suất flash chỉnh tay được áp dụng cho tất cả các đèn Speedlite gắn ngoài.

- **[Firing group: (A:B) (Nhóm đánh sáng: (A:B))]:**

Có thể thiết lập công suất flash riêng biệt cho các nhóm phụ A và B.

[Wireless func. (Chức năng không dây)]

- **[Firing group: All and (Nhóm đánh sáng: Tất cả và)]:**

Có thể thiết lập công suất flash riêng biệt cho (các) đèn Speedlite gắn ngoài và đèn flash tích hợp.

- **[Firing group: (A:B) (Nhóm đánh sáng: (A:B))]:**

Có thể thiết lập công suất flash riêng biệt cho các nhóm phụ A và B, đồng thời có thể thiết lập công suất flash cho đèn flash tích hợp.

7

Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)

Bạn có thể chụp khi đang xem ảnh trên màn hình LCD của máy ảnh. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”.

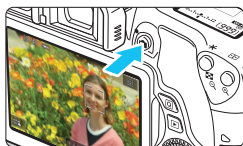
- Nếu bạn cầm máy ảnh và chụp khi đang xem màn hình LCD, máy ảnh rung có thể làm mờ ảnh. Bạn nên sử dụng chân máy.





Chụp Live View từ xa

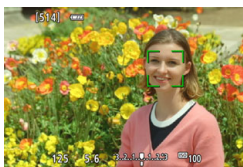
Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.432) cài đặt trên máy tính, bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và chụp từ xa khi đang xem trên màn hình máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.434).

Chụp với màn hình LCD



1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD. Ở chế độ , biểu tượng của cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình (tr.208).
- Theo mặc định, máy ảnh sẽ thực hiện lấy nét liên tục (tr.216).
- Ảnh Live View phản ánh xác thực hơn độ sáng của ảnh chụp thực tế.






2 Lấy nét chủ thể.

- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF đang được thiết lập (tr.220).

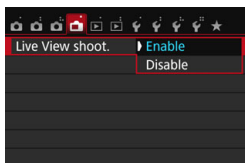


3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để thoát khỏi chế độ chụp Live View.

-  Phạm vi xem ảnh là khoảng 100% (khi chất lượng ghi ảnh đặt thành JPEG .
- Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể kiểm tra độ sâu trường ảnh bằng cách nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.
- Bạn có thể chạm vào chủ thể trên màn hình LCD để lấy nét (tr.220-227) và chụp (tr.228).
- Bạn cũng có thể sử dụng điều khiển từ xa (bán riêng, tr.370) để chụp Live View.

Bật chế độ chụp Live View



Đặt [: Live View shoot. (Chụp Live View)] thành [Enable (Bật)].

Số lượng ảnh có thể chụp khi chụp Live View (Số ảnh ước chừng)

| Nhiệt độ | Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F) | Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F) |
|-------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Không sử dụng flash | 200 | 170 |
| Sử dụng flash đối với 50% ảnh | 180 | 150 |

- Số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E17 được sạc đầy và tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Pin LP-E17 được sạc đầy, máy ảnh có thể chụp Live View liên tục trong khoảng 1 giờ 30 phút ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F).



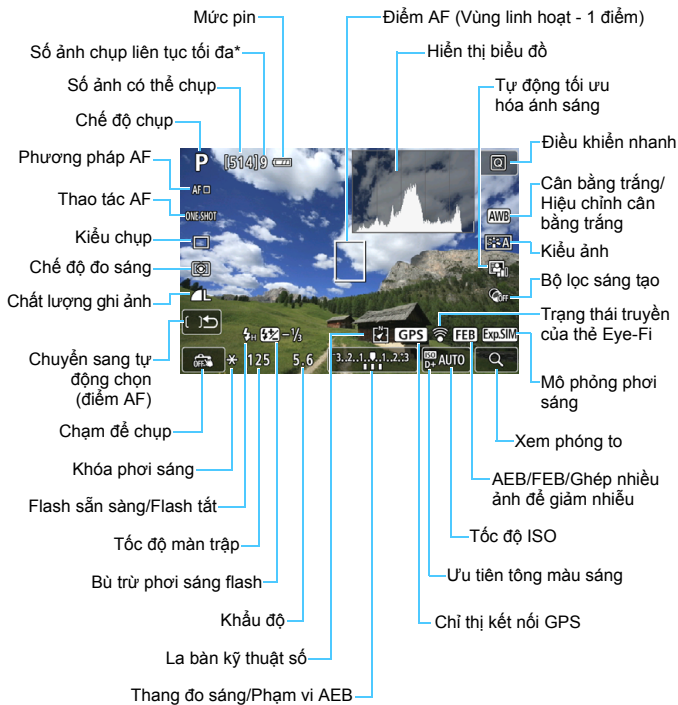
- Ở chế độ < >, không thể thực hiện chụp Live View.
- Ở chế độ < > và < >, khu vực chụp sẽ nhỏ hơn.
- Khi đèn flash đang nạp, “BUSY” hiển thị trên màn hình LCD và bạn không thể ngắm chủ thể.
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- **Các lưu ý chung khi chụp Live View nằm ở trang 232-233.**



- Khi sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần, nhưng chỉ có một ảnh được chụp. Ngoài ra, thời gian chuẩn bị để chụp ảnh sau khi nhấn hoàn toàn nút chụp sẽ hơi lâu hơn so với chụp bằng khung ngắm.
- Nếu máy ảnh không hoạt động trong thời gian dài, nguồn sẽ tự động tắt sau khi hết thời gian thiết lập trong [2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] (tr.275). Nếu đặt [2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [Disable (Tắt)], chụp Live View sẽ tự động kết thúc sau 30 phút (nguồn máy ảnh vẫn bật).
- Sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) hoặc Cáp AV Stereo AVC-DC400ST (bán riêng) để hiển thị ảnh Live View trên TV (tr.316, 319).

Hiển thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



* Số lượng sẽ hiển thị khi số ảnh chụp liên tục tối đa giảm xuống chín ảnh hoặc ít hơn.



- Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử bằng cách nhấn nút <INFO.> (tr.70). Lưu ý rằng nếu phương pháp AF được đặt thành [**☺**+Tracking (**☺**+Theo dõi)] hoặc máy ảnh được kết nối với TV qua cáp HDMI, cân bằng điện tử không thể hiển thị.
- Bạn có thể hiển thị biểu đồ bằng cách nhấn nút <INFO.>. Tuy nhiên, biểu đồ không được hiển thị khi nhấn hoàn toàn nút chụp.
- Biểu tượng <Exp.SIM> hiển thị màu trắng cho biết ảnh Live View có độ sáng gần với độ sáng của ảnh chụp thực tế.
- Biểu tượng <Exp.SIM> nhấp nháy cho biết ảnh Live View có độ sáng khác với ảnh chụp thực tế do điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ phản ánh thiết lập phơi sáng. Lưu ý rằng ảnh chụp thực tế sẽ thấy rõ nhiều hạt hơn.
- Nếu sử dụng chế độ chụp <P> hoặc <A>, ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu, flash hoặc phơi sáng bulb, biểu tượng <Exp.SIM> và biểu đồ sẽ được tô xám (để tham khảo). Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, biểu đồ có thể không hiển thị chính xác.



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, giộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.

Biểu tượng cảnh

Trong chế độ chụp <A+>, máy ảnh sẽ tự động phát hiện kiểu cảnh và thiết lập các cài đặt phù hợp với cảnh. Kiểu cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình. Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

| Chủ thể Nền | Chân dung ^{*1} | | Không phải chân dung | | | Màu nền |
|---------------------------|-------------------------|-------------|--------------------------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | Chuyển động | Cảnh thiên nhiên và ngoài trời | Chuyển động | Cận cảnh ^{*2} | |
| Nền sáng | | | | | | Màu xám |
| Ngược sáng | | | | | | |
| Nền bao gồm bầu trời xanh | | | | | | Màu xanh da trời nhạt |
| Ngược sáng | | | | | | |
| Hoàng hôn | *3 | | | *3 | | Màu cam |
| Đèn spotlight | | | | | | Màu xanh da trời đậm |
| Nền tối | | | | | | |
| Sử dụng chân máy | *4*5 | *3 | *4*5 | *3 | | |

*1: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [**L+Tracking (L+Theo dõi)**]. Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

*2: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

*3: Biểu tượng phù hợp với cảnh được phát hiện sẽ hiển thị.

*4: Hiển thị khi phù hợp tất cả các điều kiện sau:

Cảnh chụp tối, cảnh ban đêm và máy ảnh được gắn lên chân máy.

*5: Hiển thị với tất cả loại ống kính sau:

- EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II
- EF-S55-250mm f/4-5.6 IS II
- EF300mm f/2.8L IS II USM
- EF400mm f/2.8L IS II USM
- Ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh được bán trên thị trường từ năm 2012.

*4*5: Nếu phù hợp cả hai điều kiện *4 và *5, tốc độ màn trập sẽ trở nên chậm.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho biết các thiết lập kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng khác trong ảnh Live View, do vậy bạn có thể xem ảnh chụp trông như thế nào.

Trong khi chụp, ảnh Live View sẽ tự động biểu thị các cài đặt chức năng được liệt kê bên dưới.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng trong khi chụp Live View

- Kiểu ảnh
 - * Tất cả các thiết lập ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh
- Hậu cảnh mờ (trong chế độ <CA>)
- * Bạn chỉ có thể kiểm tra hiệu ứng trong quá trình thiết lập (khi **[Simulating blur (Giả lập làm mờ)]** hiển thị).
- Tông màu
- Chế độ đo sáng
- Phơi sáng
- Độ sâu trường ảnh (với nút xem trước độ sâu trường ảnh ở chế độ BẬT)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Ưu tiên tông màu sáng
- Tỷ lệ cỡ ảnh (xác nhận khu vực chụp)

Thiết lập chức năng chụp

Các thiết lập chức năng cụ thể cho chụp Live View được giải thích bên dưới.

Q Điều khiển nhanh

Trong chế độ vùng sáng tạo, khi ảnh đang hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể nhấn nút <Q> để thiết lập các chức năng sau: **Phương pháp AF**, Thao tác AF, **Kiểu chụp**, Chế độ đo sáng, **Chất lượng ghi ảnh**, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng và **Bộ lọc sáng tạo**.

Trong chế độ vùng cơ bản, bạn có thể thiết lập các chức năng trong bảng ở trang 99 (ngoại trừ chức năng làm mờ hậu cảnh) và các chức năng in đậm ở trên.



1 Nhấn nút <Q> (Ⓠ10).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

2 Chọn và cài đặt chức năng.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng và hướng dẫn tính năng (tr.73) sẽ xuất hiện.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để thiết lập chức năng.
- Trong chế độ <SCN>, chọn hộp chế độ chụp ở phía trên bên trái màn hình, rồi nhấn <SET> để chọn chế độ chụp.
- Nhấn nút <INFO.> để thiết lập cài đặt <C> của kiểu chụp, hiệu chỉnh cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp, thông số của kiểu ảnh hoặc hiệu ứng bộ lọc sáng tạo.

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn <Ⓢ> để kết thúc thiết lập và quay lại chụp Live View.
- Bạn cũng có thể chọn [<↶>] để quay lại chụp Live View.



- Ở chế độ vùng sáng tạo, nhấn nút <ISO> để đặt tốc độ ISO.
- Không thể thiết lập <□S> hoặc <□S> cho kiểu chụp khi chụp Live View.
- Khi thiết lập [☐] (Đo sáng từng phần) hoặc [☐] (Đo sáng điểm), vòng đo sáng sẽ hiển thị ở giữa màn hình.

Áp dụng bộ lọc sáng tạo

Khi xem ảnh Live View, bạn có thể áp dụng hiệu ứng bộ lọc (đen trắng hạt, lấy nét mềm, hiệu ứng mắt cá, hiệu ứng in đậm nghệ thuật, hiệu ứng tranh màu nước, hiệu ứng máy đồ chơi hoặc hiệu ứng thu nhỏ) để chụp. Các chức năng này được gọi là bộ lọc sáng tạo.

Khi chụp, máy ảnh chỉ lưu lại ảnh đã áp dụng hiệu ứng bộ lọc sáng tạo. Nếu không muốn lưu ảnh với hiệu ứng bộ lọc sáng tạo, trước tiên chụp ảnh không áp dụng bộ lọc sáng tạo, sau đó áp dụng hiệu ứng bộ lọc sáng tạo và lưu thành ảnh mới (tr.330).

1 Thiết lập chế độ chụp bất kỳ ngoại trừ <M>, <P>, hoặc <A>.

2 Nhấn nút <Q> (10).

▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

3 Chọn [OFF].

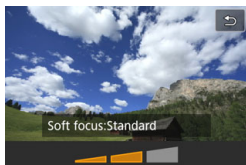
● Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [OFF] (Bộ lọc sáng tạo) ở bên phải màn hình.



4 Chọn một bộ lọc.

● Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn bộ lọc (tr.214).
▶ Ảnh sẽ hiển thị với các hiệu ứng của bộ lọc được áp dụng.





5 Điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc.

- Nhấn nút <INFO.> (không áp dụng cho hiệu ứng thu nhỏ).
- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh hiệu ứng của bộ lọc, rồi nhấn <⊙>.
- Đối với hiệu ứng thu nhỏ, nhấn <⊙>, rồi nhấn các phím <▲> <▼> để di chuyển khung màu trắng đến khu vực muốn làm sắc nét.

6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh sẽ được chụp với bộ lọc tương ứng được áp dụng.

Ngay cả khi đặt kiểu chụp thành <□> hoặc <⊙c>, máy ảnh sẽ vẫn chụp ở chế độ chụp từng ảnh.



- Bạn không thể chụp với bộ lọc sáng tạo nếu chất lượng ghi ảnh là **RAW** + **L** hoặc **RAW**, hay khi thiết lập AEB, cân bằng trắng hỗn hợp hoặc ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
- Biểu đồ sẽ không hiển thị khi chụp với bộ lọc sáng tạo.
- Với hiệu ứng đen trắng hạt, kết quả nhiều hạt hiển thị trên màn hình LCD sẽ không giống như trên ảnh thật.
- Với hiệu ứng lấy nét mềm và hiệu ứng thu nhỏ, kết quả làm mờ hiển thị trên màn hình LCD sẽ khác với ảnh thật. Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể kiểm tra kết quả làm mờ của ảnh bằng cách nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.
- Ảnh chụp với hiệu ứng mắt cá sẽ không được thêm dữ liệu xóa bụi (tr.291).

Đặc tính bộ lọc sáng tạo

- 📷 **Grainy B/W (Đen trắng hạt)**
Tạo ảnh đen trắng nhiều hạt. Điều chỉnh độ tương phản có thể thay đổi hiệu ứng đen trắng.
- 📷 **Soft focus (Nét mềm)**
Làm cho ảnh trông dịu. Điều chỉnh độ mờ có thể thay đổi độ dịu.
- 📷 **Fish-eye effect (Hiệu ứng mắt cá)**
Tạo hiệu ứng ống kính mắt cá. Ảnh sẽ biến dạng theo kiểu hình ống. Tùy thuộc vào mức độ của bộ lọc hiệu ứng, khu vực bị cắt dọc theo rìa ảnh sẽ thay đổi. Ngoài ra, hiệu ứng mắt cá sẽ phóng to phần trung tâm ảnh, do vậy độ phân giải ở phần trung tâm ảnh có thể giảm đi tùy thuộc vào độ phân giải được ghi. Kiểm tra hình ảnh trên màn hình khi thiết lập bộ lọc này. Phương pháp AF sẽ là Vùng linh hoạt - 1 điểm (cố định ở trung tâm).
- 📷 **Art bold effect (Hiệu ứng in đậm nghệ thuật)**
Làm cho ảnh trông giống tranh sơn dầu và chủ thể có hiệu ứng ba chiều. Bạn có thể điều chỉnh độ tương phản và độ bão hòa. Lưu ý rằng bầu trời, bức tường trắng và các chủ thể tương tự có thể không có độ chuyển màu mượt mà và trông không đều màu hoặc có nhiều nhiễu hạt.
- 📷 **Water painting effect (Hiệu ứng tranh màu nước)**
Làm cho ảnh trông giống tranh màu nước với màu sắc dịu. Bạn có thể thay đổi độ đậm nhạt của màu bằng cách điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc. Lưu ý rằng cảnh đêm hoặc cảnh trời tối có thể không có độ chuyển màu mượt mà và trông không đều màu hoặc có nhiều nhiễu hạt.

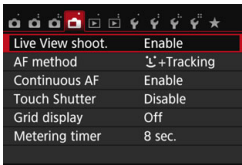
- **📷 Toy camera effect (Hiệu ứng máy đồ chơi)**

Làm tối các góc ảnh và áp dụng tông màu khiến ảnh trông như được chụp bằng máy ảnh đồ chơi. Điều chỉnh tông màu có thể thay đổi sắc thái màu.

- **📏 Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ)**

Tạo hiệu ứng cảnh tầm sâu. Bạn có thể thay đổi vị trí của vùng ảnh sắc nét. Trong bước 5 ở trang 213, bạn có thể nhấn nút <📏> (hoặc chạm vào [📏] ở phía dưới bên phải của màn hình) để thay đổi hướng của khung màu trắng thành hướng dọc hoặc hướng ngang. Phương pháp AF sẽ là Vùng linh hoạt - 1 điểm để lấy nét ở trung tâm khung màu trắng.

MENU Thiết lập chức năng menu



Tùy chọn menu hiển thị như sau.

Các chức năng có thể cài đặt trên màn hình menu bên trái chỉ áp dụng cho chụp Live View. Không thể sử dụng các chức năng này khi chụp qua khung ngắm (thiết lập bị tắt).

● Live View shooting (Chụp Live View)

Bạn có thể đặt chức năng chụp Live View thành [Enable (Bật)] hoặc [Disable (Tắt)].

● AF method (Phương pháp AF)

Bạn có thể chọn [☺+Tracking (☺+Theo dõi)], [FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)] hoặc [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]. Để tìm hiểu thêm về phương pháp AF, tham khảo trang 220-227.

● Continuous AF (Lấy nét liên tục)

Cài đặt mặc định là [Enable (Bật)].

Máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể liên tục để lấy nét thô. Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ giúp nhanh chóng lấy được nét. Nếu đặt thành [Enable (Bật)], ống kính sẽ hoạt động liên tục và tốn pin nhiều hơn. Điều này có thể làm giảm số lượng ảnh có thể chụp do thời lượng pin ngắn hơn.

Nếu bạn muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> trong khi lấy nét liên tục, trước tiên tạm dừng chụp Live View.

● Touch shutter (Chạm để chụp)

Chỉ cần chạm vào màn hình LCD, bạn có thể lấy nét và chụp ảnh tự động. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 228.


● Grid display (Hiển thị khung lưới)






Bạn có thể chọn hiển thị [Grid 1 1# (Khung lưới 1 1#)] hoặc [Grid 2 2### (Khung lưới 2 2###)] để có thể cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp.

- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) ***

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng). Ở chế độ vùng cơ bản, hẹn giờ đo sáng được cố định ở 8 giây.



Chụp Live View sẽ dừng khi chọn bất kỳ thao tác nào sau đây. Nhấn nút <  > để tiếp tục chụp Live View.

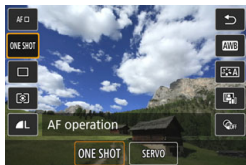
- [ 3: Dust Delete Data (Xóa dữ liệu bụi)], [ 3: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], [ 4: Clear settings (Xóa cài đặt)] hoặc [ 4:  firmware ver. (Phiên bản firmware)]

Thay đổi thao tác lấy nét tự động ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF (lấy nét tự động) phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Ở chế độ vùng cơ bản, thao tác AF tối ưu được tự động thiết lập cho chế độ chụp tương ứng.

1 Nhấn nút <Q>.

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Chọn [ONE SHOT].


- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [ONE SHOT] (Thao tác AF) ở bên trái của màn hình.

3 Chọn thao tác AF.

- Nhấn phím <◀> <▶> để chọn thao tác AF mong muốn, rồi nhấn <SET>.

4 Lấy nét chủ thể

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, máy ảnh sẽ tự động lấy nét bằng thao tác AF đã chọn.

 Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh và thử lấy nét lại. Hoặc tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” (tr.226).

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh

Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bip.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.



- Nếu đặt [**1: Beep (Bíp)**] thành [**Disable (Tắt)**], tiếng bip sẽ không phát ra khi lấy được nét.
- Khi chụp liên tục, độ phơi sáng thiết lập cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh sau đó.

Lấy nét Servo cho chủ thể chuyển động

Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn do máy ảnh không ngừng lấy nét và chụp liên tục.
- Nên đặt [**AF method (Phương pháp AF)**] thành [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**].
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, màn trập có thể chậm nhả.
- Tùy thuộc vào ống kính sử dụng, khoảng cách đến chủ thể và tốc độ của chủ thể, máy ảnh có thể không lấy được nét chính xác.
- Nếu thực hiện zoom trong khi chụp liên tục, máy ảnh có thể mất lấy nét. Chụp sau khi zoom để có được bố cục ảnh mong muốn.
- Nếu lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh da trời.

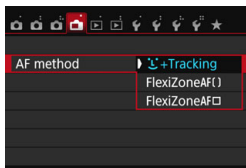


Với Lấy nét Servo, tiếng bip sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét.

Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF)

Chọn phương pháp AF

Bạn có thể chọn phương pháp AF phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Máy ảnh cung cấp các phương pháp AF sau: [**☺** (face)+Tracking (☺(khuôn mặt)+Theo dõi)], [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] (tr.222) và [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] (tr.224). Để lấy nét chính xác, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, phóng to ảnh và thực hiện lấy nét tay (tr.230).



Chọn phương pháp AF.

- Trong tab [**📷**], chọn [**AF method (Phương pháp AF)**].
- Chọn phương pháp AF mong muốn, rồi nhấn <Ⓢ>.
- Khi hiển thị ảnh Live View, bạn có thể nhấn nút <📷> để chọn phương pháp AF trên màn hình điều khiển nhanh (tr.210).

- Nếu [**AF operation (Thao tác AF)**] được đặt thành [**Servo AF (Lấy nét Servo)**], điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh da trời nếu lấy được nét (tr.218). Máy ảnh sẽ không phát ra tiếng bíp trong trường hợp này.
- Trong các chế độ <📷> và <📷>, Lấy nét Servo sẽ được đặt tự động. Khi lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh và máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp.

☺ (khuôn mặt)+Theo dõi: AF ☺

Máy ảnh phát hiện và lấy nét khuôn mặt của chủ thể người. Nếu chủ thể chuyển động, điểm AF <☺> cũng di chuyển để theo dõi lấy nét khuôn mặt.

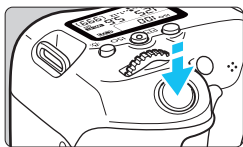


1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <📷>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

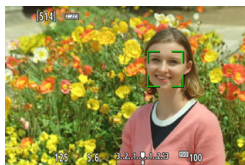
2 Chọn điểm AF.

- Điểm AF <[]> sẽ xuất hiện trên khuôn mặt được phát hiện để lấy nét.
- Khung <[]> hiển thị trong trường hợp nhiều khuôn mặt được phát hiện. Sử dụng các phím <◀> <▶> để di chuyển khung <[]> đến khuôn mặt muốn lấy nét.
- Bạn có thể chạm vào màn hình LCD để chọn khuôn mặt hoặc chủ thể. Khung <[]> sẽ hiển thị cho chủ thể không phải là khuôn mặt.
- Nếu không có khuôn mặt nào được phát hiện, hoặc nếu bạn chạm vào màn hình LCD nhưng không chọn bất kỳ khuôn mặt hay chủ thể nào, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ [FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)] và tự động chọn chủ thể lấy nét (tr.222).



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bip.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.204).

- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt của chủ thể nằm ngoài vùng lấy nét. Trong trường hợp này, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay.
 - Máy ảnh có thể nhận diện nhầm các chủ thể khác thành khuôn mặt người.
 - Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt quá nhỏ/quá lớn trong ảnh, quá sáng/quá tối hoặc bị che khuất một phần.
 - Khung <[]> có thể chỉ bao quanh một phần khuôn mặt.
- Nếu nhấn phím <SET> hoặc <[]>, điểm AF <[]> sẽ xuất hiện ở trung tâm và bạn có thể sử dụng các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để di chuyển điểm AF.
 - Do máy ảnh không thể tự động lấy nét khuôn mặt được phát hiện gần rìa bức ảnh, khung <[]> sẽ mờ đi. Trong trường hợp này, nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể bằng phương pháp Vùng linh hoạt - đa điểm.

Vùng linh hoạt - đa điểm: AF ()

Bạn có thể chọn tối đa 49 điểm AF cho vùng lấy nét rộng (chọn tự động). Vùng lấy nét rộng này cũng có thể được chia thành 9 vùng lấy nét (lựa chọn vùng).



Khung theo vùng

1 Hiện thị ảnh Live View.

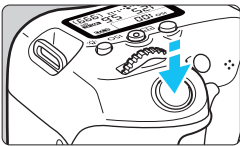
- Nhấn nút <[]>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Chọn điểm AF. ☆

- Nhấn nút <SET> hoặc <[]> để chuyển giữa Chọn tự động và Lựa chọn vùng. Ở chế độ vùng cơ bản, chọn tự động được tự động thiết lập.

- Sử dụng các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn vùng. Nhấn lại nút <SET> hoặc <⏏> để quay lại vùng trung tâm.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình LCD để chọn vùng. Khi chọn vùng xong, chạm vào biểu tượng [] trên màn hình để chuyển sang chọn tự động.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bip.
- ▶ Nếu không lấy được nét, khung theo vùng sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.204).



- Khi tính năng chọn điểm AF tự động không lấy được nét vào chủ thể mục tiêu, hãy chọn vùng hoặc chuyển phương pháp AF thành **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]** và lấy nét lại.
- Tùy thuộc vào thiết lập [] **3: Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)**, số lượng điểm AF sẽ khác nhau. Tỷ lệ cỡ ảnh **[3:2]**, **[4:3]** và **[16:9]** có 49 điểm AF. Tỷ lệ cỡ ảnh **[1:1]** có 35 điểm AF.



Nếu **[AF operation (Thao tác AF)]** được đặt thành **[Servo AF (Lấy nét Servo)]**, điểm AF sẽ theo dõi chủ thể khi nhấn nửa chừng nút chụp. Điểm AF hiển thị <] > khi máy ảnh phát hiện thấy khuôn mặt người, và hiển thị <] > khi phát hiện chủ thể khác với khuôn mặt người.

Vùng linh hoạt - 1 điểm: AF □

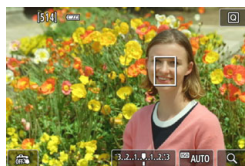
Máy ảnh sử dụng một điểm AF để lấy nét. Tính năng này giúp lấy nét một chủ thể cụ thể.



Điểm AF

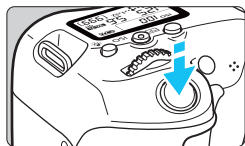
1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <📷>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- ▶ Điểm AF <□> xuất hiện.
- Khi đang quay phim, nếu đặt [**Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)**] thành [**Enable (Bật)**], điểm AF sẽ hiển thị ở kích thước lớn hơn.



2 Di chuyển điểm AF.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để di chuyển điểm AF đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển điểm AF đến phần rìa của màn hình.)
- Nhấn nút <⊙> hoặc <📏> sẽ đưa điểm AF về trung tâm màn hình.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình LCD để di chuyển điểm AF.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.204).

Lưu ý khi AF

Thao tác AF

- Ngay cả khi đã lấy được nét, bạn có thể lấy nét lại bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Độ sáng của ảnh có thể thay đổi trong và sau thao tác AF.
- Tùy thuộc vào chủ thể hoặc điều kiện chụp, v.v..., việc lấy nét hoặc tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn.
- Nếu nguồn sáng thay đổi khi ảnh Live View hiển thị, màn hình có thể nhấp nháy và khó thực hiện lấy nét hơn. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và thực hiện lấy nét dưới nguồn sáng thực.
- Nếu đặt [**☺+Tracking (☺+Theo dõi)**], chế độ xem phóng to sẽ không thể sử dụng.
- Khi đặt thành [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] và nhấn nút <Q> (hoặc chạm vào biểu tượng <Q> trên màn hình), trung tâm của vùng đã chọn (hoặc trung tâm ảnh được chọn tự động) sẽ được phóng to. Nhấn nửa chừng nút chụp để trở về màn hình bình thường và lấy nét.
- Khi đặt thành [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] và nhấn nút <Q> (hoặc chạm vào biểu tượng <Q> trên màn hình), khu vực được điểm AF bao trùm sẽ phóng to. Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét khi đang ở chế độ xem phóng to. Thao tác này hiệu quả khi lắp máy ảnh vào chân máy và muốn lấy được nét thật chính xác. Nếu khó lấy nét ở chế độ xem phóng to, bạn có thể trở về màn hình bình thường và lấy nét tự động. Lưu ý rằng tốc độ AF có thể khác nhau giữa chế độ xem bình thường và chế độ xem phóng to.
- Nếu phóng to chế độ xem sau khi lấy nét bằng [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] ở chế độ xem bình thường, ảnh có thể không được lấy nét chính xác.



Khi đang ở chế độ xem phóng to, máy sẽ không thực hiện Lấy nét liên tục (tr.216) hoặc Lấy nét Servo (tr.219).

Các điều kiện chụp khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản thấp, ví dụ bầu trời xanh, bề mặt phẳng có màu đồng nhất, hoặc khi các chi tiết vùng sáng hoặc vùng tối bị mất.
- Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
- Sọc vằn và các dạng chỉ có độ tương phản theo hướng ngang.
- Chủ thể có dạng lặp đi lặp lại (Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...).
- Đường mảnh và đường viền của chủ thể.
- Chủ thể dưới nguồn sáng có độ sáng, màu sắc hoặc hình dạng luôn thay đổi.
- Cảnh ban đêm hoặc các đốm sáng.
- Ảnh nhấp nháy dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Chủ thể cực nhỏ.
- Chủ thể ở phần rìa của bức ảnh.
- Ngược sáng mạnh hoặc các chủ thể phản chiếu (Ví dụ: Thân xe ô tô có độ phản chiếu cao, v.v...).
- Điểm AF bao trùm cả chủ thể gần và xa (Ví dụ: Động vật bị nhốt trong chuồng, v.v...).
- Chủ thể liên tục di chuyển trong phạm vi điểm AF và không thể giữ nguyên hình do rung máy hoặc chủ thể bị mờ.
- Chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
- Lấy nét tự động khi chủ thể nằm rất xa ngoài vùng lấy nét.
- Áp dụng hiệu ứng lấy nét mềm với ống kính lấy nét mềm.
- Áp dụng bộ lọc hiệu ứng đặc biệt.
- Nhiều hạt (chấm, dải, v.v...) xuất hiện trên màn hình trong khi lấy nét tự động.



- Nếu không lấy được nét trong các điều kiện chụp nêu trên, bạn có thể đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và thực hiện lấy nét tay.
- Nếu thực hiện lấy nét tự động với bất kỳ ống kính nào sau đây, quá trình lấy nét có thể mất thời gian lâu hơn hoặc không thể lấy được nét chính xác.

EF50mm f/1.4 USM, EF50mm f/1.8 II, EF50mm f/2.5 Compact Macro,
EF75-300mm f/4-5.6 III, EF75-300mm f/4-5.6 III USM

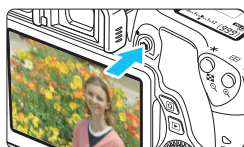
Để tìm hiểu thông tin về các ống kính đã ngừng sản xuất, tham khảo trang web của Canon.




- Nếu chủ thể ở ngoài rìa bức ảnh và nằm ngoài vùng lấy nét, hướng điểm hoặc vùng AF trung tâm lên chủ thể để lấy nét, rồi thực hiện lấy nét lại và chụp ảnh.
- Máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét. Tuy nhiên, nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét khi cần.
- Trong chế độ xem phóng to, bạn có thể khó lấy nét do máy ảnh rung. Bạn nên sử dụng chân máy.

Chạm với Chạm để chụp

Chỉ cần chạm vào màn hình LCD, bạn có thể lấy nét và chụp ảnh tự động. Chức năng này hiệu quả với tất cả các chế độ chụp.








1 **Hiện thị ảnh Live View.**

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 **Bật chức năng chạm để chụp.**

- Chạm vào biểu tượng  ở phía dưới bên trái màn hình. Mỗi lần chạm vào biểu tượng này, biểu tượng sẽ chuyển giữa  và .
-  (Chạm để chụp: Bật)
Bạn có thể chạm vào điểm cần lấy nét và chụp.
-  (Chạm để chụp: Tắt)
Bạn có thể chạm vào điểm để chọn vị trí muốn lấy nét. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



3 **Chạm vào màn hình để chụp.**


- Chạm vào khuôn mặt hoặc chủ thể trên màn hình.
- ▶ Tại vị trí chạm, máy ảnh sẽ lấy nét bằng phương pháp AF đã đặt (tr.220-224). Nếu đang ở chế độ **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]**, phương pháp AF sẽ chuyển sang **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**.

- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển thành màu xanh lá cây và ảnh được chụp tự động.
- Nếu không lấy được nét, điểm AF chuyển thành màu cam và ảnh không được chụp. Chạm lại vào khuôn mặt hoặc chủ thể trên màn hình.



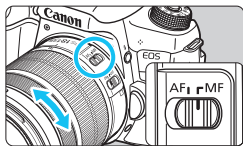
- Ngay cả khi đặt kiểu chụp thành , máy ảnh sẽ vẫn chụp ở chế độ chụp từng ảnh.
- **[One-Shot AF (Lấy nét một lần)]** luôn được sử dụng với chức năng chạm để chụp ngay cả khi **[AF operation (Thao tác AF)]** được đặt thành **[Servo AF (Lấy nét Servo)]**.
- Chạm để chụp không hoạt động ở chế độ xem phóng to.
- Nếu thiết lập bộ lọc sáng tạo hiệu ứng mắt cá, máy ảnh sẽ lấy nét bằng điểm AF ở trung tâm của màn hình mà không phụ thuộc vào vị trí được chạm.
- Nếu thiết lập bộ lọc sáng tạo hiệu ứng thu nhỏ, chức năng chạm để chụp sẽ không hoạt động.
- Khi **[10: Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa phơi sáng)]** đặt thành **[1: AE lock/AF (Khóa phơi sáng/AF)]** hoặc **[3: AE/AF, no AE lock (AE/AF, không khóa phơi sáng)]** trong **[4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]**, lấy nét tự động sẽ không hoạt động.



- Thiết lập chạm để chụp bằng **[: Touch shutter (Chạm để chụp)]**.
- Để chụp với phơi sáng bulb, chạm vào màn hình hai lần. Chạm lần đầu tiên để bắt đầu phơi sáng bulb. Chạm lại để dừng phơi sáng bulb. Cần thận trọng làm rung máy khi chạm vào màn hình.

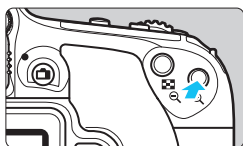
MF: Lấy nét tay

Bạn có thể phóng to ảnh và lấy nét chính xác với lấy nét tay.



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- Xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét thô.



2 Hiện thị khung phóng to.

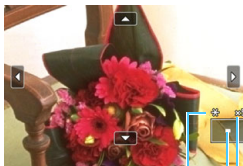
- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Khung phóng to sẽ xuất hiện.
- Bạn cũng có thể chạm vào biểu tượng [Q] trên màn hình để phóng to ảnh.



Khung phóng to

3 Di chuyển khung phóng to.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để di chuyển khung phóng to đến vị trí muốn lấy nét.
- Nhấn nút <SET> hoặc <⏏> để quay lại trung tâm màn hình.



Khóa phơi sáng

Vị trí khu vực phóng to

Hệ số phóng to

4 Phóng to ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <Q>, hệ số phóng to của ảnh sẽ thay đổi theo thứ tự sau:

→ 1x → 5x → 10x → Chế độ xem bình thường

5 Lấy nét tay.

- Khi xem ảnh phóng to, xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét.
- Sau khi lấy được nét, nhấn nút <⊕> để trở về chế độ xem bình thường.

6 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và độ phơi sáng, rồi nhấn nút chụp để chụp ảnh (tr.204).

Các lưu ý chung khi chụp Live View


Chất lượng ảnh

- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dải).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể gây nhiễu ảnh và màu trong ảnh không đều.
- Sử dụng chụp Live View liên tục trong thời gian dài có thể làm nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View khi không sử dụng.
- Chụp phơi sáng lâu khi nhiệt độ bên trong máy ảnh cao có thể làm chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View và đợi vài phút trước khi chụp lại.

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh màu trắng và màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do chụp Live View trong thời gian dài hoặc trong điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng màu trắng hoặc màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên tạm thời thoát chế độ chụp Live View để nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống trước khi chụp lại.
- Biểu tượng màu đỏ cho biết chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động tắt. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Thoát chụp Live View hoặc tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Sử dụng chụp Live View ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng và xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.
- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao, chất lượng của ảnh chụp với tốc độ ISO cao hoặc phơi sáng lâu có thể giảm sút ngay cả trước khi biểu tượng màu trắng hiển thị.

Kết quả chụp

- Nếu chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, phơi sáng có thể không đạt được hiệu quả mong muốn. Trờ về chế độ xem bình thường trước khi chụp ảnh. Ở chế độ xem phóng to, thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu cam. Ngay cả khi chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, ảnh vẫn được chụp ở chế độ xem bình thường.
- Nếu đặt [ 2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.146) thành thiết lập khác với [Disable (Tắt)], ảnh có thể trông vẫn sáng ngay cả khi đã giảm phơi sáng hoặc giảm phơi sáng flash.
- Sử dụng ống kính TS-E (ngoại trừ TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II) và di chuyển/ngheing ống kính hoặc sử dụng ống nối, có thể làm phơi sáng không chuẩn hoặc dẫn đến phơi sáng không đều.



Các lưu ý chung khi chụp Live View

Ảnh Live View

- Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, ảnh Live View có thể không phản ánh được độ sáng của ảnh chụp.
- Ngay cả khi đặt tốc độ ISO thấp, nhiễu hạt có thể thấy rõ trên ảnh Live View dưới ánh sáng yếu. Tuy nhiên, khi chụp, ảnh ghi lại sẽ có rất ít nhiễu hạt. (Chất lượng ảnh của ảnh Live View khác so với chất lượng ảnh của ảnh được ghi.)
- Nếu nguồn sáng trong ảnh thay đổi, màn hình có thể nhấp nháy. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và tiếp tục chụp dưới nguồn sáng thực.
- Hướng máy ảnh theo hướng khác có thể làm mất độ sáng chính xác của ảnh Live View trong giây lát. Chờ mức độ sáng ổn định rồi tiến hành chụp.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ hiển thị chính xác khu vực sáng.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, nếu đặt [**F2: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] ở một mức độ sáng nhất định, ảnh Live View có thể xuất hiện nhiễu hạt hoặc nhiễu sắc độ. Tuy nhiên, nhiễu hạt hoặc nhiễu sắc độ sẽ không ghi lại trong ảnh chụp.
- Khi phóng to ảnh, độ sắc nét của ảnh có thể trông rõ ràng hơn trong ảnh thực.
- Nếu tốc độ màn trập là 1 giây hoặc chậm hơn, thông báo “**BUSY**” sẽ hiển thị trên màn hình LCD, và hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi kết thúc phơi sáng.

Chức năng tùy chỉnh

- Khi chụp Live View, một số cài đặt chức năng tùy chỉnh nhất định sẽ không có hiệu lực (tr.355).

Ống kính và Flash

- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn chỉ có thể thực hiện trong chụp Live View khi sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị sẵn chế độ lấy nét, được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.
- Không thể khóa phơi sáng flash khi sử dụng đèn flash tích hợp. Khóa phơi sáng flash và đánh sáng flash mẫu sẽ không hoạt động với đèn Speedlite gắn ngoài.

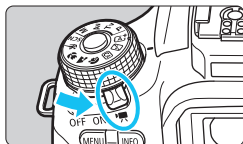


Quay phim

Bạn nên kết nối máy ảnh đến TV để xem lại phim đã quay (tr.316-319).

Quay phim phơi sáng tự động

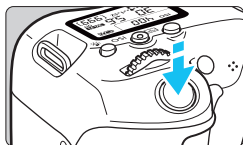
Khi đặt chế độ quay phim khác với chế độ <M>, điều khiển phơi sáng tự động sẽ hoạt động để phù hợp với độ sáng hiện tại của cảnh.



1 Đặt công tắc nguồn thành < >.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

2 Chọn chế độ quay phim khác ngoài trừ <M>.





3 Lấy nét chủ thể.

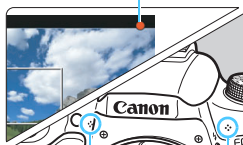
- Trước khi quay phim, thực hiện lấy nét tự động hoặc lấy nét tay (tr.220-227, 230).
- [Movie Servo AF: Enable (Lấy nét Servo phim: Bật)] được mặc định cài đặt để máy ảnh luôn thực hiện lấy nét. Để dừng lấy nét Servo phim, tham khảo trang 265.



4 Quay phim.

- Nhấn nút < > để bắt đầu quay phim. Để dừng quay phim, nhấn lại nút < >.
- ▶ Trong khi đang quay phim, dấu “●” sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
- ▶ Âm thanh sẽ được ghi qua micro tích hợp.

Ghi phim



Micro tích hợp



- Các lưu ý chung khi quay phim nằm ở trang 270-271.
- Nếu cần, tham khảo thêm phần Các lưu ý chung khi chụp Live View ở các trang 232-233.



- Ở chế độ vùng cơ bản, kết quả chụp sẽ giống như ở chế độ <A+>. Ngoài ra, biểu tượng cho cảnh được phát hiện hiển thị ở phía trên bên trái (tr.238).
- Trong chế độ chụp <Av> và <Tv>, phim sẽ được quay với thiết lập giống như trong chế độ <P>.
- Các chức năng menu có thể cài đặt sẽ khác nhau giữa chế độ vùng cơ bản và chế độ vùng sáng tạo (tr.379).
- Tốc độ màn trập và khẩu độ được thiết lập tự động.
- Ở các chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể nhấn nút <✳> (tr.172) để khóa phơi sáng (khóa phơi sáng). Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị số giây thiết lập với [C/1: Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)]. Nếu thực hiện khóa phơi sáng khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút <E/2>. (Thiết lập khóa phơi sáng được lưu giữ cho đến khi nhấn nút <E/2>.)
- Ở chế độ vùng sáng tạo, thiết lập bù trừ phơi sáng bằng cách gạt công tắc <LOCK▶> sang trái và xoay nút xoay <○>.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để hiển thị tốc độ màn trập và tốc độ ISO ở cuối màn hình. Đây là thiết lập phơi sáng cho chụp ảnh (tr.241). Thiết lập phơi sáng cho quay phim sẽ không hiển thị. Lưu ý rằng thiết lập phơi sáng cho quay phim có thể khác so với chụp ảnh.
- Nếu quay phim với phơi sáng tự động, tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ không được lưu lại trong thông tin ảnh (Exif).

Tốc độ ISO ở chế độ vùng cơ bản

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.

Tốc độ ISO trong các chế độ <P>, <Tv> và <Av>

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.
- Trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu [2: ISO expansion (Mở rộng ISO)] được đặt thành [1: On (Bật)], tốc độ ISO tối đa sẽ được mở rộng đến H (tương đương ISO 12800).
- Trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] được đặt thành [1: Enable (Bật)], tốc độ ISO sẽ là ISO 200 - ISO 6400.

Biểu tượng cảnh

Trong khi quay phim ở chế độ vùng cơ bản, biểu tượng cảnh được phát hiện sẽ hiển thị và các thiết lập quay phim được điều chỉnh cho phù hợp với cảnh đó. Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

| Chủ thể Nền | Chân dung ¹ | Không phải chân dung | | Màu nền |
|---------------------------|------------------------|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Cảnh thiên nhiên và ngoài trời | Cận cảnh ² | |
| Nền sáng | | | | Màu xám |
| | Ngược sáng | | | |
| Nền bao gồm bầu trời xanh | | | | Màu xanh da trời nhạt |
| | Ngược sáng | | | |
| Hoàng hôn | *3 | | *3 | Màu cam |
| Đèn spotlight | | | | Màu xanh da trời đậm |
| Nền tối | | | | |

*1: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [L+Tracking (L+Theo dõi)]. Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

*2: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

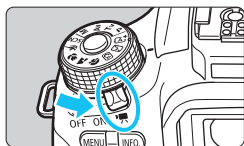
*3: Biểu tượng phù hợp với cảnh được phát hiện sẽ hiển thị.

Sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có trang bị đèn LED

Với phơi sáng tự động (ngoại trừ chế độ **M**) cho quay phim, máy ảnh sẽ tự động bật đèn LED của đèn Speedlite gắn ngoài trong điều kiện ánh sáng yếu. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

Quay phim phơi sáng chỉnh tay

Ở chế độ <M>, bạn có thể tùy ý thiết lập tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO để quay phim. Quay phim với phơi sáng chỉnh tay dành cho người dùng chuyên nghiệp.

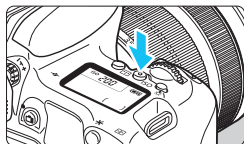


1 Đặt công tắc nguồn thành <[camera icon]>.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

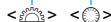


2 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.



3 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn nút <ISO> và xoay nút xoay <[ISO wheel icon]> hoặc <[ISO wheel icon]> để chọn tốc độ ISO.
- Để tìm hiểu chi tiết về tốc độ ISO, tham khảo trang tiếp theo.



4 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <[shutter speed icon]>. Tốc độ màn trập có thể thiết lập sẽ khác nhau tùy thuộc vào tốc độ khung hình <[frame rate icon]>.
 - 29.97P 25.00P 23.98P : 1/4000 giây - 1/30 giây
 - 59.94P 50.00P : 1/4000 giây - 1/60 giây
- Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <[aperture icon]>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <[shutter speed icon]> hoặc <[aperture icon]>.

5 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.236).

Tốc độ ISO trong khi quay phim phơi sáng chỉnh tay

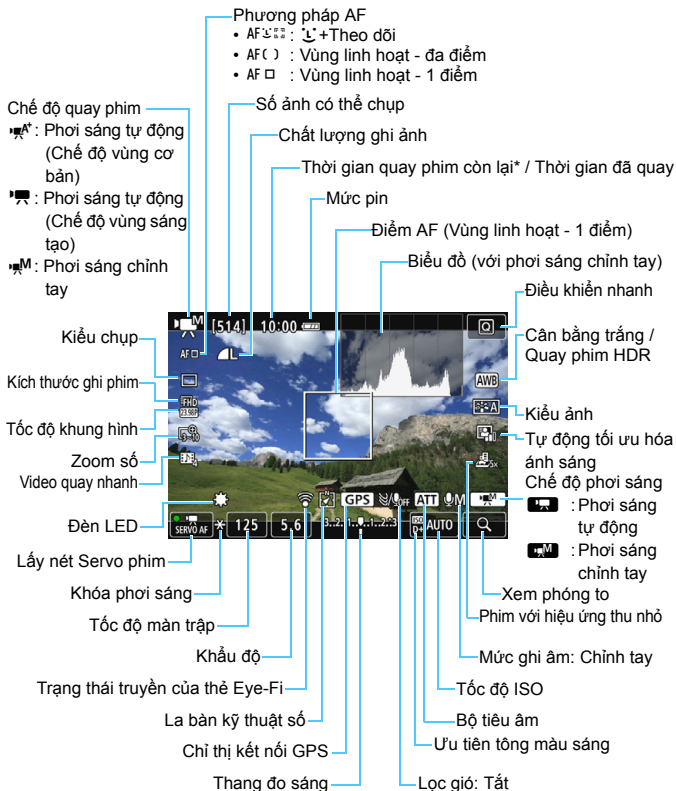
- Ở chế độ **[AUTO (TỰ ĐỘNG)] (A)**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.
- Tốc độ ISO có thể thiết lập bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400 ở mức tăng chặn. Trong **[F4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]**, nếu **[2: ISO expansion (Mở rộng ISO)]** được đặt thành **[1: On (Bật)]**, phạm vi tốc độ ISO có thể cài đặt bằng tay sẽ mở rộng, do vậy bạn cũng có thể chọn H (tương đương ISO 12800).
- Trong **[F4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]**, nếu **[3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** được đặt thành **[1: Enable (Bật)]**, tốc độ ISO sẽ là ISO 200 - ISO 6400.

- Do quay phim ở ISO 12800 có thể gây ra nhiễu hạt, tốc độ ISO này được chỉ định là tốc độ ISO mở rộng (với hiển thị “H”).
- Nếu đặt tốc độ ISO thành H (ISO 25600) khi **[2: ISO expansion (Mở rộng ISO)]** được đặt thành **[1: On (Bật)]** trong **[F4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]** và chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, tốc độ ISO sẽ là H (tương đương ISO 12800). Nếu chuyển lại về chế độ chụp ảnh, tốc độ ISO sẽ là ISO 12800.
- Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Không nên thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ được ghi lại.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.

- Khi thiết lập ISO tự động, bạn có thể nhấn nút **< * >** để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút **< * >** và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo sáng (tr.241) so với khi nhấn nút **< * >**.
- Nhấn nút **< INFO >** để hiển thị biểu đồ.
- Sử dụng tốc độ màn trập từ 1/30 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.

Hiện thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



* Dành cho từng clip phim.



- Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử bằng cách nhấn nút <INFO.> (tr.70). Lưu ý rằng nếu phương pháp AF được đặt thành [**☺+Tracking** (**☺+Theo dõi**)] hoặc máy ảnh được kết nối với TV qua cáp, cân bằng điện tử không thể hiển thị.
- Cân bằng điện tử, đường lưới hoặc biểu đồ không hiển thị khi đang quay phim. (Hiển thị sẽ biến mất khi bắt đầu quay phim.)
- Khi bắt đầu quay phim, thời gian quay phim còn lại sẽ chuyển thành thời gian đã quay.



Thận trọng khi quay phim

- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu đặt thành <AWB> và thay đổi tốc độ ISO hoặc khẩu độ khi quay phim, cân bằng trắng cũng có thể bị thay đổi.
- Nếu quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, phim có thể bị nhấp nháy.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim tại nơi bạn sẽ thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể ghi lại sự thay đổi độ phơi sáng hay tiếng ồn hoạt động của ống kính, hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.
- Không thể phóng to hình ảnh khi đang quay phim.
- Chú ý không để ngón tay, v.v... che lấp micro (tr.236).
- **Các lưu ý chung khi quay phim nằm ở trang 270-271.**
- **Nếu cần, tham khảo thêm phần Các lưu ý chung khi chụp Live View ở các trang 232-233.**



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, gộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.



- Cài đặt liên quan đến phim nằm trong các tab [1] và [2] (tr.265).
- Phim sẽ được ghi thành từng tập tin phim riêng biệt cho mỗi lần quay. Nếu kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin mới sẽ tự động được tạo cho mỗi lần vượt quá 4 GB tiếp theo.
- Phim có phạm vi hình ảnh khoảng 100% (nếu kích thước ghi phim đặt thành [1920]).
- Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh stereo bằng micro tích hợp của máy ảnh (tr.236).
- Bạn cũng có thể ghi âm thanh stereo bằng cách kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với cổng vào micro ngoài của máy ảnh (tr.26) vì micro ngoài được ưu tiên.
- Khi kiểu chụp được đặt thành < >, bạn có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.370) để bắt đầu hoặc tạm dừng quay phim. Đặt công tắc hẹn giờ chụp thành <2> (trí hoãn 2 giây), rồi nhấn nút truyền. Nếu công tắc được đặt thành < > (chụp ngay lập tức), máy ảnh sẽ thực hiện chụp ảnh.
- Với Pin LP-E17 được sạc đầy, tổng thời gian quay phim sẽ như sau: khoảng 1 giờ 20 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), và khoảng 1 giờ ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F).
- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn cho quay phim chỉ có thể thực hiện nếu sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị chức năng lấy nét đặt trước. Loại ống kính này được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

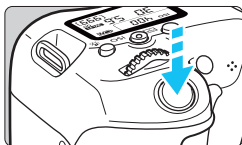
Chức năng mô phỏng hình ảnh cuối cùng thể hiện kết quả thiết lập kiểu ảnh, cân bằng trắng, v.v... hiện tại trên ảnh.

Trong khi quay phim, hình ảnh hiển thị sẽ tự động cho thấy hiệu ứng của các thiết lập liệt kê bên dưới.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho quay phim

- Kiểu ảnh
 - * Tất cả các thiết lập ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Phơi sáng
- Độ sâu trường ảnh
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Ưu tiên tông màu sáng
- Phim HDR
- Phim với hiệu ứng thu nhỏ

Chụp ảnh trong khi quay phim



Trong khi quay phim, bạn có thể chụp ảnh bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp.

Chụp ảnh trong khi quay phim

- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ khiến phim bị dừng hình trong khoảng 1 giây.
- Ảnh chụp sẽ được ghi vào thẻ và khi ảnh Live View hiển thị, quá trình quay phim sẽ tự động tiếp tục.
- Phim và ảnh được ghi thành tập tin riêng biệt trên thẻ.
- Các chức năng cụ thể cho chụp ảnh được trình bày bên dưới. Các chức năng khác tương tự như khi quay phim.

| Chức năng | Thiết lập |
|---|---|
| Image-Recording Quality (Chất lượng ghi ảnh) | Tương tự thiết lập của [1 : Image quality (Chất lượng ảnh)]. Với kích thước ghi phim [1920x1080] hoặc [1280x720], tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9. Với kích thước ghi phim [640x480], tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 4:3. |
| ISO Speed* (Tốc độ ISO*) | <ul style="list-style-type: none"> • Với chụp phơi sáng tự động: Tốc độ ISO tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 6400. • Với chụp phơi sáng chỉnh tay: Tham khảo phần “Tốc độ ISO khi chụp phơi sáng chỉnh tay” ở trang 240. |
| Exposure Setting (Thiết lập phơi sáng) | <ul style="list-style-type: none"> • Với chụp phơi sáng tự động: Tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập (hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp). • Với chụp phơi sáng chỉnh tay: Tốc độ màn trập và khẩu độ được thiết lập chỉnh tay. |
| AEB | Đã hủy |
| Flash | Flash tắt |

* Nếu thiết lập chế độ ưu tiên tông màu sáng, phạm vi tốc độ ISO sẽ bắt đầu từ ISO 200.

- Với mọi cài đặt kiểu chụp, máy ảnh sẽ thực hiện chụp từng ảnh trong khi quay phim.
- Có thể đặt hẹn giờ trước khi bắt đầu quay phim. Máy ảnh sẽ chuyển sang chụp từng ảnh trong khi quay phim.



Khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động trong khi quay phim, các hiện tượng sau đây có thể xảy ra.

- Lấy nét có thể trở nên quá xa trong giây lát.
- Độ sáng của phim được ghi có thể thay đổi.
- Phim được ghi có thể bị dừng hình trong giây lát.
- Máy ảnh có thể ghi lại tiếng hoạt động của ống kính.
- Không thể chụp ảnh trong khi quay phim nếu không lấy được nét chủ thể, ví dụ như đối với chủ thể đang chuyển động.

Thiết lập chức năng quay phim

Thiết lập chức năng cụ thể cho quay phim được giải thích dưới đây.

Q Điều khiển nhanh

Nếu nhấn nút <Q> khi ảnh đang hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể thiết lập các cài đặt sau đây: **Phương pháp AF**, **Kiểu chụp**, **Kích thước ghi phim**, **Zoom số**, **Video quay nhanh**, **Cân bằng trắng**, **Kiểu ảnh**, **Tự động tối ưu hóa ánh sáng** và **Phím với hiệu ứng thu nhỏ**. Ở chế độ vùng cơ bản, bạn chỉ có thể thiết lập những chức năng in đậm.



1 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.
- [HDR Movie Shooting (Quay phim HDR)] chỉ có thể sử dụng ở các chế độ vùng cơ bản (tr.251).

2 Chọn và cài đặt chức năng.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.73) sẽ xuất hiện.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để thiết lập chức năng.
- Nhấn nút <INFO.> để thiết lập thiết lập <☺>, hiệu chỉnh cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp hoặc thông số của kiểu ảnh.

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn <SET> để kết thúc cài đặt và trở về quay phim.
- Bạn có thể chọn <↶> để trở về quay phim.

MENU Thiết lập kích thước ghi phim



Với [**2**: **Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**], bạn có thể thiết lập kích thước ghi phim (kích thước khung hình, tốc độ khung hình và phương pháp nén) cùng các chức năng khác.

● Kích thước khung hình

FHD 1920x1080

Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.

HD 1280x720

Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.

VGA 640x480

Chất lượng ghi hình độ phân giải chuẩn. Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 4:3.

● Tốc độ khung hình (fps: số khung hình trên giây)

29.97P 29,97 fps / 59.94P 59,94 fps

Dành cho khu vực có định dạng TV là NTSC (Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mê-xi-cô, v.v...).

25.00P 25,00 fps / 50.00P 50,00 fps

Dành cho khu vực có định dạng TV là PAL (Châu Âu, Nga, Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a, v.v...).

23.98P 23,98 fps

Chủ yếu dành cho phim hoạt hình.



Tốc độ khung hình hiển thị trên màn hình kích thước ghi phim thay đổi phụ thuộc vào [**3**: **Video system (Hệ thống video)**] được đặt thành [**NTSC**] hay [**PAL**].

Bạn chỉ có thể chọn **23.98P** (23,98 fps) khi đặt [**NTSC**].

- **Phương pháp nén**

Tiêu chuẩn

















Nén nhiều khung hiệu quả trong một lần để ghi.

Nhẹ (🔽)

Phim được quay ở tốc độ bit chậm để phát lại trên các thiết bị khác nhau, cho ra kích thước tập tin nhỏ hơn so với **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Do đó, bạn có thể quay lâu hơn so với khi quay ở chế độ **[Standard (Tiêu chuẩn)]**.

🔽 Nếu bạn thay đổi thiết lập của **[🔽3: Video system (Hệ thống video)]**, hãy thiết lập lại kích thước ghi phim.

Tổng thời gian quay phim và kích thước tập tin trên phút (Ước chừng)

| Kích thước ghi phim | | | Tổng thời gian ghi phim trên thẻ | | | Kích thước tập tin |
|--|---|------------|----------------------------------|---------------|----------------|--------------------|
| | | | 4 GB | 8 GB | 16 GB | |
|  [1920x1080] |    | Tiêu chuẩn | 17 phút | 35 phút | 1 giờ 10 phút | 216 MB/phút |
| |   | Nhẹ | 43 phút | 1 giờ 26 phút | 2 giờ 53 phút | 87 MB/phút |
|  [1280x720] |   | Tiêu chuẩn | 20 phút | 40 phút | 1 giờ 21 phút | 187 MB/phút |
| |   | Nhẹ | 2 giờ 5 phút | 4 giờ 10 phút | 8 giờ 20 phút | 30 MB/phút |
|  [640x480] |   | Tiêu chuẩn | 57 phút | 1 giờ 55 phút | 3 giờ 50 phút | 66 MB/phút |
| |   | Nhẹ | 2 giờ 43 phút | 5 giờ 26 phút | 10 giờ 53 phút | 23 MB/phút |
| Quay phim HDR [1280x720] | | | 40 phút | 1 giờ 20 phút | 2 giờ 40 phút | 94 MB/phút |


- **Tập tin phim vượt quá 4 GB**

Ngay cả khi tập tin phim vượt quá 4 GB, bạn vẫn có thể tiếp tục quay mà không bị gián đoạn.

Trong thời gian quay phim, khoảng 30 giây trước khi phim đạt đến kích thước tập tin 4 GB, thời gian đã quay hiển thị trên màn hình sẽ bắt đầu nhấp nháy. Nếu tiếp tục quay phim và kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin phim mới sẽ được tạo tự động và thời gian đã quay hoặc mã thời gian sẽ dừng nhấp nháy.

Khi xem lại phim, bạn sẽ phải xem riêng từng tập tin phim. Không thể tự động phát lại tập tin phim theo thứ tự liên tục. Sau khi kết thúc xem phim, chọn phim tiếp theo để xem.

- **Giới hạn thời gian quay phim**

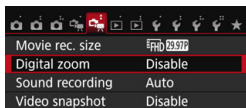
Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 29 phút 59 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút  để tiếp tục quay phim. (Phim được ghi thành tập tin mới.)



Nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên có thể khiến quá trình quay phim kết thúc trước thời gian ghi tối đa được trình bày ở bảng trên (tr.270).

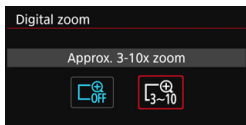
MENU Sử dụng zoom số khi quay phim

Khi kích thước phim là [1920x1080] (Full HD), bạn có thể quay với zoom số khoảng 3x đến 10x.



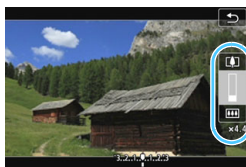
1 Chọn [Digital zoom (Zoom số)].

- Trong tab [MENU 2], chọn [Digital zoom (Zoom số)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Approx. 3-10x zoom (Zoom khoảng 3-10x)].

- Chọn [Approx. 3-10x zoom (Zoom khoảng 3-10x)], rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về màn hình quay phim.



3 Sử dụng zoom số.

- Nhấn các phím <▲> <▼>.
- Thanh zoom số sẽ xuất hiện.
- Nhấn phím <▲> để phóng to hoặc nhấn phím <▼> để thu nhỏ.
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét bằng [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] (cố định ở trung tâm).
- Để hủy zoom số, đặt [Disable (Tắt)] ở bước 2.

- Sử dụng chân máy để tránh rung máy.
- Nếu đặt zoom số khi quay phim, tốc độ ISO tối đa là ISO 6400 (không thể mở rộng đến H: tương đương với ISO 12800). Ngoài ra, không thể thực hiện chế độ xem phóng to.
- Vì zoom số khi quay phim xử lý ảnh bằng kỹ thuật số, ảnh trông sẽ thô hơn khi hệ số phóng to càng lớn. Nhiễu hạt, các điểm sáng, v.v... sẽ dễ nhận thấy hơn.
- Nếu đặt zoom số khi quay phim, biểu tượng cảnh sẽ không hiển thị.
- Tham khảo phần "Các điều kiện chụp khó lấy nét" ở trang 226.
- Không thể chụp ảnh.

Quay phim HDR

Bạn có thể giảm các chi tiết vùng dư sáng khi quay phim ở các khu vực sáng hoặc thậm chí ở các cảnh có độ tương phản cao. Có thể thiết lập chức năng này trong chế độ vùng cơ bản.

1 Đặt nút xoay chế độ thành chế độ vùng cơ bản.



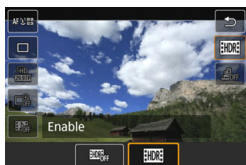
2 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



3 Chọn [HDR OFF].

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn biểu tượng [HDR OFF] (Quay phim HDR) ở phía bên phải màn hình.



4 Chọn [Enable (Bật)].

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Để tìm hiểu thời gian ghi và kích thước tập tin, tham khảo bảng ở trang 249.

- Kích thước ghi phim cố định là **[1280x720 29.97fps (Standard) (1280x720 29,97fps (Tiêu chuẩn))]** (nếu [**▼3: Video system (Hệ thống video)**] được đặt thành **[PAL]**, kích thước ghi phim sẽ cố định là **[1280x720 25.00fps (Standard) (1280x720 25,00fps (Tiêu chuẩn))]**). Nếu đặt **[HDR Movie Shooting: Disable (Quay phim HDR: Tắt)]**, kích thước ghi sẽ trở về cài đặt ban đầu.
- Do nhiều khung hình được ghép lại để tạo phim HDR, một phần của phim có thể bị méo. Hiện tượng méo do rung máy sẽ nặng hơn khi quay phim cầm tay, bạn nên sử dụng chân máy.
Lưu ý rằng kể cả sử dụng chân máy khi quay phim, bóng mờ hoặc nhiễu hạt có thể trông nghiêm trọng hơn khi phát lại phim HDR từng khung hình một hoặc phát chậm, so với việc phát lại ở chế độ thường.
- Không thể thiết lập chức năng quay phim HDR nếu đặt zoom số khi quay phim, video quay nhanh hoặc phim với hiệu ứng thu nhỏ.
- Không thể chụp ảnh.

Quay phim với hiệu ứng thu nhỏ

Bạn có thể quay phim với hiệu ứng thu nhỏ (tạo chiều sâu ảnh). Chọn tốc độ phát lại và quay phim.



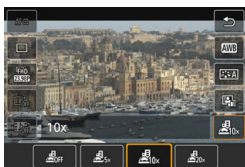
1 Nhấn nút <[Q]>.

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



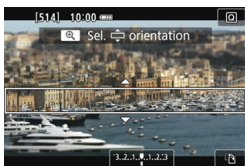
2 Chọn [OFF].

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn biểu tượng [OFF] (Phím với hiệu ứng thu nhỏ) ở bên phải màn hình.



3 Chọn tốc độ phát lại.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [5x], [10x] hoặc [20x], rồi nhấn <[SET]>.






4 Di chuyển khung màu trắng đến vị trí mà bạn muốn trông sắc nét.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để di chuyển khung màu trắng đến vị trí mà bạn muốn trông sắc nét.
- Để di chuyển khung màu trắng theo hướng dọc/hướng ngang, nhấn nút <[Q]> (hoặc chạm vào biểu tượng [Q] ở phía dưới bên phải màn hình).

5 Quay phim.

- Phương pháp AF sẽ là Vùng linh hoạt - 1 điểm để lấy nét ở trung tâm khung màu trắng.
- Khung màu trắng sẽ không hiển thị khi quay phim.

Tốc độ phát lại và thời gian xem (đối với phim có thời lượng 1 phút)

| Tốc độ | Thời gian xem |
|---|----------------|
|  5x | Khoảng 12 giây |
|  10x | Khoảng 6 giây |
|  20x | Khoảng 3 giây |

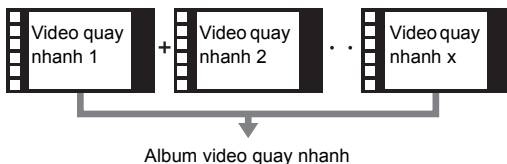
- Âm thanh sẽ không được ghi lại.
- Lấy nét Servo phim sẽ không hoạt động đối với phim với hiệu ứng thu nhỏ.
- Không thể thiết lập chức năng quay phim với hiệu ứng thu nhỏ nếu đặt zoom số khi quay phim, video quay nhanh, quay phim HDR, **RAW** + **L**, **RAW** hoặc cân bằng trắng hỗn hợp.
- Bạn không thể chụp ảnh khi đang quay phim với hiệu ứng thu nhỏ.
- Không thể chỉnh sửa phim với hiệu ứng thu nhỏ có thời gian phát lại ngắn hơn 1 giây (tr.310).

MENU Quay video quay nhanh

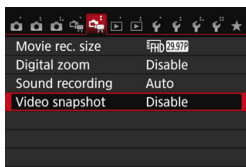
Video quay nhanh là sê-ri các clip phim ngắn được quay liên tiếp với thời lượng khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây. Nhiều video quay nhanh có thể được nối lại thành một clip phim và được gọi là album video quay nhanh. Do vậy, bạn có thể trình chiếu nhanh chóng một sự kiện hoặc chuyến du lịch.

Album video quay nhanh có thể được phát cùng với nhạc nền (tr.262, 315).

Khái niệm về album video quay nhanh

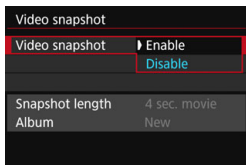


Thiết lập thời lượng video quay nhanh



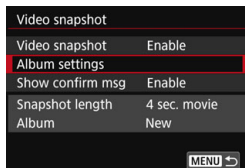
1 Chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)].

- Trong tab [CAMERA 2], chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)], rồi nhấn <SET>.



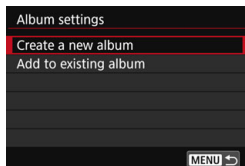
2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.



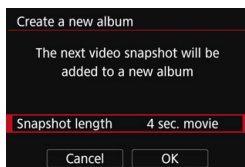
3 Chọn [Album settings (Cài đặt album)].

- Chọn [Album settings (Cài đặt album)], rồi nhấn <SET>.



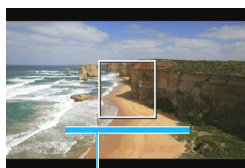
4 Chọn [Create a new album (Tạo album mới)].

- Chọn [Create a new album (Tạo album mới)], rồi nhấn <SET>.



5 Chọn thời lượng cho video quay nhanh.

- Nhấn <SET> và sử dụng các phím <▲> <▼> để chọn thời lượng cho video quay nhanh, rồi nhấn <SET>.

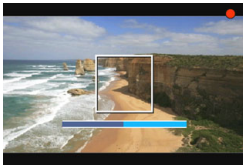


Thời lượng quay

6 Chọn [OK].

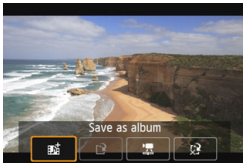
- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.
- ▶ Thanh màu xanh da trời xuất hiện cho biết thời lượng của video quay nhanh.
- Chuyển đến phần “Tạo album video quay nhanh” (tr.257).

Tạo album video quay nhanh



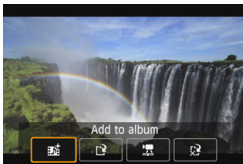
7 Quay video quay nhanh đầu tiên.

- Nhấn nút < >, rồi quay phim.
- ▶ Thanh màu xanh da trời biểu thị thời lượng quay sẽ giảm dần. Sau khi hết thời lượng quay đã đặt, quá trình quay sẽ dừng lại tự động.
- ▶ Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện (tr.258-259).



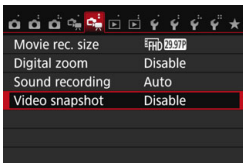
8 Lưu thành album video quay nhanh.

- Chọn [Save as album (Lưu thành album)], rồi nhấn < >.
- ▶ Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh.



9 Tiếp tục quay các video quay nhanh khác.







- Lặp lại bước 7 để quay video quay nhanh tiếp theo.
- Chọn [Add to album (Thêm vào album)], rồi nhấn < >.
- Để tạo album video quay nhanh khác, chọn [Save as a new album (Lưu thành album mới)].
- Lặp lại bước 9 nếu cần.




10 Thoát quay video quay nhanh.

- Đặt [Video snapshot (Video quay nhanh)] thành [Disable (Tắt)]. Để trở về chế độ quay phim thông thường, đảm bảo đã đặt thành [Disable (Tắt)].
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về chế độ quay phim thông thường.

Tùy chọn ở bước 8 và 9


| Chức năng | Mô tả |
|---|---|
|  Save as album (Lưu thành album) (Bước 8) | Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh. |
|  Add to album (Thêm vào album) (Bước 9) | Video quay nhanh vừa ghi sẽ được thêm vào album được ghi trước đó. |
|  Save as a new album (Lưu thành album mới) (Bước 9) | Album video quay nhanh mới được tạo và clip phim được lưu thành video đầu tiên. Album mới là một tập tin khác với album trước đó. |
|  Playback video snapshot (Xem video quay nhanh) (Bước 8 và 9) | Video quay nhanh vừa ghi sẽ được phát. Để tìm hiểu về thao tác xem, tham khảo bảng ở trang tiếp theo. |
|  Do not save to album (Không lưu vào album) (Bước 8)  Delete without saving to album (Xóa và không lưu vào album) (Bước 9) | Video quay nhanh vừa ghi sẽ bị xóa thay vì được lưu vào album. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận. |



| | |
|---|--------------|
| Video snapshot | |
| Video snapshot | Enable |
| Album settings | |
| Show confirm msg | Disable |
| Snapshot length | 4 sec. movie |
| Album | New |
| MENU  | |

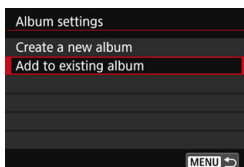
Để tiếp tục quay video quay nhanh ngay sau một video quay nhanh, đặt **[Show confirm msg (Hiển thị thông báo xác nhận)]** thành **[Disable (Tắt)]**. Cài đặt này cho phép quay video tiếp theo ngay lập tức mà không hiển thị màn hình xác nhận sau mỗi lần quay.

Thao tác [Playback video snapshot (Xem video quay nhanh)] ở các bước 8 và 9

| Chức năng | Mô tả phát lại |
|---|---|
| ▶ Phát | Nhấn <ⓈET> để phát hoặc tạm dừng video quay nhanh vừa ghi. |
| ◀◀ Khung hình đầu tiên | Hiện thị cảnh đầu tiên của video quay nhanh thứ nhất trong album. |
| ◀ Tua về trước* | Mỗi lần nhấn <ⓈET>, video quay nhanh sẽ được tua về trước vài giây. |
| ◀◀◀ Khung hình trước | Mỗi lần nhấn <ⓈET>, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <ⓈET> để tua lại phim. |
| ▶▶▶ Khung hình tiếp theo | Mỗi lần nhấn <ⓈET>, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <ⓈET> để tua nhanh phim. |
| ▶▶ Tua về sau* | Mỗi lần nhấn <ⓈET>, video quay nhanh sẽ được tua về sau vài giây. |
| ▶▶▶▶ Khung hình cuối | Hiện thị cảnh cuối của video quay nhanh cuối cùng trong album. |
|  | Vị trí xem |
| phút' giây" | Thời lượng phim (phút:giây) |
| 🔊 Âm lượng | Điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.308) bằng cách xoay nút xoay <🔊>. |
| MENU ↶ | Nhấn nút <MENU> để trở về màn hình trước đó. |

* Đối với [Skip backward (Tua về trước)] và [Skip forward (Tua về sau)], thời lượng tua sẽ tương ứng với số giây được đặt trong [Video snapshot (Video quay nhanh)] (khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).

Thêm vào album hiện có



1 Chọn [Add to existing album (Thêm vào album hiện có)].

- Thực hiện theo bước 4 ở trang 256 để chọn [Add to existing album (Thêm vào album hiện có)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn album hiện tại.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn album hiện tại, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Một số cài đặt video quay nhanh sẽ thay đổi để phù hợp với cài đặt của album hiện tại.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.
- ▶ Màn hình quay video quay nhanh sẽ xuất hiện.

3 Quay video quay nhanh.

- Tham khảo phần “Tạo album video quay nhanh” (tr.257) để quay video quay nhanh.

⚠ Không thể chọn album được quay bằng máy ảnh khác.



Thận trọng khi quay video quay nhanh

- Bạn chỉ có thể thêm vào album các video có cùng thời lượng (mỗi video khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).
- Lưu ý rằng khi đang quay video quay nhanh nếu thực hiện các thao tác dưới đây, album mới sẽ được tạo cho các video quay nhanh tiếp theo.
 - Thay đổi **[Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]**.
 - Thay đổi thiết lập **[Sound rec. (Ghi âm)]** từ **[Auto (Tự động)]**/**[Manual (Chỉnh tay)]** thành **[Disable (Tắt)]** hoặc từ **[Disable (Tắt)]** thành **[Auto (Tự động)]**/**[Manual (Chỉnh tay)]**.
 - Cập nhật firmware.
- Không thể chụp ảnh khi đang quay video quay nhanh.
- Thời lượng quay của video quay nhanh chỉ là ước chừng. Tùy thuộc vào tốc độ khung hình, thời lượng quay hiển thị trong thời gian phát lại có thể không chính xác.

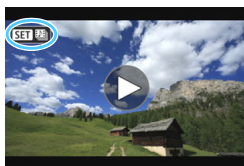
Xem album

Bạn có thể xem lại album video quay nhanh tương tự như xem phim bình thường (tr.308).



1 Phát lại phim.

- Nhấn nút <▶> để hiển thị ảnh.



2 Chọn album.

- Trên màn hình hiển thị từng ảnh, biểu tượng [SET] [🎞️] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình biểu thị cho album video quay nhanh.
- Xoay nút xoay <🌀> để chọn một album.



3 Xem lại album.

- Nhấn <SET>.
- Trên bảng xem lại phim được hiển thị, chọn [▶] (Phát), rồi nhấn <SET>.



Nhạc nền

- Bạn có thể phát nhạc nền khi xem lại album, phim bình thường và trình chiếu trên máy ảnh (tr.309, 312). Để phát nhạc nền, trước tiên bạn phải sao chép nhạc nền vào thẻ bằng EOS Utility (phần mềm EOS). Để tìm hiểu về cách sao chép nhạc nền, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.434).
- Nhạc được ghi trên thẻ nhớ chỉ sử dụng cho mục đích giải trí cá nhân. Không thực hiện hành vi vi phạm quyền lợi của người giữ bản quyền.

Chỉnh sửa album

Sau khi quay, bạn có thể sắp xếp lại, xóa hoặc xem lại video quay nhanh trong album.



1 Chọn [⌘].

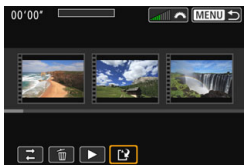
- Trên bảng xem lại phim được hiển thị, chọn [⌘] (Chỉnh sửa), rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình chỉnh sửa sẽ hiển thị.



2 Chọn thao tác chỉnh sửa.

- Chọn tùy chọn chỉnh sửa, rồi nhấn <SET>.

| Chức năng | Mô tả |
|------------------------------|---|
| ↔ Di chuyển video quay nhanh | Nhấn phím <◀> <▶> để chọn video quay nhanh bạn muốn di chuyển, rồi nhấn <SET>. Nhấn các phím <◀> <▶> để di chuyển video quay nhanh, rồi nhấn <SET>. |
| 🗑️ Xóa video quay nhanh | Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn video quay nhanh cần xóa, rồi nhấn <SET>. Biểu tượng [🗑️] sẽ hiển thị trên video quay nhanh được chọn. Nhấn lại <SET> để hủy lựa chọn và biểu tượng [🗑️] sẽ biến mất. |
| ▶ Phát video quay nhanh | Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn video quay nhanh bạn muốn xem, rồi nhấn <SET>. |



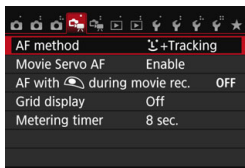
3 Lưu album đã chỉnh sửa.

- Nhấn nút <MENU> để quay lại bảng chỉnh sửa ở cuối màn hình.
- Chọn [**☑**] (Lưu), rồi nhấn <ⓈET>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu thành album mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu và ghi đè album gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn <ⓈET>.

- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể thực hiện chỉnh sửa album. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.

MENU Thiết lập chức năng menu

1



Khi đặt công tắc nguồn thành <[ON]>, các tab [1] và [2] sẽ hiển thị chức năng dành riêng cho quay phim.

● AF method (Phương pháp AF)






Phương pháp AF tương tự như được trình bày ở các trang 220-227. Bạn có thể chọn [L+Tracking (L+Theo dõi)], [FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)] hoặc [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)].

● Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)

Máy ảnh sẽ lấy nét liên tục chủ thể khi quay phim. Cài đặt mặc định là [Enable (Bật)].

Khi đặt thành [Enable (Bật)]:

- Máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp.
- Do ống kính hoạt động liên tục nên pin sẽ tiêu tốn năng lượng và thời gian quay phim sẽ giảm (tr.249).
- Với một số loại ống kính, tiếng ồn hoạt động của ống kính trong khi lấy nét có thể bị ghi lại. Trong trường hợp này, hãy sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để giảm tiếng ồn hoạt động của ống kính trong phim. Ngoài ra, sử dụng ống kính STM (ví dụ như ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM) cũng sẽ giúp giảm tiếng ồn hoạt động của ống kính.
- Trong khi lấy nét Servo phim, nếu muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, trước tiên đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Nếu muốn tiếp tục lấy nét ở một điểm nhất định hoặc tránh ghi lại tiếng ồn do hoạt động của ống kính, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim như sau. Khi dừng lấy nét Servo phim, điểm AF sẽ chuyển thành màu xám. Nếu thực hiện các bước dưới đây, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
 - Nhấn nút <  >.
 - Chạm vào biểu tượng [] ở phía dưới bên trái màn hình.
 - Nếu [**10: Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa phơi sáng)**] được đặt thành [**2: AF/AF lock, no AE lock (AF/Khóa nét, không khóa phơi sáng)**] trong [**4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], Lấy nét Servo phim sẽ tạm dừng khi nhấn giữ nút <  >. Khi thả nút <  > ra, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
- Khi tạm dừng lấy nét Servo phim, nếu bạn trở lại chế độ quay phim sau khi nhấn nút <MENU> hoặc <  >, lấy nét Servo phim sẽ tự động tiếp tục.

Khi đặt thành [Disable (Tắt)]:

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.

Thận trọng khi đặt [Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] thành [Enable (Bật)]

- **Các điều kiện chụp khó lấy nét**
 - Chủ thể chuyển động nhanh đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
 - Chủ thể chuyển động ở khoảng cách gần phía trước máy ảnh.
 - Tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” ở trang 226.
- Lấy nét Servo phim sẽ tạm dừng trong chế độ xem phóng to hoặc khi đang zoom.
- Trong khi quay phim, nếu chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa, hoặc nếu di chuyển máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang (liạ máy), hình ảnh phim được ghi có thể mở rộng hoặc co lại (thay đổi hệ số phóng to ảnh) trong giây lát.

- **AF with shutter button during movie recording (Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi quay phim)**

Trong khi quay phim, bạn có thể chụp ảnh bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp. Theo mặc định, thao tác lấy nét tự động được đặt thành [One-Shot AF (Lấy nét một lần)].

Khi đặt thành [One-Shot AF (Lấy nét một lần)]:

- Bạn có thể lấy nét lại và chụp ảnh bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp trong khi quay phim.
- Khi chụp chủ thể tĩnh, bạn có thể thực hiện chụp với lấy nét chính xác.

Khi đặt thành [Disable (Tắt)]:

- Bạn có thể chụp ảnh ngay lập tức bằng cách nhấn nút chụp, dù cho không lấy được nét. Tính năng này ưu tiên khả năng chụp thay vì lấy nét.

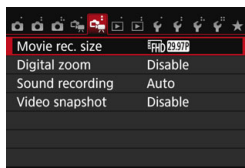
- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Bạn có thể chọn hiển thị [Grid 1 1:1 (Khung lưới 1 1:1)] hoặc [Grid 2 2:3 (Khung lưới 2 2:3)] để có thể cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp.

- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) ***

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).

2



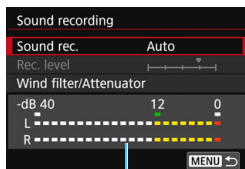
- **Movie recording size (Kích thước ghi phim)**

Bạn có thể thiết lập kích thước ghi phim (kích thước ảnh, tốc độ khung hình và phương pháp nén). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 247-249.

- **Digital zoom (Zoom số)**

Bạn có thể sử dụng zoom số để chụp ảnh từ xa. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 250.

● **Sound recording (Ghi âm) ☆**



Thước đo mức ghi âm

Thông thường, micro tích hợp ghi âm dưới dạng âm thanh stereo. Bạn cũng có thể ghi âm thanh stereo bằng cách kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với cổng vào micro ngoài của máy ảnh (tr.26) vì micro ngoài được ưu tiên.

Tùy chọn [**Sound rec./Rec. level (Ghi âm/Mức ghi âm)**]

[Auto (Tự động)] : Mức ghi âm được điều chỉnh tự động. Điều khiển mức tự động sẽ hoạt động tùy theo mức âm thanh.

[Manual (Chỉnh tay)] : Dành cho người dùng chuyên nghiệp. Bạn có thể điều chỉnh mức ghi âm theo 64 mức. Chọn [**Rec. level (Mức ghi âm)**] và xem thước đo mức khi nhấn phím <◀> <▶> để điều chỉnh mức ghi âm. Nhìn vào mức cao nhất trên thang đo (khoảng 3 giây) và điều chỉnh sao cho mức đo nháy sáng ở bên phải dấu "12" (-12dB) để đạt âm thanh to nhất. Nếu vượt quá "0", âm thanh sẽ bị méo.

[Disable (Tắt)] : Âm thanh sẽ không được ghi.

[**Wind filter (Lọc gió)**]

Đặt lọc gió thành [**Auto (Tự động)**] sẽ giúp giảm tiếng ồn của gió khi ở ngoài trời. Tính năng này chỉ hoạt động với micro tích hợp. Khi chức năng lọc gió hoạt động, các âm thanh trầm cũng sẽ giảm.

[**Attenuator (Bộ tiêu âm)**]

Ngay cả khi đặt [**Sound recording (Ghi âm)**] thành [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Manual (Chỉnh tay)**] trước khi quay phim, nếu âm thanh quá to vẫn có thể dẫn đến méo tiếng. Trong trường hợp này, đặt tính năng này thành [**Enable (Bật)**].











- Ở chế độ vùng cơ bản, cài đặt sẵn có của **[Sound recording (Ghi âm)]** sẽ là **[On (Bật)]** hoặc **[Off (Tắt)]**. Nếu đặt **[On (Bật)]**, mức ghi âm sẽ được điều chỉnh tự động (giống như với **[Auto (Tự động)]**), và chức năng lọc gió sẽ hoạt động.
- Không thể điều chỉnh cân bằng âm lượng giữa L (trái) và R (phải).
- Cả L và R đều ghi âm ở tỷ lệ mẫu 48 kHz/16 bit.

● **Video snapshots (Video quay nhanh)**

Bạn có thể quay video quay nhanh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 255.

Các lưu ý chung khi quay phim

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh <  > màu trắng và <  > màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do quay phim trong thời gian dài hoặc điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <  > màu trắng hoặc <  > màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <  > màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên dừng chụp ảnh một lúc và để máy ảnh nguội đi. Do chất lượng hình ảnh của phim khó có thể bị ảnh hưởng, bạn có thể tiếp tục quay phim.
- Biểu tượng <  > màu đỏ cho biết quá trình quay phim sẽ sớm dừng tự động. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Quay phim ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <  > hoặc <  > xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.

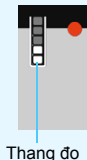
Ghi âm và chất lượng hình

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể làm rút ngắn tổng thời gian quay phim hoặc giảm số lượng ảnh có thể chụp. Nếu sử dụng chân máy hoặc nếu không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Micro tích hợp sẽ thu lại tiếng hoạt động và tiếng thao tác của máy ảnh trong khi quay phim. Sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để giảm các tiếng này trong phim.
- Chỉ được kết nối micro ngoài vào ngõ vào micro ngoài của máy ảnh.
- Khi sử dụng phơi sáng tự động, nếu độ sáng khi quay phim thay đổi, phim có thể tạm thời bị dừng hình. Trong trường hợp này, thực hiện quay phim với phơi sáng chỉnh tay.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, hình ảnh có thể xuất hiện nhiễu hạt hoặc không đều màu. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Nếu phát lại phim trên thiết bị khác, chất lượng hình ảnh hoặc âm thanh có thể xấu đi hoặc không thể xem (ngay cả khi thiết bị đó hỗ trợ định dạng MP4).

Các lưu ý chung khi quay phim

Ghi âm và chất lượng hình

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm, thang đo năm mức sẽ xuất hiện ở bên phải màn hình trong khi quay phim. Thang đo này cho biết lượng dữ liệu chưa được ghi vào thẻ (dung lượng còn lại của bộ nhớ đệm bên trong). Thẻ có tốc độ ghi càng chậm, thang đo tăng lên càng nhanh. Nếu thang đo ở mức cao nhất, quá trình quay phim sẽ tự động dừng lại. Nếu thẻ có tốc độ ghi nhanh, thang đo sẽ không xuất hiện hoặc mức thang (nếu hiển thị) sẽ ít tăng lên. Trước tiên, quay thử một vài đoạn phim để kiểm tra tốc độ ghi của thẻ.



Chụp ảnh trong khi quay phim

- Về chất lượng ảnh, tham khảo phần “Chất lượng ảnh” ở trang 232.

Phát lại và kết nối TV

- Nếu kết nối máy ảnh với TV (tr.316-319) và quay phim, TV sẽ không phát ra âm thanh khi đang quay. Tuy nhiên, âm thanh vẫn sẽ được ghi lại chính xác.

Hạn chế trên phim định dạng MP4

Lưu ý rằng thông thường phim định dạng MP4 có các hạn chế sau.

- Âm thanh sẽ không được ghi lại ở khoảng hai khung hình cuối.
- Khi xem lại phim trên Windows, hình ảnh và âm thanh có thể hơi lệch.



9

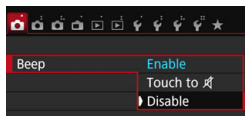
Tính năng tiện dụng

- Tắt tiếng bíp (tr.274)
- Trình nhắc thẻ (tr.274)
- Đặt thời gian xem lại ảnh (tr.275)
- Đặt thời gian tự động tắt nguồn (tr.275)
- Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD (tr.276)
- Tạo và chọn thư mục (tr.277)
- Phương pháp đánh số thứ tự tập tin (tr.279)
- Cài đặt thông tin bản quyền (tr.281)
- Tự động xoay ảnh dọc (tr.283)
- Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh (tr.284)
- Ngăn màn hình LCD tự động tắt (tr.289)
- Thay đổi màu của màn hình thiết lập chụp (tr.289)
- Tự động làm sạch cảm biến (tr.290)
- Thêm dữ liệu xóa bụi (tr.291)
- Làm sạch cảm biến bằng tay (tr.293)

Tính năng tiện dụng

MENU Tắt tiếng bíp

Bạn có thể tắt tiếng bíp phát ra khi lấy được nét trong quá trình chụp hẹn giờ hoặc khi thao tác với màn hình cảm ứng.

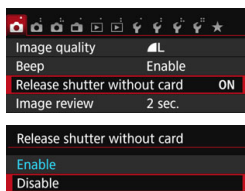


Trong tab [**1**], chọn [**Beep (Bíp)**], rồi nhấn <SET>. Chọn [**Disable (Tắt)**], rồi nhấn <SET>.

Để chỉ tắt tiếng bíp khi thao tác với màn hình cảm ứng, chọn [**Touch to [speaker icon] (Chạm để [speaker icon])**].

MENU Trình nhắc thẻ

Thiết lập này không cho phép chụp khi không có thẻ trong máy.



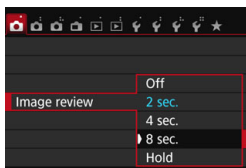
Trong tab [**1**], chọn [**Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)**], rồi nhấn <SET>. Chọn [**Disable (Tắt)**], rồi nhấn <SET>.

Nếu không cắm thẻ vào máy ảnh mà nhấn nút chụp, “**Card**” sẽ hiển thị trong khung ngắm, trên bảng điều khiển LCD và không thể nhả màn trập.

MENU Đặt thời gian xem lại ảnh

Bạn có thể đặt thời gian ảnh hiển thị trên màn hình LCD sau mỗi lần chụp. Nếu đặt [Off (Tắt)], ảnh sẽ không hiển thị ngay sau khi chụp. Nếu đặt [Hold (Giữ)], ảnh sẽ hiển thị cho đến khi hết thời gian [Auto power off (Tự động tắt nguồn)].

Khi xem lại ảnh, nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác điều khiển máy ảnh nào ví dụ như nhấn nửa chừng nút chụp, xem lại ảnh sẽ kết thúc.



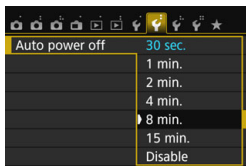
Trong tab [📷 1], chọn [Image review (Xem lại ảnh)], rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

MENU Đặt thời gian tự động tắt nguồn

Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt khi kết thúc thời gian nghỉ đã đặt. Bạn có thể đặt thời gian tự động tắt nguồn. Khi máy ảnh bị tắt do tự động tắt nguồn, bạn có thể bật lại máy bằng cách nhấn nút chụp, v.v...

Nếu đặt [Disable (Tắt)], nên tắt máy ảnh hoặc nhấn nút <INFO.> để tắt màn hình LCD giúp tiết kiệm pin.

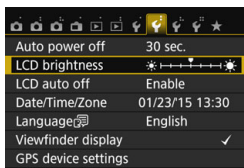
Ngay cả khi đặt [Disable (Tắt)], nếu máy ảnh không được sử dụng trong 30 phút, màn hình LCD sẽ tự động tắt. Để bật lại màn hình LCD, nhấn nút <INFO.>.



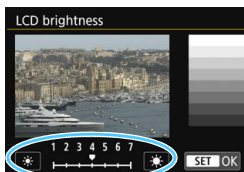
Trong tab [🔋 2], chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)], rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

MENU Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình LCD để giúp dễ đọc hơn.



Trong tab [**2**], chọn [**LCD brightness (Độ sáng LCD)**], rồi nhấn <SET>. Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh độ sáng trên màn hình điều chỉnh, rồi nhấn <SET>.

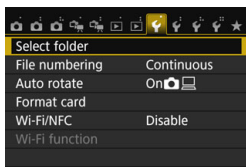


Khi kiểm tra độ phơi sáng của ảnh, đặt độ sáng màn hình LCD thành 4 và ngăn ánh sáng bên ngoài ảnh hưởng đến ảnh.

MENU Tạo và chọn thư mục

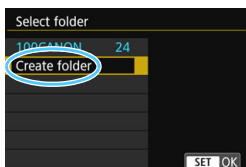
Bạn có thể tùy ý tạo và chọn thư mục để lưu ảnh đã chụp. Thao tác này là tùy chọn, vì máy ảnh sẽ tự động tạo thư mục để lưu ảnh đã chụp.

Tạo thư mục



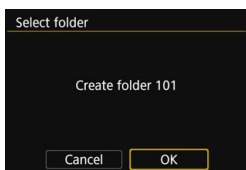
1 Chọn [Select folder (Chọn thư mục)].

- Trong tab [1], chọn [Select folder (Chọn thư mục)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Create folder (Tạo thư mục)].

- Chọn [Create folder (Tạo thư mục)], rồi nhấn <SET>.



3 Tạo thư mục mới.

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo.

Chọn thư mục



- Khi hiển thị màn hình chọn thư mục, chọn một thư mục rồi nhấn <SET>.
- ▶ Thư mục sẽ lưu ảnh đã chụp được chọn.
- Ảnh chụp sau đó sẽ được ghi vào thư mục đã chọn.



Thư mục

Lấy “100CANON” làm ví dụ, tên thư mục bắt đầu bằng ba chữ số (số thư mục), theo sau là năm ký tự chữ và số. Thư mục có thể chứa tối đa 9999 ảnh (số tập tin 0001 - 9999). Khi thư mục đầy, thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo tự động. Ngoài ra, nếu cài đặt lại bằng tay (tr.280), thư mục mới sẽ được tạo tự động. Bạn có thể tạo thư mục được đánh số thứ tự từ 100 đến 999.

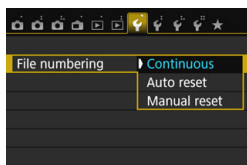
Tạo thư mục bằng máy tính

Mở thẻ trên màn hình và tạo thư mục mới có tên “DCIM”. Mở thư mục DCIM và tạo số lượng thư mục cần để lưu và quản lý ảnh. Tên thư mục phải theo định dạng “100ABC_D”. Ba chữ số trước là số thư mục, từ 100 đến 999. Năm ký tự cuối có thể là sự kết hợp bất kỳ của chữ viết hoa và viết thường từ A đến Z, số và dấu gạch dưới “_”. Tên thư mục không được bao gồm dấu cách. Ngoài ra, lưu ý rằng tên hai thư mục không thể có ba chữ số của số thư mục giống nhau (ví dụ: “100ABC_D” và “100W_XYZ”), ngay cả khi năm ký tự cuối cùng trong mỗi tên khác nhau.

MENU Phương pháp đánh số thứ tự tập tin

Tập tin ảnh sẽ được đánh số từ 0001 đến 9999 theo thứ tự ảnh chụp, rồi được lưu vào thư mục. Bạn có thể thay đổi cách chỉ định số tập tin. Số tập tin sẽ xuất hiện trên máy tính dưới định dạng sau:

IMG_0001.JPG



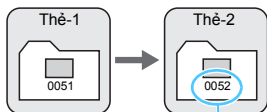
Trong tab [1], chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)], rồi nhấn <SET>. Thiết lập có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

- **[Continuous (Kế tiếp)]:** Số tập tin vẫn tiếp tục theo thứ tự ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số tập tin vẫn tiếp tục theo thứ tự cho đến 9999. Thiết lập này giúp lưu tất cả ảnh được đánh số từ 0001 đến 9999 trên nhiều thẻ hoặc trong nhiều thư mục vào cùng một thư mục trên máy tính.

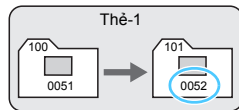
Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần bạn muốn đánh số thứ tự tập tin kế tiếp.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Số tập tin kế tiếp

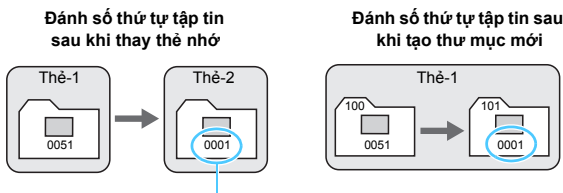
Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới



- **[Auto reset (Tự động cài đặt lại)]:** Đánh số thứ tự tập tin bắt đầu lại từ 0001 mỗi lần thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số thứ tự tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001 cho ảnh mới được lưu. Thiết lập này giúp quản lý ảnh theo thẻ hoặc thư mục.

Nếu thẻ thay thẻ hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần muốn lưu ảnh với số thứ tự tập tin bắt đầu từ 0001.



Đánh số thứ tự tập tin được cài đặt lại

- **[Manual reset (Cài đặt lại bằng tay)]:** Để cài đặt lại số thứ tự tập tin thành 0001 bằng tay hoặc bắt đầu đánh số thứ tự tập tin từ 0001 trong thư mục mới.

Khi cài đặt lại đánh số thứ tự tập tin bằng tay, thư mục mới sẽ được tạo tự động và số thứ tự tập tin của ảnh được lưu vào thư mục đó sẽ bắt đầu từ 0001.

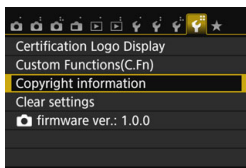
Thiết lập này giúp bạn lưu ảnh chụp hôm qua và hôm nay vào 2 thư mục khác nhau. Sau khi cài đặt lại bằng tay, đánh số thứ tự tập tin sẽ trở lại thành kế tiếp hoặc tự động cài đặt lại. (Hộp thoại xác nhận cài đặt lại bằng tay sẽ không hiển thị.)

- ⓘ Nếu số tập tin trong thư mục 999 đạt đến 9999, bạn sẽ không thể chụp ảnh ngay cả khi thẻ vẫn còn dung lượng lưu trữ. Màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo cho biết cần thay thẻ. Vui lòng thay thẻ mới.

- 📁 Đối với ảnh JPEG và ảnh RAW, tên tập tin đều bắt đầu bằng "IMG_". Tên tập tin phim sẽ bắt đầu với "MVI_". Đuôi tập tin sẽ là ".JPG" cho ảnh JPEG, ".CR2" cho ảnh RAW và ".MP4" cho phim.

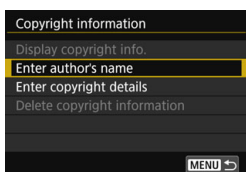
MENU Cài đặt thông tin bản quyền ☆

Sau khi cài đặt, thông tin bản quyền sẽ được thêm vào ảnh dưới dạng thông tin Exif.



1 Chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)].

- Trong tab [4], chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn tùy chọn cần thiết lập.

- Chọn [Enter author's name (Nhập tên tác giả)] hoặc [Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình nhập văn bản sẽ xuất hiện.
- Chọn [Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)] để kiểm tra thông tin bản quyền vừa cài đặt.
- Chọn [Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)] để xóa thông tin bản quyền vừa cài đặt.



3 Nhập văn bản.

- Xem phần “Quy trình nhập văn bản” ở trang tiếp theo và nhập thông tin bản quyền.
- Nhập tối đa 63 ký tự chữ, số và ký hiệu.

4 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút <MENU> để thoát thiết lập.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK] rồi nhấn <SET>.

Quy trình nhập văn bản



- **Thay đổi vùng nhập:**
Nhấn nút <Q> để chuyển giữa vùng nhập trên cùng và dưới cùng.
- **Di chuyển con trỏ:**
Nhấn các phím <◀> <▶> trong vùng trên cùng để di chuyển con trỏ.

- **Nhập văn bản:**

Trong vùng dưới cùng, nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn ký tự, rồi nhấn <SET> để nhập.

- **Thay đổi chế độ nhập:***

Chọn [Aa=1@] ở góc dưới bên phải của vùng nhập dưới cùng. Mỗi lần bạn nhấn <SET>, chế độ nhập sẽ thay đổi như sau: Chữ thường → Số / Ký hiệu 1 → Số / Ký hiệu 2 → Chữ hoa.

* Khi đặt [Touch control: Disable (Điều khiển cảm ứng: Tắt)], tất cả các ký tự có thể nhập sẽ hiển thị trên màn hình.

- **Xóa ký tự:**


Nhấn nút <⏏> để xóa một ký tự.

- **Kết thúc nhập văn bản:**

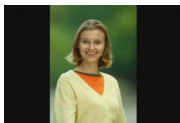
Nhấn nút <MENU>, kiểm tra phần văn bản, chọn [OK], rồi nhấn <SET>. Màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện lại.

- **Hủy bỏ nhập văn bản:**

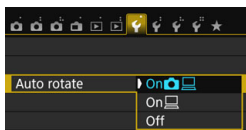
Nhấn nút <INFO.>, kiểm tra phần văn bản, chọn [OK], rồi nhấn <SET>. Màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện lại.

 Bạn cũng có thể nhập hoặc kiểm tra thông tin bản quyền bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.432).

MENU Tự động xoay ảnh dọc



Ảnh dọc được xoay tự động để hiển thị theo chiều dọc thay vì theo chiều ngang trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính. Bạn có thể thay đổi thiết lập cho tính năng này.



Trong tab [1], chọn [**Auto rotate (Xoay tự động)**], rồi nhấn <SET>. Thiết lập có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

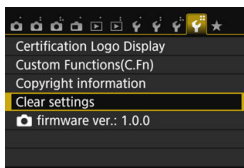
- [**On** (**Bật**)] : Ảnh dọc được xoay tự động trong quá trình xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính.
- [**On** (**Bật**)] : Ảnh dọc chỉ được xoay tự động trên máy tính.
- [**Off (Tắt)**] : Ảnh dọc không được xoay tự động.

? Câu hỏi thường gặp

- **Ảnh dọc không xoay khi xem lại ảnh ngay sau khi chụp.**
Nhấn nút <▶> và phần xem ảnh sẽ hiển thị ảnh đã xoay.
- **Mặc dù đã đặt [**On** (**Bật**)], nhưng ảnh không xoay khi xem lại.**
Tính năng tự động xoay sẽ không hoạt động với ảnh dọc được chụp khi đặt [**Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**Off (Tắt)**]. Nếu chụp ảnh dọc khi máy ảnh hướng lên hoặc hướng xuống, ảnh có thể không được xoay tự động khi xem lại. Trong trường hợp này, vui lòng xem phần “Xoay ảnh” ở trang 301.
- **Trên màn hình LCD của máy ảnh, tôi muốn xoay ảnh được chụp khi đã đặt [**On** (**Bật**)].**
Đặt [**On** (**Bật**)], rồi xem lại ảnh. Ảnh sẽ được xoay.
- **Ảnh dọc không xoay trên màn hình máy tính.**
Phần mềm được sử dụng không tương thích với tính năng xoay ảnh. Sử dụng phần mềm EOS thay thế.

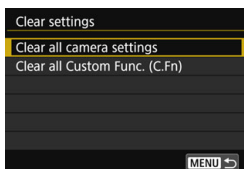
MENU Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh [☆]

Thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu của máy ảnh có thể được khôi phục về cài đặt mặc định. Tùy chọn này sẵn có ở các chế độ vùng sáng tạo.



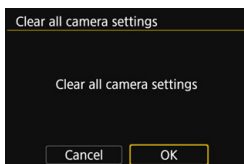
1 Chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)].

- Trong tab [F4], chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)].

- Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)], rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [OK].





- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Thiết lập [Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)] sẽ đưa máy ảnh về cài đặt mặc định như được trình bày ở các trang tiếp theo 285-287.

? Câu hỏi thường gặp

• Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh

Sau quy trình nêu trên, chọn [Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] trong [F4: Clear settings (Xóa cài đặt)] để xóa tất cả các cài đặt chức năng tùy chỉnh (tr.354).

Thiết lập chức năng chụp



















| EN | | VN | |
|------------------------------|---|--------------------------------------|--|
| <SCN> mode |  (Kids) | Chế độ <SCN> |  (Trẻ em) |
| AF operation | One-Shot AF | Thao tác AF | Lấy nét một lần |
| AF area selection mode | Auto selection: 19 pt AF | Chế độ chọn vùng AF | Tự động chọn: 19 điểm AF |
| Drive mode | <input type="checkbox"/> (Single shooting) | Kiểu chụp | <input type="checkbox"/> (Chụp từng ảnh) |
| Metering mode |  (Evaluative metering) | Chế độ đo sáng |  (Đo sáng toàn khung ảnh) |
| ISO speed | AUTO (Auto) | Tốc độ ISO | AUTO (Tự động) |
| ISO Auto | Maximum 6400 | ISO tự động | Tối đa 6400 |
| Exposure compensation / AEB | Canceled | Bù trừ phơi sáng / AEB | Đã hủy |
| Flash exposure compensation | 0 (Zero) | Bù trừ phơi sáng flash | 0 (Không) |
| Red-eye reduction | Disable | Giảm mắt đỏ | Tắt |
| Anti-flicker shooting | Disable | Chụp chống nhấp nháy | Tắt |
| Aspect ratio | 3 : 2 | Tỷ lệ cỡ ảnh | 3 : 2 |
| Viewfinder display | Display only flicker detection | Hiển thị trong khung ngắm | Chỉ hiển thị nhận diện nhấp nháy |
| Custom Functions | Unchanged | Chức năng tùy chỉnh | Không thay đổi |
| Flash control | | Điều khiển flash | |
| Flash firing | Enable | Đánh sáng flash | Bật |
| E-TTL II flash metering | Evaluative flash metering | Đo sáng flash E-TTL II | Đo sáng flash toàn khung ảnh |
| Flash sync. speed in Av mode | Auto | Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av | Tự động |

Thiết lập ghi ảnh

| EN | |
|------------------------------------|------------------------------------|
| Image quality | L |
| Picture Style | Auto |
| Auto Lighting Optimizer | Standard |
| Peripheral illumination correction | Enable / Correction data retained |
| Chromatic aberration correction | Enable / Correction data retained |
| Distortion correction | Disable / Correction data retained |
| Color space | sRGB |
| White balance | (Auto) |
| Custom White Balance | Canceled |
| White balance correction | Canceled |
| White balance bracketing | Canceled |
| Long exposure noise reduction | Disable |
| High ISO speed noise reduction | Standard |
| File numbering | Continuous |
| Auto cleaning | Enable |
| Dust Delete Data | Erase |

| VN | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| Chất lượng ảnh | L |
| Kiểu ảnh | Tự động |
| Tự động tối ưu hóa ánh sáng | Tiêu chuẩn |
| Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi | Bật / Dữ liệu chỉnh được lưu giữ |
| Hiệu chỉnh sắc sai | Bật / Dữ liệu chỉnh được lưu giữ |
| Hiệu chỉnh méo hình | Tắt / Dữ liệu chỉnh được lưu giữ |
| Không gian màu | sRGB |
| Cân bằng trắng | (Tự động) |
| Cân bằng trắng tùy chỉnh | Đã hủy |
| Hiệu chỉnh cân bằng trắng | Đã hủy |
| Cân bằng trắng hỗn hợp | Đã hủy |
| Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu | Tắt |
| Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao | Tiêu chuẩn |
| Đánh số thứ tự tập tin | Liên tiếp |
| Tự động làm sạch | Bật |
| Dữ liệu xóa bụi | Xóa |

Cài đặt máy ảnh


| EN | | VN | |
|---|---|--|---|
| Auto power off | 30 sec. | Tự động tắt nguồn | 30 giây |
| Beep | Enable | Bíp | Bật |
| Release shutter without card | Enable | Nhả màn trập khi không lắp thẻ | Bật |
| Image review | 2 sec. | Xem lại ảnh | 2 giây |
| AF point display | Disable | Hiển thị điểm AF | Tắt |
| Histogram display | Brightness | Hiển thị biểu đồ | Độ sáng |
| Image jump with  |  (10 images) | Nhảy ảnh với  |  (10 ảnh) |
| Auto rotate | On   | Xoay tự động | Bật   |
| LCD brightness |      | Độ sáng LCD |      |
| LCD auto off | Enable | Tự động tắt LCD | Bật |
| Date/Time/Zone | Unchanged | Ngày/Giờ/Múi giờ | Không thay đổi |
| Language | Unchanged | Ngôn ngữ | Không thay đổi |
| Video system | Unchanged | Hệ thống video | Không thay đổi |
| INFO. button display options | All items selected | Tùy chọn hiển thị nút INFO. | Chọn tất cả mục |
| Screen color | 1 | Màu màn hình | 1 |
| Feature guide | Enable | Hướng dẫn tính năng | Bật |
| Touch control | Standard | Điều khiển cảm ứng | Tiêu chuẩn |
| Copyright information | Unchanged | Thông tin bản quyền | Không thay đổi |
| Control over HDMI | Disable | Điều khiển qua HDMI | Tắt |
| Eye-Fi transmission | Disable | Truyền Eye-Fi | Tắt |
| My Menu settings | Unchanged | Thiết lập Danh mục riêng | Không thay đổi |
| Display from My Menu | Disable | Hiển thị từ danh mục riêng | Tắt |
| Wi-Fi/NFC | Disable | Wi-Fi/NFC | Tắt |
| Wi-Fi function | Unchanged | Chức năng Wi-Fi | Không thay đổi |

Thiết lập chụp Live View

| EN | | VN | |
|--------------------|------------|---------------------|------------|
| Live View shooting | Enable | Chụp Live View | Bật |
| AF method | ☺+Tracking | Phương pháp AF | ☺+Theo dõi |
| Continuous AF | Enable | Lấy nét liên tục | Bật |
| Touch Shutter | Disable | Chạm để chụp | Tắt |
| Grid display | Off | Hiển thị khung lưới | Tắt |
| Metering timer | 8 sec. | Hẹn giờ đo sáng | 8 giây |

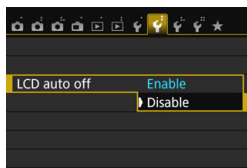
Thiết lập quay phim

| EN | | VN | |
|---|---|---|---|
| AF method | ☺+Tracking | Phương pháp AF | ☺+Theo dõi |
| Movie Servo AF | Enable | Lấy nét Servo phim | Bật |
| AF with shutter button during movie recording | One-Shot AF | Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi quay phim | Lấy nét một lần |
| Grid display | Off | Hiển thị khung lưới | Tắt |
| Metering timer | 8 sec. | Hẹn giờ đo sáng | 8 giây |
| Movie recording size | NTSC: FHD 29.97P (Standard) PAL: FHD 25.00P (Standard) | Kích thước ghi phim | NTSC: FHD 29.97P (Tiêu chuẩn) PAL: FHD 25.00P (Tiêu chuẩn) |
| Digital zoom | Disable | Zoom số | Tắt |
| Sound recording | Auto | Ghi âm | Tự động |
| Video snapshot | Disable | Video quay nhanh | Tắt |

 Tham khảo hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC để tìm hiểu về cài đặt Wi-Fi/NFC.

MENU Ngăn màn hình LCD tự động tắt

Khi đặt mắt ở gần khung ngắm, cảm biến sẽ tự động tắt màn hình LCD, bạn có thể tắt tính năng này.

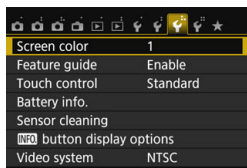


Trong tab [42], chọn [LCD auto off (Tự động tắt LCD)], rồi nhấn <SET>. Chọn [Disable (Tắt)], rồi nhấn <SET>.

⚠ Khi lắp ống ngắm góc C (bán riêng) vào khung ngắm, hãy đặt thành [Disable (Tắt)]. Nếu đặt [Enable (Bật)], màn hình LCD có thể vẫn tắt.

MENU Thay đổi màu của màn hình thiết lập chụp

Bạn có thể thay đổi màu nền của màn hình thiết lập chụp.



Trong tab [43], chọn [Screen color (Màu màn hình)], rồi nhấn <SET>. Chọn màu mong muốn, rồi nhấn <SET>.

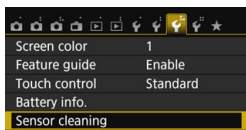
Khi thoát menu, màn hình thiết lập chụp sẽ hiển thị theo màu đã chọn.



Làm sạch cảm biến tự động

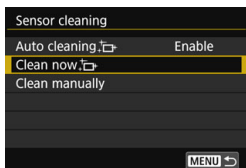
Bất cứ khi nào đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, thiết bị tự động làm sạch cảm biến sẽ hoạt động để giữ sạch bụi trên mặt trước của cảm biến. Thông thường, không cần chú ý tới hoạt động này. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện làm sạch cảm biến bằng tay hoặc tắt chức năng này.

Làm sạch cảm biến ngay








1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [**43**], chọn [**Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**], rồi nhấn <SET>.





2 Chọn [Clean now (Làm sạch ngay)].

- Chọn [**Clean now  (Làm sạch ngay )**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [**OK**], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình sẽ cho biết cảm biến đang được làm sạch. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Mặc dù màn trập phát ra âm thanh nhưng ảnh sẽ không được chụp.

-  ● Để có kết quả tốt nhất, thực hiện làm sạch cảm biến khi máy ảnh được đặt thẳng đứng và ổn định trên bàn hoặc bề mặt phẳng khác.
- Ngay cả khi thực hiện làm sạch lại cảm biến, kết quả sẽ không cải thiện nhiều. Khi quá trình làm sạch cảm biến kết thúc, tùy chọn [**Clean now  (Làm sạch ngay )**] sẽ trở lại trạng thái tạm tắt.

Tắt làm sạch cảm biến tự động

- Ở bước 2, chọn [**Auto cleaning  (Tự động làm sạch )**] và đặt thành [**Disable (Tắt)**].
- ▶ Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, làm sạch cảm biến sẽ không thực hiện nữa.

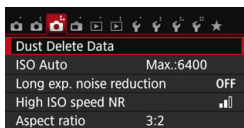
MENU Thêm dữ liệu xóa bụi ☆

Thông thường, thiết bị tự động làm sạch cảm biến sẽ loại bỏ hầu hết bụi có thể nhìn thấy trên ảnh chụp. Tuy nhiên, trong trường hợp vẫn nhìn thấy bụi, bạn có thể thêm dữ liệu xóa bụi vào ảnh để xóa các chấm bụi này. Dữ liệu xóa bụi được Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.432) sử dụng để xóa tự động các chấm bụi.

Chuẩn bị

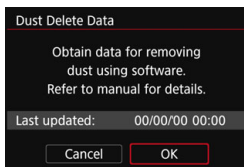
- Chuẩn bị vật màu trắng đồng nhất, ví dụ như một tờ giấy.
- Đặt tiêu cự ống kính từ 50 mm trở lên.
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và đặt lấy nét thành vô cực (∞). Nếu ống kính không có thước đo khoảng cách, xoay máy ảnh hướng về phía bạn và xoay vòng lấy nét theo chiều kim đồng hồ.

Lấy dữ liệu xóa bụi



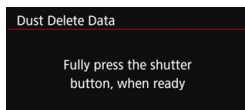
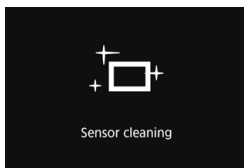
1 Chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

- Trong tab [CAMERA 3], chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

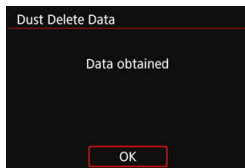
- Chọn [OK] và nhấn <SET>. Thông báo sẽ xuất hiện sau khi quá trình tự động làm sạch cảm biến kết thúc. Mặc dù màn trập phát ra âm thanh trong khi làm sạch cảm biến, nhưng ảnh sẽ không được chụp.





3 Chụp vật màu trắng đồng nhất.

- Ở khoảng cách 20 cm - 30 cm (0,7 ft. - 1,0 ft.), lấp đầy khung ngắm với vật thể có màu trắng đồng nhất và không có hoa văn, rồi chụp ảnh.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ với khẩu độ f/22.
- Do ảnh sẽ không được lưu, nên vẫn lấy được dữ liệu ngay cả khi không có thẻ trong máy ảnh.
- ▶ Khi chụp xong ảnh, máy ảnh sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu xóa bụi. Khi có được dữ liệu xóa bụi, thông báo sẽ xuất hiện.
Chọn **[OK]** và menu sẽ xuất hiện lại.
- Nếu không lấy dữ liệu thành công, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo quy trình “Chuẩn bị” ở trang trước, rồi chọn **[OK]**. Chụp lại ảnh.




Dữ liệu xóa bụi

Sau khi có được dữ liệu xóa bụi, dữ liệu được thêm vào tất cả các ảnh JPEG và RAW chụp sau đó. Trước khi chụp ảnh quan trọng, bạn nên cập nhật dữ liệu xóa bụi bằng cách lấy lại dữ liệu.

Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS) để xóa chấm bụi, tham khảo hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.434).

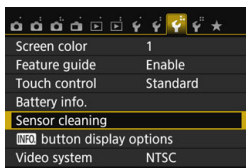
Dữ liệu xóa bụi được thêm vào ảnh quá nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng đến kích thước tập tin ảnh.

 Đảm bảo sử dụng vật màu trắng đồng nhất ví dụ như tờ giấy trắng mới. Hoa văn và thiết kế vật thể có thể được nhận biết là dữ liệu bụi và ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xóa bụi bằng phần mềm EOS.

MENU Làm sạch cảm biến bằng tay ☆

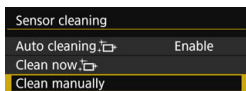
Bụi không loại bỏ được bằng chức năng tự động làm sạch cảm biến có thể được loại bỏ bằng tay với bóng thổi có bán sẵn, v.v... Trước khi làm sạch cảm biến, tháo ống kính khỏi máy ảnh.

Cảm biến ảnh rất mỏng manh. Nếu cần làm sạch trực tiếp trên cảm biến, vui lòng đưa máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon.



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [**3**], chọn [**Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)].

- Chọn [**Clean manually (Làm sạch bằng tay)**], rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [OK].

- Chọn [**OK**], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Trong giây lát, gương lật sẽ được lật lên và màn trập sẽ mở.
- Thông báo “CLn” sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD.

4 Làm sạch cảm biến.

5 Kết thúc làm sạch cảm biến.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.



Nếu sử dụng pin, đảm bảo pin được sạc đầy.



Về nguồn điện, đề nghị sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E18 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng).

- **Khi đang làm sạch cảm biến, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau đây. Nếu cất nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và cảm biến ảnh.**
 - **Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.**
 - **Tháo hoặc lắp pin.**
- Bề mặt của cảm biến ảnh rất mỏng manh. Cần thận khi làm sạch cảm biến.
- Sử dụng bóng thổi không kèm chổi. Chổi có thể làm xước cảm biến.
- Không đưa đầu bóng thổi vào trong ngàm ống kính của máy ảnh. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và gương lật.
- Tuyệt đối không sử dụng bình xịt không khí hoặc khí nén để làm sạch cảm biến. Lực thổi có thể làm hỏng cảm biến hoặc khí xịt có thể đóng băng trên cảm biến và làm xước cảm biến.
- Khi đang làm sạch cảm biến, nếu mức pin yếu, tiếng bíp sẽ phát ra để cảnh báo. Tạm dừng làm sạch cảm biến.
- Nếu vẫn còn vết bẩn không thể loại bỏ bằng bóng thổi, vui lòng mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

10

Xem ảnh

Chương này giải thích về chức năng xem ảnh và phim với các cách sử dụng nâng cao hơn so với Chương 2 “Chụp cơ bản và xem ảnh”. Bạn sẽ tìm thấy hướng dẫn về cách xem lại và xóa ảnh/phim bằng máy ảnh, và cách xem ảnh/phim trên TV.

Ảnh được chụp và lưu lại bằng thiết bị khác

Máy ảnh không thể hiển thị chính xác ảnh được chụp bằng máy ảnh khác, ảnh được chỉnh sửa bằng máy tính hoặc khi tập tin ảnh đã bị đổi tên.

▶ Tìm kiếm ảnh nhanh chóng

📷 Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bảng kê)

Tìm kiếm ảnh nhanh chóng với hiển thị bảng kê 4, 9, 36 hoặc 100 ảnh trên một màn hình.



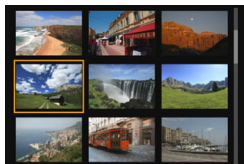
1 Xem lại ảnh.

- Khi nhấn nút <▶>, máy ảnh sẽ hiển thị ảnh được chụp sau cùng.



2 Chuyển sang hiển thị bảng kê.

- Nhấn nút <📷-🔍>.
- ▶ Hiển thị bảng kê 4 ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được tô sáng bằng khung màu cam.
- Nhấn nút <📷-🔍> để chuyển giữa các hiển thị như sau: 9 ảnh → 36 ảnh → 100 ảnh.
- Nhấn nút <🔍> để chuyển giữa các hiển thị như sau: 100 ảnh → 36 ảnh → 9 ảnh → 4 ảnh → 1 ảnh.

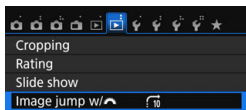


3 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <🌀> để di chuyển khung màu cam và chọn ảnh. Bạn cũng có thể nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn ảnh.
- Xoay nút xoay <🌞> để hiển thị ảnh trên màn hình tiếp theo hoặc trước đó.
- Nhấn <SET> trong hiển thị bảng kê để hiển thị ảnh đã chọn dưới dạng từng ảnh.

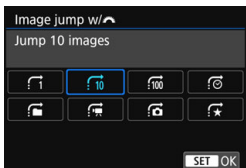
🖼️ Nhảy qua các ảnh (Hiện thị nhảy ảnh)

Với hiện thị từng ảnh, bạn có thể xoay nút xoay <🔘> để nhảy qua các ảnh về phía trước hoặc phía sau theo kiểu nhảy ảnh đã thiết lập.



1 Chọn [Image jump w/🔘 (Nhảy ảnh với🔘)].

- Trong tab [▶2], chọn [Image jump w/🔘 (Nhảy ảnh với🔘)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn kiểu nhảy ảnh.

- Xoay nút xoay <🔘> để chọn kiểu nhảy ảnh, rồi nhấn <SET>.

🖼️: Hiện thị từng ảnh

🔘: Nhảy 10 ảnh

🔘: Nhảy 100 ảnh

📅: Hiện thị theo ngày

📁: Hiện thị theo thư mục

📁: Chỉ hiển thị phim

📁: Chỉ hiển thị ảnh

📁: Hiện thị theo xếp hạng ảnh (tr.302)

Xoay nút xoay <🔘> để chọn.



Kiểu nhảy ảnh

Vị trí xem

3 Duyệt ảnh với chức năng nhảy ảnh.

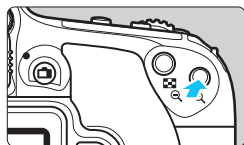
- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.
- Trên hiện thị từng ảnh, xoay nút xoay <🔘>.
- ▶ Bạn có thể duyệt ảnh theo cách thức đã đặt.



- Để tìm kiếm ảnh theo ngày chụp, chọn [Date (Ngày tháng)].
- Để tìm kiếm ảnh theo thư mục, chọn [Folder (Thư mục)].
- Nếu thẻ có chứa cả phim và ảnh, chọn [Movies (Phim)] hoặc [Stills (Ảnh)] để hiển thị một trong hai loại.
- Nếu không có ảnh phù hợp với [Rating (Xếp hạng)] được chọn, bạn không thể duyệt ảnh bằng nút xoay <🔘>.

Xem phóng to

Bạn có thể phóng to ảnh đã chụp khoảng 1,5x đến 10x trên màn hình LCD.

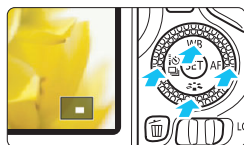


1 Phóng to ảnh.

- Phóng to ảnh bằng cách nhấn nút <Q> khi xem lại ảnh.
- ▶ Ảnh được phóng to.
- Nếu nhấn giữ nút <Q>, ảnh sẽ được phóng to cho đến khi đạt đến hệ số phóng to tối đa.
- Nhấn nút <Q> để thu nhỏ ảnh. Nhấn giữ nút này để thu nhỏ ảnh cho đến khi hiển thị từng ảnh.

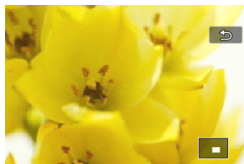


Vị trí khu vực phóng to



2 Di chuyển quanh ảnh.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để cuộn ảnh phóng to theo hướng đã nhấn.
- Để thoát hiển thị phóng to, nhấn nút <▶> và trở về hiển thị từng ảnh.



- Ở chế độ xem phóng to, xoay nút xoay <Q> để xem ảnh khác ở cùng hệ số phóng to.
- Không thể phóng to ảnh trong khi xem lại ngay sau khi chụp.
- Không thể phóng to phim.

Xem lại bằng màn hình cảm ứng

Màn hình LCD là bảng điều khiển cảm ứng cho phép bạn thao tác bằng ngón tay khi xem ảnh. **Trước tiên, nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.**

Duyệt ảnh



Lướt bằng một ngón tay.

- Trong hiển thị từng ảnh, sử dụng **một ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Lướt ngón tay về bên trái hoặc bên phải để duyệt ảnh trước hoặc ảnh tiếp theo.

Lướt sang trái để xem ảnh tiếp theo (mới hơn) hoặc lướt sang phải để xem ảnh trước (cũ hơn).

- Khi hiển thị bảng kê, sử dụng **một ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Lướt ngón tay lên trên hoặc xuống dưới để duyệt màn hình trước hoặc màn hình tiếp theo.



Lướt lên trên để xem ảnh tiếp theo (mới hơn) hoặc lướt xuống dưới để xem ảnh trước (cũ hơn).

Khung màu cam sẽ xuất hiện khi chọn ảnh. Chạm lại vào ảnh để hiển thị từng ảnh.

Nhảy qua các ảnh (Hiển thị nhảy ảnh)



Lướt bằng hai ngón tay.

Sử dụng **hai ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Khi sử dụng hai ngón tay để lướt sang trái hoặc sang phải trên màn hình, bạn có thể nhảy qua các ảnh bằng kiểu nhảy thiết lập trong [Image jump w/ ] (Nhảy ảnh với ) trong tab [▶2].

Thu nhỏ ảnh (Hiện thị bằng kê)



Kẹp hai ngón tay.

Chạm vào màn hình bằng hai ngón tay mở rộng và kẹp hai ngón tay lại trên màn hình.

- Mỗi lần kẹp hai ngón tay lại, màn hình thay đổi từ hiển thị từng ảnh sang hiển thị bằng kê.
- Khung màu cam sẽ xuất hiện khi chọn ảnh. Chạm lại vào ảnh để hiển thị từng ảnh.


Phóng to ảnh



Mở rộng hai ngón tay sang hai bên.

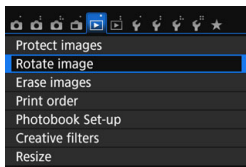
Chạm vào màn hình bằng hai ngón tay chụm vào, rồi mở rộng ngón tay sang hai bên.

- Khi mở rộng các ngón tay, ảnh sẽ được phóng to.
- Ảnh có thể được phóng to tối đa khoảng 10x.
- Bạn có thể di chuyển quanh ảnh bằng thao tác lướt ngón tay.
- Để thu nhỏ ảnh, kẹp ngón tay lại.
- Chạm vào biểu tượng [↶] để trở về hiển thị từng ảnh.



 Thao tác với màn hình cảm ứng cũng có thể thực hiện khi xem ảnh trên TV kết nối với máy ảnh (tr.316- 319).

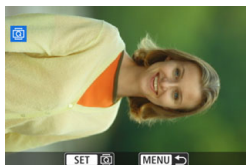
Xoay ảnh

Bạn có thể xoay ảnh hiển thị theo hướng mong muốn.




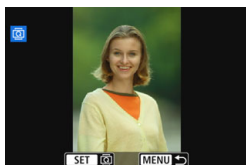
1 Chọn [Rotate image (Xoay ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Rotate image (Xoay ảnh)], rồi nhấn < >.




2 Chọn ảnh.













- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh cần xoay.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng kê (tr.296).



3 Xoay ảnh.

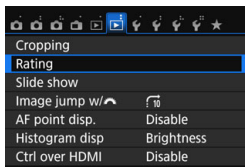
- Mỗi lần nhấn < >, ảnh sẽ xoay theo chiều kim đồng hồ như sau: 90° → 270° → 0°.
- Để xoay ảnh khác, lặp lại bước 2 và 3.
- Để thoát và quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.



- Nếu đặt [ 1: Auto rotate (Xoay tự động)] thành [   (Bật  )] (tr.283) trước khi chụp ảnh dọc, không cần xoay ảnh như thao tác trên.
- Nếu ảnh đã xoay không hiển thị theo hướng thiết lập trong khi xem ảnh, đặt [ 1: Auto rotate (Xoay tự động)] thành [   (Bật  )].
- Không thể xoay phim.

MENU Thiết lập xếp hạng

Bạn có thể xếp hạng ảnh (ảnh và phim) với một trong năm dấu xếp hạng sau: [★]/[★★]/[★★★]/[★★★★]/[★★★★★]. Chức năng này được gọi là xếp hạng.



1 Chọn [Rating (Xếp hạng)].

- Trong tab [▶2], chọn [Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <☉> để chọn ảnh hoặc phim cần xếp hạng, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <☑️🔍> có thể chọn ảnh từ màn hình hiển thị ba ảnh. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <🔍>.



3 Xếp hạng ảnh.

- Nhấn phím <▲> <▼> để chọn xếp hạng.
- ▶ Khi chọn xếp hạng cho ảnh, số bên cạnh xếp hạng đã đặt sẽ tăng theo mức một đơn vị.
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 2 và 3.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.












Máy ảnh có thể hiển thị tối đa 999 ảnh đồng hạng. Nếu có nhiều hơn 999 ảnh được xếp đồng hạng, biểu tượng [###] sẽ hiển thị.

Lợi ích của xếp hạng ảnh

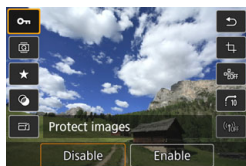
- Khi đặt thành [▶2: Image jump w/ 🌅 (Nhảy ảnh với 🌅)], bạn có thể chỉ hiển thị các ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Khi đặt [▶2: Slide show (Trình chiếu)], bạn có thể chỉ xem lại ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.432), bạn có thể chỉ chọn ảnh có xếp hạng cụ thể (chỉ với tập tin ảnh).
- Với Windows 8.1, Windows 8, Windows 7, v.v..., bạn có thể xem xếp hạng của mỗi tập tin trong hiển thị thông tin của tập tin hoặc trong phần mềm xem ảnh đi kèm (chỉ với tập tin ảnh).

Điều khiển nhanh trong khi xem

Trong khi xem ảnh, bạn có thể nhấn nút <Q> để thiết lập các chức năng sau: [On: **Protect images (Bảo vệ ảnh)**, : Rotate image (Xoay ảnh), ★: **Rating (Xếp hạng)**, : Creative filters (Bộ lọc sáng tạo), : Resize (JPEG images only) (Thay đổi cỡ ảnh (chỉ với ảnh JPEG)), : Cropping (Cắt ảnh), : **AF point display (Hiện thị điểm AF)**, : **Image jump w/  (Nhảy ảnh với )**, : **Wi-Fi function* (Chức năng Wi-Fi*)**.

Đối với phim, chỉ có thể thiết lập các chức năng được in đậm ở trên.

* Không thể chọn nếu đặt [ 1: **Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**].




1 Nhấn nút <Q>.

- Trong khi xem ảnh, nhấn nút <Q>.
- ▶ Tùy chọn điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.









2 Chọn và cài đặt chức năng.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Tên và cài đặt hiện tại của chức năng đã chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để thiết lập.
- Khi thiết lập Bộ lọc sáng tạo (tr.330), Thay đổi cỡ ảnh (tr.333), Cắt ảnh (tr.335) hoặc Chức năng Wi-Fi, nhấn <ⓔT> để kết thúc thiết lập.
- Nhảy ảnh với : Thiết lập xếp hạng (tr.302) bằng cách nhấn nút <INFO.>.
- Để hủy, nhấn nút <MENU>.

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <Q> để thoát màn hình điều khiển nhanh.



Để xoay ảnh, đặt [**F1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**   (**Bật**  )]. Nếu đặt [**F1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**  (**Bật** )] hoặc [**Off (Tắt)**], thiết lập [**Q Rotate image (Xoay ảnh)**] sẽ được áp dụng cho ảnh, nhưng máy ảnh sẽ không hiển thị xoay ảnh.



- Nhấn nút <**Q**> trong khi hiển thị bảng kê sẽ chuyển sang hiển thị từng ảnh và màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Nhấn lại nút <**Q**> để trở về hiển thị bảng kê.
- Đối với ảnh chụp bằng máy ảnh khác, các chức năng có thể chọn sẽ bị hạn chế.

Thường thức phim

Bạn có thể xem lại phim theo 3 cách sau đây:

Phát lại trên TV (tr.316-319)



Sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) hoặc Cáp AV Stereo AVC-DC400ST (bán riêng) để kết nối máy ảnh với TV. Sau đó, bạn có thể xem lại phim/ảnh đã quay/chụp trên TV.

Nếu sử dụng TV độ phân giải cao và kết nối với máy ảnh qua cáp HDMI, bạn có thể xem phim có chất lượng hình ảnh tốt hơn như Độ phân giải cao (Full HD: 1920x1080) và Độ phân giải cao (HD: 1280x720).

- Do máy ghi đĩa cứng không có cổng HDMI IN, máy ảnh không thể kết nối với máy ghi đĩa cứng bằng cáp HDMI.
- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với máy ghi đĩa cứng bằng cáp USB, bạn cũng không thể phát lại hay lưu phim và ảnh.
- Không thể xem phim nếu thiết bị dùng để phát không tương thích với tập tin MP4.

Phát lại trên màn hình LCD của máy ảnh (tr.308-315)



Bạn có thể xem lại phim trên màn hình LCD của máy ảnh. Bạn cũng có thể cắt phim để chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim và xem lại ảnh và phim trên thẻ ở chế độ trình chiếu tự động.

- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể được ghi vào thẻ hoặc xem lại trên máy ảnh.

Phát lại và chỉnh sửa phim trên máy tính



Để phát lại hoặc chỉnh sửa phim, sử dụng phần mềm đã cài đặt sẵn hoặc phần mềm thông dụng nói chung, tương thích với định dạng phim ghi.




Nếu sử dụng phần mềm bán sẵn trên thị trường để xem lại hoặc chỉnh sửa phim, hãy sử dụng phần mềm tương thích với phim định dạng MP4. Để tìm hiểu chi tiết về các phần mềm này, liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.





Xem lại phim

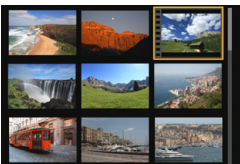


1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <  > để hiển thị ảnh.

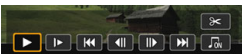
2 Chọn phim.

- Xoay nút xoay <  > để chọn phim cần xem lại.
- Trong màn hình hiển thị từng ảnh, biểu tượng < **SET**  > ở phía trên bên trái biểu thị cho phim. Nếu phim là một video quay nhanh, biểu tượng < **SET**  > sẽ hiển thị.
- Ở hiển thị bảng kê, lỗ rỗng cửa ở rìa bên trái ảnh thu nhỏ biểu thị tập tin phim. **Do không thể xem lại phim khi hiển thị bảng kê, nhấn <  > để chuyển sang hiển thị từng ảnh.**







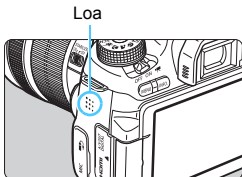
3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn < >.


- ▶ Bảng điều khiển phát lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.














4 Phát lại phim.

- Chọn [] (Phát), rồi nhấn <  >.
- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Nhấn <  > để tạm dừng xem phim.
- Trong khi xem lại phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <  >.
- Để tìm hiểu chi tiết về quy trình phát lại, tham khảo trang tiếp theo.



 Máy ảnh không thể phát lại phim được quay bằng máy ảnh khác.

Bảng điều khiển phát lại phim

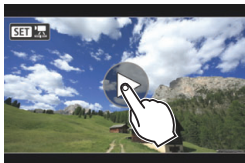
| Thao tác | Mô tả phát lại |
|--|---|
|  Phát | Nhấn <ⓈET> để chuyển giữa phát và tạm dừng phim. |
|  Chuyển động chậm | Điều chỉnh tốc độ chuyển động chậm bằng cách nhấn phim <◀> <▶>. Tốc độ chuyển động chậm hiển thị ở phía trên bên phải màn hình. |
|  Khung hình đầu tiên | Hiển thị khung hình đầu tiên của phim. |
|  Khung hình trước | Mỗi lần nhấn <ⓈET>, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <ⓈET> để tua lại phim. |
|  Khung hình tiếp theo | Mỗi lần nhấn <ⓈET>, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <ⓈET> để tua nhanh phim. |
|  Khung hình cuối | Hiển thị khung hình cuối của phim. |
|  Nhạc nền* | Xem lại phim với nhạc nền đã chọn (tr.315). |
|  Chỉnh sửa | Hiển thị màn hình chỉnh sửa (tr.310). |
|  | Vị trí xem |
| phút' giây" | Thời lượng phim (phút:giây) |
|  Âm lượng | Xoay nút xoay <🔊> để điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.308). |
| MENU  | Nhấn nút <MENU> để trở về hiển thị từng ảnh. |

* Khi bật nhạc nền, âm thanh của phim sẽ không được phát.



- Với Pin LP-E17 được sạc đầy, thời gian xem ảnh liên tục ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F) đạt khoảng 2 giờ 20 phút.
- Khi kết nối máy ảnh với TV để xem lại phim (tr.316, 319), có thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. (Không thể thay đổi âm lượng của phim bằng cách xoay nút xoay <🔊>.)
- Nếu chụp ảnh trong khi quay phim, ảnh sẽ hiển thị khoảng 1 giây trong khi phát lại phim.

Xem phim với màn hình cảm ứng



Chạm vào [▶] ở giữa màn hình.

- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Để hiển thị bảng điều khiển phát lại phim, chạm vào biểu tượng <SET> ở phía trên bên trái màn hình.
- Chạm vào màn hình để tạm dừng phim đang phát. Bảng điều khiển phát lại phim cũng sẽ xuất hiện.

✂ Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim

Bạn có thể chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim ở mức tăng 1 giây.



1 Trên màn hình phát lại phim, chọn [✂].

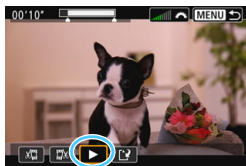
- ▶ Bảng điều khiển chỉnh sửa phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



2 Chỉ định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa.

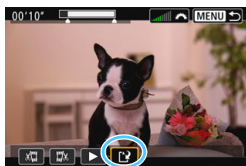
- Chọn [✂] (Cắt đoạn đầu) hoặc [✂] (Cắt đoạn cuối), rồi nhấn <SET>.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để xem các khung hình trước hoặc sau. Nhấn giữ phím để tua đi hoặc tua lại các khung hình. Xoay nút xoay <⦿> để phát lại từng khung hình một.
- Sau khi quyết định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa, nhấn <SET>. Phần được tô sáng bằng màu xám ở trên cùng màn hình sẽ được giữ lại.





3 Kiểm tra phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [▶] và nhấn <SET> để phát lại phim đã chỉnh sửa.
- Để thay đổi chỉnh sửa, quay lại bước 2.
- Để hủy chỉnh sửa, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.



4 Lưu lại phim đã chỉnh sửa.

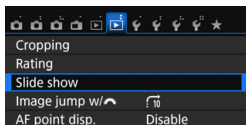
- Chọn [⏏], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu phim đã chỉnh sửa thành đoạn phim mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu và ghi đè tập tin phim gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn <SET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK], rồi nhấn <SET> để lưu lại phim đã chỉnh sửa và trở về màn hình xem phim.



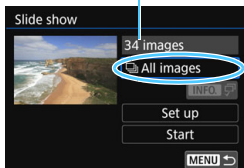
- Do phim được chỉnh sửa ở mức tăng khoảng 1 giây (vị trí chỉnh sửa được đánh dấu bằng biểu tượng [✕] ở trên cùng màn hình), vị trí chính xác của phim được chỉnh sửa có thể khác so với vị trí mà bạn chỉ định.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể chỉnh sửa phim. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.

MENU Trình chiếu (Tự động phát)

Bạn có thể xem lại ảnh trên thẻ dưới dạng trình chiếu tự động.



Số lượng ảnh
sẽ xem lại



1 Chọn [Slide show (Trình chiếu)].

- Trong tab [▶2], chọn [Slide show (Trình chiếu)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn ảnh sẽ xem lại.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn <SET>.

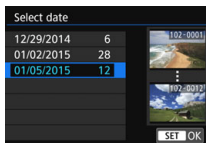
Tắt cả ảnh/Phim/Ảnh

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn một trong các tùy chọn sau: [📁] **All images (Tắt cả ảnh)** [🎞️] **Movies (Phim)** [📷] **Stills (Ảnh)**. Sau đó, nhấn <SET>.

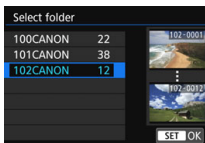
Ngày tháng/Thư mục/Xếp hạng

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn một trong các tùy chọn sau: [📅] **Date (Ngày tháng)** [📁] **Folder (Thư mục)** [★] **Rating (Xếp hạng)**.
- Khi biểu tượng <INFO> [✓] được tô sáng, nhấn nút <INFO>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

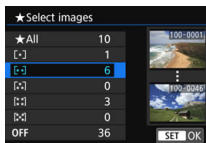
[Date (Ngày tháng)]



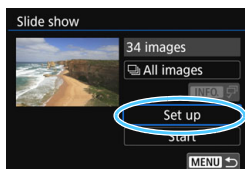
[Folder (Thư mục)]



[Rating (Xếp hạng)]



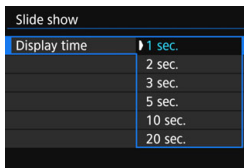
| Mục | Mô tả phát lại |
|-------------------------|--|
| All images (Tất cả ảnh) | Xem lại tất cả ảnh và phim trên thẻ. |
| Date (Ngày tháng) | Xem lại ảnh và phim được chụp/quay vào ngày chụp/quay đã chọn. |
| Folder (Thư mục) | Xem lại ảnh và phim trong thư mục đã chọn. |
| Movies (Phim) | Chỉ phát lại phim trên thẻ. |
| Stills (Ảnh) | Chỉ xem lại ảnh trên thẻ. |
| Rating (Xếp hạng) | Chỉ xem lại ảnh và phim có xếp hạng đã chọn. |



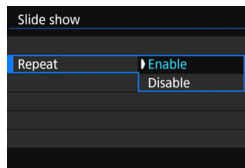
3 Định cấu hình [Set up (Cài đặt)] mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.
- Thiết lập [Display time (Thời gian hiển thị)], [Repeat (Lặp lại)] (xem lặp lại), [Transition effect (Hiệu ứng chuyển)] (hiệu ứng khi chuyển ảnh) và [Background music (Nhạc nền)] cho ảnh.
- Quy trình chọn nhạc nền được giải thích ở trang 315.
- Sau khi chọn cài đặt, nhấn nút <MENU>.

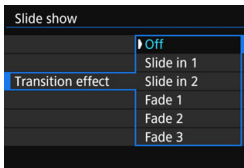
[Display time (Thời gian hiển thị)]



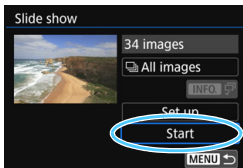
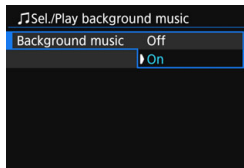
[Repeat (Lặp lại)]



[Transition effect (Hiệu ứng chuyển)]



[Background music (Nhạc nền)]



4 Bắt đầu trình chiếu.

- Nhấn các phím <▲><▼> để chọn [Start (Bắt đầu)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Sau khi [Loading image... (Đang tải ảnh...)] hiển thị, trình chiếu sẽ bắt đầu.

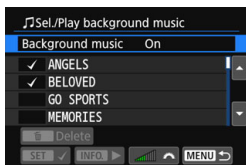
5 Thoát trình chiếu.

- Để thoát trình chiếu và quay lại màn hình thiết lập, nhấn nút <MENU>.

- Nhấn <SET> để tạm dừng trình chiếu. Trong khi tạm dừng, biểu tượng [||] sẽ hiển thị ở phía trên bên trái ảnh. Nhấn nút <SET> để tiếp tục trình chiếu. Bạn cũng có thể tạm dừng trình chiếu bằng cách chạm vào màn hình.
- Trong khi tự động phát, nhấn nút <INFO.> để thay đổi định dạng hiển thị ảnh (tr.107).
- Trong khi phát lại phim, điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <VOLUME>.
- Trong khi tự động phát hoặc tạm dừng, bạn có thể xoay nút xoay <◂> để xem ảnh khác.
- Trong khi tự động phát, tính năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Thời gian hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào ảnh.
- Để xem trình chiếu trên TV, tham khảo trang 316.

Chọn nhạc nền

Sau khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để sao chép nhạc nền vào thẻ, bạn có thể phát nhạc nền trong khi trình chiếu.



1 Chọn [Background music (Nhạc nền)].

- Đặt [Background music (Nhạc nền)] thành [On (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Không thể thực hiện bước 2 nếu thẻ không có nhạc nền.

2 Chọn nhạc nền.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn nhạc nền, rồi nhấn <SET>. Bạn cũng có thể chọn nhiều bản nhạc nền.

3 Phát nhạc nền.

- Để nghe đoạn nhạc nền mẫu, nhấn nút <INFO.>.
- Nhấn phím <▲> <▼> để phát bản nhạc nền khác. Để dừng phát nhạc nền, nhấn lại nút <INFO.>.
- Điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <VOL.>.
- Để xóa một bản nhạc nền, nhấn các phím <▲> <▼> để chọn bản nhạc muốn xóa, rồi nhấn nút <TRASH>.



Khi mới mua, máy ảnh không chứa sẵn nhạc nền. Quy trình sao chép nhạc nền vào thẻ được giải thích trong Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.434).

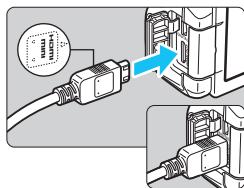
Xem ảnh trên TV

Bạn có thể xem ảnh và phim trên TV.

- Nếu định dạng hệ thống video không phù hợp với TV, phim sẽ không hiển thị chính xác. Trong trường hợp này, bạn cần chuyển sang định dạng hệ thống video phù hợp với [**▼ 3: Video system (Hệ thống video)**].
- Nếu đặt [**▼ 1: Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với TV. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với TV bằng cáp HDMI hoặc cáp AV Stereo.

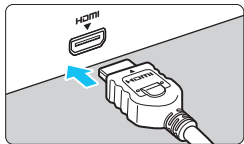
Xem trên TV độ phân giải cao (HD) (Kết nối qua cổng HDMI)

Bạn cần sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng).



1 Kết nối cáp HDMI với máy ảnh.

- Quay logo <▲ HDMI MINI> của đầu cắm về phía trước máy ảnh, rồi cắm đầu cắm vào cổng <HDMI OUT>.



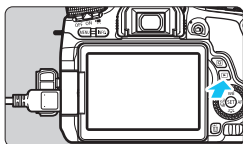
2 Kết nối cáp HDMI với TV.

- Kết nối cáp HDMI với cổng HDMI IN của TV.

3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

- Điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. Không thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng máy ảnh.
- Tắt máy ảnh và TV trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp giữa máy ảnh và TV.
- Tùy thuộc vào model TV, phần ảnh hiển thị có thể bị cắt bớt.



5 Nhấn nút <▶>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Ảnh sẽ tự động hiển thị ở độ phân giải tối ưu của TV.
- Nhấn nút <INFO.> để thay đổi định dạng hiển thị.
- Để phát lại phim, tham khảo trang 308.

🔊 Ảnh không thể cùng lúc xuất ra từ cổng <HDMI OUT> và <A/V OUT>.

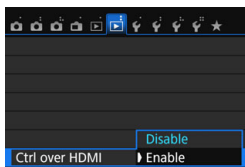


- Không kết nối đầu ra của bất kỳ thiết bị nào khác tới cổng <HDMI OUT> của máy ảnh. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Một số TV không thể phát phim đã quay. Trong trường hợp này, bạn cần sử dụng Cáp AV stereo AVC-DC400ST (bán riêng) để kết nối tới TV.

Sử dụng TV HDMI CEC

Nếu TV được kết nối tới máy ảnh bằng cáp HDMI tương thích với HDMI CEC*, bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để thực hiện thao tác xem lại.

* Chức năng chuẩn HDMI cho phép các thiết bị HDMI điều khiển lẫn nhau, do vậy bạn có thể điều khiển các thiết bị này bằng bộ điều khiển từ xa.



1 Đặt [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)] thành [Enable (Bật)].

- Trong tab [▶2], chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

2 Kết nối máy ảnh với TV.

- Sử dụng cáp HDMI để kết nối máy ảnh với TV.
- ▶ Đầu vào của TV sẽ tự động chuyển sang cổng HDMI được kết nối với máy ảnh. Nếu không chuyển tự động, sử dụng điều khiển từ xa của TV để chọn cổng HDMI IN sẽ kết nối cáp.

3 Nhấn nút <▶> trên máy ảnh.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV và bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại ảnh.

4 Chọn ảnh.

- Hướng điều khiển từ xa về phía TV và nhấn nút ←/→ để chọn ảnh.

5 Nhấn nút Enter của điều khiển từ xa.

- ▶ Menu xuất hiện và bạn có thể thực hiện các thao tác xem lại được trình bày ở bên trái.
- Nhấn nút ←/→ để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn Enter. Trong khi trình chiếu, nhấn nút ↑/↓ trên điều khiển từ xa để chọn một tùy chọn, rồi nhấn nút Enter.
- Nếu chọn **[Return (Quay lại)]** và nhấn nút Enter, menu sẽ biến mất và bạn có thể sử dụng nút ←/→ để chọn ảnh.

Menu xem ảnh



Menu phát lại phim

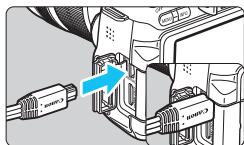


- ↶ : Quay lại
- ☰ : Bảng kê 9 ảnh
- 🎬 : Xem phim
- ▶ : Trình chiếu
- INFO. : Hiển thị thông tin chụp
- 🔄 : Xoay

- Một số TV yêu cầu bạn phải bật kết nối HDMI CEC trước. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của TV.
- Một số TV có thể không hoạt động chính xác mặc dù tương thích với HDMI CEC. Trong trường hợp này, đặt **[▶] 2: Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)** thành **[Disable (Tắt)]**, rồi sử dụng máy ảnh để điều khiển thao tác xem lại.

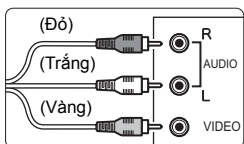
Xem trên TV không phải HD (Kết nối bằng cáp AV)

Bạn cần sử dụng Cáp AV Stereo AVC-DC400ST (bán riêng).



1 Kết nối cáp AV với máy ảnh.

- Quay logo <Canon> của chân cắm về phía sau máy ảnh, rồi cắm chân cắm vào cổng <A/V OUT>.



2 Kết nối cáp AV với TV.

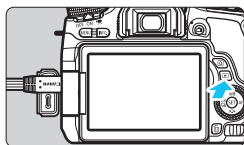
- Kết nối cáp AV với ngõ vào video và ngõ vào audio của TV.

3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

5 Nhấn nút <▶>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Để phát lại phim, tham khảo trang 308.

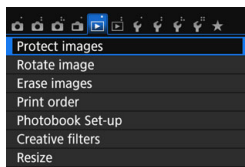


⚠ Không sử dụng bất kỳ cáp AV nào khác ngoại trừ cáp AV Stereo AVC-DC400ST (bán riêng). Phim có thể không hiển thị được nếu bạn sử dụng cáp khác.



Bảo vệ ảnh

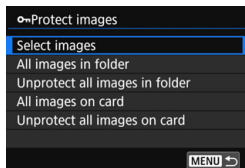
Bạn có thể đặt bảo vệ để ngăn các ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa.

MENU Bảo vệ từng ảnh




1 Chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)], rồi nhấn < >.








2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Chọn [Select images (Chọn ảnh)], rồi nhấn < >.
- Ảnh sẽ hiển thị.

Biểu tượng bảo vệ ảnh

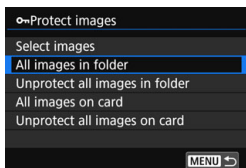



3 Bảo vệ ảnh.

- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh cần bảo vệ, rồi nhấn < >.
- Ảnh sẽ được bảo vệ, và biểu tượng < > sẽ xuất hiện ở phía trên cùng của màn hình.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại < >. Biểu tượng < > sẽ biến mất.
- Để bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU >.


MENU Bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi chọn [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] trong [ **1: Protect images (Bảo vệ ảnh)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được bảo vệ.

Để hủy bảo vệ ảnh, chọn [**Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**].

 **Nếu bạn định dạng thẻ (tr.65), các ảnh được bảo vệ cũng sẽ bị xóa.**



- Bạn cũng có thể đặt bảo vệ phim.
- Không thể xóa ảnh được bảo vệ bằng chức năng xóa của máy ảnh. Để xóa ảnh được bảo vệ, trước tiên phải hủy bảo vệ ảnh.
- Nếu bạn xóa tất cả ảnh (tr.323), sẽ chỉ còn lại ảnh được bảo vệ. Tính năng này giúp xóa các ảnh không cần thiết cùng một lúc.

Xóa ảnh

Bạn có thể xóa từng ảnh hoặc xóa nhiều ảnh cùng một lúc. Ảnh được bảo vệ (tr.320) sẽ không bị xóa.

- ⚠ Không thể khôi phục được ảnh đã bị xóa. Đảm bảo chỉ xóa những ảnh không cần thiết. Thực hiện bảo vệ ảnh để ngăn những ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa. Tính năng xóa ảnh RAW+JPEG sẽ xóa cả ảnh RAW và ảnh JPEG.**

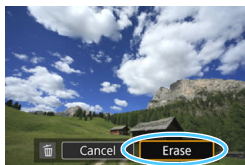
Xóa từng ảnh




1 Xem lại ảnh sẽ xóa.

2 Nhấn nút .


- ▶ Menu xóa sẽ xuất hiện.

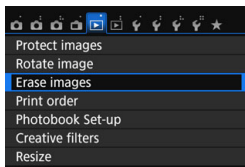


3 Xóa ảnh.



- Chọn [**Erase (Xóa)**], rồi nhấn . Ảnh đang hiển thị sẽ bị xóa.

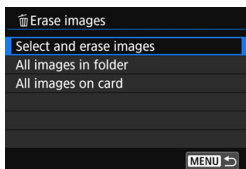
MENU Các ảnh đánh dấu sẽ bị xóa cùng một lúc

Đánh dấu  vào các ảnh cần xóa để xóa nhiều ảnh cùng một lúc.



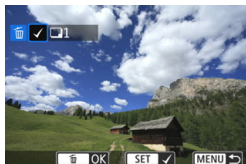
1 Chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**].

- Trong tab [ 1], chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**], rồi nhấn .



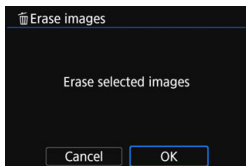
2 Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)].

- Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh sẽ hiển thị.



3 Chọn ảnh sẽ xóa.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Dấu chọn <✓> hiển thị ở phía trên bên trái màn hình.
- Nhấn nút <DISP> có thể chọn ảnh từ màn hình hiển thị ba ảnh. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <DISP>.
- Để chọn ảnh khác sẽ xóa, lặp lại bước 3.




4 Xóa ảnh.

- Nhấn nút <DISP>.
- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh đã chọn sẽ bị xóa.

MENU Xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc. Khi đặt [▶ 1: Erase images (Xóa ảnh)] thành [All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)] hoặc [All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ bị xóa.

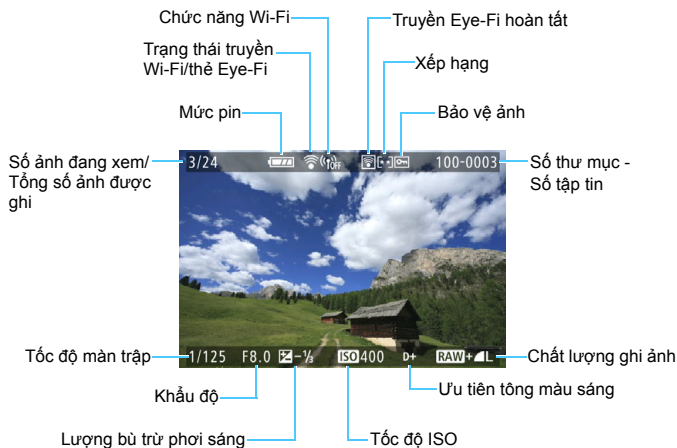
 Định dạng thẻ để xóa tất cả ảnh, bao gồm ảnh được bảo vệ (tr.65).

INFO.: Hiện thị thông tin chụp

Thông tin hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp và cài đặt.

Thông tin mẫu cho ảnh

● Hiện thị thông tin cơ bản



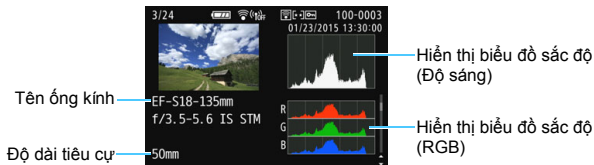
- **Hiển thị thông tin chụp**
 - **Thông tin chi tiết**



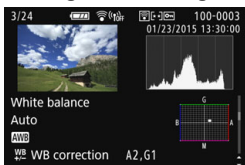
- * Khi chụp ở chất lượng ảnh [RAW + L], kích thước tập tin RAW sẽ hiển thị.
- * Trong quá trình chụp ảnh có đèn flash mà không bù trừ phơi sáng flash, biểu tượng <[Flash icon]> sẽ hiển thị.
- * Biểu tượng <[NR icon]> sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp với ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
- * Biểu tượng <[Shutter icon]> hiển thị cho biết ảnh được chụp trong khi quay phim.
- * Nếu áp dụng bộ lọc sáng tạo hoặc thay đổi cỡ ảnh rồi lưu ảnh, biểu tượng <[Save icon]> sẽ hiển thị.
- * Đối với ảnh được cắt, <[Crop icon]> và <[Crop icon]> sẽ hiển thị.

☛ Một số thông tin chụp có thể sẽ không hiển thị nếu ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.

• Thông tin ống kính / biểu đồ sắc độ



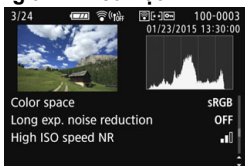
• Thông tin cân bằng trắng



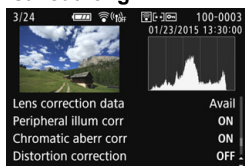
• Thông tin kiểu ảnh



• Thông tin không gian màu / giảm nhiễu hạt



• Thông tin hiệu chỉnh quang sai của ống kính



• Thông tin GPS



Màn hình thông tin GPS sẽ không hiển thị nếu thông tin GPS không được ghi cho ảnh.

Hiển thị thông tin phim mẫu



- * Nếu sử dụng phơi sáng chỉnh tay, thông số tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO (khi được đặt bằng tay) sẽ hiển thị.
- * Biểu tượng <[M]> biểu thị cho video quay nhanh.
- * Biểu tượng <[3, 0, 0, 0]> biểu thị cho phim HDR.
- * Biểu tượng <[H.264]> biểu thị cho phim với hiệu ứng thu nhỏ.

● AF Point Display (Hiển thị điểm AF)

Khi đặt [] thành [Enable (Bật)], điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu đặt chọn điểm AF tự động, máy ảnh có thể sẽ hiển thị nhiều điểm AF.

● Highlight Alert (Cảnh báo vùng sáng)

Khi hiển thị thông tin chụp, khu vực dư sáng trên ảnh sẽ nhấp nháy. Để thu được nhiều chi tiết ảnh hơn ở các khu vực dư sáng, thiết lập bù trừ phơi sáng về số âm rồi chụp lại.

● Histogram (Biểu đồ sắc độ)

Biểu đồ độ sáng hiển thị phân phối mức phơi sáng và độ sáng tổng thể. Biểu đồ RGB là để kiểm tra độ bão hòa màu và độ chuyển màu. Hiển thị có thể được chuyển với [▶2: Histogram disp (Hiển thị biểu đồ)].

Hiển thị [Brightness (Độ sáng)]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của ảnh. Trục ngang biểu diễn mức độ sáng (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, thì ảnh càng tối. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, thì ảnh càng sáng. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, chi tiết vùng tối sẽ mất. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, chi tiết vùng sáng sẽ mất. Độ chuyển màu ở khoảng giữa sẽ được tái tạo. Kiểm tra ảnh và biểu đồ độ sáng có thể cho biết độ lệch của mức phơi sáng và độ chuyển màu tổng thể.

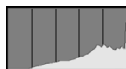
Biểu đồ mẫu



Ảnh tối



Độ sáng bình thường



Ảnh sáng

Hiển thị [RGB]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của mỗi màu chính trong ảnh (RGB hoặc đỏ, xanh lá cây và xanh da trời). Trục ngang biểu diễn mức độ sáng của màu (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng của màu. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối và độ ám màu càng ít. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng và màu càng đậm hơn. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, thông tin màu tương ứng sẽ bị thiếu. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, màu sẽ quá bệt và không có độ chuyển màu. Kiểm tra biểu đồ RGB của ảnh có thể cho biết tình trạng độ bão hòa và độ chuyển màu của màu, cũng như độ lệch cân bằng trắng.

11

Xử lý hậu kỳ ảnh

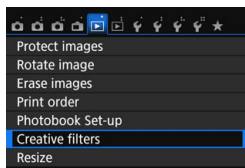
Sau khi chụp, bạn có thể áp dụng bộ lọc sáng tạo, thay đổi cỡ ảnh JPEG (giảm độ phân giải) hay cắt ảnh.



- Máy ảnh không thể xử lý ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Xử lý hậu kỳ ảnh trình bày trong chương này không thể thực hiện khi máy ảnh được kết nối tới máy tính thông qua cổng <DIGITAL>.

Áp dụng bộ lọc sáng tạo

Bạn có thể áp dụng các bộ lọc sáng tạo sau cho ảnh và lưu thành ảnh mới: Đen trắng hạt, Nét mềm, Hiệu ứng mắt cá, Hiệu ứng in đậm nghệ thuật, Hiệu ứng tranh màu nước, Hiệu ứng máy đồ chơi và Hiệu ứng thu nhỏ.



1 Chọn [Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)].

- Trong tab [1], chọn [Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

- Chọn ảnh bạn muốn áp dụng bộ lọc.
- Nhấn nút <[icon]> có thể chuyển sang hiển thị bằng kê và chọn ảnh.



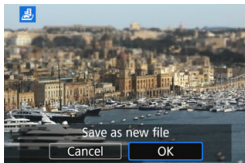
3 Chọn một bộ lọc.

- Khi nhấn <SET>, các loại bộ lọc sáng tạo sẽ hiển thị (tr.331).
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn một bộ lọc, rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị với các hiệu ứng của bộ lọc được áp dụng.



4 Điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh hiệu ứng của bộ lọc, rồi nhấn <SET>.
- Đối với hiệu ứng thu nhỏ, nhấn phím <▲> <▼> và chọn khu vực ảnh (nằm trong khung màu trắng) mà bạn muốn làm sắc nét, rồi nhấn <SET>.



5 Lưu ảnh.

- Chọn **[OK]** để lưu ảnh.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn **[OK]**.
- Để áp dụng bộ lọc cho ảnh khác, lặp lại bước 2 đến bước 5.
- Để quay trở về menu, nhấn nút **<MENU>**.



- Khi chụp ảnh **RAW** + **L** hoặc **RAW**, hiệu ứng bộ lọc sẽ áp dụng cho ảnh **RAW** và ảnh sẽ được lưu dưới dạng JPEG.
- Nếu đặt tỷ lệ cỡ ảnh cho ảnh **RAW** rồi áp dụng hiệu ứng bộ lọc, ảnh sẽ được lưu ở tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt.
- Ảnh chụp với hiệu ứng mắt cá sẽ không được thêm dữ liệu xóa bụi (tr.291).

Đặc tính bộ lọc sáng tạo

- **Grainy B/W (Đen trắng hạt)**
Tạo ảnh đen trắng nhiều hạt. Điều chỉnh độ tương phản có thể thay đổi hiệu ứng đen trắng.
- **Soft focus (Nét mềm)**
Làm cho ảnh trông dịu. Điều chỉnh độ mờ có thể thay đổi độ dịu.

● 🐟 **Fish-eye effect (Hiệu ứng mắt cá)**

Tạo hiệu ứng ống kính mắt cá. Ảnh sẽ biến dạng theo kiểu hình ống. Tùy thuộc vào mức độ của bộ lọc hiệu ứng, khu vực bị cắt dọc theo rìa ảnh sẽ thay đổi. Ngoài ra, hiệu ứng mắt cá sẽ phóng to phần trung tâm ảnh, do vậy độ phân giải ở phần trung tâm ảnh có thể giảm đi tùy thuộc vào độ phân giải được ghi. Đặt hiệu ứng của bộ lọc ở bước 4 trong khi kiểm tra kết quả.

● 🎨 **Art bold effect (Hiệu ứng in đậm nghệ thuật)**

Làm cho ảnh trông giống tranh sơn dầu và chủ thể có hiệu ứng ba chiều. Bạn có thể điều chỉnh độ tương phản và độ bão hòa. Lưu ý rằng bầu trời, bức tường trắng và các chủ thể tương tự có thể không có độ chuyển màu mượt mà và trông không đều màu hoặc có nhiều nhiễu hạt.

● 🎨 **Water painting effect (Hiệu ứng tranh màu nước)**

Làm cho ảnh trông giống tranh màu nước với màu sắc dịu. Bạn có thể thay đổi độ đậm nhạt của màu bằng cách điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc. Lưu ý rằng cảnh đêm hoặc cảnh trời tối có thể không có độ chuyển màu mượt mà và trông không đều màu hoặc có nhiều nhiễu hạt.

● 📷 **Toy camera effect (Hiệu ứng máy đồ chơi)**

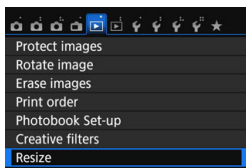
Làm tối các góc ảnh và áp dụng tông màu khiến ảnh trông như được chụp bằng máy ảnh đồ chơi. Điều chỉnh tông màu có thể thay đổi sắc thái màu.

● 🏠 **Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ)**

Tạo hiệu ứng cảnh tầm sâu. Bạn có thể thay đổi vị trí của vùng ảnh sắc nét. Ở bước 4, bạn có thể nhấn nút <INFO.> (hoặc chạm vào biểu tượng [📄] ở cuối màn hình) để thay đổi hướng của khung màu trắng thành hướng dọc hoặc hướng ngang.

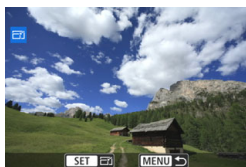
Thay đổi cỡ ảnh JPEG

Bạn có thể thay đổi cỡ ảnh JPEG để giảm độ phân giải và lưu thành ảnh mới. Chức năng thay đổi cỡ ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG **L/M/S1/S2**. Không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG **S3** và ảnh **RAW**.



1 Chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

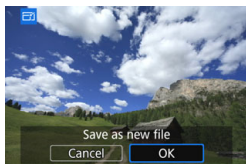
- Chọn ảnh bạn muốn thay đổi kích cỡ.
- Nhấn nút <Q> có thể chuyển sang hiển thị bảng kê và chọn ảnh.



Cỡ ảnh mong muốn

3 Chọn cỡ ảnh mong muốn.

- Nhấn <SET> để hiển thị cỡ ảnh.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn cỡ ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.



4 Lưu ảnh.

- Chọn [OK] để lưu ảnh đã thay đổi kích cỡ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để thay đổi kích cỡ của ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 đến 4.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

Tùy chọn thay đổi cỡ ảnh theo cỡ ảnh gốc

| Cỡ ảnh gốc | Thiết lập thay đổi cỡ ảnh có sẵn | | | |
|------------|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | M | S1 | S2 | S3 |
| L | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| M | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| S1 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| S2 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

Cỡ ảnh

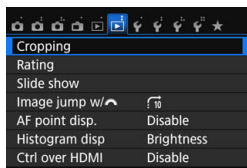
Cỡ ảnh hiển thị ở bước 3 trên trang trước, ví dụ như **[***M ***x****]**, có tỷ lệ cỡ ảnh là 3:2. Cỡ ảnh theo tỷ lệ được trình bày trong bảng bên dưới.

Dấu sao cho biết số liệu chất lượng ghi ảnh không khớp chính xác với tỷ lệ cỡ ảnh. Trong trường hợp này, ảnh sẽ bị cắt một chút.

| Chất lượng ảnh | Tỷ lệ cỡ ảnh và độ phân giải (Ước chừng) | | | |
|----------------|--|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| | 3:2 | 4:3 | 16:9 | 1:1 |
| M | 3984x2656 (10,6 megapixel) | 3552x2664 (9,5 megapixel) | 3984x2240* (8,9 megapixel) | 2656x2656 (7,1 megapixel) |
| S1 | 2976x1984 (5,9 megapixel) | 2656x1992 (5,3 megapixel) | 2976x1680* (5,0 megapixel) | 1984x1984 (3,9 megapixel) |
| S2 | 1920x1280 (2,5 megapixel) | 1696x1280* (2,2 megapixel) | 1920x1080 (2,1 megapixel) | 1280x1280 (1,6 megapixel) |
| S3 | 720x480 (0,35 megapixel) | 640x480 (0,31 megapixel) | 720x408* (0,29 megapixel) | 480x480 (0,23 megapixel) |

✂ Cắt ảnh JPEG

Bạn có thể cắt ảnh như mong muốn rồi lưu thành ảnh mới nhưng không thể cắt ảnh **JPEG S3** và **RAW**. Có thể cắt ảnh JPEG của ảnh **RAW** + **L**.



1 Chọn [Cropping (cắt ảnh)].

- Trong tab [▶2], chọn **[Cropping (Cắt ảnh)]**, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

- Chọn ảnh muốn cắt.
- Nhấn nút <[icon]> có thể chuyển sang hiển thị bằng kê và chọn ảnh.



3 Đặt kích thước, tỷ lệ cỡ ảnh, vị trí và hướng của khung cắt ảnh.

- Nhấn <SET> để hiển thị khung cắt ảnh.
- ▶ Khu vực nằm trong khung cắt ảnh sẽ được cắt.

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

- Nhấn nút <[icon]> hoặc <[icon]>.
- ▶ Kích thước khung cắt ảnh sẽ thay đổi. Kích thước khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to sẽ càng lớn.

Thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh

- Xoay nút xoay <[icon]>.
- ▶ Tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh sẽ đổi thành [3:2], [16:9], [4:3] hoặc [1:1].

Di chuyển khung cắt ảnh

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶>.
- ▶ Khung cắt ảnh sẽ di chuyển lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.
- Bạn cũng có thể chạm và kéo khung cắt ảnh tới vị trí mong muốn.

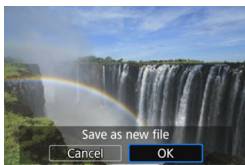
Xoay chiều khung cắt ảnh

- Nhấn nút <INFO.>.
- ▶ Khung cắt ảnh sẽ chuyển giữa chiều dọc và chiều ngang. Điều này cho phép tạo một ảnh dọc từ một ảnh ngang, và ngược lại.



4 Hiện thị ảnh đã cắt với toàn bộ màn hình.

- Nhấn nút <[Q]>.
- ▶ Bạn có thể xem ảnh đã được cắt.
- Để trở về hiển thị ban đầu, nhấn lại nút <[Q]>.



5 Lưu ảnh.

- Nhấn <[SET]> và chọn **[OK]** để lưu ảnh đã cắt.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn **[OK]**.
- Để tiếp tục cắt ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 tới 5.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

- ❗ ● Không thể cắt ảnh đã được cắt trước đó.
- Không thể áp dụng bộ lọc sáng tạo hoặc thay đổi cỡ ảnh cho ảnh đã được cắt.

12

In ảnh

- **In ảnh (tr.338)**

Bạn có thể kết nối máy ảnh trực tiếp với máy in và in ảnh trong thẻ. Máy ảnh tương thích với tiêu chuẩn in trực tiếp “PictBridge”.

Bạn cũng có thể dùng mạng LAN không dây để truyền ảnh tới máy in PictBridge (LAN không dây) và in ảnh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC.

- **Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF) (tr.347)**

DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in kỹ thuật số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các hướng dẫn in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt in với tiệm rửa ảnh.

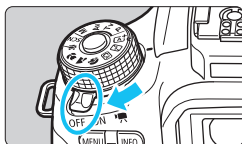
- **Chỉ định ảnh cho sách ảnh (tr.351)**

Bạn có thể chỉ định ảnh trong thẻ để in thành sách ảnh.

Chuẩn bị in

Quy trình in trực tiếp có thể được thực hiện hoàn toàn bằng máy ảnh trong khi xem màn hình cài đặt trên màn hình LCD.

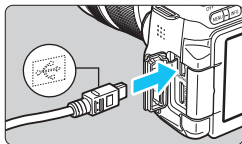
Kết nối máy ảnh với máy in



- 1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

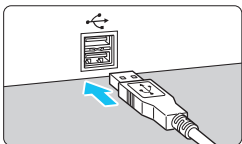
2 Cài đặt máy in.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



3 Kết nối máy ảnh với máy in.

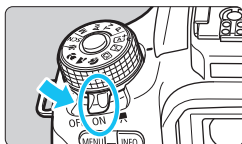
- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Kết nối cáp với cổng <DIGITAL> của máy ảnh với biểu tượng <↔> của chân cắm cáp hướng về phía trước máy ảnh.
- Để kết nối với máy in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



4 Bật máy in.



5 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

- ▶ Một số máy in có thể phát ra tiếng bip.








6 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện với biểu tượng <  > ở phía trên bên trái màn hình biểu thị máy ảnh đã được kết nối với máy in.



- Trước khi sử dụng máy in, đảm bảo máy in có cổng kết nối PictBridge.
- Bạn không thể in phim.
- Bạn không thể sử dụng máy ảnh với máy in chỉ tương thích với CP Direct hoặc Bubble Jet Direct.
- Không sử dụng bất kỳ cáp nối nào khác ngoài cáp được cung cấp.
- Nếu xuất hiện tiếng bíp dài ở bước 5, máy in có thể gặp trục trặc. Giải quyết vấn đề hiển thị trong thông báo lỗi (tr.346).
- Không thể kết nối máy ảnh với máy in nếu đặt bất kỳ chế độ chụp hoặc chức năng nào sau đây. Hủy tất cả các cài đặt có liên quan, rồi kết nối lại máy ảnh với máy in bằng cáp nối.
 - <  > hoặc <  > trong chế độ <SCN>
 - Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu
 - Đặt [ 1: Wi-Fi/NFC] thành [Enable (Bật)]



- Bạn cũng có thể in các ảnh RAW được chụp bằng máy ảnh này.
- Khi sử dụng pin để cấp nguồn cho máy ảnh, đảm bảo pin được sạc đầy. Với pin được sạc đầy, bạn có thể thực hiện in trong khoảng 2 giờ.
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ đầu cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.
- Đối với in trực tiếp, đề nghị sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E18 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh.

In ảnh

Thông tin hiển thị trên màn hình và tùy chọn cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào máy in. Một số cài đặt có thể không có sẵn. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Biểu tượng kết nối máy in



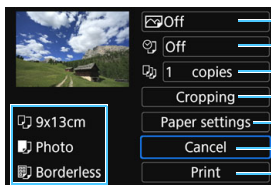
1 Chọn ảnh sẽ in.

- Kiểm tra biểu tượng được hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình LCD.
- Xoay nút xoay để chọn ảnh sẽ in.

2 Nhấn .

- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện.

Màn hình thiết lập in



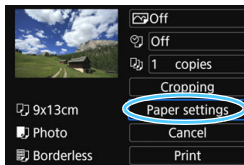
- Đặt hiệu ứng in (tr.342).
- Đặt in ngày hoặc số tập tin thành bật hoặc tắt.
- Đặt số lượng bản in.
- Đặt khu vực in (tr.345).
- Đặt khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy.
- Quay lại màn hình ở bước 1.
- Bắt đầu in.

Hiển thị khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy đã đặt.

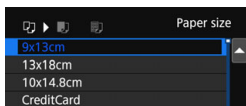
* Tùy thuộc vào máy in, một số cài đặt nhất định như in ngày, số tập tin và cắt ảnh có thể không chọn được.

3 Chọn [Paper settings (Cài đặt giấy)].

- Chọn [Paper settings (Cài đặt giấy)], rồi nhấn .
- ▶ Màn hình cài đặt giấy sẽ xuất hiện.

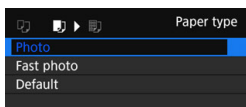


Cài đặt khổ giấy



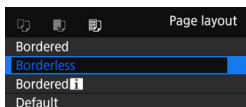
- Chọn khổ giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn < **SET** >.
- ▶ Màn hình kiểu giấy sẽ xuất hiện.

Cài đặt kiểu giấy



- Chọn kiểu giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn < **SET** >.
- ▶ Màn hình trình bày ảnh sẽ xuất hiện.

Cài đặt trình bày ảnh



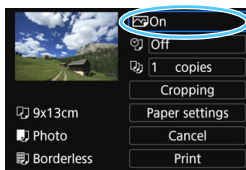
- Chọn cách trình bày ảnh, rồi nhấn < **SET** >.
- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện lại.

| | |
|--|---|
| Bordered (Có viền) | In có viền trắng dọc theo rìa ảnh. |
| Borderless (Không có viền) | In không có viền. Trong trường hợp máy in chỉ có thể in có viền, bản in sẽ được in có viền. |
| Bordered [f] (Có viền [f]) | In thông tin chụp*1 trên viền của bản in có kích thước từ 9x13 cm trở lên. |
| xx-up (nhân xx) | Tùy chọn để in 2, 4, 8, 9, 16 hoặc 20 ảnh trên một tờ. |
| 20-up [f] (Nhân 20 [f]) 35-up [f] (Nhân 35 [f]) | In 20 hoặc 35 ảnh dưới dạng hình thu nhỏ trên giấy khổ A4 hoặc Letter*2. • In thông tin chụp*1 với [20-up [f] (nhân 20 [f])]. |
| Default (Mặc định) | Trình bày ảnh sẽ khác nhau tùy thuộc vào model máy in hoặc cài đặt của máy in. |

*1: Thông tin từ dữ liệu Exif như tên máy ảnh, tên ống kính, chế độ chụp, tốc độ màn trập, khẩu độ, lượng bù trừ phơi sáng, tốc độ ISO, cân bằng trắng, v.v... sẽ được in.

*2: Sau khi đặt lệnh in với “Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)” (tr.347), bạn nên in theo “In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in” (tr.350).

⚠ Nếu tỷ lệ cỡ ảnh khác với tỷ lệ cỡ của giấy in, ảnh có thể bị cắt đáng kể nếu bạn in ảnh không có viền. Nếu bị cắt, số lượng điểm ảnh sẽ giảm làm bản in trông nhiều hơn.



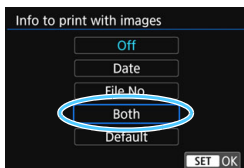
4 Đặt hiệu ứng in (tối ưu hóa ảnh).

- Thiết lập các tính năng này nếu cần. Nếu không, chuyển đến bước 5.
- **Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in.**
- Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.
- Chọn hiệu ứng in mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng <INFO. ⓘ> hiển thị sáng, bạn cũng có thể điều chỉnh hiệu ứng in (tr.344).

| Hiệu ứng in | Mô tả |
|--|--|
| On (Bật) | In với màu chuẩn của máy in. Dữ liệu Exif của ảnh được dùng để chỉnh sửa tự động. |
| Off (Tắt) | Không áp dụng chỉnh sửa tự động. |
| Vivid (Rực rỡ) | In với độ bão hòa cao hơn để tạo màu xanh da trời và xanh lá cây trông sống động hơn. |
| NR (Giảm nhiễu) | Giảm nhiễu ảnh trước khi in. |
| B/W B/W (Đen trắng) | In ảnh đen trắng với màu đen thật. |
| B/W Cool tone (Đen trắng tông lạnh) | In ảnh đen trắng với màu đen xanh có tông lạnh. |
| B/W Warm tone (Đen trắng tông ấm) | In ảnh đen trắng với màu đen vàng có tông ấm. |
| Natural (Tự nhiên) | In ảnh với màu và độ tương phản thực. Không áp dụng điều chỉnh màu tự động. |
| Natural M (Tự nhiên M) | Các đặc tính in giống với thiết lập "Natural" (Tự nhiên). Tuy nhiên, thiết lập này cho phép điều chỉnh in mịn hơn so với "Natural" (Tự nhiên). |
| Default (Mặc định) | Chức năng in khác nhau tùy thuộc vào máy in. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in. |

* Khi bạn thay đổi hiệu ứng in, các thay đổi sẽ được thể hiện trong ảnh hiển thị ở phía trên bên trái màn hình. Lưu ý rằng ảnh được in có thể trông khác so với ảnh hiển thị vì ảnh hiển thị chỉ là gần chính xác. Điều này cũng xảy ra với [Brightness (Độ sáng)] và [Adjust levels (Điều chỉnh mức)] ở trang 344.

Nếu in kèm thông tin chụp trên ảnh chụp ở tốc độ ISO mở rộng (H), tốc độ ISO chính xác có thể sẽ không được in.



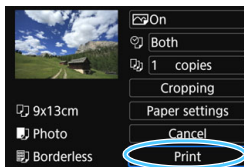
5 Đặt in ngày và số tập tin.

- Thiết lập các tính năng này nếu cần.
- Chọn <☰>, rồi nhấn <SET>.
- Đặt thiết lập in mong muốn, rồi nhấn <SET>.



6 Đặt số lượng bản in.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Chọn <☰>, rồi nhấn <SET>.
- Đặt số lượng bản sao, rồi nhấn <SET>.



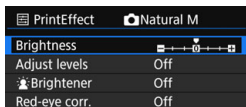
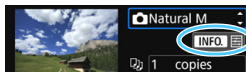
7 Bắt đầu in.

- Chọn [Print (In)], rồi nhấn <SET>.



- Cài đặt [Default (Mặc định)] cho hiệu ứng in và các tùy chọn khác là cài đặt mặc định của máy in do nhà sản xuất máy in quy định. Để tìm hiểu về cài đặt [Default (Mặc định)], tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.
- Tùy thuộc vào kích thước tập tin của ảnh và chất lượng ghi ảnh, có thể mất một khoảng thời gian để bắt đầu in sau khi chọn [Print (In)].
- Thời gian in ảnh đã chỉnh độ nghiêng (tr.345) sẽ dài hơn.
- Để dừng in, nhấn <SET> khi thông báo [Stop (Dừng)] hiển thị rồi chọn [OK].
- Nếu bạn thực hiện [4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)] (tr.284), tất cả cài đặt sẽ trở về mặc định.

Điều chỉnh hiệu ứng in



Chọn hiệu ứng in ở bước 4 trang 342. Khi biểu tượng < **INFO.** > hiển thị sáng, bạn có thể nhấn nút < **INFO.** >, rồi điều chỉnh hiệu ứng in. Những hiệu ứng in có thể điều chỉnh hoặc thông tin được hiển thị sẽ phụ thuộc vào lựa chọn ở bước 4.

● Brightness (Độ sáng)

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng ảnh.

● Adjust levels (Điều chỉnh mức)

Khi chọn [**Manual (Chỉnh tay)**], bạn có thể thay đổi phân phối của biểu đồ và điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của ảnh.

Khi màn hình điều chỉnh mức hiển thị, nhấn nút < **INFO.** > để thay đổi vị trí của con trỏ < ▲ >. Nhấn các phím < ◀ > < ▶ > để tùy ý điều chỉnh mức tối (0-127) hoặc mức sáng (128-255).



● Brightener (Đánh sáng khuôn mặt)

Có hiệu quả khi khuôn mặt của chủ thể bị tối do chụp ngược sáng. Khi đặt thành [**On (Bật)**], khuôn mặt sẽ được làm sáng.

● Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)

Có hiệu quả khi mắt chủ thể bị đỏ do chụp flash. Khi đặt thành [**On (Bật)**], hiện tượng mắt đỏ sẽ được chỉnh sửa.

- Các hiệu ứng [**Brightener (Đánh sáng khuôn mặt)**] và [**Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)**] sẽ không hiển thị trên màn hình.
- Khi chọn [**Detail set. (Cài đặt chi tiết)**], bạn có thể điều chỉnh [**Contrast (Độ tương phản)**], [**Saturation (Bảo hòa màu)**], [**Color tone (Tông màu)**] và [**Color balance (Cân bằng màu)**]. Để điều chỉnh [**Color balance (Cân bằng màu)**], nhấn các nút < ▲ > < ▼ > hoặc < ◀ > < ▶ >. B là màu xanh da trời, A là màu hổ phách, M là màu đỏ tía, G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu của ảnh sẽ được chỉnh về màu theo hướng di chuyển.
- Nếu chọn [**Clear all (Xóa tất cả)**], tất cả các cài đặt hiệu ứng in sẽ trở về mặc định.

Cắt ảnh

Chỉnh nghiêng ảnh



Bạn có thể cắt ảnh và in bản phóng to của phần đã cắt như một cách bố cục lại ảnh.

Thực hiện cắt ảnh trước khi in. Nếu thay đổi cài đặt in sau khi đặt cắt ảnh, bạn có thể phải thực hiện cắt lại ảnh trước khi in.

1 Trên màn hình cài đặt in, chọn [Cropping (Cắt ảnh)].

2 Đặt kích cỡ, vị trí và tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh.

- Khu vực ảnh nằm trong khung cắt ảnh sẽ được in. Bạn có thể thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh bằng [Paper settings (Cài đặt giấy)].

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Nhấn nút <Q> hoặc <□·Q> để thay đổi kích thước khung cắt ảnh. Khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to ảnh để in càng lớn.

Di chuyển khung cắt ảnh

Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

Chuyển hướng của khung cắt ảnh

Nhấn nút <INFO.> sẽ chuyển khung cắt ảnh giữa hướng dọc và hướng ngang. Điều này cho phép tạo bản in hướng dọc từ ảnh ngang.

Chỉnh nghiêng ảnh

Bạn có thể xoay nút xoay <☀> để điều chỉnh góc nghiêng ảnh tới đa ±10 độ với mức tăng 0,5 độ. Khi điều chỉnh nghiêng ảnh, biểu tượng <☒> trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh da trời.

3 Nhấn <SET> để thoát tính năng cắt ảnh.

- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện lại.
- Bạn có thể kiểm tra khu vực ảnh được cắt ở phía trên bên trái của màn hình cài đặt in.

- Tùy thuộc vào model máy in, khu vực ảnh đã cắt có thể không được in như bạn đã chỉ định.
- Khung cắt ảnh được tạo càng nhỏ, bản in sẽ trông càng nhiều hạt hơn.
- Kiểm tra màn hình LCD của máy ảnh khi cắt ảnh. Nếu bạn nhìn vào ảnh trên màn hình TV, khung cắt ảnh có thể không được hiển thị chính xác.



Xử lý lỗi máy in

Nếu tiến trình in không tiếp tục sau khi bạn đã giải quyết lỗi máy in (không có mực, không có giấy, v.v...) và chọn [**Continue (Tiếp tục)**], thao tác các nút trên máy in để tiếp tục in. Để tìm hiểu chi tiết về thao tác tiếp tục in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Thông báo lỗi

Nếu xảy ra vấn đề trục trặc khi đang in, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình LCD của máy ảnh. Nhấn <Ⓜ> để dừng in. Tiếp tục in sau khi đã khắc phục các vấn đề trục trặc. Để tìm hiểu chi tiết về cách khắc phục vấn đề in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Paper Error (Lỗi giấy)

Kiểm tra và đảm bảo giấy được nạp đúng cách vào máy in.

Ink Error (Lỗi mực)

Kiểm tra mức mực của máy in và hộp mực thải.

Hardware Error (Lỗi phần cứng)

Kiểm tra máy in có xảy ra vấn đề trục trặc khác ngoài lỗi về giấy và mực không.

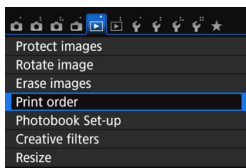
File Error (Lỗi tập tin)

Không thể in ảnh được chọn qua PictBridge. Không thể in ảnh do máy ảnh khác chụp hoặc ảnh đã được chỉnh sửa bằng máy tính.

Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)

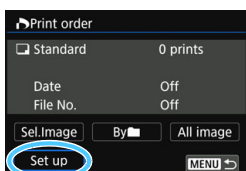
Bạn có thể đặt kiểu in, ngày in và số tập tin sẽ in. Cài đặt in sẽ được áp dụng cho tất cả các ảnh đã đặt lệnh in. (Không thể thiết lập các cài đặt này riêng cho từng ảnh.)

Đặt tùy chọn in



1 Chọn [Print order (Lệnh in)].

- Trong tab [1], chọn [Print order (Lệnh in)], rồi nhấn <SET>.



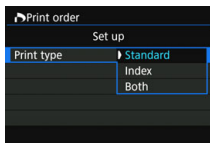
2 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.

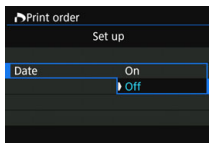
3 Đặt tùy chọn mong muốn.

- Đặt [Print type (Kiểu in)], [Date (Ngày tháng)] và [File No. (Số tập tin)].
- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

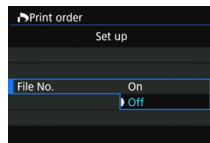
[Print type (Kiểu in)]






[Date (Ngày tháng)]





[File No. (Số tập tin)]



| | | | |
|-----------------------------|---|--------------------------|---|
| Print type (Kiểu in) |  | Standard (Tiêu chuẩn) | In một ảnh trên một trang. |
| |  | Index (Bảng kê) | Nhiều ảnh thu nhỏ được in trên một trang. |
| |  | Both (Cả hai) | Cả định dạng tiêu chuẩn và định dạng bảng kê đều được in. |
| Date (Ngày tháng) | On (Bật) | [On (Bật)] | sẽ in ngày đã ghi lên bản in. |
| | Off (Tắt) | | |
| File number (Số tập tin) | On (Bật) | [On (Bật)] | sẽ in số tập tin lên bản in. |
| | Off (Tắt) | | |

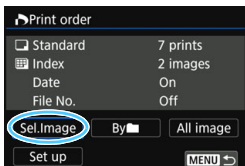
4 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình lệnh in sẽ xuất hiện lại.
- Tiếp theo, chọn [**Sel.Image (Chọn ảnh)**], [**By**  (**Theo thư mục** )], hoặc [**All image (Tất cả ảnh)**] để đặt lệnh in cho ảnh cần in.

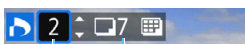
- Không thể đặt lệnh in cho ảnh RAW và phim. Ảnh RAW có thể được in với PictBridge (tr.338).
- Ngay cả khi đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**], ngày hoặc số tập tin có thể sẽ không được in, tùy thuộc vào thiết lập kiểu in và model máy in.
- Với kiểu in [**Index (Bảng kê)**], không thể đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**] cùng một lúc.
- Sử dụng thẻ có thông số kỹ thuật lệnh in đã được cài đặt để in với DPOF. Không thể in với lệnh in đã chỉ định nếu bạn xuất ảnh khỏi thẻ và in.
- Một số máy in và tiệm rửa ảnh tương thích DPOF có thể không in được ảnh như bạn chỉ định. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in trước khi in hoặc kiểm tra với tiệm rửa ảnh về tính tương thích khi đặt lệnh in.
- Không lấp thẻ có lệnh in đã được đặt bằng máy ảnh khác vào máy ảnh rồi đặt lệnh in. Bạn có thể ghi đè lệnh in. Ngoài ra, lệnh in có thể không thực hiện được, tùy thuộc vào loại ảnh.

Đặt lệnh in

● Sel.Image (Chọn ảnh)



Chọn ảnh và đặt lệnh in từng ảnh. Nhấn nút $\langle \text{Sel. Image} \rangle$ có thể chọn ảnh từ màn hình hiển thị ba ảnh. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$. Nhấn nút $\langle \text{MENU} \rangle$ để lưu lệnh in vào thẻ.



Số lượng

Tổng số ảnh được chọn

[Standard (Tiêu chuẩn)] [Both (Cả hai)]

Nhấn các phím $\langle \blacktriangle \rangle$ $\langle \blacktriangledown \rangle$ để đặt số lượng bản sao sẽ in cho ảnh hiển thị.



Dấu chọn

Biểu tượng bảng kê

[Index (Bảng kê)]

Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để đánh dấu chọn vào ô $\langle \checkmark \rangle$. Ảnh sẽ được gộp vào in bảng kê.

● By [Folder] (Theo thư mục [Folder])

Chọn [**Mark all in folder (Đánh dấu tất cả trong thư mục)**] và chọn thư mục. Lệnh in một bản sao của tất cả ảnh trong thư mục sẽ được chỉ định. Nếu chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] và chọn thư mục, lệnh in cho thư mục đó sẽ bị hủy.

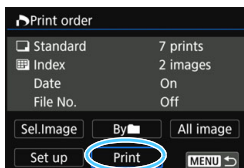
● All image (Tất cả ảnh)

Nếu bạn chọn [**Mark all on card (Đánh dấu tất cả trên thẻ)**], một bản sao của tất cả ảnh trong thẻ sẽ được đặt để in. Nếu chọn [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**], lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh trong thẻ.



- Lưu ý rằng lệnh in không bao gồm ảnh RAW và phim ngay cả khi đặt [**By [Folder] (Theo thư mục [Folder])**] hoặc [**All image (Tất cả ảnh)**].
- Khi sử dụng máy in PictBridge, không in nhiều hơn 400 ảnh cho một lệnh in. Nếu bạn chỉ định nhiều hơn số lượng này, tất cả ảnh sẽ không được in.

In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in



Với máy in PictBridge, bạn có thể dễ dàng in ảnh với DPOF.

1 Chuẩn bị in.

- Tham khảo trang 338.
Thực hiện theo quy trình “Kết nối máy ảnh với máy in” đến bước 5.

2 Trong tab [▶ 1], chọn [Print order (Lệnh in)].

3 Chọn [Print (In)].

- [Print (In)] sẽ chỉ hiển thị nếu máy ảnh được kết nối với máy in và có thể thực hiện in.

4 Đặt [Paper settings (Cài đặt giấy)] (tr.340).

- Đặt hiệu ứng in (tr.342) nếu cần.

5 Chọn [OK].

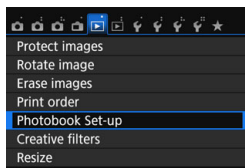
- Trước khi in, đảm bảo khổ giấy đã được đặt.
- Một số máy in có thể không in được số tập tin.
- Nếu đặt [Bordered (Có viền)], một số máy in có thể in ngày trên viền.
- Tùy thuộc vào máy in, ngày có thể bị mờ nếu in trên nền sáng hoặc in trên viền.
- Trong [Adjust levels (Điều chỉnh mức)], bạn không thể chọn [Manual (Chỉnh tay)].

- Nếu bạn đã dừng in và muốn tiếp tục in các ảnh còn lại, chọn [Resume (Tiếp tục)]. Lưu ý rằng không thể tiếp tục in khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây.
 - Bạn đã thay đổi lệnh in hoặc xóa bất kỳ ảnh đã đặt lệnh in nào trước khi tiếp tục in.
 - Khi đặt thành bảng kê, bạn đã thay đổi cài đặt giấy trước khi tiếp tục in.
 - Khi dừng in, dung lượng còn lại của thẻ ít.
- Nếu xảy ra vấn đề trục trặc trong quá trình in, tham khảo trang 346.

Chỉ định ảnh cho sách ảnh

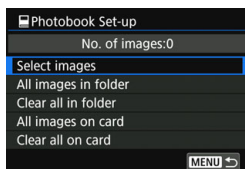
Bạn có thể chỉ định tối đa 998 ảnh để in trong sách ảnh. Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để truyền ảnh tới máy tính, các ảnh chỉ định sẽ được sao chép vào thư mục riêng. Chức năng này thích hợp để đặt sách ảnh online.

Chỉ định một ảnh mỗi lần



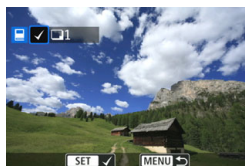
1 Chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Chọn [Select images (Chọn ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.

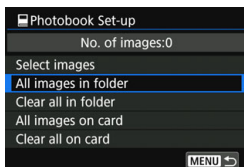


3 Chọn ảnh sẽ chỉ định.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh sẽ chỉ định, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <DISP> có thể chọn ảnh từ màn hình hiển thị ba ảnh. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <DISP>.
- Lặp lại bước này để chọn một ảnh khác. Số lượng ảnh đã chỉ định sẽ hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình.
- Để hủy chỉ định ảnh, nhấn lại <SET>.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

Chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [▶] **1: Photobook Set-up (Lập sách ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được chỉ định.

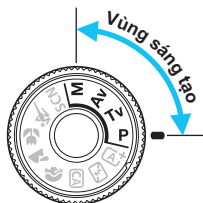
Để hủy chỉ định ảnh, chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] hoặc [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**].

- Không thể chỉ định ảnh RAW và phim.
- Không dùng các ảnh đã chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh khác để chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh này. Cài đặt cho sách ảnh có thể bị ghi đè.

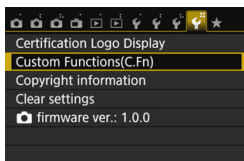
13

Tùy chỉnh máy ảnh

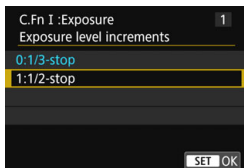
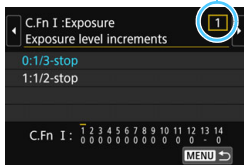
Bạn có thể tùy chỉnh các chức năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân bằng chức năng tùy chỉnh. Chức năng tùy chỉnh chỉ có thể dùng ở các chế độ vùng sáng tạo.



MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆



Số chức năng tùy chỉnh



1 Chọn [Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].

- Trong tab [F4], chọn [Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn số chức năng tùy chỉnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số của chức năng tùy chỉnh, rồi nhấn <SET>.

3 Thay đổi cài đặt theo ý muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng tùy chỉnh (số), rồi nhấn <SET>.
- Lặp lại các bước 2 và 3 nếu muốn đặt các chức năng tùy chỉnh khác.
- Ở cuối màn hình, các cài đặt chức năng tùy chỉnh hiện tại được hiển thị bên dưới số của chức năng tương ứng.

4 Thoát thiết lập.



- Nhấn nút <MENU>.
- Màn hình cho bước 1 sẽ xuất hiện lại.

Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh

Trong tab [F4: Clear settings (Xóa cài đặt)], chọn [Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] để xóa tất cả các thiết lập chức năng tùy chỉnh (tr.284).

Chức năng tùy chỉnh

C.Fn I: Phơi sáng

| | |  Chụp Live View |  Quay phim | |
|---|--|--|---|-----------------------|
| 1 | Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng) | tr.356 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 2 | ISO expansion (Mở rộng ISO) | | <input type="radio"/> | Trong M |

C.Fn II: Ảnh

| | | | | |
|---|---|--------|-----------------------|-----------------------|
| 3 | Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng) | tr.357 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
|---|---|--------|-----------------------|-----------------------|

C.Fn III: Lấy nét tự động/Kiểu chụp

| | | | | |
|---|--|--------|-------------------------|--|
| 4 | AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét) | tr.358 | <input type="radio"/> * | |
| 5 | AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF) | | | |
| 6 | Auto AF point selection: Color Tracking (Chọn điểm AF tự động: Theo dõi màu) | tr.359 | | |
| 7 | AF point display during focus (Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét) | | | |
| 8 | VF display illumination (Phát sáng hiển thị trong khung ngắm) | tr.360 | | |
| 9 | Mirror lockup (Khóa gương lật) | | | |

* Khi sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có trang bị đèn LED.

C.Fn IV: Thao tác/Khác

| | | | | |
|----|--|--------|-----------------------|-----------------------|
| 10 | Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa phơi sáng) | tr.361 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 11 | Assign SET button (Gán cho nút SET) | tr.362 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 12 | LCD display when power ON (Hiển thị LCD khi nguồn Bật) | | (Ngoại trừ 3) | (Ngoại trừ 2, 3, 6)* |
| 13 | Multi function lock (Khóa đa chức năng) | tr.363 | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 14 | Retract lens on power off (Thu ống kính khi tắt nguồn) | | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

* Thiết lập 1 và 4 không hoạt động khi quay phim.

* [5: ISO speed (Tốc độ ISO)] chỉ có thể đặt cho chụp phơi sáng chỉnh tay.



Các chức năng tùy chỉnh bị tô đen sẽ không hoạt động khi chụp Live View (LV) hoặc quay phim. (Thiết lập bị tắt.)

MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆

Chức năng tùy chỉnh được phân thành bốn nhóm dựa theo loại chức năng: C.Fn I: Phơi sáng, C.Fn II: Ảnh, C.Fn III: Lấy nét tự động/Kiểu chụp, C.Fn IV: Thao tác/Khác.


C.Fn I: Phơi sáng

C.Fn-1 Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)

0: 1/3-stop (1/3 điểm dừng)

1: 1/2-stop (1/2 điểm dừng)

Đặt mức tăng 1/2 điểm dừng cho tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, AEB, bù trừ phơi sáng flash, v.v... Mức này phù hợp nếu bạn muốn điều chỉnh độ phơi sáng ở các mức tăng kém mịn hơn so với mức 1/3 điểm dừng.

 Với thiết lập 1, mức phơi sáng sẽ hiển thị như hình minh họa bên dưới.



C.Fn-2 ISO expansion (Mở rộng ISO)

0: Off (Tắt)

1: On (Bật)

Khi đặt tốc độ ISO, bạn sẽ có thể đặt “H” (tương đương ISO 25600) cho ảnh và “H” (tương đương ISO 12800) cho phim. Lưu ý nếu đặt [C.Fn-3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [1: Enable (Bật)], bạn không thể đặt “H”.

C.Fn II: Ảnh

C.Fn-3 Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)

0: Disable (Tắt)

1: Enable (Bật)

Cải thiện chi tiết màu sáng. Dải tương phản mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ chuyển màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn.



- Với cài đặt 1, Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.146) được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]** và bạn không thể thay đổi cài đặt này.
- Với thiết lập 1, hiện tượng nhiễu (ảnh nhiễu hạt, dải, v.v...) có thể rõ hơn so với thiết lập 0.



Với thiết lập 1, phạm vi có thể đặt sẽ là ISO 200 - ISO 12800 (tối đa ISO 6400 với phim).

Ngoài ra, biểu tượng <D+> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi đã bật ưu tiên tông màu sáng.

C.Fn III: Lấy nét tự động/Kiểu chụp

C.Fn-4 AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)

Bật hoặc tắt việc phát tia giúp lấy nét của đèn flash tích hợp hoặc đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.

0: Enable (Bật)

Nếu cần, tia giúp lấy nét sẽ được phát ra.

1: Disable (Tắt)


Máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét. Việc này ngăn tia giúp lấy nét khỏi ảnh hưởng tới người xung quanh.

2: Enable external flash only (Chỉ bật flash ngoài)

Nếu có đèn Speedlite gắn ngoài, đèn sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần. Đèn flash tích hợp của máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét.

3: IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)

Nếu có đèn Speedlite gắn ngoài, chỉ những đèn có tia giúp lấy nét hồng ngoại mới phát ra tia giúp lấy nét. Đặt thiết lập này khi bạn không muốn máy ảnh đánh sáng tia giúp lấy nét dưới dạng chùm các tia sáng nhỏ. Với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ không tự động bật để hỗ trợ lấy nét.

 Nếu đặt chức năng tùy chỉnh [AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)] của đèn Speedlite gắn ngoài thành [Disable (Tắt)], chức năng này sẽ được bỏ qua và đèn Speedlite sẽ không phát ra tia giúp lấy nét.

C.Fn-5 AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)


Bạn có thể thiết lập phương pháp thay đổi chế độ chọn vùng AF.

0: → Nút chọn vùng AF

Sau khi nhấn nút  hoặc , mỗi lần nhấn nút , chế độ chọn vùng AF sẽ thay đổi.

1: → Nút xoay chính

Sau khi nhấn nút  hoặc , xoay nút xoay  sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.



- Với thiết lập 1, nhấn các phím <◀> <▶> để di chuyển điểm AF theo chiều ngang.
- Khi sử dụng Báng pin BG-E18 (bán riêng) và đặt thiết lập 1, bạn có thể thay đổi chế độ chọn vùng AF với thao tác trên báng pin.

C.Fn-6 Auto AF point selection: Color Tracking (Chọn điểm AF tự động: Theo dõi màu)

Sử dụng chức năng này để lấy nét tự động bằng cách nhận biết các màu tương đồng với tông màu da. Chức năng này hoạt động trong chế độ lấy nét một lần khi đặt chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng (chọn vùng bằng tay) hoặc Chọn tự động lấy nét 19 điểm.

0: One-Shot AF only (Chỉ lấy nét một lần)

Trong chế độ lấy nét một lần, máy ảnh tự động chọn điểm AF dựa trên thông tin AF và thông tin về màu tương đồng với tông màu da. Tính năng này giúp lấy nét người dễ dàng hơn, do đó bạn có thể ưu tiên bố cục trong khi chụp.

1: Disable (Tắt)

Các điểm AF tự động được chọn chỉ dựa trên thông tin AF. Các điểm này thường lấy nét chủ thể gần nhất.



- Với thiết lập 0, việc lấy nét sẽ chậm hơn đôi chút so với thiết lập 1.
- Ngay cả với thiết lập 0, kết quả mong muốn có thể không đạt được tùy thuộc vào các điều kiện chụp và chủ thể.
- Khi ánh sáng quá yếu và đèn flash tự động phát ra tia giúp lấy nét, các điểm AF được chọn tự động chỉ dựa trên thông tin AF. (AF sẽ không sử dụng thông tin dựa trên màu tương đồng với tông màu da.)

C.Fn-7 AF point display during focus (Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét)

Bạn có thể đặt có hoặc không hiển thị (các) điểm AF trong các trường hợp sau: 1. khi chọn (các) điểm AF, 2. khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp (trước thao tác AF), 3. trong khi thao tác AF và 4. khi lấy được nét.

0: Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))

(Các) Điểm AF đã chọn sẽ luôn luôn hiển thị.

1: All (constant) (Tất cả (không đổi))

Tất cả 19 điểm AF sẽ luôn luôn hiển thị.

2: Selected (pre-AF, focused) (Đã chọn (trước AF, lấy được nét))

(Các) Điểm AF đã lấy nét sẽ hiển thị cho 1, 2 và 4.

3: Selected (focused) (Đã chọn (lấy được nét))

(Các) Điểm AF đã chọn sẽ hiển thị cho 1 và 4.

4: Disable display (Tắt hiển thị)

Đối với 2, 3 và 4, (các) điểm AF đã chọn sẽ không hiển thị.



Với thiết lập 2 hoặc 3, điểm AF sẽ không hiển thị ngay cả khi lấy được nét với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

C.Fn-8 VF display illumination (Phát sáng hiển thị trong khung ngắm)

Bạn có thể thiết lập để điểm AF trong khung ngắm chớp sáng đỏ hoặc không chớp sáng khi lấy được nét.

0: Auto (Tự động)


Điểm AF tự động chớp sáng đỏ trong điều kiện ánh sáng yếu.




1: Enable (Bật)

Điểm AF chớp sáng đỏ bất kể mức ánh sáng bao quanh.

2: Disable (Tắt)

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

 Khi thiết lập lấy nét AI Servo, sẽ không có phát sáng đỏ ngay cả khi lấy được nét.

-  Khi nhấn nút <  > hoặc <  >, các điểm AF sẽ phát sáng đỏ mà không phụ thuộc vào thiết lập này.
- Các đường tỷ lệ cỡ ảnh (tr.130), cân bằng điện tử, khung lưới và nhận diện nhấp nháy đã đặt với [**2:Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)**] cũng sẽ chớp sáng đỏ.

C.Fn-9 Mirror lockup (Khóa gương lật)

0: Disable (Tắt)

1: Enable (Bật)

Tránh rung máy ảnh do hoạt động của gương lật (rung gương), khi chụp bằng ống kính siêu xa hoặc chụp cận cảnh (chụp macro). Xem trang 173 để biết quy trình khóa gương lật.

C.Fn IV: Thao tác/Khác

C.Fn-10 Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa phơi sáng)

0: AF/AE lock (AF/Khóa phơi sáng)

1: AE lock/AF (Khóa phơi sáng/AF)

Tính năng này tiện lợi khi bạn muốn lấy nét riêng và đo sáng riêng. Nhấn nút <✳> để lấy nét tự động và nhấn nửa chừng nút chụp để áp dụng khóa phơi sáng.

2: AF/AF lock, no AE lock (AF/Khóa nét, không khóa phơi sáng)

Trong quá trình lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục (hoặc Lấy nét Servo khi chụp Live View), bạn có thể nhấn nút <✳> để tạm dừng thao tác AF. Tính năng này ngăn lấy nét tự động bị sai lệch do có chướng ngại vật đi qua giữa máy ảnh và chủ thể. Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.

3: AE/AF, no AE lock (AE/AF, không khóa phơi sáng)

Tính năng này hữu ích cho những chủ thể liên tục di chuyển và dừng lại nhiều lần. Trong quá trình lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục (hoặc Lấy nét Servo khi chụp Live View), bạn có thể nhấn nút <✳> để bắt đầu hoặc tạm dừng thao tác lấy nét AI Servo. Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. Theo đó, bạn có thể thiết lập máy ảnh để đạt được lấy nét và phơi sáng tối ưu và chờ thời điểm quyết định.



Trong khi chụp Live View

- Khi thiết lập chạm để chụp và với thiết lập 1 hoặc 3, lấy nét tự động sẽ không hoạt động khi chụp ảnh.

Trong khi quay phim

- Với thiết lập 1 hoặc 3, nhấn nút <✳> để lấy nét một lần.
- Với thiết lập 2, nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét một lần.

C.Fn-11 Assign SET button (Gán cho nút SET)

Bạn có thể chỉ định một chức năng thường dùng cho <SET>. Nhấn nút <SET> khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp sẽ hiển thị màn hình thiết lập chức năng tương ứng.

0: Normal (disabled) (Bình thường (tắt))

1: Image quality (Chất lượng ảnh)

Màn hình thiết lập chất lượng ảnh sẽ xuất hiện.

2: Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)

Màn hình thiết lập bù trừ phơi sáng flash sẽ xuất hiện.

3: LCD monitor On/Off (Bật/tắt màn hình LCD)

Bạn có thể bật hoặc tắt màn hình LCD.

4: Menu display (Hiển thị menu)

Màn hình menu sẽ xuất hiện.

5: ISO speed (Tốc độ ISO)

Màn hình thiết lập tốc độ ISO sẽ xuất hiện.

6: Flash function settings (Thiết lập chức năng flash)

Màn hình thiết lập chức năng flash tích hợp hoặc flash ngoài sẽ xuất hiện.

C.Fn-12 LCD display when power ON (Hiển thị LCD khi nguồn Bật)



0: Display on (Hiển thị bật)

Khi bật công tắc nguồn, thiết lập chụp sẽ hiển thị (tr.67).


1: Previous display status (Trạng thái hiển thị trước đó)


Khi bật nguồn, máy ảnh sẽ khởi động với trạng thái hiển thị màn hình LCD trong lần sau cùng trước khi nguồn bị tắt. Do đó, nếu tắt máy ảnh khi màn hình LCD tắt hoặc khi cài đặt máy ảnh (tr.366) hiển thị, màn hình sẽ không hiển thị gì khi bạn bật lại máy ảnh. Tính năng này giúp tiết kiệm pin. Có thể sử dụng các thao tác menu và xem ảnh như bình thường.

C.Fn-13 Multi function lock (Khóa đa chức năng)


Gạt công tắc <LOCK▶> sang phải có thể ngăn các nút xoay < > và < > không vô tình thay đổi thiết lập.

Chọn điều khiển máy ảnh muốn khóa, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn <✓> và chọn [OK].

 : Nút xoay chính

 : Nút xoay điều khiển nhanh



- Nếu đã đặt công tắc <LOCK▶> và thay đổi điều khiển máy ảnh đã bị khóa, biểu tượng [L] sẽ xuất hiện trong khung ngắm và màn hình LCD. Đồng thời, trong hiển thị thiết lập chức năng chụp (tr.56), thông báo [LOCK (KHÓA)] sẽ xuất hiện.
- Mặc định khi khóa, nút xoay < > cũng sẽ bị khóa.

C.Fn-14 Retract lens on power off (Thu ống kính khi tắt nguồn)

Cơ chế thu ống kính này được sử dụng khi gắn các ống kính có mô tơ STM (chẳng hạn như ống EF40mm f/2.8 STM) vào máy ảnh. Bạn có thể đặt thiết lập này để tự động thu ống kính khi đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

0: Enable (Bật)

1: Disable (Tắt)



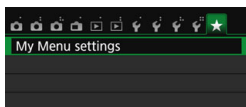
- Khi tự động tắt nguồn, ống kính sẽ không thu lại cho dù đã được thiết lập.
- Trước khi tháo ống kính, đảm bảo ống kính đã được thu lại.



Với thiết lập 0, chức năng này vẫn hoạt động không phụ thuộc vào thiết lập công tắc chế độ lấy nét của ống kính (AF hay MF).

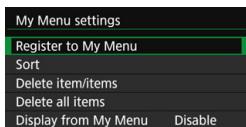
MENU Đăng ký Danh mục riêng ☆

Trong tab My Menu (Danh mục riêng), bạn có thể đăng ký tối đa sáu tùy chọn menu và chức năng tùy chỉnh mà bạn thường xuyên thay đổi thiết lập.



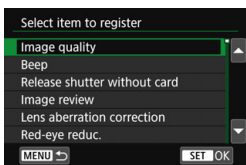
1 Chọn [My Menu settings (Thiết lập danh mục riêng)].

- Trong tab [★], chọn [My Menu settings (Thiết lập danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Register to My Menu (Đăng ký vào danh mục riêng)].

- Chọn [Register to My Menu (Đăng ký vào danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn mục, rồi nhấn <SET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK] rồi nhấn <SET> để đăng ký.
- Bạn có thể đăng ký tối đa sáu mục.
- Để trở về màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU>.

Thiết lập Danh mục riêng

● Sort (Sắp xếp)

Bạn có thể thay đổi thứ tự các mục đã đăng ký trong Danh mục riêng. Chọn [Sort (Sắp xếp)] rồi chọn mục bạn muốn thay đổi thứ tự. Sau đó, nhấn <SET>. Khi [◆] hiển thị, nhấn phím <▲> <▼> để thay đổi thứ tự, rồi nhấn <SET>.

● Delete item/items (Xóa mục/các mục) và Delete all items (Xóa tất cả các mục)

Bạn có thể xóa mục đã đăng ký. [Delete item/items (Xóa mục/các mục)] sẽ xóa từng mục mỗi lần và [Delete all items (Xóa tất cả các mục)] sẽ xóa tất cả các mục đã đăng ký.

● Display from My Menu (Hiển thị từ danh mục riêng)

Nếu đặt [Enable (Bật)], tab [★] sẽ hiển thị trước tiên trong hiển thị màn hình menu.

14

Tham khảo

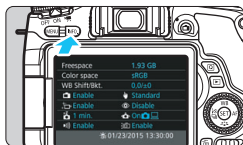
Chương này cung cấp thông tin tham khảo về tính năng máy ảnh, phụ kiện hệ thống, v.v...



Logo chứng nhận

Chọn [**F4: Certification Logo Display (Hiển thị Logo chứng nhận)**] rồi nhấn <ⓈET> để hiển thị các logo chứng nhận của máy ảnh. Các logo chứng nhận khác có thể có trong Hướng dẫn sử dụng, trên thân máy và trên bao bì sản phẩm.

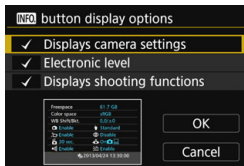
Chức năng nút INFO.



Nếu bạn nhấn nút <INFO.> khi máy ảnh sẵn sàng để chụp, màn hình [Displays camera settings (Hiển thị cài đặt máy ảnh)], [Electronic level (Cân bằng điện tử)] (tr.70) và [Displays shooting function (Hiển thị chức năng chụp)] (tr.367) sẽ hiển thị lần lượt.

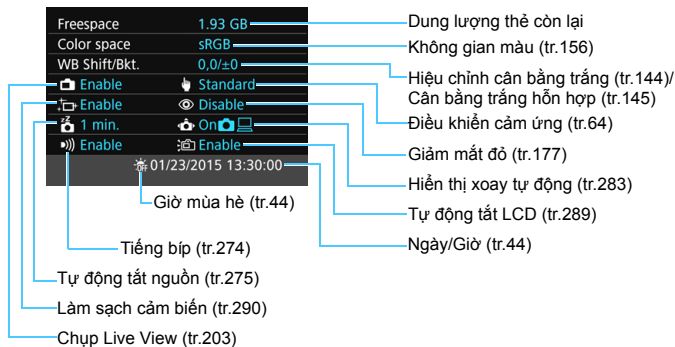
Trong tab [43], [INFO button display options (Tùy chọn hiển thị nút INFO.)] cho phép lựa chọn các tùy chọn hiển thị khi nhấn nút <INFO.>.

- Chọn tùy chọn mong muốn rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn <✓>.
- Sau khi đánh dấu lựa chọn, chọn [OK] rồi nhấn <SET>.

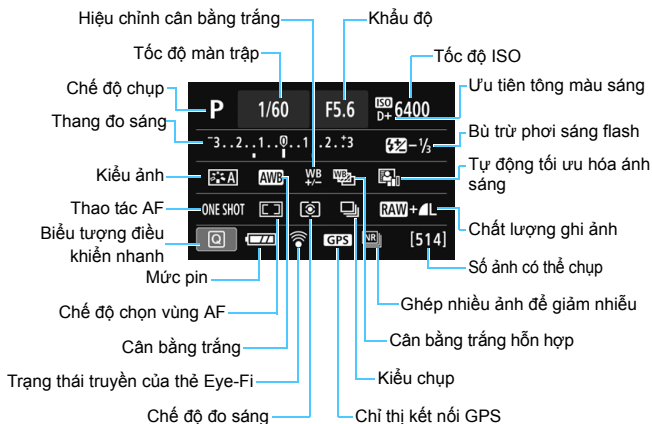


- Lưu ý rằng không thể bỏ dấu <✓> cho cả ba tùy chọn hiển thị.
- Màn hình mẫu [Displays camera settings (Hiển thị cài đặt máy ảnh)] hiển thị bằng tiếng Anh cho tất cả ngôn ngữ.
- [Electronic level (Cân bằng điện tử)] sẽ không hiển thị nếu không được chọn, nhưng sẽ hiển thị khi chụp Live View và quay phim khi bạn nhấn nút <INFO.>.

Cài đặt máy ảnh



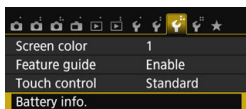
Thiết lập chức năng chụp



- Nhấn nút **<Q>** để bật điều khiển nhanh của thiết lập chụp (tr.57).

MENU Kiểm tra thông tin pin

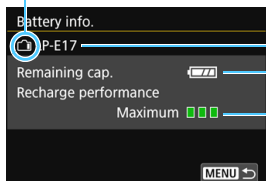
Bạn có thể kiểm tra lượng pin trên màn hình LCD.



Chọn [Battery info. (Thông tin pin)].

- Trong tab [**3**], chọn [**Battery info. (Thông tin pin)**], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình thông tin pin sẽ xuất hiện.

Vị trí pin



Kiểu pin và nguồn điện gia đình được sử dụng.

Biểu tượng mức pin (tr.43) hiển thị.

Hiệu suất sạc của pin được hiển thị theo một trong 3 mức.

■■■ (Xanh lá cây) : Hiệu suất sạc tốt.

■■□ (Xanh lá cây) : Hiệu suất sạc bị giảm sút.

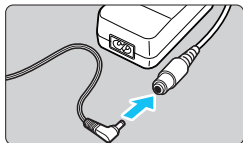
■□□ (Đỏ) : Bạn nên mua pin mới.

⚠ Nên dùng Pin LP-E17 chính hãng của Canon. Dùng pin không chính hãng của Canon sẽ khiến máy ảnh không đạt được hiệu suất cao nhất hoặc gặp trục trặc.

- Thông tin pin sẽ hiển thị ngay cả khi sử dụng Bảng pin BG-E18. Nếu lắp hai pin LP-E17, máy sẽ hiển thị mức pin còn lại của tổ hợp cả hai pin.
- Nếu thông báo lỗi giao tiếp với pin hiển thị, thực hiện theo thông báo.

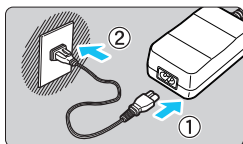
Sử dụng ổ điện gia đình

Bạn có thể sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E18 và Bộ điều hợp AC AC-E6N (cả hai đều bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh bằng ổ điện gia đình.



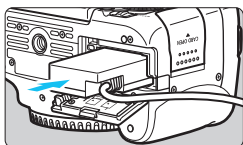
1 Kết nối bộ nối nguồn DC.

- Kết nối bộ nối nguồn DC với khe cắm của bộ điều hợp AC.



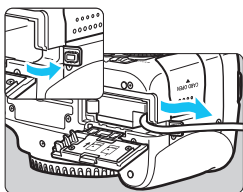
2 Kết nối dây nguồn.

- Cắm dây nguồn như hình minh họa.
- Sau khi sử dụng máy ảnh, rút phích cắm khỏi ổ điện.



3 Lắp bộ nối nguồn DC.

- Mở nắp ngăn chứa pin và cắm bộ nối nguồn DC cho đến khi khóa chắc chắn vào đúng vị trí.



4 Đẩy dây DC vào trong.

- Mở nắp hộc dây DC và lắp dây như hình minh họa.
- Đóng nắp ngăn chứa pin.

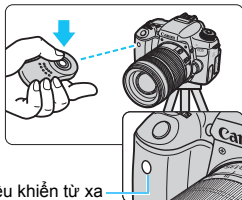


Không cắm hoặc rút dây nguồn khi đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.


Chụp điều khiển từ xa

Bộ điều khiển từ xa RC-6 (Bán riêng)

Bộ điều khiển từ xa này cho phép bạn chụp ảnh không dây ở khoảng cách tối đa khoảng 5 m/16,4 ft từ máy ảnh. Có thể chụp ngay hoặc chụp sau 2 giây.



Cảm biến điều khiển từ xa

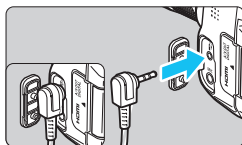
- Đặt kiểu chụp thành <  > (tr.124).
- Hướng điều khiển từ xa về phía cảm biến điều khiển từ xa của máy ảnh và nhấn nút truyền.
- ▶ Máy ảnh sẽ tự động lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, đèn chụp hẹn giờ sẽ phát sáng và ảnh sẽ được chụp.

- ⚠ ● Đèn huỳnh quang hoặc đèn LED có thể gây ra trục trặc cho máy ảnh do vô tình kích hoạt màn trập. Cố gắng giữ máy ảnh xa những nguồn sáng này.
- Nếu bạn hướng bộ điều khiển từ xa của TV vào máy ảnh và thao tác, có thể khiến máy ảnh bị lỗi khi vô tình kích hoạt màn trập.

- 📄 ● Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-1/RC-5 (bán riêng).
- Bạn có thể thực hiện chụp điều khiển từ xa với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị chức năng nhả từ xa.
- Bạn có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa trong khi quay phim (tr.235). Lưu ý rằng không thể thực hiện chụp ảnh bằng Bộ điều khiển từ xa RC-5 trong khi quay phim.

🔧 Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3 (Bán riêng)

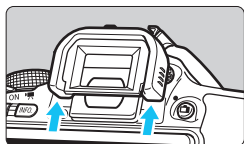
Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3 (bán riêng) đi kèm với dây nối dài khoảng 60 cm/2,0 ft. Khi kết nối với cổng kết nối điều khiển từ xa của máy ảnh, bạn có thể nhấn nửa chừng và nhấn hoàn toàn công tắc như khi nhấn nút chụp.



Sử dụng nắp thị kính

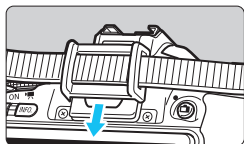
Khi sử dụng chụp hẹn giờ, phơi sáng bulb hoặc công tắc điều khiển từ xa mà không ngắm qua khung ngắm, ánh sáng khuếch tán đi vào khung ngắm có thể làm cho ảnh bị tối. Để tránh hiện tượng này xảy ra, nên sử dụng nắp thị kính (tr.35) được gắn vào dây đeo máy ảnh.

Không cần lắp nắp thị kính trong khi chụp Live View và quay phim.



1 Tháo vành đỡ mắt.

- Đẩy phần đáy vành đỡ mắt để tháo ra.



2 Lắp nắp thị kính.

- Trượt nắp thị kính xuống vào rãnh thị kính để lắp nắp.
- Sau khi kết thúc chụp ảnh, tháo nắp thị kính rồi lắp vành đỡ mắt bằng cách trượt vào rãnh thị kính.

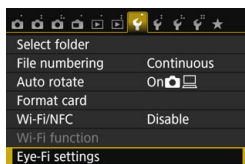
Sử dụng thẻ Eye-Fi

Sau khi cài đặt thẻ Eye-Fi bán trên thị trường, bạn có thể tự động truyền ảnh đã chụp đến máy tính cá nhân hoặc tải lên dịch vụ trực tuyến qua mạng LAN không dây.

Truyền ảnh là chức năng của thẻ Eye-Fi. Để tìm hiểu hướng dẫn về cách cài đặt và sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc để khắc phục các vấn đề trực tiếp về truyền ảnh, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc liên hệ với nhà sản xuất thẻ.

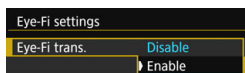
! Máy ảnh không đảm bảo hỗ trợ các chức năng thẻ Eye-Fi (bao gồm truyền không dây). Trong trường hợp thẻ Eye-Fi gặp trục trặc, vui lòng liên hệ nhà sản xuất thẻ. Ngoài ra, lưu ý rằng tại nhiều quốc gia hoặc khu vực, việc sử dụng thẻ Eye-Fi phải được phê chuẩn. Nếu không được phê chuẩn, không được phép sử dụng thẻ này. Nếu không chắc chắn thẻ có được phê chuẩn để sử dụng tại khu vực sở tại, xác nhận lại với nhà sản xuất thẻ.

1 Lắp thẻ Eye-Fi (tr.39).




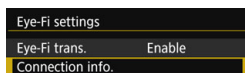
2 Chọn [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)].

- Trong tab [**1**], chọn [**Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**], rồi nhấn <SET>.
- Menu này chỉ hiển thị khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh.



3 Bật truyền Eye-Fi.

- Chọn [**Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn <SET>.
- Nếu đặt [**Disable (Tắt)**], quá trình truyền tự động sẽ không thực hiện được ngay cả khi cắm thẻ Eye-Fi (biểu tượng trạng thái truyền ).



4 Hiển thị thông tin kết nối.

- Chọn [**Connection info. (Thông tin kết nối)**], rồi nhấn <SET>.



5 Kiểm tra [Access point SSID: (SSID điểm truy cập):].

- Kiểm tra xem điểm truy cập có hiển thị [Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)] hay không.
- Ngoài ra, bạn có thể kiểm tra phiên bản firmware và địa chỉ MAC của thẻ Eye-Fi.
- Nhấn nút <MENU> 3 lần để thoát menu.





Biểu tượng trạng thái truyền

6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh được truyền và biểu tượng <📶> chuyển từ màu xám (không kết nối) sang một trong các biểu tượng dưới đây.
- Biểu tượng 📶 sẽ xuất hiện trong thông tin chụp cho biết ảnh đã truyền (tr.324).

- 📶 (Màu xám) **Not connected (Không kết nối):**
Không kết nối với điểm truy cập.
- 📶 (Nhấp nháy) **Connecting... (Đang kết nối...):**
Đang kết nối với điểm truy cập.
- 📶 (Sáng) **Connected (Đã kết nối):**
Đã kết nối với điểm truy cập.
- 📶 (#) **Transferring... (Đang truyền...):**
Đang truyền ảnh đến điểm truy cập.

Thận trọng khi sử dụng thẻ Eye-Fi

- Nếu đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], việc truyền ảnh bằng thẻ Eye-Fi sẽ không thực hiện được.
- “” biểu thị đã xảy ra lỗi trong khi truy xuất thông tin thẻ. Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.
- Ngay cả khi đặt [**Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**] thành [**Disable (Tắt)**], thẻ vẫn có thể truyền tín hiệu. Tại bệnh viện, sân bay và một số nơi cấm truyền Wi-Fi, vui lòng tháo thẻ Eye-Fi khỏi máy ảnh.
- Nếu chức năng truyền ảnh không hoạt động, kiểm tra thẻ Eye-Fi và thiết lập của máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ.
- Tùy thuộc vào điều kiện kết nối của mạng LAN không dây, quá trình truyền ảnh có thể bị kéo dài hoặc có thể gián đoạn.
- Thẻ Eye-Fi có thể nóng lên khi truyền.
- Pin sẽ tiêu hao nhanh hơn.
- Trong khi truyền ảnh, chức năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Nếu sử dụng thẻ LAN không dây khác ngoài thẻ Eye-Fi, [**Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**] sẽ không xuất hiện. Ngoài ra, biểu tượng trạng thái truyền <  > cũng sẽ không xuất hiện.

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

| Chức năng | | A+ | CA | CA | AF | AF | AF | AF | SCN | | | | | |
|---|---|----|----|----|----|----|----|----|-----|----|----|----|----|----|
| | | | | | | | | | AF | AF | AF | AF | AF | AF |
| AF operation (Thao tác AF) (Chụp qua khung ngắm) | Lấy nét một lần | | | | ● | ● | ● | | ● | ● | ● | ● | ● | |
| | Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục | | | | | | ● | ● | | | | | | |
| | Tự động lấy nét AI | ● | ● | ● | | | | | | | | | | |
| AF operation (Thao tác AF) (Chụp Live View) | Lấy nét một lần | ● | ● | ● | ● | ● | ● | | ● | | ● | ● | ● | |
| | Lấy nét Servo | | | | | | ● | ● | | | | | | |
| AF (Lấy nét tự động) | Chế độ chọn vùng AF | | | | | | | | | | | | | |
| | Chọn điểm AF | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | |
| | Tia giúp lấy nét | ● | | ● | ● | | ● | | ● | ● | ● | ● | ● | |
| | Lấy nét liên tục ^{*2} | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| Exposure (Phơi sáng) | Thay đổi chương trình | | | | | | | | | | | | | |
| | Bù trừ phơi sáng | | | | | | | | | | | | | |
| | AEB | | | | | | | | | | | | | |
| | Khóa phơi sáng | | | | | | | | | | | | | |
| | Xem trước độ sâu trường ảnh | | | | | | | | | | | | | |
| Drive mode (Kiểu chụp) | Chụp từng ảnh | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| | Chụp liên tục | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| | Chụp từng ảnh ngắt tiếng ^{*3} | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| | Chụp liên tục ngắt tiếng ^{*3} | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| | Chụp hẹn giờ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| Built-in flash (Flash tích hợp) | Tự động đánh sáng | ○ | | ○ | ○ | | ○ | | ○ | | ● | | | |
| | Đánh sáng bằng tay | ○ | | ○ | ○ | | ○ | | ○ | | ○ | | | |
| | Flash tắt | ○ | ● | ○ | ○ | ● | ○ | ● | ○ | ○ | ● | | ○ | |
| | Giảm mắt đỏ | ○ | | ○ | ○ | | ○ | | ○ | | ○ | | ○ | |
| | Khóa phơi sáng flash ^{*3} | | | | | | | | | | | | | |
| | Bù trừ phơi sáng flash | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều khiển không dây | | | | | | | | | | | | | |
| External flash (Đèn flash ngoài) | Cài đặt chức năng | | | | | | | | | | | | | |
| | Thiết lập chức năng tùy chỉnh | | | | | | | | | | | | | |
| Live View shooting (Chụp Live View) | | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | | ○ | ○ | ○ | |
| Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh) | | | | | | | | | | | | | | |
| Quick Control (Điều khiển nhanh) | | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |
| Feature guide (Hướng dẫn tính năng) | | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | |

Chụp ảnh trong chế độ vùng sáng tạo

● : Thiết lập tự động ○ : Người dùng có thể chọn □ : Không thể chọn/Tắt

| Chức năng | | P | Tv | Av | M |
|---|--------------------------------------|---|----|----|---|
| Tắt cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| ISO speed (Tốc độ ISO) | Tự động đặt/Tự động | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Thiết lập bằng tay | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Picture Style (Kiểu ảnh) | Tự động đặt/Tự động | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Chọn bằng tay | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Extra Effect Shot (Chụp bổ sung kèm hiệu ứng) | | | | | |
| Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường) | | | | | |
| Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh) | | | | | |
| Background blur (Làm mờ hậu cảnh) | | | | | |
| Color tone (Tông màu) | | | | | |
| Creative filters (Bộ lọc sáng tạo) ^{*1*2} | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| White balance (Cân bằng trắng) | Tự động | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Đặt trước | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Tùy chỉnh | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Hiệu chỉnh/Phơi sáng hỗn hợp | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng) | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính) | Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Hiệu chỉnh sắc sai | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Hiệu chỉnh méo hình | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu) | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao) | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng) | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Anti-flicker shooting (Chụp chống nhấp nháy) ^{*3} | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Color space (Không gian màu) | sRGB | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Adobe RGB | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Metering mode (Chế độ đo sáng) | Đo sáng toàn khung ảnh | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Chọn chế độ đo sáng | ○ | ○ | ○ | ○ |

*1: Bạn không thể chọn **RAW + L** hoặc **RAW**.

*2: Chỉ có thể thiết lập khi chụp Live View.

*3: Chỉ có thể hoạt động khi chụp với khung ngắm.

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

| Chức năng | | P | Tv | Av | M |
|---|--|---|----|----|----|
| AF operation (Thao tác AF) (Chụp qua khung ngắm) | Lấy nét một lần | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Tự động lấy nét AI | ○ | ○ | ○ | ○ |
| AF operation (Thao tác AF) (Chụp Live View) | Lấy nét một lần | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Lấy nét Servo | ○ | ○ | ○ | ○ |
| AF (Lấy nét tự động) | Chế độ chọn vùng AF | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Chọn điểm AF | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Tia giúp lấy nét | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Lấy nét liên tục ^{*2} | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Exposure (Phơi sáng) | Thay đổi chương trình | ○ | | | |
| | Bù trừ phơi sáng | ○ | ○ | ○ | |
| | AEB | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Khóa phơi sáng | ○ | ○ | ○ | *4 |
| | Xem trước độ sâu trường ảnh | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Drive mode (Kiểu chụp) | Chụp từng ảnh | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Chụp liên tục | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Chụp từng ảnh ngắt tiếng ^{*3} | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Chụp liên tục ngắt tiếng ^{*3} | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Self-timer (Chụp hẹn giờ) | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Built-in flash (Flash tích hợp) | Tự động đánh sáng | | | | |
| | Đánh sáng bằng tay | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Flash tắt | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Giảm mắt đỏ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Khóa phơi sáng flash | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Bù trừ phơi sáng flash | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Điều khiển không dây | ○ | ○ | ○ | ○ |
| External flash (Đèn flash ngoài) | Cài đặt chức năng | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Thiết lập chức năng tùy chỉnh | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Live View shooting (Chụp Live View) | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh) | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Quick Control (Điều khiển nhanh) | | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Feature guide (Hướng dẫn tính năng) | | ○ | ○ | ○ | ○ |

*4: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

Quay phim

● : Thiết lập tự động ○ : Người dùng có thể chọn □ : Không thể chọn/Tắt

| Chức năng | Phim | | | | | | | | | | | Ảnh | | | |
|--|-----------------------------------|---|---|---|---|---|---|-----|---|----|----|-----|----|---|---|
| | | | | | | | | SCN | P | Tv | Av | M | *1 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tắt cả các thiết lập chất lượng hình ảnh có thể chọn (phim) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | | | |
| Tắt cả các thiết lập chất lượng ảnh có thể chọn (ảnh) | | | | | | | | | | | | | ○ | ○ | ○ |
| Video snapshot (Video quay nhanh) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | | | |
| HDR movie shooting (Quay phim HDR) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | | | | | | | |
| Miniature effect movie (Phim với hiệu ứng thu nhỏ) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| Digital zoom (Zoom số) | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | | | | |
| ISO speed (Tốc độ ISO) | Tự động đặt/Tự động | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ○ | ● | ● | ○ |
| | Thiết lập bằng tay | | | | | | | | | | | | ○ | | ○ |
| Picture Style (Kiểu ảnh) | Tự động đặt/Tự động | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ○ | ○ | ○ | ○ | ● | ○ | ○ |
| | Chọn bằng tay | | | | | | | | ○ | ○ | ○ | ○ | | ○ | ○ |
| White balance (Cân bằng trắng) | Tự động | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ○ | ○ | ○ | ○ | ● | ○ | ○ |
| | Đặt trước | | | | | | | | ○ | ○ | ○ | ○ | | ○ | ○ |
| | Tùy chỉnh | | | | | | | | ○ | ○ | ○ | ○ | | ○ | ○ |
| | Hiệu chỉnh | | | | | | | | ○ | ○ | ○ | ○ | | ○ | ○ |
| | Hỗn hợp | | | | | | | | | | | | | ○ | ○ |
| Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng) | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ○ | ○ | ○ | ○ | ● | ○ | ○ |
| Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính) | Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Hiệu chỉnh sắc sai | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| | Hiệu chỉnh méo hình | | | | | | | | | | | | | | |
| Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu) | | | | | | | | | | | | | | | |
| High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao) | | | | | | | | | | | | | | | |
| Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng) | | | | | | | | | ○ | ○ | ○ | ○ | | ○ | ○ |
| Color space (Không gian màu) | sRGB | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ● | ○ | ○ |
| | Adobe RGB | | | | | | | | | | | | | | ○ |

*1: Biểu tượng biểu thị chụp ảnh khi đang quay phim.

*2: Chụp ảnh với hiệu ứng thu nhỏ.

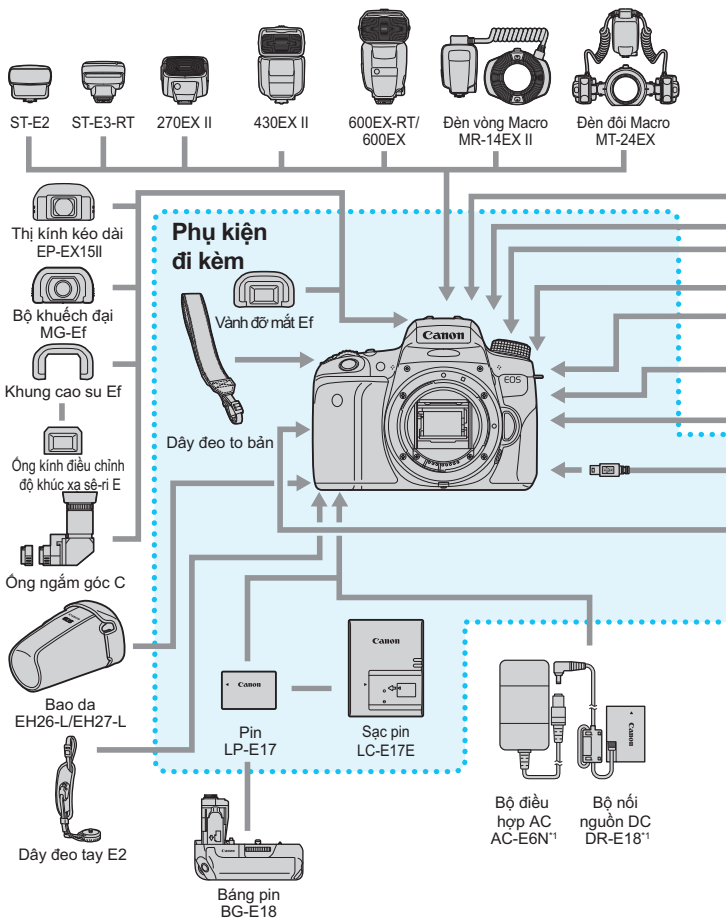
Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

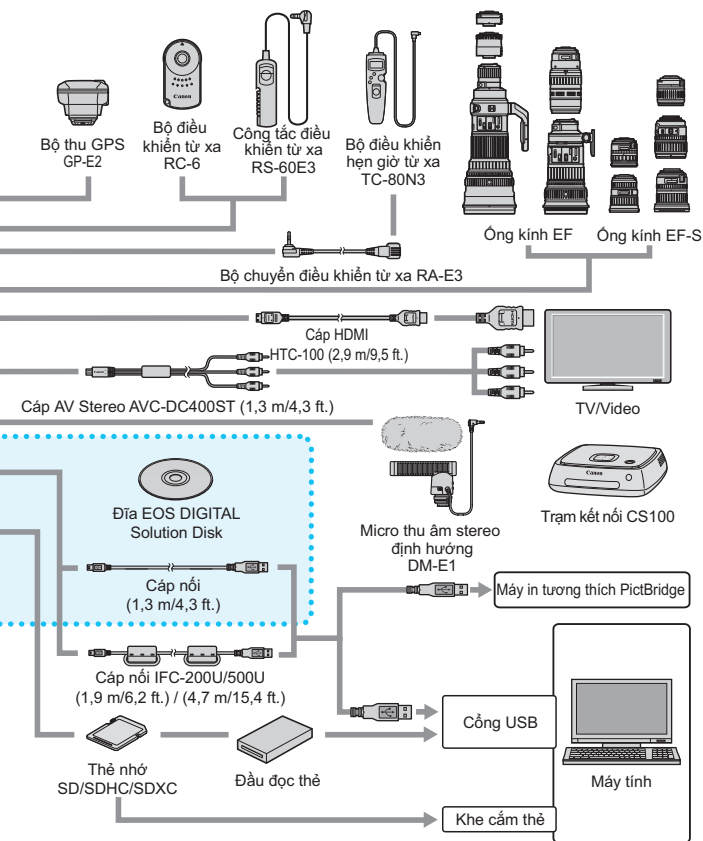
| Chức năng | | Phim | | | | | | | | | | | Ảnh | | | | |
|---|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | | | | | P | Tv | Av | M | *1 | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Metering mode (Chế độ đo sáng) | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| AF (Lấy nét tự động) | Khuôn mặt+Theo dõi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Vùng linh hoạt - đa điểm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Vùng linh hoạt - 1 điểm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Lấy nét tay (MF) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Lấy nét Servo | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Exposure (Phơi sáng) | Thay đổi chương trình | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Khóa phơi sáng | | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Bù trừ phơi sáng | | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | | | | <input type="checkbox"/> | | <input type="checkbox"/> |
| | AEB | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xem trước độ sâu trường ảnh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Drive mode (Kiểu chụp) | Chụp từng ảnh | | | | | | | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | |
| | Chụp liên tục*4 | | | | | | | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | |
| | Chụp từng ảnh ngắt tiếng | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chụp liên tục ngắt tiếng | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chụp hẹn giờ*4 | | | | | | | | | | | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | |
| Built-in flash (Flash tích hợp) | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh) | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Sound recording (Ghi âm) | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | | | | | |
| Quick Control (Điều khiển nhanh) | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

*3: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

*4: Chỉ hoạt động trước khi bắt đầu quay phim.

Sơ đồ hệ thống





*1: Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E18.

* Độ dài của tất cả cáp được nêu chỉ mang tính tương đối.

MENU Thiết lập menu

Chụp bằng khung ngắm và chụp Live View

📷 Chụp 1 (Đỏ)

Trang

| EN | | |
|------------------------------|---|-----|
| Image quality | 📷 L / 📷 L / 📷 M / 📷 M / 📷 S1 / 📷 S1 / S2 / S3 / RAW + 📷 L* / RAW* | 126 |
| Beep | Enable / Touch to 🔊 / Disable | 274 |
| Release shutter without card | Enable / Disable | 274 |
| Image review | Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold | 275 |
| Lens aberration correction | Peripheral illumination correction: Enable / Disable | 150 |
| | Chromatic aberration correction: Enable / Disable | |
| | Distortion correction: Disable / Enable | |
| Red-eye reduction | Disable / Enable | 177 |
| Flash control | Flash firing / E-TTL II metering / Flash sync. speed in Av mode / Built-in flash settings / External flash function settings / External flash C.Fn setting / Clear settings | 183 |

| VN | | |
|-----------------------------------|--|-----|
| Chất lượng ảnh | 📷 L / 📷 L / 📷 M / 📷 M / 📷 S1 / 📷 S1 / S2 / S3 / RAW + 📷 L* / RAW* | 126 |
| Bíp | Bật / Chạm để 🔊 / Tắt | 274 |
| Nhà màn trập khi không lắp thẻ | Bật / Tắt | 274 |
| Xem lại ảnh | Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ | 275 |
| Hiệu chỉnh quang sai của ống kính | Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi: Bật / Tắt | 150 |
| | Hiệu chỉnh sắc sai: Bật / Tắt | |
| | Hiệu chỉnh méo hình: Tắt / Bật | |
| Giảm mắt đỏ | Tắt / Bật | 177 |
| Điều khiển flash | Đánh sáng flash / Đo sáng E-TTL II / Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av / Cài đặt flash tích hợp / Thiết lập chức năng flash ngoài / Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài / Xóa cài đặt | 183 |

* Không thể chọn trong các chế độ <📷> và <📷>.


Chụp 2 (Đỏ)

Trang

| | | |
|---------------------------------------|---|-----|
| EN | | |
| Exposure compensation/AEB | 1/3-stop or 1/2-stop increments, ± 5 stops (AEB: ± 2 stops) | 170 |
| Auto Lighting Optimizer | Disable / Low / Standard / High | 146 |
| | Disabled in manual exposure | |
| Custom White Balance | Manual setting of white balance | 142 |
| White balance shift/bracketing | WB correction: White balance correction | 144 |
| | BKT setting: White balance bracketing | 145 |
| Color space | sRGB / Adobe RGB | 156 |
| Picture Style | Auto / Standard / Portrait / Landscape / Neutral / Faithful / Monochrome / User Def. 1-3 | 135 |
| Metering mode | Evaluative metering / Partial metering / Spot metering / Center-weighted average metering | 167 |

| | | |
|---|---|-----|
| VN | | |
| Bù trừ phơi sáng/AEB | Điều chỉnh với mức tăng 1/3 điểm dừng hoặc 1/2 điểm dừng trong khoảng ± 5 điểm dừng (AEB: ± 2 điểm dừng) | 170 |
| Tự động tối ưu hóa ánh sáng | Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao | 146 |
| | Bị tắt trong chế độ phơi sáng chỉnh tay | |
| Cân bằng trắng tùy chỉnh | Thiết lập cân bằng trắng bằng tay | 142 |
| Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp | Hiệu chỉnh WB: Hiệu chỉnh cân bằng trắng | 144 |
| | Thiết lập BKT: Cân bằng trắng hỗn hợp | 145 |
| Không gian màu | sRGB / Adobe RGB | 156 |
| Kiểu ảnh | Tự động / Tiêu chuẩn / Chân dung / Phong cảnh / Trung tính / Chân thực / Đơn sắc / Người dùng xác định 1-3 | 135 |
| Chế độ đo sáng | Đo sáng toàn khung ảnh / Đo sáng từng phần / Đo sáng điểm / Đo sáng trung bình trung tâm | 167 |

Tùy chọn menu được tô bóng không hiển thị trong chế độ vùng cơ bản.

 **Chụp 3 (Đỏ)**

Trang

| EN | | |
|---------------------------------------|---|-----|
| Dust Delete Data | Obtain data to be used by EOS software to delete dust spots | 291 |
| ISO Auto | Max. ISO 400, Max. ISO 800, Max. ISO 1600, Max. ISO 3200, Max. ISO 6400 | 133 |
| Long exposure noise reduction | Disable / Auto / Enable | 148 |
| High ISO speed noise reduction | Disable / Low / Standard / High / Multi Shot Noise Reduction | 147 |
| Aspect ratio | 3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1 | 130 |
| Anti-flicker shooting | Disable / Enable | 154 |

| VN | | |
|--|---|-----|
| Dữ liệu xóa bụi | Sử dụng phần mềm EOS để lấy dữ liệu sẽ dùng để xóa chấm bụi | 291 |
| ISO tự động | ISO tối đa 400, ISO tối đa 800, ISO tối đa 1600, ISO tối đa 3200, ISO tối đa 6400 | 133 |
| Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu | Tắt / Tự động / Bật | 148 |
| Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao | Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao / Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu | 147 |
| Tỷ lệ cỡ ảnh | 3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1 | 130 |
| Chụp chống nhấp nháy | Tắt / Bật | 154 |

Chụp Live View (Đồ)

Trang

| EN | | |
|--------------------|--|-----|
| Live View shooting | Enable / Disable | 205 |
| AF method | ☺+Tracking / FlexiZone - Multi / FlexiZone - Single | 220 |
| Continuous AF | Enable / Disable | 216 |
| Touch Shutter | Disable / Enable | 228 |
| Grid display | Off / Grid 1☰ / Grid 2☷ | 216 |
| Metering timer | 4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min. | 217 |

| VN | | |
|---------------------|--|-----|
| Chụp Live View | Bật / Tắt | 205 |
| Phương pháp AF | ☺+Theo dõi / Vùng linh hoạt - đa điểm / Vùng linh hoạt - 1 điểm | 220 |
| Lấy nét liên tục | Bật / Tắt | 216 |
| Chạm để chụp | Tắt / Bật | 228 |
| Hiển thị khung lưới | Tắt / Khung lưới 1☰ / Khung lưới 2☷ | 216 |
| Hẹn giờ đo sáng | 4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút | 217 |

▶ Phát lại 1 (Xanh da trời)


Trang


| EN | | |
|-------------------------|--|-----|
| Protect images | Protect images | 320 |
| Rotate image | Rotate images | 301 |
| Erase images | Erase images | 322 |
| Print order | Specify images to be printed (DPOF) | 347 |
| Photobook Set-up | Specify images for a photobook | 351 |
| Creative filters | Grainy B/W / Soft focus / Fish-eye effect / Art bold effect / Water painting effect / Toy camera effect / Miniature effect | 330 |
| Resize | Downsize JPEG image's pixel count | 333 |

| VN | | |
|------------------------|---|-----|
| Bảo vệ ảnh | Bảo vệ ảnh | 320 |
| Xoay ảnh | Xoay ảnh | 301 |
| Xóa ảnh | Xóa ảnh | 322 |
| Lệnh in | Chỉ ra các ảnh được in (DPOF) | 347 |
| Lập sách ảnh | Chỉ định ảnh cho sách ảnh | 351 |
| Bộ lọc sáng tạo | Đen trắng hạt / Nét mềm / Hiệu ứng mắt cá / Hiệu ứng in đậm nghệ thuật / Hiệu ứng tranh màu nước / Hiệu ứng máy đồ chơi / Hiệu ứng thu nhỏ | 330 |
| Thay đổi cỡ ảnh | Giảm độ phân giải của ảnh JPEG | 333 |

▶ Phát lại 2 (Xanh da trời)

Trang

| EN | | |
|--|---|-----|
| Cropping | Crop part of the image | 335 |
| Rating | [OFF] / [.] / [·] / [·] / [·] / [·] | 302 |
| Slide show | Playback description / Display time / Repeat / Transition effect / Background music | 312 |
| Image jump with  | 1 image / 10 images / 100 images / Date / Folder / Movies / Stills / Rating | 297 |
| AF point display | Disable / Enable | 327 |
| Histogram display | Brightness / RGB | 328 |
| Control over HDMI | Disable / Enable | 317 |

| VN | | |
|---|---|-----|
| Cắt ảnh | Cắt một phần ảnh | 335 |
| Xếp hạng | [TẮT] / [.] / [·] / [·] / [·] / [·] | 302 |
| Trình chiếu | Mô tả xem lại / Thời gian hiển thị / Lặp lại / Hiệu ứng chuyển / Nhạc nền | 312 |
| Nhảy ảnh với  | 1 ảnh / 10 ảnh / 100 ảnh / Ngày tháng / Thư mục / Phim / Ảnh / Xếp hạng | 297 |
| Hiển thị điểm AF | Tắt / Bật | 327 |
| Hiển thị biểu đồ | Độ sáng / RGB | 328 |
| Điều khiển qua HDMI | Tắt / Bật | 317 |

🔧 Cài đặt 1 (Vàng)

Trang

| | | |
|------------------------|--|-----|
| EN | | |
| Select folder | Create and select a folder | 277 |
| File numbering | Continuous / Auto reset / Manual reset | 279 |
| Auto rotate | On / On / Off | 283 |
| Format card | Initialize and erase data on the card | 65 |
| Wi-Fi/NFC | Disable / Enable | - |
| | Allow NFC connections | |
| Wi-Fi function | Transfer images between cameras / Connect to smartphone / Print from Wi-Fi printer / Upload to Web service / View images on DLNA devices | -* |
| Eye-Fi settings | Displayed when a commercially-available Eye-Fi card is inserted | 372 |

| | | |
|-------------------------------|--|-----|
| VN | | |
| Chọn thư mục | Tạo và chọn thư mục | 277 |
| Đánh số thứ tự tập tin | Liên tiếp / Tự động cài đặt lại / Cài đặt lại bằng tay | 279 |
| Xoay tự động | Bật / Bật / Tắt | 283 |
| Định dạng thẻ | Khởi tạo và xóa dữ liệu trên thẻ | 65 |
| Wi-Fi/NFC | Tắt / Bật | - |
| | Cho phép kết nối NFC | |
| Chức năng Wi-Fi | Truyền ảnh giữa các máy ảnh / Kết nối với smartphone / In từ máy in Wi-Fi / Tải lên dịch vụ web / Xem ảnh trên thiết bị DLNA | -* |
| Thiết lập Eye-Fi | Hiển thị khi lắp thẻ Eye-Fi có bán trên thị trường | 372 |

* Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC.

🔧 Cài đặt 2 (Vàng)

Trang

| EN | | |
|----------------------------|---|-----|
| Auto power off | 30 sec. / 1 min. / 2 min. / 4 min. / 8 min. / 15 min. / Disable | 275 |
| LCD brightness | Adjust the brightness (seven levels) | 276 |
| LCD auto off | Enable / Disable | 289 |
| Date/Time/Zone | Date (year, month, day) / Time (hr., min., sec.) / Daylight saving time / Time zone | 44 |
| Language 🗨 | Select the interface language | 46 |
| Viewfinder display | Electronic level: Hide / Show | 70 |
| | Grid display: Hide / Show | 69 |
| | Flicker detection: Show / Hide | 72 |
| GPS device settings | Settings available when the GPS Receiver GP-E2 (sold separately) is attached | - |

| VN | | |
|----------------------------------|--|-----|
| Tự động tắt nguồn | 30 giây / 1 phút / 2 phút / 4 phút / 8 phút / 15 phút / Tắt | 275 |
| Độ sáng LCD | Điều chỉnh độ sáng (bảy mức) | 276 |
| Tự động tắt LCD | Bật / Tắt | 289 |
| Ngày/Giờ/Múi giờ | Ngày (năm, tháng, ngày) / Giờ (giờ, phút, giây) / Giờ mùa hè / Múi giờ | 44 |
| Ngôn ngữ 🗨 | Chọn ngôn ngữ giao diện | 46 |
| Hiển thị trong khung ngắm | Cân bằng điện tử: Ẩn / Hiện | 70 |
| | Hiển thị khung lưới: Ẩn / Hiện | 69 |
| | Nhận diện nhấp nháy: Hiện / Ẩn | 72 |
| Cài đặt thiết bị GPS | Cài đặt có thể thiết lập khi lắp Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng) | - |



- Khi sử dụng chức năng Wi-Fi hoặc thiết bị GPS, đảm bảo kiểm tra quốc gia và khu vực được phép sử dụng và sử dụng thiết bị theo quy định của quốc gia và khu vực đó.
- Không thể sử dụng **[Wi-Fi/NFC]** nếu đang kết nối máy ảnh với máy tính, máy in, bộ thu GPS, TV hoặc thiết bị khác qua cáp. Khi **[Wi-Fi/NFC]** được đặt thành **[Enable (Bật)]**, bạn không thể kết nối máy ảnh với những thiết bị trên qua cáp.
- Khi kết nối máy ảnh với Bộ thu GPS GP-E2 qua cáp, cập nhật firmware GP-E2 lên phiên bản 2.0.0 hoặc cao hơn. Với các phiên bản cũ hơn, bạn không thể kết nối máy ảnh với GP-E2 qua cáp. Lưu ý rằng bạn có thể sử dụng GP-E2 bằng cách lắp bộ thu này vào ngàm gắn của máy ảnh. Để tìm hiểu về cách cập nhật firmware, tham khảo trang web của Canon hoặc liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

🔧 Cài đặt 3 (Vàng)

Trang

| EN | | |
|------------------------------------|---|-----|
| Screen color | Select the shooting settings screen color | 289 |
| Feature guide | Enable / Disable | 73 |
| Touch control | Standard / Sensitive / Disable | 64 |
| Battery information | Remaining capacity / Recharge performance | 368 |
| Sensor cleaning | Auto cleaning: Enable / Disable | 290 |
| | Clean now | |
| | Clean manually | 293 |
| INFO button display options | Displays camera settings / Electronic level / Displays shooting functions | 366 |
| Video system | NTSC / PAL | 316 |

| VN | | |
|-----------------------------------|---|-----|
| Màu màn hình | Chọn màu màn hình thiết lập chụp | 289 |
| Hướng dẫn tính năng | Bật / Tắt | 73 |
| Điều khiển cảm ứng | Tiêu chuẩn / Nhạy / Tắt | 64 |
| Thông tin pin | Lượng pin còn lại / Hiệu suất sạc | 368 |
| Làm sạch cảm biến | Tự động làm sạch: Bật / Tắt | 290 |
| | Làm sạch ngay | |
| | Làm sạch bằng tay | 293 |
| Tùy chọn hiển thị nút INFO | Hiển thị cài đặt máy ảnh / Cân bằng điện tử / Hiển thị chức năng chụp | 366 |
| Hệ thống video | NTSC / PAL | 316 |

🔧 Cài đặt 4 (Vàng)

Trang

| | | |
|-----------------------------------|---|-----|
| EN | | |
| Certification Logo Display | Displays some of the logos of the camera's certifications | 365 |
| Custom Functions (C.Fn) | Customize camera functions as desired | 356 |
| Copyright information | Display copyright information / Enter author's name / Enter copyright details / Delete copyright information | 281 |
| Clear settings | Clear all camera settings / Clear all Custom Func. (C.Fn) | 284 |
| 📷 firmware ver.* | For updating the firmware | - |

| | | |
|-----------------------------------|--|-----|
| VN | | |
| Hiển thị Logo chứng nhận | Hiển thị một số logo chứng nhận của máy ảnh | 365 |
| Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) | Tùy chỉnh các chức năng máy ảnh theo mong muốn | 356 |
| Thông tin bản quyền | Hiển thị thông tin bản quyền / Nhập tên tác giả / Nhập chi tiết bản quyền / Xóa thông tin bản quyền | 281 |
| Xóa cài đặt | Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh / Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn) | 284 |
| 📷 Phiên bản firmware* | Để cập nhật firmware | - |


* Trong khi cập nhật firmware, màn hình cảm ứng sẽ tắt để tránh những thao tác ngoài ý muốn.









★ **Danh mục riêng** (Xanh lá cây)









Trang

| | | |
|---------------------------------|--|-----|
| EN | | |
| My Menu settings | Register frequently-used menu options and Custom Functions | 364 |
| VN | | |
| Thiết lập Danh mục riêng | Đăng ký tùy chọn menu thường dùng và chức năng tùy chỉnh | 364 |

 **Quay phim**









 **Chụp 1 (Đỏ)**









| | | |
|-------------------------------------|---|-----|
| EN | | |
| Image quality |  L /  L /  M /  M /  S1 /  S1 / S2 / S3 / RAW +  L / RAW | 126 |
| Beep | Enable / Touch to  / Disable | 274 |
| Release shutter without card | Enable / Disable | 274 |
| Image review | Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold | 275 |
| Lens aberration correction | Peripheral illumination correction: Enable / Disable | 150 |
| | Chromatic aberration correction: Enable / Disable | |

| | | |
|--|---|-----|
| VN | | |
| Chất lượng ảnh |  L /  L /  M /  M /  S1 /  S1 / S2 / S3 / RAW +  L / RAW | 126 |
| Bíp | Bật / Chạm để  / Tắt | 274 |
| Nhà màn trập khi không lắp thẻ | Bật / Tắt | 274 |
| Xem lại ảnh | Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ | 275 |
| Hiệu chỉnh quang sai của ống kính | Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi: Bật / Tắt | 150 |
| | Hiệu chỉnh sắc sai: Bật / Tắt | |

 **Chụp 2 (Đỏ)**


Trang

| | | |
|--|---|-----|
| EN | | |
| Exposure compensation | 1/3-stop or 1/2-stop increments, ± 3 stops | 170 |
| Auto Lighting Optimizer | Disable / Low / Standard / High | 146 |
| | Disable during manual exposure | |
| Custom white balance | Manual setting of white balance | 142 |
| White balance shift/ bracketing | WB correction: White balance correction | 144 |
| | BKT setting: White balance bracketing | 145 |
| Color space | sRGB / Adobe RGB | 156 |
| Picture Style |  Auto /  Standard /  Portrait /  Landscape /  Neutral /  Faithful /  Monochrome /  User Def. 1-3 | 135 |

| | | |
|--|---|-----|
| VN | | |
| Bù trừ phơi sáng | Điều chỉnh với mức tăng 1/3 điểm dừng hoặc 1/2 điểm dừng trong khoảng ± 3 điểm dừng | 170 |
| Tự động tối ưu hóa ánh sáng | Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao | 146 |
| | Tắt trong khi phơi sáng chỉnh tay | |
| Cân bằng trắng tùy chỉnh | Thiết lập cân bằng trắng bằng tay | 142 |
| Thay đổi cân bằng trắng/ Cân bằng trắng hỗn hợp | Hiệu chỉnh WB: Hiệu chỉnh cân bằng trắng | 144 |
| | Thiết lập BKT: Cân bằng trắng hỗn hợp | 145 |
| Không gian màu | sRGB / Adobe RGB | 156 |
| Kiểu ảnh |  Tự động /  Tiêu chuẩn /  Chân dung /  Phong cảnh /  Trung tính /  Chân thực /  Đơn sắc /  Người dùng xác định 1-3 | 135 |



- Tùy chọn menu được tô bóng không hiển thị trong chế độ vùng cơ bản.
- Tab và tùy chọn menu hiển thị sẽ khác nhau giữa các chế độ chụp bằng khung ngắm/chụp Live View và quay phim. Lưu ý rằng tab và tùy chọn menu hiển thị trong [▶] 1) Phát lại 1, [▶] 2) Phát lại 2, [⏏] 1) Cài đặt 1 đến [⏏] 4) Cài đặt 4 và [★] Danh mục riêng cũng hiển thị tương tự trong chụp bằng khung ngắm/chụp Live View (tr.387-394).
- Tab menu [⏏] 1) và [⏏] 2) chỉ xuất hiện trong khi quay phim.





 **Chụp 3 (Đỏ)**





Trang

| | | |
|-------------------------|---|-----|
| EN | | |
| Dust Delete Data | Obtain data to be used by EOS software to delete dust spots | 291 |

| | | |
|------------------------|---|-----|
| VN | | |
| Dữ liệu xóa bụi | Sử dụng phần mềm EOS để lấy dữ liệu sẽ dùng để xóa chấm bụi | 291 |

 **Phim 1 (Đỏ)**

| | | |
|--|---|-----|
| EN | | |
| AF method |  +Tracking / FlexiZone - Multi / FlexiZone - Single | 265 |
| Movie Servo AF | Enable / Disable | 265 |
| AF with shutter button during movie shooting  | One-Shot AF / Disable | 267 |
| Grid display | Off / Grid 1  / Grid 2  | 267 |
| Metering timer | 4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min. | 267 |

| | | |
|---|---|-----|
| VN | | |
| Phương pháp AF |  +Theo dõi / Vùng linh hoạt - đa điểm / Vùng linh hoạt - 1 điểm | 265 |
| Lấy nét Servo phim | Bật / Tắt | 265 |
| Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi quay phim  | Lấy nét một lần / Tắt | 267 |
| Hiển thị khung lưới | Tắt / Khung lưới 1  / Khung lưới 2  | 267 |
| Hẹn giờ đo sáng | 4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút | 267 |

Phím 2 (Đỏ)

Trang

| EN | | |
|----------------------|--|-----|
| Movie recording size | <ul style="list-style-type: none"> • 1920x1080 / 1280x720 / 640x480 • NTSC: 59.94p / 29.97p / 23.98p • PAL: 50.00p / 25.00p • Standard / Light | 247 |
| Digital zoom | Disable / Approx. 3-10x zoom | 267 |
| Sound recording* | Sound recording: Auto / Manual / Disable | 268 |
| | Recording level | |
| | Wind filter: Auto / Disable Attenuator: Disable / Enable | |
| Video snapshot | Video snapshot: Enable / Disable | 255 |
| | Album settings: Create a new album / Add to existing album | |
| | Show confirm message: Enable/Disable | |

| VN | | |
|---------------------|--|-----|
| Kích thước ghi phim | <ul style="list-style-type: none"> • 1920x1080 / 1280x720 / 640x480 • NTSC: 59,94p / 29,97p / 23,98p • PAL: 50,00p / 25,00p • Tiêu chuẩn / Nhẹ | 247 |
| Zoom số | Tắt / Zoom khoảng 3-10x | 267 |
| Ghi âm* | Ghi âm: Tự động / Chính tay / Tắt | 268 |
| | Mức ghi âm | |
| | Lọc gió: Tự động / Tắt Bộ tiêu âm: Tắt / Bật | |
| Video quay nhanh | Video quay nhanh: Bật / Tắt | 255 |
| | Cài đặt album: Tạo album mới / Thêm vào album hiện có | |
| | Hiển thị thông báo xác nhận: Bật/Tắt | |

* Ở chế độ vùng cơ bản, [Sound recording (Ghi âm)] được đặt thành [On/Off (Bật/Tắt)].

Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực

Nếu máy ảnh xảy ra vấn đề trực trực, trước tiên bạn nên tham khảo hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực này. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Vấn đề trực trực liên quan đến nguồn

Pin không sạc.

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ pin chính hãng LP-E17.

Đèn sạc pin nhấp nháy.

- Nếu (1) có trực trực với sạc pin hoặc pin hoặc (2) không nhận pin (đối với pin không phải của Canon), mạch bảo vệ sẽ dừng quá trình sạc và đèn báo sẽ chớp nháy màu da cam. Trong trường hợp (1), tháo sạc pin ra khỏi nguồn. Tháo và lắp lại pin vào sạc. Đợi một lúc rồi cắm lại sạc vào nguồn điện. Nếu vẫn xảy ra trực trực, liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Máy ảnh không hoạt động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Đảm bảo rằng pin đã lắp đúng cách vào máy ảnh (tr.38).
- Đảm bảo rằng nắp ngăn chứa pin đã đóng (tr.38).
- Đảm bảo nắp khe cắm thẻ đã đóng (tr.39).
- Sạc pin (tr.36).
- Nhấn nút <INFO.> (tr.67).

Đèn truy cập nhấp nháy ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

- Nếu tắt nguồn khi đang ghi ảnh vào thẻ, đèn truy cập vẫn sáng/liên tục nhấp nháy trong vài giây. Khi ghi ảnh xong, nguồn sẽ tự động tắt.

Thông báo [Battery communication error. Does this battery/do these batteries display the Canon logo? (Lỗi giao tiếp với pin. Pin có in logo Canon không?)] hiển thị.

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E17 chính hãng.
- Tháo và lắp lại pin (tr.38).
- Nếu điểm tiếp xúc của pin bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau.

Pin rất nhanh hết.

- Sử dụng pin sạc đầy (tr.36).
- Hiệu suất pin có thể bị giảm theo thời gian. Tham khảo mục [**🔧3: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra mức hiệu suất sạc pin (tr.368). Nếu hiệu suất pin kém, thay pin mới.
- Hiệu suất pin có thể sạc sẽ giảm qua nhiều lần sử dụng. Hãy mua pin mới.
- Số ảnh có thể chụp sẽ giảm khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Chụp Live View hoặc quay phim liên tục trong một khoảng thời gian dài.
 - Chức năng giao tiếp của thẻ Eye-Fi đang hoạt động.

Máy ảnh tự tắt.

- Tự động tắt nguồn đang hoạt động. Nếu bạn không muốn sử dụng tự động tắt nguồn, đặt [**🔧2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.275).
- Ngay cả khi đặt [**🔧2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], màn hình LCD vẫn tắt sau khi máy ảnh không sử dụng trong 30 phút. (Nguồn máy ảnh không tắt.) Nhấn nút <INFO.> để bật màn hình LCD.

Vấn đề trực trực liên quan đến chụp

Không thể lắp ống kính.

- Máy ảnh không thể sử dụng ống kính EF-M (tr.47).

Khung ngắm không sáng.

- Lắp pin đã sạc vào máy ảnh (tr.36).

Không thể chụp hoặc ghi ảnh.

- Đảm bảo cắm thẻ đúng cách (tr.39).
- Trượt máu chống ghi của thẻ đến vị trí ghi/xóa (tr.39).
- Nếu thẻ đầy, thay thẻ hoặc xóa những ảnh không cần thiết để có thêm dung lượng trống (tr.39, 322).
- Nếu thực hiện thao tác lấy nét một lần và đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy, bạn sẽ không thể chụp ảnh. Nhấn nửa chừng nút chụp lần nữa để lấy nét tự động lại hoặc lấy nét tay (tr.52, 121).

Không thể sử dụng thẻ.

- Nếu thông báo lỗi thẻ hiển thị, tham khảo trang 39 hoặc 412.

Ảnh bị mất nét.

- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.47).
- Nhấn nút chụp nhẹ nhàng để tránh rung máy (tr.51-52).
- Nếu ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh, đặt công tắc IS thành <ON>.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể trở nên chậm. Bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập nhanh hơn (tr.160), đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.132), sử dụng flash (tr.176) hoặc chân máy.

Không thể khóa lấy nét và bố cục lại ảnh.

- Đặt thao tác lấy nét tự động thành lấy nét một lần. Không thể khóa lấy nét trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục hay khi servo hoạt động trong chế độ lấy nét tự động AI (tr.110).

Vân sọc hoặc răng cưa xuất hiện trên ảnh.

- Tùy thuộc vào chủ thể, hiệu ứng vân sọc hoặc răng cưa có thể bị ghi vào ảnh.
Điều này thường xảy ra trong một số trường hợp sau.
 - Chụp những mẫu hình đường kẻ ngang mảnh, đường lưới mảnh v.v...
 - Khi có nguồn sáng mạnh như ánh mặt trời hoặc đèn chiếu gần hoặc thẳng vào khu vực chụp.

Trong trường hợp này, có thể giảm răng cưa và vân sọc bằng cách thực hiện những biện pháp sau.

- Thay đổi kích thước chủ thể bằng cách đổi khoảng cách lấy nét hoặc zoom phóng đại.
- Bố cục lại ảnh để tránh nguồn sáng mạnh đi vào khu vực chụp.
- Sử dụng loa che nắng để ngăn ánh sáng mạnh chiếu vào ống kính.
- Nếu bạn sử dụng ống kính TS-E và thao tác nghiêng hoặc dịch chuyển, răng cưa hoặc vân sọc có thể bị ghi vào ảnh.

Xuất hiện đường sọc ngang hoặc phơi sáng hay tông màu bất thường.

- Đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi chụp với khung ngắm hoặc chụp Live View. Phơi sáng hoặc tông màu cũng có thể không chính xác. Đặt tốc độ màn trập chậm có thể giải quyết được vấn đề.

Tốc độ chụp liên tục chậm.

- Tùy thuộc vào loại ống kính, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, v.v..., tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn.
- Nếu đặt [**3: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] thành [**Enable (Bật)**] và chụp dưới ánh sáng nhấp nháy, tốc độ chụp liên tục có thể sẽ chậm hơn, hoặc khoảng chụp liên tục có thể không đồng đều. Ngoài ra, thời gian trễ cho đến khi nhấn nút chụp có thể sẽ lâu hơn một chút so với bình thường (tr.154).
- Nếu đặt [**Distortion (Méo hình)**] thành [**Enable (Bật)**], tốc độ chụp liên tục sẽ giảm (tr.151).

Số ảnh chụp liên tục tối đa giảm dần.

- Nếu bạn chụp vật thể có chi tiết nhỏ chẳng hạn như bãi cỏ, kích thước tập tin sẽ lớn hơn và số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế có thể thấp hơn số lượng ảnh đề cập ở trang 127.

Không thể đặt ISO 100.

- Trong [**4: Custom Functions (C.Fn) (Tính năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể thiết lập ISO 100. Nếu đặt [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập ISO 100 (tr.357). Chức năng này cũng có hiệu lực khi quay phim (tr.240).

Không thể đặt tốc độ ISO [H] (ISO 25600).

- Trong [**4: Custom Functions (C.Fn) (Tính năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể thiết lập tốc độ ISO [H] (tương đương ISO 25600) ngay cả khi [**2: ISO expansion (Mở rộng ISO)**] được đặt thành [**1: On (Bật)**]. Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập [H] (tr.357).

Không thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng.

- Trong [**F4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể sử dụng Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Nếu đặt thành [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.357).

Mặc dù đã giảm bù trừ phơi sáng, nhưng ảnh vẫn quá sáng.

- Đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] thành [**Disable (Tắt)**]. Khi đặt thành [**Low (Thấp)**], [**Standard (Tiêu chuẩn)**] hoặc [**High (Cao)**], cho dù bạn đã giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash, ảnh vẫn có thể quá sáng (tr.146).

Khi sử dụng chế độ <Av> với flash, tốc độ màn trập bị giảm.

- Nếu bạn chụp vào ban đêm khi hậu cảnh tối, tốc độ màn trập sẽ tự động giảm xuống (chụp đồng bộ chậm) để cả chủ thể và hậu cảnh đều được phơi sáng chuẩn. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [**1: Flash control (Điều khiển flash)**], đặt [**Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**] (tr.184).


Đèn flash tích hợp tự động nâng lên.

- Ở các chế độ chụp (<A+> <CA> <P> <M> <S>) có thiết lập mặc định là <A> (Flash tự động), đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên khi cần.
- Ở các chế độ và <S>, khi nhấn nửa chừng nút chụp trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp có thể tự động nâng lên và phát ra tia giúp lấy nét.

Đèn flash tích hợp không đánh sáng.

- Nếu bạn sử dụng đèn flash tích hợp quá thường xuyên trong một khoảng thời gian ngắn, flash có thể sẽ dừng đánh sáng trong một lúc để bảo vệ thiết bị phát sáng.


Đèn flash ngoài luôn đánh sáng với công suất tối đa.

- Nếu sử dụng thiết bị flash không phải đèn Speedlite sê-ri EX, flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.182).
- Trong [ **1: Flash control (Điều khiển flash)**], nếu đặt [**Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)**] trong [**External flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)**] thành [**TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)**] (flash tự động), flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.189).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash cho đèn Speedlite gắn ngoài.

- Nếu đặt bù trừ phơi sáng flash trên đèn Speedlite gắn ngoài, bạn sẽ không thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh. Khi hủy bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite gắn ngoài (đặt thành 0), bạn có thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh.

Không thể đặt đồng bộ tốc độ cao ở chế độ <Av>.

- Trong [ **1: Flash control (Điều khiển flash)**], đặt [**Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**Auto (Tự động)**] (tr.184).



Máy ảnh phát ra tiếng động nhỏ khi bị rung.

- Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ khi các bộ phận bên trong máy chuyển động nhẹ.

Màn trập tạo ra hai âm thanh chụp khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần cho mỗi lần chụp (tr.205).

Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, biểu tượng < > màu trắng hoặc < > màu đỏ xuất hiện.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng < > màu trắng hiển thị, chất lượng ảnh có thể xấu đi. Nếu biểu tượng < > màu đỏ hiển thị, chụp Live View hoặc quay phim sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.232, 270).

Quay phim tự dừng lại.

- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm, quay phim có thể tự động dừng. Nên sử dụng thẻ SD Speed Class 6 “CLASS 6” hoặc nhanh hơn. Để tìm hiểu tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ, v.v...
- Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim.

Bạn không thể đặt tốc độ ISO cho quay phim.

- Ở các chế độ khác với <M>, tốc độ ISO được đặt tự động. Ở chế độ <M>, bạn có thể tùy ý đặt tốc độ ISO (tr.240).

Phơi sáng thay đổi trong khi quay phim.

- Nếu thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ trong khi quay phim, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.
- Zoom ống kính trong khi quay phim có thể dẫn đến các thay đổi phơi sáng cho dù khẩu độ lớn nhất của ống kính có thay đổi hay không. Do vậy, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.

Chủ thể bị méo trong khi quay phim.

- Nếu bạn di chuyển nhanh máy ảnh sang trái hoặc sang phải (di chuyển tốc độ cao) hoặc chụp chủ thể chuyển động, ảnh có thể bị méo.

Ảnh nhấp nháy hoặc đường sọc ngang xuất hiện trong khi quay phim.

- Nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do ánh đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi quay phim. Ngoài ra, các thay đổi của phơi sáng (độ sáng) hoặc tông màu cũng có thể được ghi lại. Ở chế độ <M>, tốc độ màn trập chậm có thể giảm thiểu các trục trặc này.

Wi-Fi

Không thể sử dụng Wi-Fi.

- Nếu máy ảnh kết nối với máy tính, máy in, bộ thu GPS, TV hoặc thiết bị khác qua cáp, không thể sử dụng Wi-Fi ([**▼1: Wi-Fi/NFC**] sẽ bị tô xám). Ngắt kết nối cáp trước khi thay đổi cài đặt.
- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC.

Vấn đề trực trực khi thao tác

Không thể thay đổi cài đặt với nút xoay < > hoặc < >.

- Gạt công tắc <LOCK▶> sang trái (nhả khóa, tr.55).
- Kiểm tra cài đặt của [**13: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] trong [**▼4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**] (tr.363).

Trong khi thao tác với màn hình cảm ứng, tiếng bíp đột nhiên phát ra nhỏ hơn.

- Lưu ý không dùng ngón tay che loa (tr.26).

Vấn đề trực trực về hiển thị

Màn hình LCD không bật hoặc tắt đột ngột.

- Nếu có bụi trên mặt nắp thị kính (tr.371), màn hình LCD không thể bật hoặc có thể tắt đột ngột do hoạt động không đúng của cảm biến tắt màn hình. Nếu điều này xảy ra, hãy loại bỏ bụi.
- Nếu màn hình LCD không bật khi lắp Thị kính kéo dài EP-EX15II (bán riêng) hoặc Bộ khuếch đại MG-Ef (bán riêng) vào khung ngắm, đặt [**▼2: LCD auto off (Tự động tắt LCD)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.289).

Màn hình menu hiển thị ít tab và tùy chọn hơn.

- Trong chế độ vùng cơ bản và chế độ quay phim, một số tab và tùy chọn menu nhất định sẽ không hiển thị. Đặt chế độ chụp thành chế độ vùng sáng tạo (tr.59).

Ký tự đầu tiên trong tên tập tin là dấu gạch dưới (“_”).

- Đặt không gian màu thành sRGB. Nếu đặt thành Adobe RGB, ký tự đầu tiên là dấu gạch dưới (tr.156).

Tên tập tin bắt đầu bằng “MVI_”.

- Đây là tập tin phim (tr.280).

Số thứ tự tập tin không bắt đầu từ 0001.

- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.280).

Ngày và giờ chụp hiển thị không chính xác.

- Kiểm tra để đảm bảo ngày và giờ được đặt chính xác (tr.44).
- Kiểm tra múi giờ và giờ mùa hè (tr.44).

Ngày và giờ không xuất hiện trong ảnh.

- Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh. Thay vào đó, ngày và giờ được ghi vào dữ liệu ảnh làm thông tin chụp. Bạn có thể in ngày và giờ vào ảnh bằng cách sử dụng ngày và giờ được ghi trong thông tin chụp (tr.343).

Khi [###] hiển thị.

- Nếu số lượng ảnh đã ghi trên thẻ vượt quá số lượng ảnh có thể hiển thị, [###] sẽ xuất hiện (tr.303).

Màn hình LCD không hiển thị ảnh rõ ràng.

- Nếu màn hình LCD bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau màn hình.
- Trong môi trường nhiệt độ thấp hoặc cao, màn hình LCD có thể hiển thị chậm hoặc trông đen hơn. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] không xuất hiện.

- [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] chỉ xuất hiện khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh. Nếu đặt mấu chống ghi của thẻ Eye-Fi đến vị trí LOCK (KHÓA), bạn sẽ không thể kiểm tra trạng thái kết nối của thẻ hoặc tắt truyền thẻ Eye-Fi (tr.372).

Vấn đề trực trực khi xem lại

Một phần ảnh nhấp nháy màu đen.

- Đây là cảnh báo vùng sáng (tr.328). Những khu vực dư sáng có vùng sáng bị cắt sẽ nhấp nháy.

Không thể xóa ảnh.

- Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể xóa ảnh (tr.320).

Không thể phát lại phim.

- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể phát lại trên máy ảnh.

Khi xem lại phim, đôi khi bạn có thể nghe thấy tiếng ồn thao tác của máy ảnh.

- Khi quay phim, tiếng động quay nút xoay hoặc ống kính có thể bị ghi lại. Bạn nên sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) (tr.268).

Phim có những đoạn dừng hình.

- Khi quay phim phơi sáng tự động, nếu có thay đổi đáng kể về mức phơi sáng, tiến trình ghi sẽ dừng ngay lập tức cho đến khi độ sáng ổn định. Trong trường hợp này, quay phim ở chế độ <M> (tr.239).

Không có hình ảnh trên TV.

- Kiểm tra để đảm bảo đầu cắm của cáp AV stereo hoặc cáp HDMI đã được cắm chặt vào ổ (tr.316-319).
- Đặt [**3: Video system (Hệ thống video)**] chính xác thành [**NTSC**] hoặc [**PAL**] (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).
- Nếu đặt [**1: Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với TV. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI hoặc cáp AV Stereo.

Có nhiều tập tin phim trong một lần quay phim.

- Nếu kích thước tập tin phim đạt đến 4 GB, một tập tin phim khác sẽ được tạo tự động (tr.249).


Đầu đọc thẻ không nhận thẻ.

- Tùy thuộc vào đầu đọc thẻ và hệ điều hành máy tính, thẻ SDXC có thể không được nhận diện đúng. Trong trường hợp này, kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp nối, rồi truyền ảnh đến máy tính bằng cách sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.432).




Không thể thay đổi cỡ ảnh. Không thể cắt ảnh.

- Không thể thay đổi cỡ hoặc cắt ảnh JPEG S3 và RAW (tr.333, tr.335).

Ô vuông màu đỏ hiển thị trên ảnh.



- [ 2: **AF point disp. (Hiển thị điểm AF)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.327).

Ô vuông màu đỏ không hiển thị trên ảnh.


- Ngay cả khi [ 2: **AF point display (Hiển thị điểm AF)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.327), ô màu đỏ không hiển thị trên các ảnh sau đây:
 - Ảnh chụp với Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu (tr.147)
 - Ảnh được ghi đã hiệu chỉnh méo hình (tr.151)
 - Ảnh chụp với <  > hoặc <  > trong chế độ < **SCN** >
 - Ảnh đã cắt (tr.335)
 - Ảnh đã sử dụng Hiệu ứng mắt cá sau khi chụp (tr.330)

Vấn đề trực trực về làm sạch cảm biến

Màn trập phát ra tiếng động trong khi làm sạch cảm biến.

- Nếu chọn [**Clean now**  (**Làm sạch ngay** )], màn trập sẽ phát ra tiếng động mà không chụp ảnh (tr.290).

Chức năng làm sạch cảm biến tự động không hoạt động.




- Nếu bạn liên tục xoay công tắc nguồn < **ON** > / < **OFF** > trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng <  > có thể không hiển thị (tr.42).

Vấn đề trực trực về in ảnh

Có ít hiệu ứng in hơn so với danh sách trong hướng dẫn sử dụng.


- Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in. Hướng dẫn sử dụng liệt kê tất cả các hiệu ứng in có sẵn (tr.342).

In trực tiếp không hoạt động.

- Không thể kết nối máy ảnh với máy in nếu đặt bất kỳ chế độ chụp hoặc chức năng nào sau đây. Hủy tất cả các cài đặt có liên quan, rồi kết nối lại máy ảnh với máy in bằng cáp nối.
 - <  > hoặc <  > trong chế độ <SCN>
 - Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu
 - Đặt [ 1: Wi-Fi/NFC] thành [Enable (Bật)]

Vấn đề trực trực khi kết nối với máy tính

Không thể tải ảnh vào máy tính.

- Cài đặt phần mềm EOS (đĩa CD-ROM EOS DIGITAL Solution Disk) vào máy tính (tr.432).
- Nếu đặt [ 1: Wi-Fi/NFC] thành [Enable (Bật)], không thể kết nối máy ảnh với máy tính. Đặt [Wi-Fi/NFC] thành [Disable (Tắt)], rồi kết nối lại máy ảnh với máy tính qua cáp nối.

Mã lỗi



Nếu máy ảnh gặp trục trặc, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Nguyên nhân và biện pháp giải quyết

| Mã | Thông báo lỗi và cách giải quyết |
|--|--|
| 01 | Kết nối giữa máy ảnh và ống kính gặp trục trặc. Làm sạch các điểm tiếp xúc của ống kính. |
| | → Lau tất cả tiếp xúc điện trên máy ảnh và ống kính, sử dụng ống kính của Canon, hoặc tháo và lắp lại pin (tr.25, 26, 38). |
| 02 | Không thể truy cập vào thẻ. Lắp lại/thay đổi thẻ hoặc định dạng thẻ bằng máy ảnh. |
| | → Tháo và lắp lại thẻ, thay thẻ hoặc định dạng thẻ (tr.39, 65). |
| 04 | Không thể lưu ảnh do thẻ đã đầy. Thay thẻ. |
| | → Thay thẻ, xóa ảnh không cần thiết hoặc định dạng thẻ (tr.39, 322, 65). |
| 05 | Đèn flash tích hợp không nâng lên. Tắt máy ảnh và bật lại. |
| | → Vận hành công tắc nguồn (tr.42). |
| 06 | Không thể làm sạch cảm biến. Tắt máy ảnh và bật lại. |
| | → Vận hành công tắc nguồn (tr.42). |
| 10, 20 30, 40 50, 60 70, 80 99 | Không thể chụp do lỗi. Tắt máy ảnh và bật lại hoặc lắp lại pin. |
| | → Vận hành công tắc nguồn, tháo và lắp lại pin hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.42, 38, 47). |

* Nếu không xử lý được trục trặc, ghi lại mã lỗi và liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Những điều cần chú ý khi thao tác: Ống kính STM (Ống kính bán kèm)

Ống kính bán kèm* sử dụng mô tơ bước để điều khiển ống kính lấy nét. Động cơ điều khiển ống kính lấy nét ngay cả khi zoom.

* EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM, EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM và EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM

1. Khi máy ảnh tắt

Động cơ không vận hành khi máy ảnh tắt hoặc khi máy ảnh bị tắt do chức năng tắt nguồn tự động. Do đó người dùng phải chú ý các điểm sau.

- Không thể lấy nét tay.
- Trong khi zoom, lấy nét có thể không chính xác.

2. Khi ống kính ở chế độ nghỉ

Nếu không hoạt động trong một khoảng thời gian, ống kính sẽ chuyển sang chế độ nghỉ để tiết kiệm năng lượng, chế độ này không phụ thuộc vào tự động tắt nguồn của máy ảnh. Bấm nửa chừng nút chụp để thoát chế độ nghỉ.

Trong chế độ nghỉ, động cơ sẽ không vận hành cả khi máy ảnh bật. Do đó người dùng phải chú ý các điểm sau.

- Không thể lấy nét tay.
- Trong khi zoom, lấy nét có thể không chính xác.

3. Trong khi khôi phục cài đặt ban đầu

Nếu máy ảnh được bật hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp để bật máy ảnh khi máy đang tắt do chức năng tự động tắt nguồn*¹, ống kính sẽ tiến hành khôi phục cài đặt ban đầu của ống kính lấy nét.

- Mặc dù ảnh trong khung ngắm bị mất nét trong quá trình khôi phục cài đặt ban đầu, đó không phải vấn đề trực tiếp.
- Đợi khoảng 1 giây*² cho đến khi quá trình khôi phục cài đặt ban đầu hoàn tất trước khi chụp.

*1: Có thể áp dụng trên các ống kính EF-S lens tương thích với máy ảnh SLR kỹ thuật số dưới đây:

EOS 7D Mark II, EOS 7D, EOS 70D, EOS 60D, EOS 60Da, EOS 50D, EOS 40D, EOS 30D, EOS 20D, EOS 20Da, EOS 600D, EOS 550D, EOS 500D, EOS 450D, EOS 1200D, EOS 1100D, EOS 1000D, EOS 400D DIGITAL, EOS 350D DIGITAL, EOS 300D DIGITAL

*2: Thời gian khôi phục cài đặt ban đầu thay đổi tùy theo ống kính máy ảnh sử dụng.

Thông số kỹ thuật

• Loại

| | |
|--------------------------|--|
| Loại: | Máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn AF/AE có flash tích hợp |
| Phương tiện ghi: | Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC* * Tương thích với thẻ UHS-I |
| Kích thước cảm biến ảnh: | Khoảng 22,3 x 14,9 mm |
| Ống kính tương thích: | Các ống kính EF Canon (bao gồm cả các ống kính EF-S) * Không bao gồm ống kính EF-M (Độ dài tiêu cự quy đổi tương đương định dạng phim 35 mm vào khoảng 1,6 lần độ dài tiêu cự trên ống kính) |
| Ngàm ống kính: | Ngàm Canon EF |

• Cảm biến ảnh

| | |
|------------------------|--|
| Loại: | Cảm biến CMOS |
| Số điểm ảnh hiệu dụng: | Khoảng 24,2 megapixel * Làm tròn đến 3 số sau dấu phẩy. |
| Tỷ lệ cỡ ảnh: | 3:2 |
| Tính năng xóa bụi: | Tự động/Bằng tay, Thêm dữ liệu xóa bụi |

• Hệ thống ghi

| | |
|-----------------------|---|
| Định dạng ghi: | Quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (DCF) 2.0 |
| Loại ảnh: | JPEG, RAW (Nguyên bản Canon 14 bit) Có thể ghi đồng thời ảnh RAW+JPEG cỡ lớn |
| Độ phân giải được ghi | L (Lớn) : 24 megapixel (6000 x 4000) M (Trung bình) : Khoảng 10,6 megapixel (3984 x 2656) S1 (Nhỏ 1) : Khoảng 5,9 megapixel (2976 x 1984) S2 (Nhỏ 2) : Khoảng 2,5 megapixel (1920 x 1280) S3 (Nhỏ 3) : Khoảng 350.000 pixel (720 x 480) RAW : 24 megapixel (6000 x 4000) |

| | |
|-------------------------|--|
| Tỷ lệ cỡ ảnh: | 3:2, 4:3, 16:9, 1:1 |
| Tạo/chọn thư mục: | Có thể |
| Đánh số thứ tự tập tin: | Kế tiếp, Tự động cài đặt lại, Cài đặt lại bằng tay |

• Xử lý ảnh trong khi chụp

| | |
|----------------------------|---|
| Kiểu ảnh: | Tự động, Tiêu chuẩn, Chân dung, Phong cảnh, Trung tính, Chân thực, Đơn sắc, Người dùng xác định 1 - 3 |
| Cơ bản+: | Chụp ảnh dựa trên môi trường, Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh |
| Chụp bổ sung kèm hiệu ứng: | Có thể (trong chế độ <CA>) |
| Cân bằng trắng: | Tự động, Đặt trước (Ánh sáng ban ngày, Bóng râm, Nhiều mây, Ánh đèn dây tóc, Đèn huỳnh quang trắng, Flash), Tùy chỉnh Có thể Hiệu chỉnh cân bằng trắng và Cân bằng trắng hỗn hợp * Có thể truyền thông tin nhiệt độ màu flash |

| | |
|---------------------------------|---|
| Giảm nhiễu: | Có thể áp dụng cho chụp phơi sáng lâu và chụp ở tốc độ ISO cao |
| Chỉnh độ sáng ảnh tự động: | Tự động tối ưu hóa ánh sáng |
| Ưu tiên tông màu sáng: | Được cung cấp |
| Chỉnh quang sai của ống kính: | Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh sắc sai, Hiệu chỉnh méo hình |
| • Khung ngắm | |
| Loại: | Lăng kính năm mặt ngang tầm mắt |
| Tầm bao phủ: | Chiều dọc/Chiều ngang khoảng 95% (với điểm đặt mắt khoảng 19 mm) * Trường ngắm dọc ở tỷ lệ cỡ ảnh 16:9 là khoảng 93%. |
| Phóng to: | Khoảng 0,82x (-1 m ⁻¹ với ống kính 50mm ở vô cực) |
| Điểm đặt mắt: | Khoảng 19 mm (từ trung tâm ống thị kính ở -1 m ⁻¹) |
| Điều chỉnh độ khúc xạ tích hợp: | Khoảng -3,0 - +1,0 m ⁻¹ (dpt) |
| Màn hình lấy nét: | Cố định, loại Precision Matte |
| Hiện thị khung lưới: | Có thể |
| Hiện thị cân bằng điện tử: | Có thể |
| Gương lật: | Loại trả về nhanh |
| Xem trước độ sâu trường ảnh: | Được cung cấp |
| • Lấy nét tự động | |
| Loại: | Đăng ký ảnh thứ cấp TTL, phát hiện hiệu số pha với cảm biến AF chuyên dụng |
| Điểm AF: | 19 điểm (điểm AF chữ thập: tối đa 19 điểm) * Với một vài ống kính, lấy nét chữ thập không khả dụng ở các điểm AF vùng ngoại vi. * Lấy nét chữ thập hoạt động ở f/2.8 với điểm AF trung tâm. (Ngoại trừ ống kính EF28-80mm f/2.8-4L USM và EF50mm f/2.5 Compact Macro.) |
| Phạm vi quét sáng lấy nét: | EV -0,5 - 18 (Điều kiện: điểm AF trung tâm nhạy với f/2.8, Lấy nét một lần, nhiệt độ phòng, ISO 100) |
| Thao tác lấy nét: | Lấy nét một lần, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Lấy nét tự động AI Lấy nét tay (MF) |
| Chế độ chọn vùng AF: | AF một điểm (Chọn bằng tay), AF theo vùng (Chọn vùng bằng tay), AF 19 điểm tự động chọn |
| Điều kiện tự động chọn điểm AF: | Điểm AF có thể tự động chọn trong chế độ lấy nét một lần, sử dụng thông tin màu tương đương tông màu da. |
| Tia giúp lấy nét: | Loạt tia sáng nhỏ phát ra từ flash tích hợp |

• Điều khiển phơi sáng

Chế độ đo sáng: Đo sáng toàn khẩu độ TTL 63 vùng với cảm biến đo sáng 7560-pixel RGB plus IR

- Đo sáng toàn khung ảnh (liên kết tới tất cả các điểm AF)
- Đo sáng từng phần (khoảng 6,0% của khung ngắm tại trung tâm)
- Đo sáng điểm (khoảng 3,5% của khung ngắm tại trung tâm)
- Đo sáng trung bình trung tâm

Phạm vi quét sáng đo sáng: EV 1 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Điều khiển phơi sáng: Phơi sáng tự động P (Tự động nhận cảnh thông minh, Flash tắt, Tự động sáng tạo, Chân dung, Phong cảnh, Cận cảnh, Thể thao, Chế độ cảnh đặc biệt (Trẻ em, Đồ ăn, Ảnh nền, Chân dung ban đêm, Chụp đêm cầm tay, Chính ngược sáng HDR), Chương trình), Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng chỉnh tay

Tốc độ ISO (chỉ số phơi sáng khuyến dùng): Chế độ vùng cơ bản*: ISO 100 - ISO 6400 đặt tự động
* Phong cảnh: ISO 100 - ISO 1600, <SCN> Chụp đêm cầm tay: ISO 100 - ISO 12800
Chế độ vùng sáng tạo: ISO 100 - ISO 12800 đặt bằng tay (mức tăng chẵn), ISO 100 - ISO 6400 đặt tự động, Tốc độ ISO tối đa có thể đặt cho ISO tự động hoặc Mở rộng ISO tới "H" (tương đương ISO 25600)

Bù trừ phơi sáng: Chính tay: ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
AEB: ± 2 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng (có thể kết hợp với bù phơi sáng bằng tay)

Khóa phơi sáng: Tự động: Áp dụng với lấy nét một lần và đo sáng toàn khung ảnh khi lấy được nét
Chính tay: Bằng nút khóa phơi sáng
Có thể

Chống nhấp nháy:

• Màn trập

Loại: Màn trập loại mặt phẳng tiêu cự, điều khiển điện tử
Tốc độ màn trập: 1/4000 giây đến 30 giây (Tổng phạm vi tốc độ màn trập. Phạm vi khả dụng thay đổi theo chế độ chụp.), Bulb, đồng bộ flash ở 1/200 giây

• Hệ thống kiểu chụp

Kiểu chụp: Chụp từng ảnh, Chụp liên tục, Chụp từng ảnh ngắt tiếng, Chụp liên tục ngắt tiếng, Hẹn giờ: 10 giây/điều khiển từ xa, 2 giây, 10 giây với chụp liên tục

Tốc độ chụp liên tục: Chụp liên tục: Tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây
Chụp liên tục ngắt tiếng: Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây

| | |
|--|--|
| Số ảnh chụp liên tục tối đa (Ước chừng): | JPEG Lớn/Đẹp: 180 (940) ảnh RAW: 7 (8) ảnh RAW+JPEG Lớn/Đẹp: 6 (6) ảnh * Số liệu dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (tỷ lệ cỡ ảnh 3:2, ISO 100 và Kiểu ảnh tiêu chuẩn) trên thẻ 8 GB. * Số liệu trong ngoặc đơn áp dụng cho thẻ nhớ 8 GB tương thích UHS-I dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon. |
|--|--|

• Flash

| | |
|-------------------------|---|
| Flash tích hợp: | Flash có thể thu lại, tự động nâng lên Chỉ số hướng dẫn: Khoảng 12/39,4 (ISO 100, tính bằng m/ft.) Tầm tác dụng của flash: Tương đương góc ngắm của ống kính 17mm Thời gian nạp khoảng 3 giây |
| Flash ngoài: | Đèn Speedlite sê-ri EX |
| Đo sáng flash: | Flash tự động E-TTL II |
| Bù trừ phơi sáng flash: | Trong khoảng ± 2 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng |
| Khóa phơi sáng flash: | Được cung cấp |
| Cổng cho máy tính: | Không |
| Điều khiển flash: | Thiết lập chức năng flash tích hợp, thiết lập chức năng đèn Speedlite gắn ngoài, thiết lập chức năng tùy chỉnh đèn Speedlite gắn ngoài Có thể điều khiển flash không dây qua truyền tín hiệu quang học |

• Chụp Live View

| | |
|----------------------------|--|
| Phương pháp lấy nét: | Hệ thống lấy nét lai CMOS AF III (Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng linh hoạt - đa điểm, Vùng linh hoạt - 1 điểm), Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 5x / 10x) |
| Thao tác AF: | Lấy nét một lần, Lấy nét Servo |
| Lấy nét liên tục: | Được cung cấp |
| Phạm vi quét sáng lấy nét: | EV 0 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100) |
| Chạm để chụp: | Được cung cấp |
| Chế độ đo sáng: | Đo sáng thời gian thực với cảm biến ảnh Đo sáng toàn khung ảnh (315 vùng), Đo sáng từng phần (khoảng 10% màn hình Live View), Đo sáng điểm (khoảng 2,7% màn hình Live View), Đo sáng trung bình trung tâm |
| Phạm vi quét sáng đo sáng: | EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100) |
| Bộ lọc sáng tạo: | Đen trắng hạt, Nét mềm, Hiệu ứng mắt cá, Hiệu ứng in đậm nghệ thuật, Hiệu ứng tranh màu nước, Hiệu ứng máy đồ chơi, Hiệu ứng thu nhỏ |
| Hiển thị khung lưới: | 2 loại |

• Quay phim

| | |
|--|---|
| Định dạng ghi: | MP4 |
| Phim: | MPEG-4 AVC/H.264 |
| Âm thanh: | Tỷ lệ bit (trung bình) có thể thay đổi AAC |
| Kích thước ghi và tốc độ khung hình: | Full HD (1920x1080) : 29,97p/25,00p/23,98p HD (1280x720) : 59,94p/50,00p/29,97p/25,00p VGA (640x480) : 29,97p/25,00p |
| Phương pháp nén: | Tiêu chuẩn/Nhẹ |
| Kích thước tập tin: | Full HD (29,97p/25,00p/23,98p) (Tiêu chuẩn) : Khoảng 216 MB/phút Full HD (29,97p/25,00p) (Nhẹ) : Khoảng 87 MB/phút HD (59,94p/50,00p) (Tiêu chuẩn) : Khoảng 187 MB/phút HD (29,97p/25,00p) (Nhẹ) : Khoảng 30 MB/phút VGA (29,97p/25,00p) (Tiêu chuẩn) : Khoảng 66 MB/phút VGA (29,97p/25,00p) (Nhẹ) : Khoảng 23 MB/phút Quay phim HDR : Khoảng 94MB/phút |
| Phương pháp lấy nét: | Tương tự lấy nét khi chụp Live View |
| Zoom số: | Khoảng 3x đến 10x |
| Lấy nét Servo phim: | Được cung cấp |
| Phạm vi quét sáng lấy nét: | EV 0 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100) |
| Chế độ đo sáng: | Đo sáng trung bình trung tâm và đo sáng toàn khung ảnh với cảm biến ảnh * Đặt tự động theo phương pháp lấy nét. |
| Phạm vi quét sáng đo sáng: | EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100) |
| Điều khiển phơi sáng: | Phơi sáng tự động P cho phim và phơi sáng chỉnh tay |
| Bù trừ phơi sáng: | Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng |
| Tốc độ ISO (chỉ số phơi sáng khuyến dùng): | Với quay phim phơi sáng tự động: ISO 100 - ISO 6400 được đặt tự động Với phơi sáng chỉnh tay: ISO 100 - ISO 6400 được đặt tự động/bằng tay, có thể mở rộng đến H (tương đương với ISO 12800) |
| Phim HDR: | Có thể |
| Phim có hiệu ứng thu nhỏ: | Có thể |
| Video quay nhanh: | Có thể đặt 2 giây/4 giây/8 giây |
| Ghi âm: | Micro stereo tích hợp Có cung cấp cổng micro stereo ngoài Có thể đặt mức ghi âm, bộ lọc gió đi kèm, bộ tiêu âm đi kèm |
| Hiện thị khung lưới: | 2 loại |
| Chụp ảnh trong khi quay phim: | Có thể |

• Màn hình LCD

| | |
|-------------------------------------|---|
| Loại: | Màn hình màu tinh thể lỏng TFT |
| Kích thước và số điểm ảnh màn hình: | Rộng, 7,7 cm (3,0 in.) (3:2) với khoảng 1,04 triệu điểm ảnh |
| Điều chỉnh độ sáng: | Chỉnh tay (7 mức) |
| Hiện thị cân bằng điện tử: | Có thể |
| Ngôn ngữ giao diện: | 25 |
| Công nghệ màn hình cảm ứng: | Cảm ứng điện dung |
| Hướng dẫn tính năng: | Có thể hiển thị |

• Phát lại

| | |
|-------------------------|---|
| Định dạng hiển thị ảnh: | Hiện thị từng ảnh (không có thông tin chụp), Hiện thị từng ảnh (có thông tin đơn giản), Hiện thị từng ảnh (Hiện thị thông tin chụp: Thông tin chi tiết, Ống kính/biểu đồ sắc độ, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Không gian màu/giảm nhiễu hạt, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính), Hiện thị bảng kê (4/9/36/100 ảnh) |
|-------------------------|---|

| | |
|------------------------|---|
| Độ phóng đại zoom: | Khoảng 1,5x - 10x |
| Cảnh báo dư sáng: | Khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy |
| Hiện thị điểm AF: | Được cung cấp |
| Phương pháp duyệt ảnh: | Một ảnh, nhảy 10 ảnh hoặc 100 ảnh, theo ngày chụp, theo thư mục, theo phim, theo ảnh, theo xếp hạng |
| Xoay ảnh: | Có thể |
| Xếp hạng: | Được cung cấp |
| Phát lại phim: | Có thể (Màn hình LCD, Ngõ ra tiếng/hình, ngõ ra HDMI) Loa tích hợp |
| Bảo vệ ảnh: | Có thể |
| Trình chiếu: | Tất cả ảnh, theo ngày tháng, theo thư mục, theo phim, theo ảnh, theo xếp hạng Có thể chọn 5 hiệu ứng chuyển tiếp |
| Nhạc nền: | Có thể chọn cho trình chiếu và phát lại phim |

• Xử lý hậu kỳ

| | |
|------------------|--|
| Bộ lọc sáng tạo: | Đen trắng hạt, Nét mềm, Hiệu ứng mắt cá, Hiệu ứng in đậm nghệ thuật, Hiệu ứng tranh màu nước, Hiệu ứng máy đồ chơi, Hiệu ứng thu nhỏ |
| Thay đổi cỡ ảnh: | Có thể |
| Cắt ảnh: | Có thể |

• In trực tiếp

| | |
|---------------------|--------------------------------|
| Máy in tương thích: | Máy in tương thích PictBridge |
| Ảnh có thể in: | Ảnh JPEG và RAW |
| Đặt lệnh in: | Tương thích DPOF phiên bản 1.1 |

• Chức năng tùy chỉnh

| | |
|-------------------------|------------------------|
| Chức năng tùy chỉnh: | 14 |
| Đăng ký Danh mục riêng: | Có thể |
| Thông tin bản quyền: | Có thể nhập và ghi kèm |

• Cáp nối

| | |
|---------------------------------|---|
| Ngõ ra tiếng/hình/Cổng digital: | Ngõ ra hình analog (tương thích với NTSC/PAL)/âm thanh stereo Tương đương USB tốc độ cao: Giao tiếp máy tính, In trực tiếp, Bộ thu GPS GP-E2, Trạm kết nối CS100 |
| Ngõ ra HDMI mini: | Loại C (tự động chuyển đổi độ phân giải), tương thích CEC |
| Ngõ vào micro ngoài: | Giắc cắm mini stereo đường kính 3,5 mm |
| Cổng kết nối điều khiển từ xa: | Dành cho Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3 |
| Điều khiển từ xa không dây: | Tương thích với Bộ điều khiển từ xa RC-6 |
| Thẻ Eye-Fi: | Tương thích |

• Thiết bị nguồn

| | |
|----------------------|--|
| Pin: | Pin LP-E17 (Số lượng 1) * Nguồn điện xoay chiều (AC) có thể sử dụng với các phụ kiện ổ điện gia đình. |
| Số ảnh có thể chụp: | Chụp với khung ngắm: Khoảng 440 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 400 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) Chụp Live View: Khoảng 180 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 150 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với pin LP-E17 sạc đầy. |
| Thời gian quay phim: | Khoảng 1 giờ 20 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) Khoảng 1 giờ ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với pin LP-E17 sạc đầy. |

• Kích thước và trọng lượng

| | |
|-------------------------|--|
| Kích thước (R x C x D): | Khoảng 131,9 x 100,9 x 77,8 mm / 5,20 x 3,98 x 3,07 in. |
| Trọng lượng: | Khoảng 565 g / 19,93 oz. (Theo chỉ dẫn của CIPA), Khoảng 520 g / 18,35 oz. (Chỉ riêng thân máy ảnh) |

• Môi trường vận hành

| | |
|----------------------------|---------------------------|
| Phạm vi nhiệt độ vận hành: | 0°C - 40°C / 32°F - 104°F |
| Độ ẩm vận hành: | 85% hoặc thấp hơn |

• Pin LP-E17

| | |
|----------------------------|---|
| Loại: | Pin lithium-ion có thể sạc lại |
| Điện áp định mức: | 7,2 V DC |
| Dung lượng pin: | 1040 mAh |
| Phạm vi nhiệt độ vận hành: | Trong khi sạc: 5°C - 40°C / 41°F - 104°F Trong khi chụp: 0°C - 40°C / 32°F - 104°F |
| Độ ẩm vận hành: | 85% hoặc thấp hơn |
| Kích thước (R x C x D): | Khoảng 33,0 x 14,0 x 49,4 mm / 1,30 x 0,55 x 1,94 in. |
| Trọng lượng: | Khoảng 45 g / 1,59 oz. (không bao gồm nắp bảo vệ) |

• Sạc pin LC-E17E

| | |
|----------------------------|--|
| Pin tương thích: | Pin LP-E17 |
| Thời gian sạc: | Khoảng 2 giờ (ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F)) |
| Đầu vào định mức: | 100 - 240 V AC (50/60 Hz) |
| Đầu ra định mức: | 8,4 V DC / 700 mA |
| Phạm vi nhiệt độ vận hành: | 5°C - 40°C / 41°F - 104°F |
| Độ ẩm vận hành: | 85% hoặc thấp hơn |
| Kích thước (R x C x D): | Khoảng 67,3 x 27,7 x 92,2 mm / 2,65 x 1,09 x 3,63 in. (không bao gồm dây nguồn) |
| Trọng lượng: | Khoảng 80 g / 2,82 oz. (không bao gồm dây nguồn) |

• EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM

| | |
|--------------------------------|---|
| Độ dài tiêu cự / Khẩu độ: | 18 mm-135 mm f/3.5-5.6 |
| Cấu trúc ống kính: | 16 thành phần chia thành 12 nhóm |
| Khẩu độ nhỏ nhất: | f/22 - 36 * f/22-38 khi đặt khẩu độ với mức tăng 1/2 điểm dừng. |
| Góc ngắm: | Khoảng rộng chéo: 74°20' - 11°30' Khoảng rộng dọc: 45°30' - 6°20' Khoảng rộng ngang: 64°30' - 9°30' |
| Khoảng cách lấy nét gần nhất: | 0,39 m / 1,28 ft. |
| Hệ số phóng đại tối đa: | 0,28x (ở tiêu cự 135 mm) |
| Trường ảnh: | Khoảng 248 x 372 - 53 x 80 mm / 9,76 x 14,65 - 2,09 x 3,15 in. (ở 0,39 m / 1,28 ft.) |
| Kích thước bộ lọc: | 67 mm |
| Đường kính x chiều dài tối đa: | Khoảng 76,6 x 96,0 mm / 3,02 x 3,78 in. |
| Trọng lượng: | Khoảng 480 g / 16,9 oz. |
| Loa che nắng: | EW-73B (bán riêng) |
| Nắp ống kính: | E-67 II |
| Túi đựng: | LP1116 (bán riêng) |

• **EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM**

| | |
|--------------------------------|---|
| Độ dài tiêu cự / Khẩu độ: | 18 mm-55 mm f/3.5-5.6 |
| Cấu trúc ống kính: | 13 thành phần chia thành 11 nhóm |
| Khẩu độ nhỏ nhất: | f/22 - 36 * f/22-38 khi đặt khẩu độ với mức tăng 1/2 điểm dừng. |
| Góc ngắm: | Khoảng rộng chéo: 74°20' - 27°50' Khoảng rộng dọc: 45°30' - 15°40' Khoảng rộng ngang: 64°30' - 23°20' |
| Khoảng cách lấy nét gần nhất: | 0,25 m / 0,82 ft. |
| Hệ số phóng đại tối đa: | 0,36x (ở tiêu cự 55 mm) |
| Trường ảnh: | Khoảng 129 x 199 - 42 x 63 mm / 5,08 x 7,83 - 1,65 x 2,48 in. (ở 0,25 m / 0,82 ft.) |
| Kích thước bộ lọc: | 58 mm |
| Đường kính x chiều dài tối đa: | Khoảng 69,0 x 75,2 mm / 2,72 x 2,96 in. |
| Trọng lượng: | Khoảng 205 g / 7,2 oz. |
| Loa che nắng: | EW-63C (bán riêng) |
| Nắp ống kính: | E-58 II |
| Túi đựng: | LP1016 (bán riêng) |

• **EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM**

| | |
|--------------------------------|--|
| Độ dài tiêu cự / Khẩu độ: | 55 mm-250 mm f/4-5.6 |
| Cấu trúc ống kính: | 15 thành phần chia thành 12 nhóm |
| Khẩu độ nhỏ nhất: | f/22 - 32 |
| Góc ngắm: | Khoảng rộng chéo: 27°50' - 6°15' Khoảng rộng dọc: 15°40' - 3°30' Khoảng rộng ngang: 23°20' - 5°20' |
| Khoảng cách lấy nét gần nhất: | 0,85 m / 2,79 ft. |
| Hệ số phóng đại tối đa: | 0.29x (ở tiêu cự 250 mm) |
| Trường ảnh: | Khoảng 197 x 296 - 52 x 78 mm / 7,76 x 11,69 - 2,05 x 3,07 in. (ở 0,85 m / 2,79 ft.) |
| Kích thước bộ lọc: | 58 mm |
| Đường kính x chiều dài tối đa: | Khoảng 70,0 x 111,2 mm / 2,76 x 4,38 in. |
| Trọng lượng: | Khoảng 375 g / 13,2 oz. |
| Loa che nắng: | ET-63 (bán riêng) |
| Nắp ống kính: | E-58 II |
| Túi đựng: | LP1019 (bán riêng) |

• EF-S18-200mm f/3.5-5.6 IS

Độ dài tiêu cự / Khẩu độ: 18 mm-200 mm f/3.5-5.6

Cấu trúc ống kính: 16 thành phần chia thành 12 nhóm

Khẩu độ nhỏ nhất: f/22 - 36

* f/22-38 khi đặt khẩu độ với mức tăng 1/2 điểm dừng.

Góc ngắm:

Khoảng rộng chéo: 74°20' - 7°50'

Khoảng rộng dọc: 45°30' - 4°20'

Khoảng rộng ngang: 64°30' - 6°30'

Khoảng cách lấy nét gần nhất:

0,45 m / 1,5 ft.

Hệ số phóng đại tối đa: 0.24x (ở tiêu cự 200 mm)

Trường ảnh: Khoảng 291 x 452 - 62 x 93 mm / 11,5 x 17,8 - 2,4 x 3,7 in.
(ở 0,45 m / 1,48 ft.)

Kích thước bộ lọc: 72 mm

Đường kính x chiều dài tối đa: Khoảng 78,6 x 102 mm / 3,1 x 4,0 in.

Trọng lượng: Khoảng 595 g / 21,0 oz.

Loa che nắng: EW-78D (bán riêng)

Nắp ống kính: E-72 II

Túi đựng: LP1116 (bán riêng)

- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và quy tắc của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Kích thước, đường kính tối đa, chiều dài và trọng lượng được liệt kê ở trên dựa trên Hướng dẫn của CIPA (ngoại trừ trọng lượng riêng của thân máy ảnh).
- Thông số kỹ thuật của sản phẩm và bề ngoài có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nếu có vấn đề xảy ra với ống kính không phải của Canon được lắp vào máy ảnh, vui lòng tham vấn nhà sản xuất ống kính.

Nhãn hiệu

- Adobe là nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Microsoft và Windows là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã được đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- Macintosh và Mac OS là nhãn hiệu đã được đăng ký của Apple Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- HDMI, logo HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu được đăng ký của HDMI Licensing LLC.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Giới thiệu về cấp phép MPEG-4

"This product is licensed under AT&T patents for the MPEG-4 standard and may be used for encoding MPEG-4 compliant video and/or decoding MPEG-4 compliant video that was encoded only (1) for a personal and non-commercial purpose or (2) by a video provider licensed under the AT&T patents to provide MPEG-4 compliant video. No license is granted or implied for any other use for MPEG-4 standard."

* Thông báo hiển thị bằng tiếng Anh như được yêu cầu.

Bạn nên sử dụng phụ kiện Canon chính hãng

Sản phẩm này được thiết kế để đạt hiệu quả tối ưu khi sử dụng với các phụ kiện chính hãng của Canon.

Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm này và/hoặc tai nạn, chẳng hạn như cháy, v.v... do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng Canon (ví dụ như rò rỉ và/hoặc nổ pin). Lưu ý rằng bảo hành không áp dụng đối với sửa chữa do trục trặc của phụ kiện không chính hãng Canon, tuy nhiên bạn có thể yêu cầu sửa chữa và phải thanh toán chi phí.


THẬN TRỌNG

CÓ NGUY CƠ CHÁY NỔ NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG. VỨT BỎ PIN ĐÃ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

15

Tải ảnh xuống máy tính

Chương này giải thích cách tải ảnh từ máy ảnh vào máy tính cá nhân, cung cấp thông tin tổng quan về phần mềm trong EOS DIGITAL Solution Disk (Đĩa giải pháp kỹ thuật số EOS) (CD-ROM) và hướng dẫn cách cài đặt phần mềm này trên máy tính cá nhân. Đồng thời giới thiệu cách xem hướng dẫn sử dụng phần mềm.

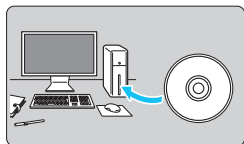


Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk
(Phần mềm/Hướng dẫn sử dụng phần mềm)

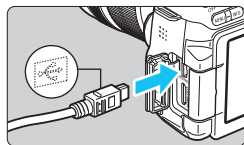
Tải ảnh xuống máy tính

Bạn có thể sử dụng phần mềm EOS để tải ảnh từ máy ảnh vào máy tính theo hai cách sau. theo hai cách sau.

Tải xuống bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính

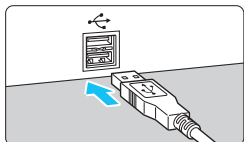


1 Cài đặt phần mềm (tr.433).



2 Sử dụng cáp nối đi kèm để kết nối máy ảnh với máy tính cá nhân.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Kết nối cáp với cổng digital của máy ảnh với biểu tượng $\leftarrow \rightarrow$ của chân cắm cáp hướng về phía trước máy ảnh.
- Kết nối đầu cắm của cáp với cổng USB của máy tính.



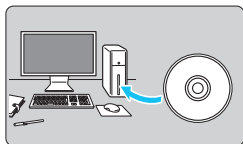
3 Sử dụng phần mềm EOS Utility để tải ảnh.

- Tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.434).

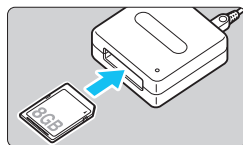
⚠ Nếu đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với máy tính. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với máy tính qua cáp nối.

Tải ảnh xuống bằng đầu đọc thẻ

Bạn cũng có thể dùng đầu đọc thẻ để tải ảnh xuống máy tính cá nhân.



1 Cài đặt phần mềm (tr.433).



2 Cắm thẻ vào đầu đọc thẻ.

3 Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional để tải ảnh.

- Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.434).



Khi tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính cá nhân bằng đầu đọc thẻ mà không dùng phần mềm EOS, hãy sao chép thư mục DCIM trên thẻ vào máy tính.

Giới thiệu về phần mềm



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk

Những phần mềm khác cho máy ảnh EOS DIGITAL chứa trong đĩa EOS DIGITAL Solution Disk.

EOS Utility

Với máy ảnh được kết nối với máy tính, phần mềm EOS Utility cho phép truyền ảnh chụp và phim quay từ máy ảnh tới máy tính. Bạn có thể sử dụng phần mềm này để thiết lập các cài đặt khác nhau của máy ảnh và chụp từ xa bằng máy tính được kết nối với máy ảnh. Ngoài ra, bạn có thể sao chép các bản nhạc nền, ví dụ: EOS Sample Music (Nhạc mẫu EOS)*, vào thẻ nhớ.

* Bạn có thể sử dụng nhạc nền trong khi xem lại album video quay nhanh, phim hoặc trình chiếu ảnh trên máy ảnh.

Digital Photo Professional

Phần mềm này dành cho người dùng thường xuyên chụp ảnh RAW. Bạn có thể xem, chỉnh sửa và in ảnh RAW và ảnh JPEG.

* Một vài chức năng sẽ khác nhau giữa phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 64-bit và phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 32-bit.

Picture Style Editor

Bạn có thể chỉnh sửa kiểu ảnh, tạo và lưu các tập tin kiểu ảnh. Phần mềm này dành cho người dùng chuyên nghiệp có kinh nghiệm về xử lý ảnh.

Cài đặt phần mềm



- **Không kết nối máy ảnh với máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Phần mềm sẽ không được cài đặt chính xác.**
- Nếu đã cài đặt phiên bản trước đó, thực hiện theo các bước bên dưới để cài đặt lại phần mềm. (Phiên bản mới hơn sẽ ghi đè lên phiên bản trước đó.)

1 Cho đĩa EOS DIGITAL Solution Disk vào máy tính.

- Trên máy Macintosh, nhấp đúp để mở biểu tượng CD-ROM hiển thị trên màn hình máy tính, rồi nhấp đúp vào [setup].

2 Nhấp vào [Easy Installation] và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt.

- Nếu màn hình yêu cầu cài đặt "Microsoft Silverlight" hiển thị, hãy cài đặt "Microsoft Silverlight".

3 Nhấp vào [Restart] và lấy đĩa CD-ROM ra sau khi máy tính khởi động lại.

- Sau khi máy tính khởi động lại, quá trình cài đặt sẽ hoàn tất.

Hướng dẫn sử dụng phần mềm



Hướng dẫn sử dụng phần mềm chứa trên đĩa EOS DIGITAL Solution Disk. Có thể sao chép hoặc xem hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF) như sau:

1 Cho đĩa EOS DIGITAL Solution Disk vào máy tính.

2 Đóng màn hình cài đặt.

- Khi màn hình cài đặt EOS DIGITAL Solution Disk xuất hiện, đóng màn hình cài đặt.

3 Mở biểu tượng CD-ROM.

4 Mở thư mục [Manual].

5 Sao chép thư mục [English] vào máy tính.

- Các tập tin PDF Hướng dẫn sử dụng có tên bên dưới sẽ được sao chép.

| | Windows | Macintosh |
|----------------------------|--------------|--------------|
| EOS Utility | EUx.xW_E_xx | EUx.xM_E_xx |
| Digital Photo Professional | DPPx.xW_E_xx | DPPx.xM_E_xx |
| Picture Style Editor | PSEx.xW_E_xx | PSEx.xM_E_xx |

6 Nhấp đúp vào tập tin PDF được sao chép.

- Bạn phải cài đặt Adobe Reader (nên dùng phiên bản mới nhất) trên máy tính.
- Bạn có thể tải miễn phí phần mềm Adobe Reader từ Internet.

Chỉ mục

Số

| | |
|-----------------|-----|
| 1280x720 | 247 |
| 1920x1080 | 247 |
| 640x480 | 247 |

A

| | |
|---------------------------------------|----------|
| Adobe RGB | 156 |
| AEB (Phơi sáng hỗn hợp tự động) | 170, 356 |

AF

| | |
|---------------------------|--------------|
| Bố cục lại ảnh | 79 |
| Chế độ chọn vùng AF | 114 |
| Chọn điểm AF | 116 |
| Chủ thể khó lấy nét | 120, 226 |
| Điểm AF | 114 |
| Lấy nét tay (MF) | 121 |
| Mất nét | 50, 120, 226 |
| Phương pháp AF | 220, 265 |
| Thao tác AF | 110, 218 |

| | |
|-------------------|-----|
| AF một điểm | 114 |
|-------------------|-----|

| | |
|--------------------|-----|
| AF theo vùng | 114 |
|--------------------|-----|

| | |
|-------------------------------------|-----|
| AI FOCUS (Lấy nét tự động AI) | 112 |
|-------------------------------------|-----|

AI SERVO (Lấy nét AI

| | |
|---------------------------------|---------|
| Servo - lấy nét liên tục) | 79, 112 |
|---------------------------------|---------|

| | |
|------------------------------|-----|
| Album video quay nhanh | 255 |
|------------------------------|-----|

Ảnh

| | |
|-------------------------------------|----------|
| Bảo vệ ảnh | 320 |
| Biểu đồ | 328 |
| Cảnh báo vùng sáng | 328 |
| Đánh số thứ tự tập tin | 279 |
| Hiển thị bảng kê | 296 |
| Hiển thị điểm AF | 327 |
| Hiển thị nhảy ảnh (duyet ảnh) | 297 |
| Thời gian xem lại ảnh | 275 |
| Thông tin chụp | 324 |
| Trình chiếu | 312 |
| Truyền | 372 |
| Tự động phát | 312 |
| Xem | 295 |
| Xem phóng to | 298 |
| Xem trên TV | 306, 316 |

| | |
|----------------|-----|
| Xếp hạng | 302 |
|----------------|-----|

| | |
|-----------|-----|
| Xóa | 322 |
|-----------|-----|

| | |
|-------------------------|-----|
| Xoay ảnh bằng tay | 301 |
|-------------------------|-----|

| | |
|--------------------|-----|
| Xoay tự động | 283 |
|--------------------|-----|

| | |
|---------------------|---------------|
| Ảnh đen trắng | 100, 136, 139 |
|---------------------|---------------|

| | |
|---------------|----|
| Ảnh nền | 93 |
|---------------|----|

| | |
|--|-----|
| Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) | 162 |
|--|-----|

| | |
|------------------------------------|-----|
| A/V OUT (Ngõ ra audio/video) | 319 |
|------------------------------------|-----|

Â

| | |
|--------------------------------|-----|
| Âm lượng (phát lại phim) | 309 |
|--------------------------------|-----|

B

| | |
|---------------------|----------|
| B/W (Đơn sắc) | 136, 139 |
|---------------------|----------|

| | |
|-----------------------------------|-----|
| Bảng các thiết lập mặc định | 285 |
|-----------------------------------|-----|

| | |
|-----------------------------|-----|
| Bảng cài đặt mặc định | 286 |
|-----------------------------|-----|

| | |
|---------------------------|--------|
| Bảng điều khiển LCD | 24, 29 |
|---------------------------|--------|

| | |
|----------------|---------|
| Bảng pin | 43, 381 |
|----------------|---------|

| | |
|-------------------|-----|
| Bão hòa màu | 138 |
|-------------------|-----|

| | |
|------------------|-----|
| Bảo vệ ảnh | 320 |
|------------------|-----|

| | |
|-----------------------------|-----|
| Biểu đồ (Độ sáng/RGB) | 328 |
|-----------------------------|-----|

| | |
|-----------------------|----------|
| Biểu tượng cảnh | 208, 238 |
|-----------------------|----------|

| | |
|------------------------------|---|
| Biểu tượng MENU | 8 |
|------------------------------|---|

| | |
|------------------------------------|---|
| Biểu tượng ☆ (Vùng sáng tạo) | 8 |
|------------------------------------|---|

| | |
|--|----|
| Bình thường (Chất lượng ghi ảnh) | 28 |
|--|----|

| | |
|-----------------------|-----|
| Bíp (Tiếng bíp) | 274 |
|-----------------------|-----|

| | |
|----------------------|-----|
| Bộ điều hợp AC | 369 |
|----------------------|-----|

| | |
|-----------------------|----------|
| Bộ lọc sáng tạo | 212, 330 |
|-----------------------|----------|

| | |
|-----------------------|-----|
| Bộ nối nguồn DC | 369 |
|-----------------------|-----|

| | |
|------------------|-----|
| Bộ tiêu âm | 268 |
|------------------|-----|

| | |
|------------------------|-----|
| Bù trừ phơi sáng | 169 |
|------------------------|-----|

| | |
|-----------------------------|-----|
| BULB (phơi sáng bulb) | 166 |
|-----------------------------|-----|

C

| | |
|------------------------------------|----|
| CA (Tự động sáng tạo) | 82 |
|------------------------------------|----|

| | |
|----------------------------|-----|
| Cài đặt lại bằng tay | 280 |
|----------------------------|-----|

| | |
|------------------------|----|
| Cân bằng điện tử | 70 |
|------------------------|----|

| | |
|----------------------|-----|
| Cân bằng trắng | 142 |
|----------------------|-----|

| | |
|--|----------------------------|
| Hiệu chỉnh | 144 |
| Hỗn hợp | 145 |
| Riêng | 143 |
| Tùy chỉnh | 142 |
| Cân bằng trắng tùy chỉnh | 143 |
| Cận cảnh | 88 |
| Cảnh báo an toàn | 20 |
| Cảnh báo nhiệt độ | 232, 270 |
| Cảnh báo vùng sáng | 328 |
| Cảnh đêm | 94, 95 |
| Cáp | 3, 316, 319, 338, 381, 430 |
| Cắt ảnh | 335 |
| Cấu hình ICC | 156 |
| Chạm | 62 |
| Chạm để chụp | 228 |
| Chân dung | 136 |
| Chất lượng ghi ảnh | 126 |
| Chế độ cảnh đặc biệt | 90 |
| Chế độ chụp | 31 |
| Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) | 162 |
| M (Phơi sáng chỉnh tay) | 165 |
| P (Phơi sáng tự động P) | 158 |
| Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập) | 160 |
| A+ (Tự động nhận cảnh thông minh) | 76 |
| CA (Tự động sáng tạo) | 82 |
| Flash tắt | 81 |
| (Chân dung) | 86 |
| (Phong cảnh) | 87 |
| (Thể thao) | 89 |
| (Trẻ em) | 91 |
| (Đồ ăn) | 92 |
| (Ảnh nền) | 93 |
| (Chân dung ban đêm) | 94 |
| (Chụp đêm cầm tay) | 95 |
| (Chỉnh ngược sáng HDR) | 96 |
| Chế độ đo sáng | 167 |
| Chế độ flash | 186, 188 |

| | |
|---|--------------|
| Chế độ vùng cơ bản | 31 |
| Chế độ vùng sáng tạo | 31 |
| Chọn điểm AF bằng tay | 116 |
| Chọn tự động lấy nét 19 điểm | 114 |
| Chức năng khả dụng theo chế độ chụp | 375 |
| Chức năng tùy chỉnh | 354 |
| Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh | 104 |
| Chụp ảnh dựa trên môi trường | 100 |
| Chụp bổ sung kèm hiệu ứng | 83 |
| Chụp chống kẻ sọc | 154 |
| Chụp điều khiển từ xa | 370 |
| Chụp flash không dây | 191 |
| Chụp liên tục | 122 |
| Chụp Live View | 80, 203 |
| Tỷ lệ cỡ ảnh | 130 |
| Điều khiển nhanh | 210 |
| Hẹn giờ đo sáng | 217 |
| Hiển thị thông tin | 206 |
| Hiển thị khung lưới | 216 |
| Khung mặt+Theo dõi | 220 |
| Lấy nét liên tục | 216 |
| MF (lấy nét tay) | 231 |
| Số ảnh có thể chụp | 205 |
| Thao tác AF | 218 |
| Vùng linh hoạt - 1 điểm | 224 |
| Vùng linh hoạt - đa điểm | 222 |
| Chụp macro | 88 |
| Chụp từng ảnh 85, 122, 376, 378, 380 | |
| Cổng Digital | 338, 430 |
| Công tắc chế độ lấy nét | 47, 121, 230 |
| Công tắc điều khiển từ xa | 371 |
| Cổng USB (digital) | 430 |
| D | |
| Danh mục riêng | 364 |
| Dấu xếp hạng | 302 |
| Dây đeo | 35 |
| Dữ liệu xóa bụi | 291 |

D

| | |
|---|---------------|
| Đèn báo lấy nét..... | 76 |
| Đen trắng hạt..... | 214, 331 |
| Đẹp (chất lượng ghi ảnh)..... | 28 |
| Điểm lấy nét (điểm AF)..... | 114 |
| Điều khiển nhanh..... | 246, 304 |
| Đồ ăn..... | 92 |
| Độ nhạy sáng → Tốc độ ISO | |
| Độ phân giải..... | 126 |
| Độ phân giải cao (Full HD)..... | 235, 306, 316 |
| Độ sắc nét..... | 138 |
| Độ sáng (độ phơi sáng)..... | 169 |
| Bù trừ phơi sáng..... | 169 |
| Khóa phơi sáng..... | 172 |
| Phơi sáng hỗn hợp tự động (AEB)..... | 170, 356 |
| Phương pháp đo (chế độ đo sáng)..... | 167 |
| Đo sáng điểm..... | 167 |
| Đo sáng toàn khung ảnh..... | 167 |
| Đo sáng trung bình trung tâm..... | 168 |
| Đo sáng từng phần..... | 167 |
| Độ tương phản..... | 138 |
| Đơn sắc..... | 100, 136 |
| Đồng bộ màn trập 1..... | 188 |
| Đồng bộ màn trập 2..... | 188 |
| Đuôi tập tin..... | 280 |

F

| | |
|---|----------|
| FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash).... | 187 |
| Flash | |
| Bù trừ phơi sáng flash..... | 178 |
| Chức năng tùy chỉnh..... | 189 |
| Đèn flash tích hợp..... | 176 |
| Điều khiển flash..... | 183 |
| Đồng bộ màn trập (Màn trập 1/2)..... | 188 |
| Flash chỉnh tay..... | 188, 202 |

| | |
|---------------------------|------------|
| Flash tắt..... | 81, 85, 99 |
| Không dây..... | 188 |
| Phạm vi hiệu quả..... | 176 |
| Tốc độ đồng bộ flash..... | 182 |

G

| | |
|--------------------------------------|-----|
| Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.... | 147 |
| Giải quyết vấn đề trực trực..... | 398 |
| Giảm mắt đỏ..... | 177 |
| Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu..... | 148 |
| Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao..... | 147 |
| Giờ mùa hè..... | 45 |
| Góc ngắm..... | 48 |

H

| | |
|---|---------------|
| HD..... | 306, 316 |
| HDMI..... | 306, 316 |
| HDMI CEC..... | 317 |
| Hệ thống video..... | 247, 316, 392 |
| Hẹn giờ..... | 124 |
| Hẹn giờ 10 giây hoặc 2 giây..... | 124 |
| Hẹn giờ đo sáng..... | 267 |
| Hiển thị bảng kê..... | 296 |
| Hiển thị nhảy ảnh..... | 297 |
| Hiển thị thông tin chụp..... | 324 |
| Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi..... | 150 |
| Hiệu chỉnh sắc sai..... | 151 |
| Hiệu ứng bộ lọc..... | 139, 330 |
| Hiệu ứng in đậm nghệ thuật..... | 214, 332 |
| Hiệu ứng mắt cá..... | 214, 332 |
| Hiệu ứng máy đồ chơi..... | 215, 332 |
| Hiệu ứng thu nhỏ..... | 215, 332 |
| Hiệu ứng tổng màu (đơn sắc)..... | 139 |
| Hiệu ứng tranh màu nước..... | 214, 332 |
| Hốc gắn chân máy..... | 27 |
| Hướng dẫn tính năng..... | 73 |

I

| | |
|-------------------------|-----|
| In | |
| Cài đặt giấy | 340 |
| Cắt ảnh | 345 |
| Chỉnh nghiêng ảnh | 345 |
| Hiệu ứng in | 342 |
| Lập sách ảnh | 351 |
| Lệnh in (DPOF) | 347 |
| Trình bày ảnh | 341 |
| In ảnh | 337 |
| In trực tiếp | 338 |

J

| | |
|------------|-----|
| JPEG | 127 |
|------------|-----|

K

| | |
|--|---------------|
| Kéo | 63 |
| Khóa đa chức năng | 55 |
| Khóa gương lật | 173, 360 |
| Khóa lấy nét | 79 |
| Khóa phơi sáng | 172 |
| Khóa phơi sáng flash | 179 |
| Không gian màu (phạm vi tái tạo màu) | 156 |
| Khung AF theo vùng | 30 |
| Khung lưới | 216, 267 |
| Khung ngắm | 30 |
| Cân bằng điện tử | 70 |
| Điều chỉnh độ khúc xạ | 51 |
| Hiển thị khung lưới | 69 |
| Nhận diện nhấp nháy | 72 |
| Kích thước tập tin | 127, 249, 325 |
| Kiểm tra pin | 43 |
| Kiểu ảnh | 135, 137, 140 |
| Kiểu chụp | 28, 85, 122 |

L

| | |
|-------------------------------|-----|
| Làm mờ hậu cảnh | 84 |
| Làm sạch (cảm biến ảnh) | 290 |
| Làm sạch cảm biến | 293 |

| | |
|--------------------------------|----------|
| Lập sách ảnh | 351 |
| Lấy nét → AF | |
| Lấy nét chữ thập | 119 |
| Lấy nét Servo | 219 |
| Lấy nét tự động | |
| Tia giúp lấy nét | 358 |
| Lấy nét tự động (AF) | 110, 218 |
| Loa | 308 |
| Lọc gió | 268 |
| Lớn (chất lượng ghi ảnh) | 28, 333 |

M

| | |
|-----------------------------------|-----------------|
| M (Phơi sáng chỉnh tay) | 165 |
| Mã lỗi | 412 |
| Màn hình cảm ứng | 27, 62, 299 |
| Màn hình LCD | 24, 41 |
| Bảng điều khiển LCD | 24, 29 |
| Cân bằng điện tử | 70 |
| Điều chỉnh độ sáng | 276 |
| Hiển thị menu | 59, 383 |
| Màu màn hình | 289 |
| Thiết lập chức năng | |
| chụp | 28, 56, 67, 367 |
| Xem ảnh | 107, 295 |
| Máy ảnh | |
| Giữ máy ảnh | 51 |
| Hiển thị cài đặt | 366 |
| Rung máy | 173 |
| Xóa cài đặt máy ảnh | 284 |
| Menu | |
| Danh mục riêng | 364 |
| Quy trình thiết lập | 60 |
| Thiết lập | 383 |
| MF (lấy nét tay) | 230 |
| Micro | 236 |
| Mô phỏng hình ảnh cuối cùng | 209, 243 |
| MỘT LẦN (lấy nét một lần) .. | 111, 219 |
| Mức tăng phơi sáng | 356 |
| Mùi giờ | 44 |

N

| | |
|------------------------------------|----------|
| Nắp thị kính..... | 35, 371 |
| Nâu đỏ (đơn sắc)..... | 100, 139 |
| Nét mềm..... | 214, 331 |
| Ngàm gắn..... | 26, 181 |
| Ngăn bụi ảnh..... | 290 |
| Ngày/Giờ..... | 44 |
| Ngôn ngữ giao diện..... | 46 |
| Nguồn | |
| Hiệu suất sạc..... | 368 |
| Kiểm tra pin..... | 43 |
| Ổ điện gia đình..... | 369 |
| Sạc..... | 36, 43 |
| Số ảnh có thể chụp..... | 127 |
| Thông tin pin..... | 368 |
| Tự động tắt nguồn..... | 275 |
| Nhả màn trập khi không lắp thẻ.... | 274 |
| Nhạc nền..... | 315 |
| Nhận diện nhấp nháy..... | 30 |
| Nhấn hoàn toàn..... | 52 |
| Nhấn nửa chừng..... | 52 |
| Nhấp nháy liên tục..... | 328 |
| Nhiệt độ màu..... | 142 |
| Nhỏ (chất lượng ghi ảnh)..... | 28 |
| NTSC..... | 247, 392 |
| Nút chụp..... | 52 |
| Nút INFO..... | 107, 366 |
| Nút xoay chế độ..... | 31 |
| Nút xoay chính..... | 53 |
| Nút xoay điều khiển nhanh..... | 54 |

Ô

| | |
|--------------------------|------------|
| Ổ điện gia đình..... | 369 |
| Ống kính..... | 25, 32, 47 |
| Hiệu chỉnh ánh sáng | |
| vùng ngoại vi..... | 150 |
| Hiệu chỉnh méo hình..... | 151 |
| Hiệu chỉnh | |
| sắc sai..... | 151 |


| | |
|----------------------|----|
| Nhả khóa..... | 48 |
| Ổ định hình ảnh..... | 50 |

P

| | |
|------------------------------------|----------|
| P (Phơi sáng tự động P)..... | 158 |
| PAL..... | 247, 392 |
| Phần mềm..... | 432 |
| Phát ra tiếng bíp khi chạm..... | 63 |
| Phát sáng (bảng điều khiển LCD) .. | 55 |
| Phiên bản firmware..... | 393 |
| Phim..... | 235 |
| Album video quay nhanh..... | 255 |
| Bộ tiêu âm..... | 268 |
| Chỉnh sửa..... | 310 |
| Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và | |
| cuối cùng..... | 310 |
| Chụp ảnh trong khi quay phim . | 244 |
| Điều khiển nhanh..... | 246 |
| Ghi âm..... | 268 |
| Hẹn giờ đo sáng..... | 267 |
| Hiển thị thông tin..... | 241 |
| khóa phơi sáng..... | 172 |
| Khung lưới..... | 267 |
| Kích thước ghi..... | 247 |
| Kích thước ghi phim..... | 247 |
| Kích thước tập tin..... | 249 |
| Lấy nét Servo phim..... | 265 |
| Lấy nét tay..... | 236 |
| Lọc gió..... | 268 |
| Phát lại..... | 308 |
| Phim với hiệu ứng thu nhỏ..... | 253 |
| Phơi sáng tự động..... | 236 |
| Phương pháp AF..... | 246, 265 |
| Quay phim HDR..... | 251 |
| Quay phim phơi sáng chỉnh tay | 239 |
| Thời gian ghi..... | 249 |
| Thường thức phim..... | 306 |
| Tốc độ khung hình..... | 247 |
| Video quay nhanh..... | 255 |
| Xem trên TV..... | 306, 316 |
| Zoom số khi quay phim..... | 250 |
| Phim độ phân giải cao (HD)..... | 306, 316 |

| | |
|---------------------------------|------------|
| Phím với hiệu ứng thu nhỏ | 253 |
| Phơi sáng chỉnh tay | 239 |
| Phơi sáng lâu..... | 166 |
| Thay đổi chương trình | 159 |
| Phong cảnh..... | 136 |
| Phóng to | 230, 298 |
| Phụ kiện..... | 3 |
| PictBridge | 337 |
| Pin..... | 36, 38, 43 |

Q

| | |
|---|------------------|
|  (Điều khiển nhanh)..... | 57, 98, 246, 304 |
| Quay phim HDR..... | 251 |

R

| | |
|----------------|--------------|
| RAW | 28, 127, 129 |
| RAW+JPEG | 28, 129 |
| Rung máy | 51 |

S

| | |
|---------------------------------|----------|
| Sạc..... | 368 |
| Thẻ SD, SDHC, SDXC → Thẻ | |
| Số ảnh chụp liên tục tối đa ... | 127, 128 |
| Số ảnh có thể chụp..... | 43 |
| Sơ đồ hệ thống | 381 |
| sRGB | 156 |

T

| | |
|--------------------------|------------|
| Tài ảnh | 430 |
| Tạo/chọn thư mục..... | 277 |
| Tên bộ phận..... | 26 |
| Thay đổi cỡ ảnh..... | 333 |
| Thẻ..... | 24, 39, 65 |
| Định dạng | 65 |
| Định dạng mức thấp..... | 66 |
| Hướng dẫn giải quyết vấn | |
| đề trực trực | 40, 66 |
| Mẫu chống ghi..... | 39 |
| Trình nhắc thẻ..... | 274 |

| | |
|---|-------------|
| Thẻ Eye-Fi..... | 372 |
| Thẻ nhớ | |
| Tốc độ SD..... | 5 |
| Thiết bị flash không phải của | |
| Canon..... | 182 |
| Thiết lập chức năng chụp..... | 28, 367 |
| Thời gian xem lại ảnh..... | 275 |
| Thông số kỹ thuật..... | 414 |
| Thông tin bản quyền | 281 |
| Thông tin chi tiết..... | 325 |
| Tiếp điểm kết nối đèn flash ngoài... 26 | |
| Tốc độ ISO | 132 |
| Mở rộng ISO | 356 |
| Thiết lập tự động (Tự động)..... | 134 |
| Tốc độ ISO tối đa với ISO tự | |
| động..... | 133 |
| Tốc độ khung hình..... | 247 |
| Tông màu | 92, 93, 138 |
| Trẻ em..... | 91 |
| Trình chiếu..... | 312 |
| Trung bình (Chất lượng ghi ảnh).... | 28 |
| Tự động cài đặt lại | 280 |
| Tự động chọn điểm AF | 114, 118 |
| Tự động nhận cảnh thông minh | 76 |
| Tự động phát..... | 312 |
| Tự động sáng tạo | 82 |
| Tự động tắt nguồn..... | 42, 275 |
| Tự động tối ưu hoá ánh sáng..... | 146 |
| Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên | |
| tốc độ màn trập) | 160 |
| Tỷ lệ cỡ ảnh | 130 |

U

| | |
|----------------------------|-----|
| Ưu tiên tông màu sáng..... | 357 |
|----------------------------|-----|

V

| | |
|------------------------|-----|
| Vành đỡ mắt..... | 371 |
| Video quay nhanh | 255 |

W

WB (cân bằng trắng)..... 142

Wi-Fi.....389

X

Xem.....295

Xem trên TV.....306, 316

Xem trước độ sâu trường ảnh 164

Xếp hạng.....302

Xóa ảnh.....322

Xoay

Nút xoay chế độ.....53

Xoay (ảnh)301, 345

Xoay tự động ảnh dọc.....283

Canon

Những mô tả trong Hướng dẫn sử dụng được cập nhật cho đến tháng 5 năm 2016. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích của máy ảnh với các sản phẩm ra mắt sau thời gian này, vui lòng liên hệ Trung tâm bảo hành của Canon. Để tìm hiểu hướng dẫn sử dụng phiên bản mới nhất, tham khảo trang web Canon.